

## Phụ lục I

### KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

TRƯỜNG THCS LÊ VĂN TÂM  
TỔ TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

(Năm học 2023 - 2024)

## I. MÔN TOÁN

### I.1. KHỐI 6

#### 1. Đặc điểm tình hình

1.1. Số lớp: 02; Số học sinh: 80.

1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 03; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 0; Đại học: 03; Trên đại học: 0

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: 03; Khá: 0; Đạt: 0; Chưa đạt: 0

#### 1.3. Thiết bị dạy học:

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy tính, máy chiếu	1	Tất cả bài học trong SGK	
2	Bảng phụ, bảng nhóm, phiếu học tập	2-4;6;6	Dùng cho các tiết dạy có sử dụng bảng phụ, bảng nhóm và phiếu học tập	
3	Thước kẻ, êke, compa, thước đo góc, thước có vạch chia, thước dây	1	Các bài chương IV, chương V, chương VIII	
4	Bộ thiết bị dạy học TK - XS	6	Các bài chương IX	
5	Máy tính cài phần mềm	$\geq 18$	Bài : Vẽ hình đơn giản với phần mềm Geogebra	

	Geogebra classic 5			
--	--------------------	--	--	--

#### 1.4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng tin	01	Thực hành phần mềm Geogebra	
2	Tại nhà	01	Kế hoạch chi tiêu cá nhân và gia đình	
3	Địa phương nơi HS cư trú; Câu lạc bộ TDTT nhà trường	01	Môn thể thao mà em yêu thích nhất trong hè.	

## 2. Kế hoạch dạy học

### 2.1. Phân phối chương trình

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
1	Số học	<b>Chương I. Tập hợp các số tự nhiên</b> <i>Bài 1. Tập hợp</i>	1 (1)	<p><b>Kiến thức:</b> Sau khi học xong bài này HS</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết: Một tập hợp và các phần tử của nó; Tập các số tự nhiên (<math>N</math>) và tập các số tự nhiên khác 0 (<math>N^*</math>)</li> <li>- Biết cách sử dụng các kí hiệu về tập hợp (<math>\in</math>, <math>\notin</math>)</li> <li>- Hiểu và trình bày được cách mô tả hay viết một tập hợp.</li> </ul> <p><b>Năng lực</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực đặc thù</li> <li>+ Sử dụng được các kí hiệu về tập hợp.</li> <li>+ Sử dụng được các cách mô tả (cách viết) một tập hợp.</li> <li>- Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.</li> </ul> <p><b>Phẩm chất:</b> HS có ý thức làm việc nhóm và hứng thú trong học tập, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo từ đó hình thành phẩm chất độc lập, tự tin và tự chủ trong việc học toán hình.</p>

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
	Số học	Bài 2. Cách ghi số tự nhiên	1 (2)	<p><b>Về kiến thức:</b> Học xong bài này, HS nhận biết được:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị các chữ số của một số tự nhiên viết trong hệ thập phân.</li> <li>- Biểu diễn mỗi số tự nhiên thành tổng giá trị các chữ số của nó.</li> <li>- Đọc và viết số La Mã từ 1 đến 30.</li> </ul> <p><b>Về năng lực:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực chung:</li> <li>+ Kỹ năng tự làm việc với sách; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng trình bày, diễn đạt.</li> <li>- Năng lực đặc thù (năng lực Toán học) được hình thành thông qua việc HS:</li> <li>+ Đọc và viết được số tự nhiên.</li> <li>+ Biểu diễn được số tự nhiên cho trước thành tổng giá trị các chữ số của nó.</li> <li>+ Đọc và viết được các số La Mã không quá 30</li> </ul> <p><b>Phẩm chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.</li> <li>- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.</li> <li>- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.</li> </ul>
	Số học	Bài 3. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên	1 (3)	<p><b>Về kiến thức:</b> Học xong bài này HS</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được tia số.</li> <li>- Nhận biết được thứ tự của các số tự nhiên và mối liên hệ với các điểm biểu diễn chúng trên tia số.</li> </ul> <p><b>Về năng lực:</b></p>

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				<p>- Năng lực đặc thù được hình thành thông qua việc HS:            + Biểu diễn được số tự nhiên cho trước trên tia số.            + So sánh được hai số tự nhiên nếu cho hai số viết trong hệ thập phân, hoặc cho điểm biểu diễn của hai số trên cùng một tia số.</p> <p>- Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học, tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.</p> <p><b>Về phẩm chất:</b></p> <p>- Phẩm chất: Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS</p>
	Hình	<p><b>Chương IV. Một số hình phẳng trong thực tiễn</b></p> <p><i>Bài 18. Hình tam giác đều. Hình vuông. Hình lục giác đều (Tiết 1)</i></p>	3 (4)	<p><b>Kiến thức:</b> Sau khi học xong bài này HS</p> <p>- Nhận dạng các hình trong bài.            - Mô tả một số yếu tố cơ bản của hình tam giác đều, hình vuông, hình lục giác đều( cạnh, góc, đường chéo).</p> <p><b>Năng lực</b></p> <p>- Năng lực riêng:            + Vẽ được hình tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập.            + Tạo lập được hình lục giác đều thông qua việc lắp ghép các hình tam giác đều.</p> <p>- Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.</p> <p><b>Phẩm chất:</b> Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS =&gt; độc lập,</p>

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				tự tin và tự chủ.
2	Số học	Bài 4. Phép cộng và phép trừ số tự nhiên	1 (5)	<p><b>Về kiến thức:</b> Sau khi học xong bài này HS</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được số hạng, tổng; số bị trừ, số trừ, hiệu.</li> <li>- Nhận biết được tính chất giao hoán và tính chất kết hợp của phép cộng.</li> </ul> <p><b>Về năng lực:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực đặc thù: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Áp dụng tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng để tính nhanh, tính hợp lý.</li> <li>+ Giải được một số bài toán có nội dung thực tiễn.</li> </ul> </li> <li>- Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.</li> </ul> <p><b>Về phẩm chất:</b> Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS =&gt; độc lập, tự tin và tự chủ.</p>
	Số học	Bài 5. Phép nhân và phép chia số tự nhiên	2 (6-7)	<p><b>Kiến thức:</b> Sau khi học xong bài này HS</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được thừa số, tích; số bị chia, số chia, số dư trong phép chia hết và phép chia có dư.</li> <li>- Nhận biết được tính chất giao hoán và tính chất kết hợp của phép nhân; tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng.</li> <li>- Nhận biết được khi nào trong một tích có thể không sử dụng dấu phép nhân giữa các thừa số</li> </ul>

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				<p><b>Năng lực</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.</li> <li>- Năng lực riêng: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sử dụng linh hoạt các kí hiệu của phép nhân (<math>a \times b</math>; <math>a.b</math>; <math>ab</math> tùy hoàn cảnh cụ thể).</li> <li>+ Tìm được tích của hai thừa số; tìm được thương và số dư (nếu có) của một phép chia.</li> <li>+ Vận dụng được các tính chất của phép nhân và phép cộng trong tính toán.</li> <li>+ Giải được một số bài toán có nội dung thực tiễn.</li> </ul> </li> </ul> <p><b>Phẩm chất:</b> Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo, độc lập, tự tin và tự chủ.</p>
	Hình	Bài 18. Hình tam giác đều. Hình vuông. Hình lục giác đều (Tiết 2)	3 (8)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận dạng các hình trong bài.</li> <li>- Mô tả một số yếu tố cơ bản của hình tam giác đều, hình vuông, hình lục giác đều.</li> <li>- Vẽ hình tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập.</li> <li>- Tạo lập được hình lục giác đều thông qua việc lắp ghép các</li> </ul>

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				hình tam giác đều.
3	Số học	Luyện tập chung	1 (9)	<b>Kiến thức:</b> - Củng cố và gắn kết các kiến thức từ bài 1 đến bài 5. <b>Năng lực</b> - Năng lực riêng: + Nâng cao kỹ năng giải toán + Gắn kết các kỹ năng bài học lại với nhau. - Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác. <b>Phẩm chất:</b> Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.
	Số học	Bài 6. Lũy thừa với số mũ tự nhiên	2 (10-11)	<b>Kiến thức:</b> - Nhận biết được biểu thức lũy thừa, cơ số, số mũ. - Nhận biết được hai quy tắc: nhân, chia hai lũy thừa cùng cơ số. - Nhân, chia hai lũy thừa cùng cơ số và số mũ tự nhiên <b>Năng lực</b> - Năng lực riêng: + Viết được các tích của những thừa số bằng nhau dưới dạng lũy thừa. + Tính được những lũy thừa có giá trị không quá lớn, đặc biệt tính thành thạo 11 số chính phương đầu tiên. (các lũy thừa bậc hai của 11 số đầu tiên). + Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với thực hiện phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên.

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				<p>- Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.</p> <p><b>Phẩm chất:</b> Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS =&gt; độc lập, tự tin và tự chủ.</p>
	Hình	<p><i>Bài 18.</i> Hình tam giác đều. Hình vuông. Hình lục giác đều (<b>Tiết 3</b>)</p>	<p>3 (12)</p>	<p>- Nhận dạng các hình trong bài.</p> <p>- Mô tả một số yếu tố cơ bản của hình tam giác đều, hình vuông, hình lục giác đều.</p> <p>- Vẽ hình tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập.</p> <p>- Tạo lập được hình lục giác đều thông qua việc lắp ghép các hình tam giác đều.</p>
4	Số học	<p><i>Bài 7.</i> Thứ tự thực hiện các phép tính</p>	<p>1 (13)</p>	<p><b>Về kiến thức:</b></p> <p>- Nhận biết thứ tự thực hiện các phép tính.</p> <p>- Tính giá trị của một biểu thức.</p> <p><b>Về năng lực:</b></p> <p>Năng lực đặc thù:</p> <p>+ Tính được giá trị biểu thức số, biểu thức chữ bằng cách vận dụng các quy tắc về thứ tự thực hiện các phép tính.</p> <p>+ Lập được biểu thức tính kết quả của một số bài toán thực tiễn quen thuộc.</p> <p>Năng lực chung:</p> <p>Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.</p>



Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				<b>Về phẩm chất:</b> Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi khám phá và sáng tạo cho học sinh.
	Số học	Luyện tập chung và ôn tập chương I	2 (14-15)	<b>Kiến thức:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng hợp, kết nối các kiến thức của nhiều bài học nhằm giúp HS ôn tập toàn bộ kiến thức của chương.</li> <li>- Giúp HS củng cố, khắc sâu những kiến thức đã học.</li> </ul> <b>Năng lực</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực riêng: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nâng cao các kĩ năng đã hoàn thành trước đó.</li> <li>+ Giúp HS trong việc giải và trình bày giải toán.</li> </ul> </li> <li>- Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.</li> </ul> <b>Phẩm chất:</b> Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.
	Hình	Bài 19. Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình bình hành. Hình thang cân ( <b>Tiết 1</b> )	3 (16)	<b>Kiến thức:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận dạng các hình trong bài.</li> <li>- Mô tả một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của chữ nhật, hình thoi, .</li> </ul> <b>Năng lực:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực riêng: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vẽ được hình chữ nhật, hình thoi.</li> </ul> </li> <li>- Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.</li> </ul> <b>Phẩm chất:</b> Bồi dưỡng trí tưởng tượng, hứng thú học tập, ý

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.
5	Số học	<b>Chương II. Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên</b> Bài 8. Quan hệ chia hết và tính chất	2 (17-18)	<b>Kiến thức:</b> Sau khi học xong bài này, học sinh sẽ: - Nhận biết được các tính chất chia hết của một tổng cho một số. <b>Năng lực</b> - NL chung: Giao tiếp và hợp tác: Trình bày được kết quả thảo luận của nhóm, biết chia sẻ giúp đỡ bạn thực hiện nhiệm vụ học tập, biết tranh luận và bảo vệ ý kiến của mình. - NL toán học: Tìm các ước và bội của một số tự nhiên; Tìm được các ước số và bội số nhỏ và dễ nhận biết như số chẵn, số chia hết cho 3, cho 5 hoặc cho 9; Nhận biết tính chất chia hết của một tổng cho một số. - Năng lực giao tiếp toán học: HS nghe hiểu, đọc hiểu, viết đúng kí hiệu : và $\nmid$ . <b>Phẩm chất:</b> - Chăm chỉ: Hoàn thành nhiệm vụ học tập mà giáo viên đưa ra. Có ý thức tìm tòi, khám phá và vận dụng sáng tạo kiến thức để giải quyết vấn đề thực tiễn. - Trung thực: Báo cáo chính xác kết quả hoạt động của nhóm. - Trách nhiệm: Có trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ được giao.
	Số học	Bài 9. Dấu hiệu chia hết (Tiết 1)	2 (19)	<b>Kiến thức:</b> Sau khi học xong bài này HS - Nhận biết được các dấu hiệu chia hết - Nhận biết được một số chia hết cho 2; 5

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				<b>Năng lực</b> - Năng lực đặc thù + Vận dụng được các dấu hiệu chia hết cho 2; 5 để xác định xem một số có chia hết cho 2; 5 hay không. - Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác. <b>Phẩm chất:</b> Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS. Từ đó HS có phẩm chất độc lập, tự tin và tự chủ.
	Hình	Bài 19. Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình bình hành. Hình thang cân ( <b>Tiết 2</b> )	3 (20)	<b>Kiến thức:</b> Sau khi học xong bài này, HS biết được - Nhận dạng các hình trong bài. - Mô tả một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) hình bình hành, <b>Năng lực:</b> - Năng lực đặc thù: Vẽ được hình bình hành - Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác. <b>Phẩm chất:</b> Bồi dưỡng trí tưởng tượng, hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.
6	Số học	Bài 9. Dấu hiệu chia hết ( <b>Tiết 2</b> )	2 (21)	<b>Kiến thức:</b> Sau khi học xong bài này HS - Nhận biết được các dấu hiệu chia hết - Nhận biết được một số chia hết cho 3 và 9. <b>Năng lực</b> - Năng lực đặc thù

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				<p>+ Vận dụng được các dấu hiệu chia hết cho 3 và 9 để xác định xem một số có chia hết cho 3 và 9 hay không.</p> <p>- Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.</p> <p><b>Phẩm chất:</b> Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS. Từ đó HS có phẩm chất độc lập, tự tin và tự chủ.</p>
	Số học	Bài 10. Số nguyên tố	2 (22-23)	<p><b>Về kiến thức:</b> Sau khi học xong bài này HS</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được các khái niệm về số nguyên tố, hợp số.</li> <li>- Phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 ra thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản.</li> </ul> <p><b>Về năng lực:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực đặc thù</li> </ul> <p>+ Nhận biết được một số nguyên tố, hợp số.</p> <p>+ Phân tích được một số tự nhiên lớn hơn 1 ra thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản.</p> <p>- Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.</p> <p><b>Phẩm chất:</b> Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS =&gt; độc lập, tự tin và tự chủ.</p>
	Hình	Bài 19. Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình bình hành. Hình thang cân ( <b>Tiết 3</b> )	3 (24)	<p><b>Kiến thức:</b> Sau khi học xong bài này, HS biết được</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận dạng các hình trong bài.</li> <li>- Mô tả một số yếu tố cơ bản hình thang cân.</li> </ul> <p><b>Năng lực:</b></p>

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực đặc thù</li> <li>+ Vẽ được hình thang cân.</li> <li>- Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.</li> </ul> <p><b>Phẩm chất:</b> Bồi dưỡng trí tưởng tượng, hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS =&gt; độc lập, tự tin và tự chủ.</p>
7	Số học	Luyện tập chung	1 (25)	<p><b>Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS củng cố , rèn luyện kỹ năng:</li> <li>+ Tìm các ước và bội.</li> <li>+ Vận dụng tính chất chia hết của một tổng.</li> <li>+ Vận dụng dấu hiệu chia hết cho 2; 5; 3; 9.</li> <li>+ Phân tích một số tự nhiên nhỏ thành tích các thừa số nguyên tố theo sơ đồ cây và sơ đồ cột.</li> </ul> <p><b>Năng lực</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực riêng:</li> <li>+ Nâng cao kỹ năng giải toán.</li> <li>+ Gắn kết các kỹ năng bài học lại với nhau.</li> <li>- Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.</li> </ul> <p><b>Phẩm chất:</b> Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS =&gt; độc lập, tự tin và tự chủ</p>
	Số học	Bài 11. Ước chung. Ước chung lớn nhất	2	<p><b>Kiến thức:</b> Sau khi học xong bài này HS</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được các khái niệm về ước chung, ước chung lớn</li> </ul>

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
			(26-27)	<p>nhất, phân số tối giản và cách tìm chúng.</p> <p><b>Năng lực</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực đặc thù: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Xác định được ước chung, ước chung lớn nhất của hai hoặc ba số tự nhiên đã cho.</li> <li>+ Rút gọn phân số về phân số tối giản.</li> </ul> </li> <li>- Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.</li> </ul> <p><b>Phẩm chất:</b> Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS =&gt; độc lập, tự tin và tự chủ.</p>
	Hình	<p><i>Bài 20.</i> Chu vi và diện tích của một số tứ giác đã học (<b>Tiết 1</b>)</p>	3 (28)	<p><b>Kiến thức:</b> Học xong bài này, HS nhận biết được</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết được công thức tính chu vi, diện tích của một số tứ giác đã học.</li> <li>- Cách tính chu vi, diện tích của một số tứ giác.</li> </ul> <p><b>Năng lực</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực riêng: được hình thành thông qua việc HS: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Viết được công thức tính chu vi, diện tích của một số tứ giác đã học</li> <li>+ Tính được chu vi, diện tích của một số tứ giác đã học.</li> <li>+ Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi, diện tích của một số tứ giác đã học.</li> </ul> </li> <li>- Năng lực chung: Kỹ năng tự làm việc với sách; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng trình bày, diễn đạt.</li> </ul>

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				<b>Phẩm chất:-</b> Bồi dưỡng trí tưởng tượng, hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS.
8	Số học	Bài 12. Bội chung. Bội chung nhỏ nhất	2 (29-30)	<b>Kiến thức:</b> Sau khi học xong bài này HS - Biết được các khái niệm về bội chung, bội chung nhỏ nhất, ứng dụng của bội chung nhỏ nhất để quy đồng mẫu các phân số. <b>Năng lực</b> - Năng lực đặc thù: Xác định được bội chung, bội chung nhỏ nhất của hai hoặc ba số tự nhiên đã cho. + Sử dụng BCNN để quy đồng mẫu số, cộng trừ các phân số. - Năng lực chung: Kỹ năng tự làm việc với sách; năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác. <b>Phẩm chất</b> Chăm chỉ, trách nhiệm, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.
	Số học	Luyện tập chung	1 (31)	<b>Kiến thức:</b> Học xong bài này HS củng cố, rèn luyện kỹ năng: - Phân tích một số ra thừa số nguyên tố. - Tìm ƯCLN và BCNN. - Vận dụng ƯCLN và BCNN trong một số bài toán thực tiễn. <b>Năng lực</b> - Năng lực chung: Kỹ năng tự làm việc với sách; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng trình bày, diễn đạt. - Năng lực đặc thù :được hình thành thông qua việc HS:

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				<p>+ Thông qua các ví dụ và bài tập, Hs được khắc sâu hơn việc thực hiện phân tích một số ra thừa số nguyên tố, khắc sâu hơn quy tắc tìm ƯCLN và BCNN, nắm được sự giống và khác nhau trong các bước tìm ƯCLN và BCNN. Qua đó hình thành năng lực tư duy, suy luận và tính toán.</p> <p>+ Học sinh thông qua hoạt động nhóm, hình thành năng lực hợp tác, giao tiếp toán học.</p> <p>+ Từ các ví dụ, bài tập liên quan đến các vấn đề thực tế, qua đó hình thành năng lực giải quyết vấn đề và năng lực mô hình hóa toán học.</p> <p><b>Phẩm chất</b></p> <p>- Thông qua quá trình tìm hiểu, suy luận tính toán, hình thành phẩm chất chăm chỉ.</p> <p>- Thông qua hoạt động nhóm, hình thành phẩm chất trách nhiệm, trung thực.</p>
	Hình	<p><i>Bài 20.</i> Chu vi và diện tích của một số tứ giác đã học (<b>Tiết 2</b>)</p>	<p>3 (32)</p>	<p><b>Kiến thức:</b> Học xong bài này, HS nhận biết được</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết được công thức tính chu vi, diện tích của một số tứ giác đã học.</li> <li>- Cách tính chu vi, diện tích của một số tứ giác.</li> </ul> <p><b>Năng lực</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực riêng: (năng lực Toán học) được hình thành thông qua việc HS: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Viết được công thức tính chu vi, diện tích của một số tứ giác đã học</li> <li>+ Tính được chu vi, diện tích của một số tứ giác đã học.</li> <li>+ Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi, diện tích của một số tứ giác đã học.</li> </ul> </li> </ul>



Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				<p>- Năng lực chung: Kỹ năng tự làm việc với sách; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng trình bày, diễn đạt.</p> <p><b>Phẩm chất:</b> Bồi dưỡng trí tưởng tượng, hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS.</p>
9	Số học	<p><b>Chương III. Số nguyên</b></p> <p><i>Bài 13. Tập hợp các số nguyên</i></p>	2 (33-34)	<p><b>Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được số nguyên dương (số dương), số nguyên âm (số âm) và ý nghĩa của chúng trong đời sống thực tế.</li> <li>- Nhận biết được tập hợp các số nguyên <math>\mathbb{Z}</math> và thứ tự trong <math>\mathbb{Z}</math>.</li> </ul> <p><b>Năng lực</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực đặc thù</li> <li>+ Đọc và viết được số nguyên dương và số nguyên âm.</li> <li>+ Biểu diễn được số nguyên không quá lớn trên trục số.</li> <li>+ So sánh được hai số nguyên cho trước</li> <li>- Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.</li> </ul> <p><b>Phẩm chất</b></p> <p>Tạo hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS. Từ đó HS độc lập, tự tin và tự chủ.</p>
	Số học	<i>Bài 14. Phép cộng và phép trừ số nguyên (Tiết 1)</i>	3 (35)	<p><b>Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy tắc cộng, trừ số nguyên, tính chất phép cộng, trừ số nguyên.</li> <li>- Một số bài toán thực tiễn liên quan đến phép cộng, trừ số</li> </ul>

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				<p>nguyên.</p> <p><b>Năng lực:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực đặc thù toán học:</li> <li>+ Vận dụng được các quy tắc cộng, trừ số nguyên trong tính toán.</li> <li>+ Vận dụng được các tính chất của phép cộng để tính nhẩm, tính hợp lí.</li> <li>+ Giải được một số bài toán liên quan đến cộng và trừ số nguyên có nội dung thực tiễn.</li> <li>- Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.</li> </ul> <p><b>Phẩm chất:</b> Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi khám phá và sáng tạo.</p>
	Hình	<p><i>Bài 20.</i> Chu vi và diện tích của một số tứ giác đã học (<b>Tiết 3</b>)</p>	<p>3 (36)</p>	<p><b>Kiến thức:</b> Học xong bài này, HS nhận biết được</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết được công thức tính chu vi, diện tích của một số tứ giác đã học.</li> <li>- Cách tính chu vi, diện tích của một số tứ giác.</li> </ul> <p><b>Năng lực</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực riêng: (năng lực Toán học) được hình thành thông qua việc HS:</li> <li>+ Viết được công thức tính chu vi, diện tích của một số tứ giác đã học</li> <li>+ Tính được chu vi, diện tích của một số tứ giác đã học.</li> <li>+ Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi, diện tích của một số tứ giác đã học.</li> </ul>

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				<p>- Năng lực chung: Kỹ năng tự làm việc với sách; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng trình bày, diễn đạt.</p> <p><b>Phẩm chất:</b> Bồi dưỡng trí tưởng tượng, hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS.</p>
10	Số học	Ôn tập chương II	1 (37)	<p><b>Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng hợp, kết nối các kiến thức của nhiều bài học nhằm giúp HS ôn tập toàn bộ kiến thức của chương.</li> <li>- Giúp HS củng cố, khắc sâu những kiến thức đã học.</li> </ul> <p><b>Năng lực</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực riêng: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nâng cao các kỹ năng đã hoàn thành trước đó.</li> <li>+ Giúp HS trong việc giải và trình bày giải toán.</li> </ul> </li> <li>- Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.</li> </ul> <p><b>Phẩm chất:</b> Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS =&gt; độc lập, tự tin và tự chủ.</p>
	Hình	Luyện tập chung (Tiết 1)	2 (38)	<p><b>Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm vững kiến thức về một số tứ giác đã học.</li> <li>- Nắm vững công thức tính chu vi, diện tích các tứ giác đã học.</li> </ul> <p><b>Năng lực</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực riêng: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vẽ thành thạo tam giác đều, hình vuông, hình chữ nhật.</li> <li>+ Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu</li> </ul> </li> </ul>

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				<p>vi, diện tích của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang.</p> <p>- Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.</p> <p><b>Phẩm chất:</b> Bồi dưỡng trí tưởng tượng, hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS =&gt; độc lập, tự tin và tự chủ.</p>
		<b>Kiểm tra giữa HK1</b>	2 (39-40)	
11	Số học	<i>Bài 14. Phép cộng và phép trừ số nguyên</i> <b>(Tiết 2,3)</b>	3 (41-42)	<p><b>Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy tắc cộng, trừ số nguyên, tính chất phép cộng, trừ số nguyên.</li> <li>- Một số bài toán thực tiễn liên quan đến phép cộng, trừ số nguyên.</li> </ul> <p><b>Năng lực:</b></p> <p>Năng lực đặc thù toán học:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vận dụng được các quy tắc cộng, trừ số nguyên trong tính toán.</li> <li>+ Vận dụng được các tính chất của phép cộng để tính nhẩm, tính hợp lý.</li> <li>+ Giải được một số bài toán liên quan đến cộng và trừ số nguyên có nội dung thực tiễn.</li> </ul> <p>Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.</p>

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				<b>Phẩm chất:</b> Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi khám phá và sáng tạo.
	Số học	Bài 15. Quy tắc dấu ngoặc	1 (43)	<b>Kiến thức:</b> Sau khi học xong bài này HS - Nhận biết và áp dụng quy tắc dấu ngoặc trong tính toán, nhất là để tính nhẩm hay tính hợp lí <b>Năng lực</b> - Năng lực riêng: + Vận dụng được quy tắc dấu ngoặc để biến đổi một biểu thức gồm phép cộng và phép trừ khi tính toán. - Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác. <b>Phẩm chất:</b> Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.
	Hình	Luyện tập chung ( <b>Tiết 2</b> )	2 (44)	<b>Kiến thức:</b> - Nắm vững kiến thức về một số tứ giác đã học. - Nắm vững công thức tính chu vi, diện tích các tứ giác đã học. <b>Năng lực</b> - Năng lực riêng: + Vẽ thành thạo tam giác đều, hình vuông, hình chữ nhật. + Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang. - Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				<b>Phẩm chất:</b> Bồi dưỡng trí tưởng tượng, hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.
12	Số học	Luyện tập chung	2 (45-46)	<b>Kiến thức:</b> - Củng cố kiến thức từ bài 13 đến bài 15. <b>Năng lực</b> - Năng lực riêng: + Nâng cao kỹ năng giải toán và gắn kết các kiến thức, kỹ năng của bài học với nhau. - Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác. <b>Phẩm chất:</b> Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.
	Số học	Bài 16. Phép nhân số nguyên (Tiết 1)	2 (47)	<b>Kiến thức:</b> Sau khi học xong bài này HS - Nhận biết được quy tắc nhân hai số nguyên. - Nhận biết được các tính chất của phép nhân số nguyên. <b>Năng lực</b> - Năng lực riêng: + Thực hiện được phép nhân số nguyên. + Vận dụng được các tính chất của phép nhân để tính nhẩm, tính hợp lý. + Giải được một số bài toán có nội dung thực tiễn sử dụng các phép tính cộng, trừ, và nhân số nguyên - Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				<p>lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.</p> <p><b>Phẩm chất:</b> Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS.</p>
	Hình	Ôn tập chương IV	1 (48)	<p><b>Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng hợp, kết nối các kiến thức của nhiều bài học nhằm giúp HS ôn tập toàn bộ kiến thức của chương.</li> <li>- Giúp HS củng cố, khắc sâu những kiến thức đã học.</li> </ul> <p><b>Năng lực</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực riêng: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Luyện tập lại kỹ năng vẽ hình, tính toán về chu vi, diện tích các tứ giác gắn với bài tập thực tế.</li> </ul> </li> <li>- Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.</li> </ul> <p><b>Phẩm chất:</b> Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS =&gt; độc lập, tự tin và tự chủ.</p>
13	Số học	Bài 16. Phép nhân số nguyên (Tiết 2)	2 (49)	<p><b>Kiến thức:</b> Sau khi học xong bài này HS</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được quy tắc nhân hai số nguyên.</li> <li>- Nhận biết được các tính chất của phép nhân số nguyên.</li> </ul> <p><b>Năng lực</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực riêng: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thực hiện được phép nhân số nguyên.</li> <li>+ Vận dụng được các tính chất của phép nhân để tính nhẩm, tính hợp lý.</li> <li>+ Giải được một số bài toán có nội dung thực tiễn sử dụng các</li> </ul> </li> </ul>

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				<p>phép tính cộng, trừ, và nhân số nguyên</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.</li> </ul> <p><b>Phẩm chất:</b> Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS.</p>
	Số học	Bài 17. Phép chia hết. Ước và bội của một số nguyên	1 (50)	<p><b>Kiến thức:</b> Sau khi học xong bài này HS</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được quan hệ chia hết trong tập hợp các số nguyên.</li> <li>- Nhận biết được khái niệm ước và bội trong tập hợp các số nguyên.</li> </ul> <p><b>Năng lực</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực riêng: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thực hiện được phép chia hết của hai số nguyên.</li> <li>+ Tìm được các ước và các bội của một số nguyên cho trước.</li> <li>+ Tìm được các ước của hai số nguyên cho trước.</li> </ul> </li> <li>- Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.</li> </ul> <p><b>Phẩm chất:</b> Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS =&gt; độc lập, tự tin và tự chủ.</p>
	Số học	Luyện tập chung (Tiết 1)	2 (51)	<p><b>Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- củng cố kiến thức từ bài 16 và 17.</li> </ul> <p><b>Năng lực</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực riêng: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nâng cao và kết nối các kiến thức, kĩ năng xung quanh bốn phép tính cộng, trừ nhân và chia.</li> </ul> </li> </ul>



Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				<p>- Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.</p> <p><b>Phẩm chất:</b> Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS =&gt; độc lập, tự tin và tự chủ.</p>
	Hình	Bài 21. Hình có trục đối xứng (Tiết 1)	2 (52)	<p><b>Kiến thức:</b> Sau khi học xong bài này HS</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được hình có trục đối xứng.</li> <li>- Nhận biết được trục đối xứng của các hình học đơn giản.</li> <li>- Nhận biết trục đối xứng của một hình trên giấy bằng cách gấp đôi tờ giấy.</li> </ul> <p><b>Năng lực</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.</li> <li>- Năng lực riêng: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhận biết được trục đối xứng của một hình trên giấy bằng cách gấp đôi tờ giấy.</li> <li>+ Biết được cách gấp giấy để cắt chữ hoặc một số hình đơn giản có trục đối xứng.</li> </ul> </li> </ul> <p><b>Phẩm chất:</b> HS có ý thức làm việc nhóm và hứng thú trong học tập, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo từ đó hình thành phẩm chất độc lập, tự tin và tự chủ trong việc học toán hình.</p>
14	Số học	Luyện tập chung (Tiết 2)	2 (53)	<p><b>Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Củng cố kiến thức từ bài 16 và 17.</li> </ul> <p><b>Năng lực</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực riêng:</li> </ul>

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				<p>+ Nâng cao và kết nối các kiến thức, kĩ năng xung quanh bốn phép tính cộng, trừ nhân và chia.</p> <p>- Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.</p> <p><b>Phẩm chất:</b> Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS =&gt; độc lập, tự tin và tự chủ.</p>
	Số học	Ôn tập chương III	1 (54)	<p><b>Kiến thức:</b></p> <p>- Tổng hợp, kết nối các kiến thức của nhiều bài học nhằm giúp HS ôn tập toàn bộ kiến thức của chương.</p> <p>- Giúp HS củng cố, khắc sâu những kiến thức đã học.</p> <p><b>Năng lực</b></p> <p>- Năng lực riêng:</p> <p>+ Nâng cao các kĩ năng đã hoàn thành trước đó.</p> <p>+ Giúp HS trong việc giải và trình bày giải toán.</p> <p>- Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.</p> <p><b>Phẩm chất:</b> Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS =&gt; độc lập, tự tin và tự chủ.</p>
	TH-TN	Sử dụng máy tính cầm tay	1 (55)	<p><b>Kiến thức:</b></p> <p>- Nhận biết được cấu tạo của máy tính cầm tay (MTCT) ( các phím bấm, tính năng của các phím trên MTCT).</p> <p><b>Năng lực</b></p>

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực riêng:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tính được tổng, hiệu, tích của hai số tự nhiên.</li> <li>+ Tìm được thương và số dư (nếu có) của phép chia một số tự nhiên cho một số tự nhiên khác 0.</li> <li>+ Tính được lũy thừa của một số tự nhiên.</li> <li>+ Tính được giá trị các biểu thức.</li> <li>+ Phân tích được một số tự nhiên thành tích các thừa số nguyên tố.</li> <li>+ Tìm được các ước chung lớn nhất và bội chung nhỏ nhất của hai số tự nhiên.</li> </ul> </li> <li>- Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.</li> </ul> <p><b>Phẩm chất:</b> Bồi dưỡng trí tưởng tượng, hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS =&gt; độc lập, tự tin và tự chủ.</p>
	Hình	Bài 21. Hình có trục đối xứng (Tiết 2)	2 (56)	<p><b>Kiến thức</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được hình có trục đối xứng.</li> <li>- Nhận biết được trục đối xứng của các hình học đơn giản.</li> <li>- Nhận biết trục đối xứng của một hình trên giấy bằng cách gấp đôi tờ giấy.</li> </ul> <p><b>Năng lực</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.</li> <li>- Năng lực riêng:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhận biết được trục đối xứng của một hình trên giấy bằng</li> </ul> </li> </ul>

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				<p>cách gấp đôi tờ giấy.</p> <p>+ Biết được cách gấp giấy để cắt chữ hoặc một số hình đơn giản có trục đối xứng.</p> <p><b>Phẩm chất:</b> HS có ý thức làm việc nhóm và hứng thú trong học tập, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo từ đó hình thành phẩm chất độc lập, tự tin và tự chủ trong việc học toán hình.</p>
15	TH-TN	Tám thiệp và phòng học của em	2 (57-58)	<p><b>Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhớ lại kiến thức về các hình phẳng, các công thức tính chu vi, diện tích các hình đã học.</li> <li>- Hiểu hơn về ý nghĩa của tám thiệp và biết cách làm tám thiệp.</li> </ul> <p><b>Kỹ năng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực riêng: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ứng dụng kiến thức đã học về các hình phẳng trong thực tiễn vào thủ công, mỹ thuật,...</li> <li>+ Ứng dụng kiến thức về diện tích, chu vi các hình học để giải quyết một số vấn đề đơn giản trong thực tế.</li> </ul> </li> <li>- Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.</li> </ul> <p><b>Thái độ- Phẩm chất:</b> Bồi dưỡng trí tưởng tượng, hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS =&gt; độc lập, tự tin và tự chủ.</p>
	Hình	Bài 22. Hình có tâm đối xứng	2 (59-60)	<p><b>Về kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết hình có tâm đối xứng.</li> <li>- Nhận biết tâm đối xứng của một số hình đơn giản.</li> </ul> <p><b>Về năng lực:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực chung: - Kỹ năng tự làm việc với sách; kỹ năng làm</li> </ul>

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				<p>việc nhóm; kĩ năng giải quyết vấn đề; kĩ năng trình bày, diễn đạt.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực đặc thù (năng lực Toán học) được hình thành thông qua việc HS: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Biết các hình thực tế có tâm đối xứng (MHH)</li> <li>+ Gấp giấy để cắt một số hoa văn trang trí hoặc một số hình có tâm đối xứng đơn giản (HDTN)</li> <li>+ Giải quyết được những vấn đề thực tiễn liên quan đến hình có tâm đối xứng (GQVĐ)</li> <li>+ Giao tiếp toán học thông qua hoạt động nhóm, quan sát các hình ảnh, đọc sách.(DHTQ)</li> <li>+ Sử dụng các phương tiện và các công cụ học toán.</li> </ul> </li> </ul> <p><b>3. Phẩm chất:</b></p> <p>Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi khám phá và sáng tạo.</p>
16	Số học	<p><b>Chương VI. Phân số</b></p> <p><i>Bài 23.</i> Mở rộng phân số. Phân số bằng nhau</p>	2 (61-62)	<p><b>Về kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được phân số với tử và mẫu là các số nguyên.</li> <li>- Nhận biết hai phân số bằng nhau, quy tắc bằng nhau của hai phân số.</li> <li>- Nêu được hai tính chất cơ bản của phân số.</li> </ul> <p><b>Về năng lực:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực toán học: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phát biểu được khái niệm phân số;</li> <li>+ Phát biểu được quy tắc bằng nhau của hai phân số.</li> <li>+ Phát biểu được tính chất cơ bản của hai phân số</li> <li>+ Viết được kết quả của một phép chia dưới dạng phân số.</li> <li>+ Lập luận giải thích được hai phân số bằng nhau.</li> </ul> </li> </ul>

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Rút gọn được một số về phân số tối giản.</li> <li>+ Giải quyết bài toán thực tiễn liên quan đến phân số.</li> <li>+ Vận dụng các kiến thức được học vào giải</li> <li>+ Viết được phân số biểu thị số phần như nhau trong tình huống thực tiễn đơn giản.</li> <li>+ Sử dụng linh hoạt các bảng phụ khi thực hiện</li> <li>- Năng lực chung và năng lực đặc thù: Tự giác, tự học trong các nhiệm vụ được giao Cách trình bày các bài tập về phân số, cách viết phân số vào vở</li> </ul> <p><b>Phẩm chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành được các bài tập cá nhân, các bài tập nhóm.</li> <li>- Khách quan, công bằng khi tự đánh giá phiếu học tập cá nhân, bài làm của nhóm.</li> </ul>
	Hình	Luyện tập chung	2 (63-64)	<p><b>Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhắc lại được khái niệm hình có trục đối xứng và hình có tâm đối xứng.</li> </ul> <p><b>Năng lực</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực riêng:</li> <li>+ Tìm được trục đối xứng và tâm đối xứng của một số hình đơn giản.</li> <li>+ Khôi phục được hình có trục đối xứng hoặc tâm đối xứng ( đơn giản) từ một phần cho trước.</li> <li>- Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.</li> </ul> <p><b>Phẩm chất:</b> Bồi dưỡng trí tưởng tượng, hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho</p>

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				HS => độc lập, tự tin và tự chủ.
17	Hình	Ôn tập chương V	1 (65)	<b>Kiến thức:</b> - Tổng hợp, kết nối kiến thức của các bài học nhằm giúp HS ôn tập toàn bộ kiến thức của chương. - Giúp HS củng cố, khắc sâu những kiến thức đã học. <b>Năng lực</b> - Năng lực riêng: + Củng cố kĩ năng tìm trục đối xứng và tâm đối xứng của một số hình đơn giản. + Luyện tập khôi phục hình có trục đối xứng hoặc tâm đối xứng ( đơn giản) từ một phần cho trước. - Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học tự học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác.
		Ôn tập cuối HKI	3 (66-68)	
18		<b>Kiểm tra cuối HK1</b>	2 (69-70)	
	TH-TN	Vẽ hình đơn giản với phần mềm GEOGEBRA	2 (71-72)	<b>Về kiến thức:</b> - Hiểu được tính năng của các hộp công cụ trên giao diện của phần mềm GEOGEBRA. - Biết cách vẽ hình đơn giản nhờ nắm được các tính chất của các hình đó. <b>Về năng lực:</b>

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vẽ được hình bằng phần mềm GEOGEBRA các hình đơn giản như: điểm, đoạn thẳng, góc, đường tròn, tam giác đều, lục giác đều,....</li> <li>- Biết cách dùng các công cụ đo để kiểm tra các tính chất đã được học của các hình đơn giản.</li> <li>- Biết lưu hình vẽ thành một tệp có phần mở rộng ggb hay file ảnh png,....</li> </ul> <p><b>* Năng lực chung:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.</li> <li>- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>* Năng lực đặc thù:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực giao tiếp toán học: HS phát biểu, nhận biết được ...</li> <li>- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học: thực hiện được các thao tác tư duy so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, ...</li> </ul> <p><b>Về phẩm chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thành trí tưởng tượng qua cách vẽ, tư duy hình, có ý thức học tập và làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, sáng tạo.</li> <li>- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.</li> <li>- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.</li> <li>- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ</li> </ul>



Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				học tập.
<b>HỌC KỲ II</b>				
19	Số học	Bài 24. So sánh phân số. Hỗn số dương	2 (73-74)	<p><b>Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được cách quy đồng được mẫu nhiều phân số.</li> <li>- Nhận biết được hỗn số dương</li> <li>- Biết cách quy đồng mẫu hai hay nhiều phân số.</li> <li>- Biết so sánh hai phân số cùng mẫu hoặc không cùng mẫu.</li> </ul> <p><b>Năng lực:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực chung: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Năng lực tự chủ, tự học: Tự giác tự học, tự nghiên cứu.</li> <li>+ Năng lực thẩm mỹ: Trình bày bài làm một cách khoa học, logic và thẩm mỹ.</li> </ul> </li> <li>- Năng lực toán học: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Năng lực mô hình hóa toán học: Giải quyết được vấn đề trong mô hình chiếc bánh</li> <li>+ Năng lực tư duy và lập luận toán học: So sánh được hai phân số hay nhiều phân số</li> <li>+ Năng lực giải quyết vấn đề: Vận dụng được cách so sánh hai hay nhiều phân số.</li> <li>+ Năng lực giao tiếp toán học: Nghe hiểu, đọc hiểu ghi chép được các thông tin; trình bày, diễn đạt được bài làm trước lớp. Trao đổi, thảo luận hiệu quả.</li> </ul> </li> </ul> <p><b>Phẩm chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm chỉ: Cố gắng hoàn thành nhiệm vụ được giao.</li> <li>- Trung thực: Tự giác, tự lập, tự chịu trách nhiệm; khách quan công bằng trong việc đánh giá, nhận xét.</li> <li>- Trách nhiệm: Có ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập.</li> </ul>

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
	Số học	Luyện tập chung ( <b>Tiết 1</b> )	3 (75)	<p>Củng cố, rèn luyện kiến thức, kĩ năng về:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy tắc bằng nhau của hai phân số, tính chất cơ bản của phân số</li> <li>- Quy đồng mẫu nhiều phân số; rút gọn phân số; so sánh phân số</li> </ul>
	Hình	<p><b>Chương VIII. Những hình hình học cơ bản</b></p> <p><i>Bài 32. Điểm và đường thẳng (Tiết 1)</i></p>	3 (76)	<p><b>Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết và diễn đạt được các quan hệ cơ bản giữa điểm và đường thẳng: điểm thuộc đường thẳng; điểm không thuộc đường thẳng; đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt.</li> <li>- Giải các bài toán thực tiễn có liên quan.</li> </ul> <p><b>Năng lực</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực chung: Kĩ năng tự làm việc với sách, kĩ năng làm việc theo nhóm, kĩ năng giải quyết vấn đề, kĩ năng trình bày, diễn đạt.</li> <li>- Năng lực riêng: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Diễn đạt được (bằng ngôn ngữ, kí hiệu) các quan hệ cơ bản nêu trên.</li> <li>+ Sử dụng được dụng cụ học tập và các phương tiện thích hợp để: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Vẽ được: Điểm thuộc và không thuộc đường thẳng; đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt.</li> <li>• Làm được: kiểm tra điểm thuộc và không thuộc đường thẳng đã vẽ trên giấy; và của các điểm (hay cột, cây, ..) đã cho.</li> </ul> </li> </ul> </li> </ul> <p><b>Phẩm chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS (chăm chỉ).</li> </ul>

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rèn luyện thói quen tìm tòi, quan sát và khám phá kiến thức mới (trách nhiệm).</li> <li>- Hỗ trợ các bạn trong nhóm hoàn thành sản phẩm (nhân ái)</li> </ul>
20	Số học	Luyện tập chung (Tiết 2,3)	3 (77-78)	<p>Củng cố, rèn luyện kiến thức, kỹ năng về:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy đồng mẫu nhiều phân số; rút gọn phân số; so sánh phân số; hỗn số dương;</li> <li>- Vận dụng phân số trong một số bài toán thực tiễn.</li> </ul>
	Số học	Bài 25. Phép cộng và phép trừ phân số (Tiết 1)	2 (79)	<p><b>Về kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy tắc cộng, trừ phân số.</li> <li>- Các tính chất của phép cộng phân số.</li> <li>- Số đối của một phân số.</li> </ul> <p><b>Về năng lực:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực toán học: Được hình thành thông qua: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Năng lực tư duy và lập luận toán học: Thực hiện được phép cộng và trừ phân số.</li> <li>+ Vận dụng được các tính chất của phép cộng và quy tắc dấu hoặc trong tính toán.</li> <li>+ Năng lực giao tiếp toán học: Trình bày, diễn đạt, nêu câu hỏi, thảo luận, tranh luận trong sự tương tác với bạn cùng nhóm và trước lớp.</li> <li>+ Năng lực mô hình hóa toán học: Vận dụng kiến thức để giải bài toán thực tế.</li> <li>+ Năng lực giải quyết vấn đề: Qua một số thao tác phát hiện vấn đề và cách giải quyết vấn đề khi làm các bài tập.</li> </ul> </li> <li>- Năng lực chung: Kỹ năng tự làm việc với sách; kỹ năng làm</li> </ul>

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				việc nhóm; kĩ năng giải quyết vấn đề; kĩ năng trình bày, diễn đạt. <b>Về phẩm chất:</b> Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi khám phá và sáng tạo.
	Hình	Bài 32. Điểm và đường thẳng (Tiết 2)	3 (80)	<b>Kiến thức:</b> - Nhận biết và diễn đạt được các quan hệ cơ bản giữa điểm và đường thẳng: điểm thuộc đường thẳng; điểm không thuộc đường thẳng; đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt. - Giải các bài toán thực tiễn có liên quan. <b>Năng lực</b> - Năng lực chung: Kĩ năng tự làm việc với sách, kĩ năng làm việc theo nhóm, kĩ năng giải quyết vấn đề, kĩ năng trình bày, diễn đạt. - Năng lực riêng: + Diễn đạt được (bằng ngôn ngữ, kí hiệu) các quan hệ cơ bản nêu trên. + Sử dụng được dụng cụ học tập và các phương tiện thích hợp để: <ul style="list-style-type: none"> <li>Vẽ được: Điểm thuộc và không thuộc đường thẳng; đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt.</li> <li>Làm được: kiểm tra điểm thuộc và không thuộc đường thẳng đã vẽ trên giấy; và của các điểm (hay cột, cây, ..) đã cho.</li> </ul> <b>Phẩm chất</b> - Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS (chăm chỉ). - Rèn luyện thói quen tìm tòi, quan sát và khám phá kiến thức

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				mới (trách nhiệm). - Hỗ trợ các bạn trong nhóm hoàn thành sản phẩm (nhân ái)
21	Số học	Bài 25. Phép cộng và phép trừ phân số (Tiết 2)	2 (81)	<p><b>Về kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy tắc cộng, trừ phân số.</li> <li>- Các tính chất của phép cộng phân số.</li> <li>- Số đối của một phân số.</li> </ul> <p><b>Về năng lực:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực toán học: Được hình thành thông qua: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Năng lực tư duy và lập luận toán học: Thực hiện được phép cộng và trừ phân số; Vận dụng được các tính chất của phép cộng và quy tắc dấu hoặc trong tính toán.</li> <li>+ Năng lực giao tiếp toán học: Trình bày, diễn đạt, nêu câu hỏi, thảo luận, tranh luận trong sự tương tác với bạn cùng nhóm và trước lớp.</li> <li>+ Năng lực mô hình hóa toán học: Vận dụng kiến thức để giải bài toán thực tế.</li> <li>+ Năng lực giải quyết vấn đề: Qua một số thao tác phát hiện vấn đề và cách giải quyết vấn đề khi làm các bài tập.</li> </ul> </li> <li>- Năng lực chung: Kỹ năng tự làm việc với sách; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng trình bày, diễn đạt.</li> </ul> <p><b>Về phẩm chất:</b> Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi khám phá và sáng tạo.</p>
	Số học	Bài 26. Phép nhân và phép chia phân số	2 (82-83)	<p><b>Kiến thức</b></p> <p>Nhận biết được quy tắc nhân và chia phân số</p> <p>Nhận biết được các tính chất của phép nhân.</p>

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				<p>Nhận biết được phân số nghịch đảo</p> <p><b>Năng lực</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực riêng: Năng lực tư duy và lập luận toán học để thực hiện được phép nhân và chia phân số; năng lực mô hình hóa toán học: Vận dụng giải quyết các bài toán liên quan; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán: Vận dụng được các tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán</li> <li>- Năng lực chung: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Năng lực tự chủ, tự học: Tự giác tự học, tự nghiên cứu.</li> <li>+ Năng lực thẩm mỹ: Trình bày bài làm một cách khoa học, logic và thẩm mỹ.</li> </ul> </li> </ul> <p><b>Phẩm chất:</b> Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.</p>
	Hình	Bài 32. Điểm và đường thẳng (Tiết 3)	3 (84)	<p><b>Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết và diễn đạt được các quan hệ cơ bản giữa điểm và đường thẳng: điểm thuộc đường thẳng; điểm không thuộc đường thẳng; đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt.</li> <li>- Giải các bài toán thực tiễn có liên quan.</li> </ul> <p><b>Năng lực</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực chung: Kỹ năng tự làm việc với sách, kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng trình bày, diễn đạt.</li> <li>- Năng lực riêng: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Diễn đạt được (bằng ngôn ngữ, kí hiệu) các quan hệ cơ bản nêu trên.</li> </ul> </li> </ul>

Tuần		Phân môn/ Bài học (1)	Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				<p>+ Sử dụng được dụng cụ học tập và các phương tiện thích hợp để:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Vẽ được: Điểm thuộc và không thuộc đường thẳng; đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt.</li> <li>Làm được: kiểm tra điểm thuộc và không thuộc đường thẳng đã vẽ trên giấy; và của các điểm (hay cột, cây, ..) đã cho.</li> </ul> <p><b>Phẩm chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS (chăm chỉ).</li> <li>Rèn luyện thói quen tìm tòi, quan sát và khám phá kiến thức mới (trách nhiệm).</li> <li>Hỗ trợ các bạn trong nhóm hoàn thành sản phẩm (nhân ái)</li> </ul>
22	Số học	Bài 27. Hai bài toán về phân số	1 (85)	<p><b>Về kiến thức:</b> Nhớ được quy tắc tìm giá trị phân số của một số cho trước và quy tắc tìm một số biết giá trị phân số của số đó.</p> <p><b>Về năng lực:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Năng lực chung: Kỹ năng tự làm việc với sách; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng trình bày, diễn đạt.</li> <li>Năng lực đặc thù (năng lực Toán học) được hình thành thông qua việc HS: <ul style="list-style-type: none"> <li>Tìm được giá trị phân số của một số cho trước</li> <li>Tìm được một số biết giá trị phân số của nó.</li> <li>Vận dụng giải được một số bài toán có nội dung thực tế.</li> </ul> </li> </ul> <p><b>Phẩm chất:</b> Bồi dưỡng tình yêu động vật, ý chí vượt khó và thói quen chi tiêu tiết kiệm..</p>

Tuần		Phân môn/ Bài học (1)	Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
	Số học	Luyện tập chung	2 (86-87)	<p>Củng cố, rèn luyện kiến thức, kỹ năng về:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phép cộng và phép trừ phân số.</li> <li>- Phép nhân và phép chia phân số.</li> <li>- Vận dụng trong tính giá trị của biểu thức có nhiều phép tính.</li> <li>- Tính giá trị của biểu thức có chứa chữ.</li> <li>- Vận dụng phân số trong một số bài toán thực tiễn.</li> </ul>
	Hình	Bài 33. Điểm nằm giữa hai điểm. Tia ( <b>Tiết 1</b> )	2 (88)	<p><b>Kiến Thức:</b> Nhận biết được các khái niệm: điểm nằm giữa hai điểm, tia, gốc của tia, tia đối</p> <p><b>Năng lực</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán</li> <li>- Năng lực riêng: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhận biết các khái niệm tia, hai tia đối nhau</li> <li>+ Nhận biết điểm nằm giữa hai điểm</li> <li>+ Giải các bài toán thực tế có liên quan</li> </ul> </li> </ul> <p><b>Phẩm chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.</li> <li>- Bồi dưỡng niềm đam mê khoa học, thức tự học</li> </ul>
23	Số học	Ôn tập chương VI	1 (89)	<p><b>Kiến thức</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn tập kiến thức trong chương</li> <li>- Chưa bài và làm các bài tập tổng hợp cuối chương</li> </ul>



Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				<b>Năng lực</b> - Năng lực chung: tự chủ - tự học, tư duy và lập luận, giao tiếp toán học - Năng lực riêng: + Biết cách tổng hợp kiến thức chương VI theo sơ đồ + Làm bài tập <b>Phẩm chất:</b> Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.
	Số học	<b>Chương VII. Số thập phân</b> <i>Bài 28. Số thập phân</i>	1 (90)	<b>Kiến thức</b> - Nhận biết được phân số thập phân (dương, âm), cách viết phân số thập phân dưới dạng số thập phân - Nhận biết được số đối của một số thập phân <b>Năng lực:</b> - Năng lực chung: tự chủ - tự học, tư duy và lập luận, giao tiếp toán học - Năng lực riêng: + Kỹ năng tính toán, kỹ năng đọc hiểu, tổng hợp, tư duy toán học + Viết được phân số thập phân dưới dạng số thập phân và ngược lại + Đọc được số thập phân + Tìm được số đối của một số thập phân đã cho + So sánh được hai số thập phân đã cho <b>Phẩm chất:</b> Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.
	Số học	<i>Bài 29. Tính toán với số thập phân (Tiết 1)</i>	4	<b>Kiến thức:</b> - Thực hiện phép tính cộng, trừ, nhân, chia số thập phân.

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
			(91)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng các tính chất của phép tính trong tính toán.</li> <li>- Giải quyết một số bài toán thực tiễn gắn với các phép tính về số thập phân.</li> </ul> <p><b>Năng lực :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực toán học</li> <li>+ Giải quyết được vấn đề/ tình huống thực tế bằng cách thực hiện các phép toán: cộng, trừ, nhân, chia số thập phân.</li> <li>+ Khai thác bài toán từ các bài tập đã cho</li> <li>+ Trong hoạt động nhóm, trao đổi giữa thầy và trò, trò – trò.</li> <li>+ Quan sát, phân tích, liên hệ thực tế.</li> </ul> <p><b>Phẩm chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hứng thú và niềm tin trong học toán. Có tinh thần trách nhiệm.</li> <li>- Linh hoạt, sáng tạo, ý thức tự học, trung thực, vượt khó, cẩn thận, chính xác, hợp tác.</li> <li>- Thói quen tìm hiểu, khám phá.</li> <li>- Trân trọng thành quả lao động của mình và của người khác.</li> </ul>
	Hình	Bài 33. Điểm nằm giữa hai điểm. Tia ( <b>Tiết 2</b> )	2 (92)	<p><b>Kiến Thức:</b> Nhận biết được các khái niệm: điểm nằm giữa hai điểm, tia, gốc của tia, tia đối</p> <p><b>Năng lực</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán</li> <li>- Năng lực riêng:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhận biết các khái niệm tia, hai tia đối nhau</li> <li>+ Nhận biết điểm nằm giữa hai điểm</li> </ul> </li> </ul>

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				+ Giải các bài toán thực tế có liên quan <b>Phẩm chất</b> - Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS. - Bồi dưỡng niềm đam mê khoa học, thức tự học
24	Số học	Bài 29. Tính toán với số thập phân (Tiết 2, 3,4)	4 (93-95)	<b>Kiến thức:</b> - Thực hiện phép tính cộng, trừ, nhân, chia số thập phân. - Vận dụng các tính chất của phép tính trong tính toán. - Giải quyết một số bài toán thực tiễn gắn với các phép tính về số thập phân. <b>Năng lực :</b> - Năng lực toán học + Giải quyết được vấn đề/ tình huống thực tế bằng cách thực hiện các phép toán: cộng, trừ, nhân, chia số thập phân. + Khai thác bài toán từ các bài tập đã cho + Trong hoạt động nhóm, trao đổi giữa thầy và trò, trò – trò. + Quan sát, phân tích, liên hệ thực tế. <b>Phẩm chất:</b> - Hứng thú và niềm tin trong học toán. Có tinh thần trách nhiệm. - Linh hoạt, sáng tạo, ý thức tự học, trung thực, vượt khó, cẩn thận, chính xác, hợp tác. - Thói quen tìm hiểu, khám phá. - Trân trọng thành quả lao động của mình và của người khác.
	Hình	Bài 34. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng (Tiết 1)	2 (96)	<b>Kiến thức</b> - Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng <b>Năng lực:</b>

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết đo độ dài đoạn thẳng bằng thước có chia vạch</li> <li>- Đọc được tên đoạn thẳng</li> </ul> <b>Phẩm chất</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.</li> </ul>
25	Số học	Bài 30. Làm tròn và ước lượng	1 (97)	<b>Kiến thức</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhận biết được thế nào là làm tròn số, làm tròn số thập phân đến 1 hàng nào đấy</li> <li>+ Nhận biết được thế nào là ước lượng kết quả một phép đo, phép tính, ước lượng dùng làm gì.</li> </ul> <b>Năng lực:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực riêng: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hiểu và thực hiện các bài toán trong sgk</li> <li>+ Làm tròn số thập phân</li> <li>+ Ước lượng kết quả phép đo, phép tính</li> <li>+ Vận dụng làm tròn số thập phân trong một số tình huống thực tiễn</li> </ul> </li> </ul> <b>Phẩm chất</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.</li> <li>- Bồi dưỡng ý thức tiết kiệm</li> </ul>
	Số học	Bài 31. Một số bài toán về tỉ số và tỉ số phần trăm	2 (98-99)	<b>Kiến thức</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhận biết được tỉ số phần trăm của hai số và của hai đại lượng (cùng loại, cùng đơn vị đo)</li> </ul> <b>Năng lực</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực toán học</li> <li>+ Sử dụng được kí hiệu tỉ số, tỉ số phần trăm của hai số</li> </ul>

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				+ Tính được tỉ số phần trăm của hai số đó. Tính được tỉ số phần trăm của hai đại lượng + Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước + Tìm được một số khi biết giá trị phần trăm của số đó + Giải quyết được một số bài toán thực tế về tỉ số, tỉ số phần trăm. Từ đó phát triển năng lực mô hình hóa và giải quyết vấn đề - Năng lực chung + Năng lực tự chủ, tự học: Năng lực tự làm việc với sách + Năng lực giao tiếp, hợp tác: Năng lực làm việc theo nhóm + Năng lực giải quyết vấn đề. + Năng lực trình bày, diễn đạt. <b>Phẩm chất</b> - Chăm chỉ: Rèn luyện thói quen tự học. - Trách nhiệm: Rèn luyện ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS. - Trung thực: Báo cáo, trình bày phiếu học tập chính xác kết quả thảo luận. - Giáo dục ý thức tiết kiệm, thói quen ăn uống lành mạnh, khoa học.
	Hình	Bài 34. Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng (Tiết 2)	2 (100)	<b>Kiến thức</b> - Nhận biết được độ dài đoạn thẳng <b>Năng lực:</b> - Giải được các bài toán trong thực tế liên quan đến độ dài đoạn thẳng <b>Phẩm chất</b> - Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.
26	Số học	Ôn tập chương VII	1 (101)	<b>Kiến thức</b> - Hệ thống được các nội dung đã học trong chương trình và cung cấp một số bài tập có nội dung tổng hợp, liên kết các kiến thức trong các bài học khác nhau <b>Năng lực:</b> Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán <b>Phẩm chất:</b> Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.
	Hình	Bài 35. Trung điểm của đoạn thẳng	1 (102)	<b>Kiến thức</b> - Nhận biết được khái niệm trung điểm của đoạn thẳng - Biết đo độ dài đoạn thẳng để xác định trung điểm của đoạn thẳng - Giải được các bài toán thực tế liên quan đến trung điểm của đoạn thẳng <b>Năng lực:</b> - Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán - Năng lực riêng: + Nhận biết trung điểm của đoạn thẳng + Giải các bài toán thực tế có liên quan đến trung điểm của đoạn thẳng <b>Phẩm chất:</b> Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
27				nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.
	Số học	Luyện tập chung sau bài 31	2 (103-104)	
	Số học	<b>Kiểm tra giữa HK2</b>	2 (105-106)	<b>Kiến thức</b> Hai tiết Luyện tập chung dùng để chữa các bài tập của các bài học từ Bài 28 đến 31 và chữa các bài tập từ 7.21 đến 7.25 để luyện tập bổ sung, nâng cao kỹ năng giải toán và gắn kết các kiến thức, kỹ năng của các bài học lại với nhau. <b>Năng lực:</b> - Năng lực riêng: + Tổng hợp kiến thức và giải quyết các bài toán - Năng lực chung + Năng lực tự chủ, tự học: Năng lực tự làm việc với sách + Năng lực giao tiếp, hợp tác: Năng lực làm việc theo nhóm + Năng lực giải quyết vấn đề. + Năng lực trình bày, diễn đạt. <b>Phẩm chất:</b> Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.
	Hình	Bài 35. Trung điểm của đoạn thẳng	1 (107-108)	<b>Kiến thức</b> - Nhận biết được khái niệm trung điểm của đoạn thẳng - Biết đo độ dài đoạn thẳng để xác định trung điểm của đoạn thẳng - Giải được các bài toán thực tế liên quan đến trung điểm của đoạn thẳng <b>Năng lực:</b>

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				<p>- Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán</p> <p>- Năng lực riêng:</p> <p>+ Nhận biết trung điểm của đoạn thẳng</p> <p>+ Giải các bài toán thực tế có liên quan đến trung điểm của đoạn thẳng</p> <p><b>Phẩm chất:</b> Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.</p>
28	TK-XS	<p><b>Chương IX. Dữ liệu và xác suất thực nghiệm</b></p> <p><i>Bài 38. Dữ liệu và thu thập dữ liệu</i></p>	2 (109-110)	<p><b>Về kiến thức:</b></p> <p>- Nhận biết được các loại dữ liệu, chủ yếu là phân biệt được dữ liệu là số (số liệu hay dữ liệu định lượng) và dữ liệu không phải là số (dữ liệu định tính).</p> <p>- Nhận biết được một số cách đơn giản để thu thập dữ liệu như lập phiếu hỏi, làm thí nghiệm, quan sát hay thu thập từ những nguồn có sẵn như sách báo, trang web,...</p> <p><b>Về năng lực</b></p> <p>- Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán</p> <p>- Năng lực đặc thù:</p> <p>+ Phát hiện được giá trị không hợp lí trong dữ liệu.</p> <p>+ Thực hiện được thu thập dữ liệu trong một số tình huống đơn giản như: Ghi lại được kết quả của việc bầu lớp trưởng, tổ trưởng; thực hiện thí nghiệm đơn giản như gieo xúc xắc và ghi</p>



Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				<p>lại số chấm xuất hiện; quan sát và ghi lại xem trong lớp bạn nào đeo kính,...</p> <p><b>Về phẩm chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.</li> <li>- Bồi dưỡng tinh thần trách nhiệm, chủ động hoàn thành nhiệm vụ học tập. Giáo dục th ức chấp hành luật khi tham gia giao thông.</li> </ul>
	TK-XS	Bài 39. Bảng thống kê và biểu đồ tranh (Tiết 1)	2 (111)	<p><b>Kiến thức</b> Đọc và phân tích được dữ liệu từ bảng thống kê và biểu đồ tranh</p> <p><b>Năng lực</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực chung: Tự học và tự chủ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.</li> <li>- Năng lực đặc thù (Tính toán): Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học.</li> </ul> <p><b>Phẩm chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm chỉ hoàn thành nhiệm vụ học tập của cá nhân;</li> <li>- Có trách nhiệm với nhóm và tập thể về nhiệm vụ được giao;</li> <li>- Trung thực, nhân ái trong đánh giá và nhận xét người khác.</li> </ul>
	Hình	Bài 36. Góc (Tiết 1)	2 (112)	<p><b>Kiến thức</b> Nhận biết được khái niệm góc, đỉnh và cạnh của góc, góc bẹt, điểm trong của góc</p> <p><b>Năng lực</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán</li> </ul>

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				<p>học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán</p> <p>- Năng lực riêng:</p> <p>+ Nhận biết góc, đỉnh và cạnh của góc</p> <p>+ Nhận biết góc bẹt</p> <p><b>Phẩm chất:</b> Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.</p>
29	TK-XS	Bài 39. Bảng thống kê và biểu đồ tranh (Tiết 2)	2 (113)	<p><b>Kiến thức</b> Biểu diễn được dữ liệu vào biểu đồ tranh</p> <p><b>Năng lực</b></p> <p>- Năng lực chung: Tự học và tự chủ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.</p> <p>- Năng lực đặc thù (Tính toán): Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học.</p> <p><b>Phẩm chất</b></p> <p>- Chăm chỉ hoàn thành nhiệm vụ học tập của cá nhân;</p> <p>- Có trách nhiệm với nhóm và tập thể về nhiệm vụ được giao;</p> <p>- Trung thực, nhân ái trong đánh giá và nhận xét người khác.</p>
	TK-XS	Bài 40. Biểu đồ cột	2 (114-115)	<p><b>Về kiến thức:</b></p> <p>- Vẽ được biểu đồ cột từ bảng thống kê cho trước.</p> <p>- Đọc và mô tả dữ liệu từ biểu đồ cột.</p> <p>- Nhận ra vấn đề hoặc quy luật đơn giản từ việc phân tích biểu đồ cột.</p> <p><b>Về năng lực:</b> Năng lực toán học:</p> <p>+ Nêu được các bước vẽ biểu đồ cột</p>

Tuần		Phân môn/ Bài học (1)	Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đọc và mô tả dữ liệu từ biểu đồ cột</li> <li>+ Thảo luận, nhận xét, đánh giá chéo được các sản phẩm khi thực hiện nhiệm vụ.</li> <li>+ Mô tả dữ liệu từ biểu đồ cột</li> <li>+ Nhận ra vấn đề hoặc quy luật đơn giản từ việc phân tích biểu đồ cột.</li> <li>+ Vẽ biểu đồ cột từ bảng thống kê cho trước</li> <li>+ Vận dụng các kiến thức được học vào bài toán thực tiễn</li> <li>+ Sử dụng máy tính để vẽ biểu đồ cột bằng excel</li> <li>- Năng lực chung và năng lực đặc thù</li> <li>+ Tự giác, tự học trong các nhiệm vụ được giao</li> <li>+ Cách trình bày các bài tập về vẽ biểu đồ</li> </ul> <b>Phẩm chất:</b> Chăm chỉ, trung thực
	Hình	Bài 36. Góc (Tiết 2)	2 (116)	<b>Kiến thức</b> Nhận biết được khái niệm góc, đỉnh và cạnh của góc, góc bẹt, điểm trong của góc <b>Năng lực:</b> - Quan sát hình và đọc được tên góc, nhận biết được điểm trong của góc - Vận dụng được khái niệm góc vào một số tình huống trong thực tế <b>Phẩm chất</b> Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.
30	TK-XS	Bài 41. Biểu đồ cột kép	2 (117-	<b>Về kiến thức:</b> Nhận ra được quy luật đơn giản từ biểu đồ cột kép

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
			118)	<p><b>Về năng lực:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực toán học:</li> <li>+ Năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học: Sử dụng thước thẳng để vẽ đồ thị hàm và bút màu để vẽ được biểu đồ cột kép</li> <li>+ Năng lực tư duy và lập luận toán học: Biết các phương án ghép cột và lựa chọn phương án tối ưu trong một tình huống cụ thể; Hs biết cách đọc, phân tích số liệu với biểu đồ cột kép</li> <li>+ Năng lực giải quyết vấn đề: Biết được các cách vẽ biểu đồ cột kép; Phát hiện và giải quyết được các vấn đề thực tiễn liên quan đến biểu đồ cột kép.</li> <li>+ Năng lực giao tiếp toán học: Trình bày, thảo luận, nhận xét, đánh giá chéo được các sản phẩm khi thực hiện nhiệm vụ.</li> <li>- Năng lực chung: Tự giác, tự học trong các nhiệm vụ được giao; Vẽ được và chính xác biểu đồ cột kép một cách thẩm mỹ</li> </ul> <p><b>Phẩm chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chăm chỉ: Hoàn thành được các bài tập cá nhân, các bài tập nhóm.</li> <li>+ Trung thực: Khách quan, công bằng khi tự đánh giá phiếu học tập cá nhân, bài làm của nhóm.</li> <li>+ Tinh thần trách nhiệm: - Nhận biết được một số tác động của biến đổi khí hậu và bồi dưỡng ý thức bảo vệ môi trường.</li> </ul>

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
	TK-XS	Luyện tập chung (Tiết 1)	2 (119)	- HS được thực hành: Lập phiếu khảo sát để thu thập dữ liệu; tổng hợp dữ liệu thu được từ các phiếu khảo sát, biểu diễn dưới dạng biểu đồ tranh, bảng thông kê. - Sử dụng biểu đồ cột, biểu đồ cột kép biểu diễn dữ liệu.
	Hình	Bài 37. Số đo góc (Tiết 1)	2 (120)	<b>Kiến thức</b> - Nhận biết được khái niệm số đo góc <b>Năng lực:</b> - Biết đo một góc bằng thước đo góc <b>Phẩm chất</b> Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.
31	TK-XS	Luyện tập chung (Tiết 2)	2 (121)	- HS được thực hành: Lập phiếu khảo sát để thu thập dữ liệu; tổng hợp dữ liệu thu được từ các phiếu khảo sát, biểu diễn dưới dạng biểu đồ tranh, bảng thông kê. - Sử dụng biểu đồ cột, biểu đồ cột kép biểu diễn dữ liệu.
	TK-XS	Bài 42. Kết quả có thể và sự kiện trong trò chơi, thí nghiệm	2 (122-123)	<b>Kiến thức</b> - Nhận biết được tính không đoán được trong kết quả của một số trò chơi, thí nghiệm - Nhận biết được một số sự kiện trong trò chơi, thí nghiệm xảy ra hay không <b>Năng lực</b> - Liệt kê được các kết quả có thể xảy ra trong các trò chơi, thí nghiệm đơn giản - Kiểm tra được một sự kiện xảy ra hay không xảy ra <b>Phẩm chất</b>

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.
	Hình	Bài 37. Số đo góc (Tiết 2)	2 (124)	<b>Kiến thức</b> - Nhận biết được các góc đặc biệt: góc vuông, góc nhọn, góc tù <b>Năng lực:</b> - Kiểm tra được góc vuông, góc nhọn, góc tù bằng thước đo góc hoặc ê ke <b>Phẩm chất</b> Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.
32	TK-XS	Bài 43. Xác suất thực nghiệm	1 (125)	<b>Về kiến thức:</b> Học xong bài này, HS nhận biết được - Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của một khả năng xảy ra nhiều lần trong một số trò chơi và thí nghiệm đơn giản. - Sử dụng được phân bố để mô tả xác suất (thực nghiệm) của một khả năng xảy ra nhiều lần thông qua kiểm đếm số lần lặp lại của khả năng đó trong một số trò chơi và thí nghiệm đơn giản. <b>Về năng lực:</b> - Năng lực chung: - Kỹ năng tự làm việc với sách; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng trình bày, diễn đạt. - Năng lực riêng: + Biểu diễn khả năng xảy ra một sự kiện theo xác suất thực nghiệm <b>Phẩm chất:</b> - Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS. - Ý thức khám phá khoa học thông qua thực nghiệm
	TK-XS	Luyện tập chung	1 (126)	HS được làm thí nghiệm, thu thập dữ liệu (kết quả của thí nghiệm), tính xác suất thực nghiệm của một số sự kiện dựa trên kết quả thu.
	TK-XS	Ôn tập chương IX (Tiết 1)	2 (127)	Hệ thống được các nội dung đã học trong chương. Giải được một số bài tập tổng hợp và vận dụng có liên quan.
	Hình	Luyện tập chung	1 (128)	<b>Kiến thức</b> Nắm vững kiến thức về góc, điểm trong của góc, số đo góc, các góc đặc biệt. <b>Năng lực:</b> - Năng lực riêng: + Đọc đúng tên góc, đỉnh, cạnh của góc. + Đo được góc cho trước. - <b>Năng lực chung:</b> Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán. <b>Phẩm chất:</b> Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.
33	TK-XS	Ôn tập chương IX (Tiết 2)	2 (129)	Hệ thống được các nội dung đã học trong chương. Giải được một số bài tập tổng hợp và vận dụng có liên quan.

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
	TH-TN	Kế hoạch chi tiêu cá nhân và gia đình	1 (130)	<b>Kiến thức</b> - Giúp HS làm quen với việc xây dựng một kế hoạch đơn giản về tài chính. - Áp dụng được các kiến thức về tỉ số phần trăm vào những vấn đề cụ thể trong đời sống. - Giáo dục ý thức chi tiêu có kế hoạch. <b>Năng lực</b> Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán. Kỹ năng tính toán, kỹ năng xây dựng kế hoạch tài chính đơn giản. <b>Phẩm chất</b> Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.
	TH-TN	Hoạt động thể thao nào được em yêu thích nhất trong hè ( <b>Tiết 1</b> )	2 (131)	- Điều tra và phân tích về lựa chọn hoạt động thể thao hè mà học sinh lựa chọn để tư vấn cho nhà trường ( địa phương) trong việc tổ chức các hoạt động thể thao hè trong kỳ nghỉ hè tới. Thông qua dự án, học sinh luyện tập cách thu thập dữ liệu, tổ chức dữ liệu, xử lý dữ liệu và phân tích dữ liệu.
	Hình	Ôn tập chương VIII	1 (132)	Hệ thống được các nội dung trong chương. Giải được một số bài tập tổng hợp và vận dụng có liên quan.
34		<b>Ôn tập cuối HK2 (Tiết 1,2)</b>	3	- Ôn tập, tổng kết được toàn bộ các bài học trong học kỳ II



Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
			(133-134)	
		<b>Kiểm tra cuối HK2</b>	2 (135-136)	
34	TH-TN	Hoạt động thể thao nào được em yêu thích nhất trong hè ( <b>Tiết 2</b> )	2 (137)	<p>- Điều tra và phân tích về lựa chọn hoạt động thể thao hè mà học sinh lựa chọn để tư vấn cho nhà trường ( địa phương) trong việc tổ chức các hoạt động thể thao hè trong kỳ nghỉ hè tới. Thông qua dự án, học sinh luyện tập cách thu thập dữ liệu, tổ chức dữ liệu, xử lí dữ liệu và phân tích dữ liệu.</p>
	TH-TN	Vẽ hình đơn giản với phần mềm GEOGEBRA	2 (138-139)	<p><b>Về kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được tính năng của các hộp công cụ trên giao diện của phần mềm Geogebra</li> <li>- Biết cách vẽ các hình đơn giản nhờ nắm được các tính chất của các hình đó. Đặc biệt, HS biết vẽ các hình có trục đối xứng và tâm đối xứng.</li> </ul> <p><b>Về năng lực:</b></p> <p><b>Năng lực toán học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học:</li> <li>+ Sử dụng được phần mềm GeoGebra để vẽ các hình có tâm đối xứng, trục đối xứng,</li> <li>+ Biết được cách ẩn các yếu tố không cần thiết trên hình vẽ và cách lưu hình vẽ thành một tệp có phần mở rộng ggb, hoặc một tệp ảnh với phần mở rộng png.</li> <li>- Năng lực tư duy và lập luận toán học:</li> </ul>

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
				<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lập luận được hình vẽ được là hình thoi nhờ kiến thức hình học: hình thoi có trục đối xứng và xác định được trục đối xứng của hình thoi là 2 đường chéo .</li> <li>+ Lập luận được hình vẽ được là hình lục giác đều nhờ kiến thức hình học hình lục giác đều có tâm đối xứng và xác định được giao điểm của 3 đường chéo chính là tâm đối xứng của hình lục giác đều .</li> <li>- Năng lực giao tiếp toán học:</li> <li>+ Trình bày được các bước vẽ hình.</li> <li>+ Thảo luận, nhận xét, đánh giá chéo được các sản phẩm (hình vẽ trên máy tính) khi thực hiện nhiệm vụ.</li> <li>- Năng lực chung và năng lực đặc thù:</li> <li>+ Năng lực tự chủ, tự học: Tự giác, tự học trong các nhiệm vụ được giao khi vẽ hình trên phần mềm GeoGebra</li> <li>+ Năng lực thẩm mỹ: Vẽ được hình thoi, hình lục giác đều, và các hình khác trên phần mềm GeoGebra có tính thẩm mỹ</li> <li>+ Năng lực tin học: Sử dụng được các nút lệnh trong phần mềm Geogebra.</li> <li><b>Về phẩm chất:</b></li> <li>- Chăm chỉ: Hoàn thành được các bài tập thực hành cá nhân, các bài tập thực hành nhóm.</li> <li>- Trách nhiệm: Có trách nhiệm cùng tham gia các hoạt động thực hành vẽ hình khi tham gia hoạt động nhóm.</li> <li>- Trung thực: Khách quan, công bằng khi tự đánh giá kết quả thực hành cá nhân, bài làm thực hành của nhóm trên máy tính.</li> </ul>
		<b>Ôn tập cuối HK2 (Tiết 3)</b>	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn tập, tổng kết được toàn bộ các bài học trong học kỳ II</li> </ul>

Tuần	Phân môn/ Bài học (1)		Số tiết PPCT (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
			(140)	

## 2.2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	60 phút	Tuần 10	<p>Kiểm tra kiến thức, năng lực HS về:</p> <p>+ Số học: Những khái niệm, tính chất quan trọng đã được đề cập trong chương I; Vận dụng các tính chất để giải các bài tập tổng hợp;</p> <p>Tính chất chia hết trong tập hợp các số tự nhiên, số nguyên tố, hợp số, ước và bội, ước chung và ƯCLN, bội chung và BCNN. Vận dụng kiến thức đã học để giải các bài toán vào giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn.</p> <p>+ Hình học: kĩ năng vẽ hình, tính toán về chu vi, diện tích các tứ giác gần với các bài tập thực tế.</p>	Viết
Cuối Học kỳ 1	60 phút	Tuần 18	Kiểm tra kiến thức, năng lực HS trong HKI	Viết
Giữa Học kỳ 2	60 phút	Tuần 27	<p>Kiểm tra kiến thức, năng lực HS về:</p> <p>+ Số học: cộng trừ, nhân chia phân số, số thập phân</p> <p>+ Hình học: Điểm, đoạn thẳng, đường thẳng, tia, độ dài, trung điểm đoạn thẳng</p>	Viết
Cuối Học kỳ 2	60 phút	Tuần 35	Kiểm tra kiến thức, năng lực HS trong HKII	Viết

## 3. Các nội dung khác (nếu có):

- Tham gia sinh hoạt chuyên môn của tổ theo định kì hằng tháng theo mô hình nghiên cứu bài học.
- Phụ đạo học sinh yếu.

## **I.2. KHỐI 7**

### **1. Đặc điểm tình hình**

**1.1. Số lớp: 03 ; Số học sinh: 92.**

**1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 03; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 0 . Đại học: 03; Trên đại học: không**

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: 03 ; Khá: 0; Đạt: 0; Chưa đạt: 0.**

### **1.3. Thiết bị dạy học:**

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Bộ thước (eke, thước đo góc, thước thẳng)	1	Dùng thường xuyên cho các bài hình học	
2	Máy tính bỏ túi Casio	1	Dùng thường xuyên cho các bài Số và Đại số	
3	Bộ dụng cụ thực hành ngoài trời	1	Hoạt động thực hành và trải nghiệm	
4	Phòng máy tính	1	Hoạt động thực hành và trải nghiệm	
5	Bảng phụ	6	Dùng thường xuyên cho các bài học	
6	Tivi	1	Dùng thường xuyên cho các bài học	
7	Kéo, giấy màu	1	Hoạt động thực hành và trải nghiệm	
8	Xúc sắc	1	Hoạt động thực hành và trải nghiệm	
9	Đồng xu	1	Hoạt động thực hành và trải nghiệm	

### **1.4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập**

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng máy tính	1	Hoạt động thực hành và trải nghiệm	

## **2. Kế hoạch dạy học**

### **2.1 Phân phối chương trình**

**HỌC KỲ 1**  
**(18 tuần x 4 tiết/tuần = 72 tiết)**

Số và đại số:	24 tiết	Hình học và đo lường:	25 tiết
Thống kê và xác suất:	11 tiết	Thực hành và trải nghiệm:	4 tiết
Ôn tập, kiểm tra giữa kỳ:	4 tiết	Ôn tập, kiểm tra cuối kỳ:	4 tiết

MẠCH SỐ VÀ ĐẠI SỐ - XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ				MẠCH HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG			
Tuần	Tiết	Tên bài	Yêu cầu cần đạt	Tuần	Tiết	Tên bài	Yêu cầu cần đạt
1	1,2	Bài 1. Tập hợp các số hữu tỉ	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhận biết số hữu tỉ, tập hợp các số hữu tỉ <math>Q</math>, số đối của số hữu tỉ, thứ tự trong tập hợp số hữu tỉ.</li> <li>Biểu diễn số hữu tỉ trên trục số.</li> <li>So sánh hai số hữu tỉ.</li> </ul>	1	1,2	Bài 8. Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhận biết hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh.</li> <li>Nhận biết tia phân giác của 1 góc</li> <li>Vẽ tia phân giác của một góc bằng dụng cụ học tập</li> </ul>
2	3,4	Bài 2. Cộng trừ nhân chia các số hữu tỉ	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia trong <math>Q</math>.</li> <li>Vận dụng các tính chất của phép cộng và quy tắc dấu ngoặc để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lý.</li> </ul>	2	3,4	Bài 9. Hai đường thẳng song song và dấu hiệu nhận biết.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhận biết các góc tạo bởi 1 đường thẳng cắt hai đường thẳng.</li> <li>Mô tả dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song thông qua cặp góc đồng vị, cặp góc so le trong.</li> </ul>
3	5,6	Luyện tập chung	Củng cố và rèn luyện các kỹ năng: Tính toán với số hữu tỉ; biểu diễn số hữu tỉ trên trục số; vận dụng quy tắc dấu ngoặc; các tính chất của phép cộng, phép nhân để tính toán hợp lý.	3	5,6	Luyện tập chung	Củng cố và rèn luyện các kỹ năng: - Quan sát hình vẽ, gọi tên các cặp góc so le trong, đồng vị. - Giải thích được hai đt song song bằng dấu hiệu nhận biết.
4	7,8	Bài 3. Lũy thừa với số mũ tự nhiên của số hữu tỉ ( $t1,2$ )	<ul style="list-style-type: none"> <li>Mô tả phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ.</li> <li>Thực hiện tính tích, thương hai lũy thừa cùng cơ số,</li> </ul>	4	7,8	Bài 10. Tiên đề Euclid, tính chất hai đường thẳng song song	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhận biết tiên đề Euclid về đường thẳng song song.</li> <li>Mô tả một số tính chất của hai đường thẳng song song</li> <li>Biết cách vẽ hai đường thẳng song song</li> </ul>

MẠCH SỐ VÀ ĐẠI SỐ - XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ				MẠCH HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG			
Tuần	Tiết	Tên bài	Yêu cầu cần đạt	Tuần	Tiết	Tên bài	Yêu cầu cần đạt
5(*)	9	Bài 3. Lũy thừa với số mũ tự nhiên của số hữu tỉ (t3)	- Thực hiện tính lũy thừa của lũy thừa.	5	9	Bài 11. Định lý và chứng minh định lý	- Nhận biết định lý, giả thiết, kết luận của định lý và viết gọn bằng kí hiệu. - Làm quen với chứng minh định lý
	10	Bài 4. Thứ tự thực hiện các phép tính (t1)	- Mô tả được thứ tự thực hiện các phép tính. - Tính được giá trị biểu thức chứa các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa và dấu ngoặc.		10	Luyện tập chung	Củng cố và rèn luyện các kỹ năng: - Vẽ hình, viết GT, KL của định lý bằng kí hiệu. - Bước đầu biết suy luận để chứng minh định lí.
6	11	Bài 4. Quy tắc chuyển vế (t2)	- Mô tả được quy tắc chuyển vế. - Áp dụng quy tắc chuyển vế vào giải toán (dạng tìm x).	6	11	Ôn tập cuối chương 3	
	12	Luyện tập chung	Củng cố và rèn luyện các kỹ năng: Thực hiện các phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ.		12	Bài 12. Tổng các góc trong tam giác	Giải thích tổng các góc trong một tam giác bằng 180 độ
7	13	Luyện tập chung	Củng cố và rèn luyện các kỹ năng: thứ tự thực hiện phép tính, quy tắc chuyển vế	7	13,14	Bài 13. Hai tam giác bằng nhau Trường hợp bằng nhau thứ nhất	Nhận biết hai tam giác bằng nhau. Giải thích hai tam giác bằng nhau theo trường hợp cạnh – cạnh – cạnh
	14	Bài tập cuối chương 1	Tính toán với số hữu tỉ; biểu diễn số hữu tỉ trên trục số; vận dụng quy tắc dấu ngoặc; các tính chất của phép cộng, phép nhân để tính toán hợp lí. Thực hiện các phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ. Thứ tự thực hiện phép tính, quy tắc chuyển vế				

MẠCH SỐ VÀ ĐẠI SỐ - XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ				MẠCH HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG			
Tuần	Tiết	Tên bài	Yêu cầu cần đạt	Tuần	Tiết	Tên bài	Yêu cầu cần đạt
8,9	15,16	Bài 5. Làm quen với số thập phân vô hạn tuần hoàn	Nhận biết số thập phân hữu hạn và số thập phân vô hạn tuần hoàn. Làm tròn số căn cứ vào độ chính xác cho trước	8	15	Luyện tập chung	Củng cố các kiến thức về tìm số đo góc, các trường hợp bằng nhau của tam giác + Rèn luyện cho Hs các kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải
	17,18	Bài 6. Số vô tỉ. Căn bậc hai số học	Nhận biết số vô tỉ Nhận biết căn bậc hai số học của 1 số không âm Tính giá trị (đúng hoặc gần đúng) căn bậc hai số học của một số nguyên dương bằng máy tính cầm tay.		16	Bài 14. Trường hợp bằng nhau thứ hai và thứ ba của tam giác.	+ Giải thích hai tam giác bằng nhau theo các trường hợp c.g.c và g.c.g. + Lập luận và chứng minh hình học trong những trường hợp đơn giản.
	19 20	Ôn tập giữa kỳ 1	Tính toán với số hữu tỉ; biểu diễn số hữu tỉ trên trục số; vận dụng quy tắc dấu ngoặc; các tính chất của phép cộng, phép nhân để tính toán hợp lý. Thực hiện các phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ. Thứ tự thực hiện phép tính, quy tắc chuyển vế	9	17	Bài 14. Trường hợp bằng nhau thứ hai và thứ ba của tam giác.	+ Giải thích hai tam giác bằng nhau theo các trường hợp c.g.c và g.c.g. + Lập luận và chứng minh hình học trong những trường hợp đơn giản.
10	19 20	<b>Kiểm tra giữa kỳ I</b>	Các kiến thức đã học		18	Luyện tập chung	+ Củng cố các kiến thức các trường hợp bằng nhau của tam giác
				10	19 20	Ôn tập giữa kỳ 1  <b>Kiểm tra giữa kỳ I</b>	+ H/s nhớ lại các kiến thức đã học trong học kỳ. + Biết vận dụng làm các BT áp dụng. + Rèn luyện kỹ năng tính toán, kỹ năng vận dụng kiến thức vào bài tập. Các kiến thức đã học
11	21,22	Bài 7. Tập hợp	Nhận biết số thực,	11			

MẠCH SỐ VÀ ĐẠI SỐ - XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ				MẠCH HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG			
Tuần	Tiết	Tên bài	Yêu cầu cần đạt	Tuần	Tiết	Tên bài	Yêu cầu cần đạt
	23,24	các số thực Luyện tập chung (tiết 1)	Biểu diễn số thực trên trục số trong trường hợp thuận lợi. Nhận biết thứ tự trong tập hợp các số thực số đối và giá trị tuyệt đối của số thực.				
12	25,26	Luyện tập chung (tiết 2) Bài tập cuối chương II	+ Củng cố các kiến thức về số thực và các phép toán trên tập hợp số thực. + Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn	12	21,22	Bài 15. Các trường hợp bằng nhau của tam giác vuông	Giải thích các trường hợp bằng nhau của tam giác vuông
13	27,28	Bài 17. Thu thập và phân loại dữ liệu	Thu thập dữ liệu bằng phỏng vấn, bảng hỏi. Phân loại dữ liệu. Nhận biết tính đại diện của dữ liệu.	13	23,24	Bài 16. Tam giác cân. Đường trung trực của đoạn thẳng	Nhận biết tam giác cân, giải thích tính chất của tam giác cân Nhận biết khái niệm đường trung trực của một đoạn thẳng và các tính chất cơ bản của đường trung trực. Vẽ đường trung trực của đoạn thẳng bằng dụng cụ học tập.
14	29,30, 31	Bài 18. Biểu đồ quạt tròn	Đọc và mô tả dữ liệu từ biểu đồ hình quạt tròn Biểu diễn dữ liệu vào biểu đồ hình quạt tròn (cho sẵn) Nhận ra vấn đề hoặc quy luật đơn giản từ việc phân tích biểu đồ hình quạt tròn	14	25	Luyện tập chung	+ Vận dụng kiến thức để giải các bài tập.
15	32,33 34	Bài 19. Biểu đồ đoạn thẳng	Đọc và mô tả dữ liệu từ biểu đồ đoạn thẳng. Vẽ biểu đồ đoạn thẳng Nhận ra vấn đề hoặc quy luật	15	26	Luyện tập chung	+ Vận dụng kiến thức để giải các bài tập.



MẠCH SỐ VÀ ĐẠI SỐ - XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ				MẠCH HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG			
Tuần	Tiết	Tên bài	Yêu cầu cần đạt	Tuần	Tiết	Tên bài	Yêu cầu cần đạt
			đơn giản từ việc phân tích biểu đồ đoạn thẳng				
16	35,36 37	Luyện tập chung Bài tập cuối chương V	+ Vận dụng kiến thức đã học vào giải các bài tập liên quan. Rèn luyện cho Hs các kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn	16	27	Bài tập cuối chương IV	Rèn luyện cho Hs các kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn
18	38	Ôn tập cuối kỳ 1	Phần số và đại số	17	28,29	Vẽ hình đơn giản với GeoGebra kỳ 1	+ Biết sử dụng phần mềm GeoGebra để vẽ: Hai đường thẳng song song, tia phân giác của một góc, đường trung trực của đoạn thẳng, tam giác biết một số yếu tố về cạnh và góc.
					30,31	Dân số và cơ cấu dân số Việt Nam	Tìm hiểu về dân số Việt Nam và cơ cấu dân số Việt Nam
	39	Kiểm tra cuối kỳ 1	Kiểm tra kiến thức học kì	18	32	Ôn tập cuối kỳ 1	Phần hình học
					33	Kiểm tra cuối kỳ 1	Kiểm tra kiến thức học kì

**HỌC KỲ 2**  
(17 tuần x 4 tiết/ tuần = 68 tiết)

Số và đại số:	27 tiết	Hình học và đo lường:	22 tiết
Thống kê và xác suất:	6 tiết	Thực hành và trải nghiệm:	5 tiết
Ôn tập, kiểm tra giữa kỳ:	4 tiết	Ôn tập, kiểm tra cuối kỳ:	4 tiết

MẠCH SỐ VÀ ĐẠI SỐ - XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ				MẠCH HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG			
Tuần	Tiết	Tên bài	Yêu cầu cần đạt	Tuần	Tiết	Tên bài	Yêu cầu cần đạt
19	40,41	Tỉ lệ thức	Nhận biết tỉ lệ thức và các tính chất của tỉ lệ thức Vận dụng tính chất của tỉ lệ thức để tính toán	19	34,35	Bài 31. Quan hệ giữa góc và cạnh đối diện trong một tam giác.	Nhận biết hai định lý về cạnh và góc đối diện trong tam giác.
20	42	Tính chất dãy tỉ số bằng nhau	Nhận biết tính chất của dãy tỉ số bằng nhau. Vận dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau trong giải toán	20	36	Quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên	Nhận biết khái niệm đường vuông góc và đường xiên, khoảng cách từ 1 điểm đến 1 đường thẳng. Biết quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên
	43	Luyện tập chung	+Hiểu rõ định nghĩa, tính chất để lập được tỉ lệ thức		37	Quan hệ giữa ba cạnh trong một tam giác	Nhận biết liên hệ về độ dài giữa 3 cạnh trong một tam giác
21	44	Luyện tập chung	+ Vận dụng hai tính chất để làm các bài toán liên quan	21	38,39	Luyện tập chung	Củng cố các kiến thức quan hệ giữa ba cạnh của một tam giác + Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn
	45	Đại lượng tỉ lệ thuận	Nhận biết hai đại lượng tỉ lệ thuận				
22	46	Đại lượng tỉ lệ thuận	Giải một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ thuận	22	40	Sự đồng quy của ba đường trung tuyến trong một tam giác.	Nhận biết đường trung tuyến của tam giác. Nhận biết sự đồng quy của 3 đường trung tuyến trong một tam giác
	47	Đại lượng tỉ lệ nghịch	Nhận biết hai đại lượng tỉ lệ nghịch		41	Sự đồng quy của ba đường phân	+ Nhận biết sự đồng quy của ba đường trung tuyến, ba đường phân giác của tam giác.

						giác trong một tam giác.	
23	48	Đại lượng tỉ lệ nghịch	Giải một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ nghịch	23	42	Sự đồng quy của 3 đường trung trực trong 1 tam giác	+ Nhận biết sự đồng quy của ba đường trung trực, ba đường cao của tam giác
	49	Luyện tập chung	+ Vận dụng được tính chất chất của đại lượng tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch để tìm giá trị của một đại lượng và toán chia tỉ lệ.		43	Sự đồng quy của ba đường cao trong 1 tam giác	+ Nhận biết đường trung trực, đường cao của tam giác
24	50,51	Luyện tập chung Bài tập cuối chương VI	+ Chỉ ra được hệ số tỉ lệ khi biết công thức. + Vận dụng tính chất để lập được tỉ lệ thức + Giải một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ thuận, nghịch.	24	44,45	Luyện tập chung	+ Rèn luyện kiến thức về sự đồng quy của ba đường trung tuyến, ba đường phân giác của tam giác, sự đồng quy của ba đường trung trực, ba đường cao của tam giác để giải quyaats các bài tập liên quan.
25	52	Biểu thức đại số	Nhận biết biểu thức số và biểu thức đại số. Tính giá trị của biểu thức đại số.	25	46	Ôn tập cuối chương IX.	+ Cùng cố và vận dụng kiến thức về quan hệ giữa góc và cạnh đối diện trong một tam giác, quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên, quan hệ giữa ba cạnh của một tam giác, sự đồng quy của ba đường trung tuyến, ba đường phân giác của tam giác, sự đồng quy của ba đường trung trực, ba đường cao của tam giác để giải các bài tập liên quan.
	53,54	Bài 25. Đa thức một biến (t1,2).	Nhận biết đơn thức và bậc của đơn thức. Nhận biết đa thức và các hạng tử của nó Thu gọn và sắp xếp đa thức. Nhận biết bậc, hệ số cao nhất, hệ số tự do của một đa thức.				
26	55	Bài 25. Đa thức 1 biến (t3).	Tính giá trị của đa thức khi biết giá trị của biến. Nhận biết nghiệm của 1 đa thức	26	47,48	Bài 36. Hình hộp chữ nhật và hình lập phương	
	56	Bài 26. Phép cộng	Thực hiện các phép tính cộng, trừ				

		và phép trừ đa thức một biến	hai đa thức. Nhận biết các tính chất của phép cộng đa thức. Vận dụng các tính chất của phép cộng đa thức trong tính toán.			(t1,2)	
27	57	Ôn tập giữa kỳ 2	+ Ôn tập định nghĩa tính tỉ lệ thức, tính chất dãy tỉ số bằng nhau, bài toán đại lượng tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch. Đa thức một biến.	27	49	Ôn tập giữa kỳ 2	+ Ôn tập các kiến thức từ tuần 19 đến tuần 25
	58	<b>Kiểm tra giữa kỳ 2</b>	Kiểm tra kiến thức từ tuần 19 đến tuần 25		50	<b>Kiểm tra giữa kỳ 2</b>	+ Kiểm tra kiến thức từ tuần 19 đến tuần 25
	59	Bài 26. Phép cộng và phép trừ đa thức một biến	Thực hiện các phép tính cộng, trừ hai đa thức. Nhận biết các tính chất của phép cộng đa thức. Vận dụng các tính chất của phép cộng đa thức trong tính toán.	28	51,52	Bài 36. Hình hộp chữ nhật và hình lập phương (t3).Luyện tập	Mô tả 1 số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình hộp chữ nhật, hình lập phương. Giải thích một số vấn đề thực tiễn gắn với tính diện tích xung quanh, thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương.
28	60	Luyện tập chung	+ Vận dụng các tính chất của phép cộng đa thức trong tính toán				
29	61,62	Phép nhân đa thức một biến	+ Thực hiện các phép tính nhân hai đa thức cùng biến + Nhận biết và vận dụng các tính chất của các phép tính về đa thức trong tính toán.	29	53,54	Bài 37. Hình lăng trụ đứng tam giác và hình lăng trụ đứng tứ giác (t1,2)	Mô tả và tạo lập hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác. Tính diện tích xung quanh, thể tích hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác. Giải thích một số vấn đề thực tiễn gắn với tính diện tích xung quanh, thể tích

30	63,64	Phép chia đa thức một biến		30	55,56	Bài 38. Hình lăng trụ đứng tam giác và hình lăng trụ đứng tứ giác(t3) Luyện tập	hình lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác.
31	65	Phép chia đa thức một biến	+ Thực hiện các phép tính chia hai đa thức một biến + Nhận biết và vận dụng các tính chất của các phép tính về đa thức trong tính toán.		57	Bài tập cuối chương X	+ củng cố các kiến thức của hình hộp chữ nhật, hình lập phương + củng cố các kiến thức của hình lăng trụ đứng tam giác và hình lăng trụ đứng tứ giác. + Rèn luyện cho Hs các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn
	66	Luyện tập chung	+ Thực hiện các phép tính nhân, chia hai đa thức một biến + Nhận biết và vận dụng các tính chất của các phép tính về đa thức trong tính toán.	31	58	Làm quen với biến cố (t1)	Làm quen với khái niệm biến cố ngẫu nhiên, biến cố chắc chắn, biến cố không thể trong một số ví dụ đơn giản
32	67	Luyện tập chung	+ Thực hiện các phép tính nhân, chia hai đa thức một biến + Nhận biết và vận dụng các tính chất của các phép tính về đa thức trong tính toán.	32	59	Làm quen với biến cố (t2)	
					60,61	Làm quen với xác suất của biến cố.	+ Làm quen với xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản
33	68	Bài tập cuối chương VII	+ Vận dụng tính giá trị của biểu thức + Vận dụng các tính chất của phép cộng đa thức trong tính toán.	33	62,63	Luyện tập chung Bài tập cuối chương VIII	+ Vận dụng kiến thức vào giải bài toán liên quan
					64	Vòng quay	+ Làm quen với các biến cố và nhận ra

			+ Thực hiện các phép tính chia hai đa thức một biến + Nhận biết và vận dụng các tính chất của các phép tính về đa thức trong tính toán.			may mắn.	được biến cố có xảy ra hay không + Cảm nhận được xác suất xảy ra mỗi biến cố nhiều hay ít.
34				34	65,66	Hộp quà và chân đế lịch.	+ Vận dụng các kiến thức đã học về một số hình khối trong thực tiễn vào giải quyết một số tình huống trong thực tiễn như mỹ thuật, thủ công ...
					67,68	Đại lượng tỉ lệ trong đời sống	+ Biết chuyển đổi một số đơn vị đo chiều dài và khối lượng thông dụng + Thực hành tính toán việc tăng, giảm theo giá trị phần trăm của một mặt hàng
35	69	Ôn tập kiểm tra cuối kỳ 2.	Vận dụng các tính chất của đẳng thức, tính chất của tỉ lệ thức và dãy tỉ số bằng nhau để tìm số chưa biết. + Vận dụng tính giá trị của biểu thức + Thực hiện các phép tính chia hai đa thức một biến	35	69	Ôn tập kiểm tra cuối kỳ 2.	H/s nhớ lại các kiến thức đã học trong học kì. + Biết vận dụng làm các BT áp dụng. + Rèn luyện kỹ năng tính toán, kỹ năng vận dụng kiến thức vào bài tập.
	70	<b>Kiểm tra cuối kỳ 2</b>	Kiểm tra kiến thức của học kì II		70	<b>Kiểm tra cuối kỳ 2</b>	Kiểm tra kiến thức của học kì II

2.2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	60'	Tuần 10	Căn cứ theo ma trận đề kiểm tra giữa HKI	TN+TL, làm trên giấy
Cuối Học kỳ 1	60'	Tuần 18	Căn cứ theo ma trận đề kiểm tra cuối HKI	TN+TL, làm trên giấy
Giữa Học kỳ 2	60'	Tuần 27	Căn cứ theo ma trận đề kiểm tra giữa HKII	TN+TL, làm trên giấy
Cuối Học kỳ 2	60'	Tuần 35	Căn cứ theo ma trận đề kiểm tra cuối HKII	TN+TL, làm trên giấy

I.3. KHỐI 8

1. Đặc điểm tình hình

1.1. Số lớp: 02; Số học sinh: 59.

1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 03; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 0; Đại học: 03; Trên đại học: 0

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: 03; Khá: 0; Đạt: 0; Chưa đạt: 0

1.3. Thiết bị dạy học:

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy tính, ti vi kết nối mạng tại các phòng học.	bộ	Dùng cho các tiết dạy có ứng dụng CNTT	
2	Thước kẻ, Eke, compa của giáo viên	bộ	Dụng cụ vẽ hình dùng cho các tiết hình học	
3	Bìa giấy cứng, keo dán, dụng cụ thủ công	bộ	Dùng cho các tiết tạo hình, hoạt động trải nghiệm	

1.4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng Tin học	01	Thực hành phần mềm GEOGEBRA Mô tả thí nghiệm ngẫu nhiên với phần mềm Excel	
2	Lớp học	01	Công thức tính lãi kép Phân tích đặc điểm khí hậu Việt Nam Một vài ứng dụng của hàm số bậc nhất trong tài chính	
3	Sân trường	01	Ứng dụng định lí Thalès, định lí Pythagore và tam giác đồng dạng để đo chiều cao, khoảng cách	

2. Kế hoạch dạy học

2.1. Phân phối chương trình

**HỌC KỲ 1**  
(18 tuần x 4 tiết/tuần = 72 tiết)

Số và đại số:	26 tiết	Hình học và đo lường:	23 tiết
Thống kê và xác suất:	8 tiết	Thực hành và trải nghiệm:	6 tiết
Ôn tập, kiểm tra giữa kỳ:	4 tiết	Ôn tập, kiểm tra cuối kỳ:	5 tiết

MẠCH SỐ VÀ ĐẠI SỐ - XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ				MẠCH HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG			
Tuần	Tiết	Tên bài	Yêu cầu cần đạt	Tuần	Tiết	Tên bài	Yêu cầu cần đạt
1	1,2	Bài 1. Đơn thức	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhận biết đơn thức, đơn thức thu gọn, hệ số, phần biến và bậc của đơn thức.</li> <li>Thu gọn đơn thức, nhận biết đơn thức đồng dạng, cộng và trừ hai đơn thức đồng dạng.</li> </ul>	1	1	Bài 10. Tứ giác lồi	- Mô tả khái niệm tứ giác, tứ giác lồi, giải thích định lý về tổng các góc trong một tứ giác lồi.
					2	Bài 11. Hình thang cân (t1)	- Mô tả khái niệm hình thang, hình thang cân và các yếu tố của chúng, giải thích các tính chất về góc kề một đáy, cạnh bên và đường chéo của hình thang cân.
2	3,4	Bài 2. Đa thức	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhận biết các khái niệm: đa thức, hạng tử của đa thức, đa thức thu gọn và bậc của đa thức</li> <li>Thu gọn đa thức, tính giá trị đa thức khi biết giá trị của biến</li> </ul>	2	3	Bài 11. Hình thang cân (t2)	- Nhận biết dấu hiệu để một hình thang là hình thang cân.
					4	Luyện tập chung	Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 10 đến bài 11 Áp dụng các kiến thức đã học để bài tập
3	5	Bài 3. Phép cộng và phép trừ đa thức	- Thực hiện các phép tính cộng trừ đa thức	3	5	Bài 12. Hình bình hành(t1)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Mô tả khái niệm hình bình hành, giải thích các tính chất của hình bình hành.</li> <li>Nhận biết dấu hiệu để một tứ giác là hình bình hành</li> </ul>
	6	Luyện tập chung (t1)	- Nhận biết dấu hiệu để một hình là hình thoi, hình vuông		6	Bài 12. Hình bình hành (t2)	
4	7	Luyện tập chung (t2)	- Thực hiện các phép tính cộng trừ đa thức.	4	7	Bài 12. Hình bình hành (t3)	
	8	Bài 4. Phép nhân đa thức (t1)	- Thực hiện phép tính nhân đơn thức với đa thức và nhân đa thức với đa thức		8	Luyện tập chung (t1)	-Luyện tập củng cố các kiến thức đã học trong bài 12
5	9	Bài 4. Phép nhân đa thức (t2)	- Biến đổi, thu gọn biểu thức đại số có sử dụng phép nhân đa thức	5	9	Luyện tập chung (t2)	- Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực
	10	Bài 5. Phép chia đa	- Chia đơn thức cho đơn thức		10	Bài 13. Hình chữ nhật	- Mô tả khái niệm hình chữ nhật, giải



		thức cho đơn thức	(trường hợp chia hết) - Chia đa thức cho đơn thức ( trường hợp chia hết)			nhật,	thích tính chất hai đường chéo của hình chữ nhật. - Nhận biết dấu hiệu để một hình bình hành là hình chữ nhật
6	11,12	Luyện tập chung	- Biến đổi, thu gọn biểu thức đại số có sử dụng phép nhân đa thức - Chia đa thức cho đơn thức	6	11,12	Bài 14. Hình thoi và hình vuông.	- Mô tả khái niệm hình thoi và hình vuông, giải thích các tính chất của hình thoi và hình vuông - Nhận biết dấu hiệu để một hình là hình thoi, hình vuông
7	13	Ôn tập chương	Thực hiện các phép tính cộng trừ đa thức- Biến đổi, thu gọn biểu thức đại số có sử dụng phép nhân đa thức	7	13	Luyện tập chung	
	14	Ôn tập chương	Thực hiện các phép tính cộng trừ đa thức- Biến đổi, thu gọn biểu thức đại số có sử dụng phép nhân đa thức		14	Ôn tập chương	Nhận biết dấu hiệu để một hình bình hành là hình chữ nhật Nhận biết dấu hiệu để một hình là hình thoi, hình vuông
8	15,16	Bài 6. Mở đầu về hằng đẳng thức. Hiệu hai bình phương, Bình phương của một tổng hay một hiệu	- Nhận biết hằng đẳng thức ,mô tả hằng đẳng thức hiệu hai bình phương, bình phương của một tổng, bình phương của một hiệu - Vận dụng ba hằng đẳng thức này để tính nhanh, rút gọn biểu thức	8	15,16	Bài 15. Định lí Thalès trong tam giác (t1,2)	- Định lí Thales trong tam giác ( thuận và đảo) - Tính độ dài đoạn thẳng bằng cách sử dụng định lí Thalès, giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng định lí Thales.
9	17,18	Bài 7. Lập phương của một tổng hay một hiệu	- Mô tả các hằng đẳng thức : lập phương của một tổng và lập phương của một hiệu - Vận dụng hai hằng đẳng thức này để khai triển, rút gọn biểu thức	9	17	Bài 15. Định lí Thalès trong tam giác (t3)	
					18	Bài 16. Đường trung bình của tam giác, của hình thang	Mô tả định nghĩa đường trung bình của tam giác. - Giải thích tính chất đường trung bình của tam giác.
10	19	Ôn tập giữa kỳ 1	Thực hiện các phép tính cộng trừ đa thức- Biến đổi, thu gọn biểu thức đại số có sử dụng phép nhân đa thức	10	19	Ôn tập giữa kỳ 1	Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong giữa học kỳ I - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn

	20	Kiểm tra giữa kỳ 1	-Kiểm tra, đánh giá mức độ nhận thức về các kiến thức đã học trong hai chương Đa thức – Thực hiện được các kĩ năng cơ bản trong chương Đa thức .		20	Kiểm giữa kỳ 1	-Kiểm tra, đánh giá mức độ nhận thức về các kiến thức đã học trong hai chương Tứ giác -Thực hiện được các kĩ năng cơ bản trong chương Tứ giác
11	21,22	Bài 8 Tổng và hiệu hai lập phương	- Mô tả các hằng đẳng thức : tổng, hiệu hai lập phương - Vận dụng hai hằng đẳng thức này để rút gọn biểu thức hay viết biểu thức dưới dạng tích	11	21	Bài 17. Tính chất đường phân giác của tam giác	- Giải thích tính chất đường phân giác trong của tam giác. - Sử dụng tính chất đường phân giác trong của tam giác để tính độ dài đoạn thẳng và tỉ số của hai đoạn thẳng.
					22	Luyện tập chung (t1)	Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 15 đến bài 17
12	23,24	Luyện tập chung	Vận dụng hai hằng đẳng thức này để rút gọn biểu thức hay viết biểu thức dưới dạng tích	12	23	Luyện tập chung (t2)	- Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn
					24	Bài tập cuối chương VI	- Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn
13	25,26	Bài 9 Phân tích đa thức thành nhân tử	- Nhận biết phân tích đa thức thành nhân tử; mô tả ba cách phân tích đa thức thành nhân tử: Đặt nhân tử chung; Nhóm các hạng tử; Sử dụng hằng đẳng thức.	13	25	Bài 18. Thu thập và phân loại dữ liệu	- Thực hiện và li giải việc thu nhập dữ liệu. - Phân loại số liệu rời rạc, số liệu liên tục
					26	Bài 19. Biểu diễn dữ liệu bằng bảng, biểu đồ (t1)	- Chuyển dữ liệu từ dạng biểu diễn này sang dạng biểu diễn khác
14	27,28	Luyện tập chung	- Luyện tập củng cố các kiến thức đã học trong bài 9. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn	14	27	Bài 19. Biểu diễn dữ liệu bằng bảng, biểu đồ (t2)	- Lựa chọn biểu đồ phù hợp với dữ liệu cho trước
					28	Bài 20. Phân tích số liệu thống kê dựa vào biểu đồ (t1)	- Phát hiện và giải quyết được vấn đề, quy luật đơn giản dựa trên phân tích số liệu, nhận ra tính hợp lí của dữ liệu được biểu diễn

15	29	TỔNG KẾT CHƯƠNG	- Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn	15	29	Bài 20. Phân tích số liệu thống kê dựa vào biểu đồ (t2)	- Nhận biết mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học khác trong Chương trình lớp 8
HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH TRẢI NGHIỆM							
15	30	Công thức lãi kép	- Sử dụng công thức lãi kép để tính số tiền thu được (cả vốn lẫn lãi ) sau N kì gửi tiết kiệm	16	30	Luyện tập chung (t1)	- Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 18 đến bài 20 - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn
16	31	Thực hiện tính toán trên đa thức với phần mềm GeoGebra	- Sử dụng phần mềm GeoGebra để tính toán các phép tính trên đa thức		31	Luyện tập chung (t2)	
	32	Vẽ hình đơn giản với phần mềm GeoGebra (t1)	- Sử dụng phần mềm GeoGebra để vẽ hình chữ nhật, hình bình hàn , hình thang	32	TỔNG KẾT CHƯƠNG	-Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương.Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn	
17	33	Vẽ hình đơn giản với phần mềm GeoGebra (t2)		Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong học kỳ I - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn	17	33,34	Phân tích đặc điểm khí hậu Việt Nam
	34	Ôn tập cuối kỳ 1	18		35	Ôn tập cuối kỳ 1	Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong học kỳ I - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn
18	36	Kiểm tra học kì 1	Kiểm tra, đánh giá mức độ nhận thức về các kiến thức đã học trong học kì I – Thực hiện được các kĩ năng cơ bản trong học kì I – Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn	18	36	Kiểm tra học kì 1	Kiểm tra, đánh giá mức độ nhận thức về các kiến thức đã học trong học kì I – Thực hiện được các kĩ năng cơ bản trong học kì I – Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn

## HỌC KỲ 2

(17 tuần x 4 tiết/ tuần = 68 tiết)

Số và đại số:	28 tiết	Hình học và đo lường:	21 tiết
Thống kê và xác suất:	9 tiết	Thực hành và trải nghiệm:	4 tiết
Ôn tập, kiểm tra giữa kỳ:	4 tiết	Ôn tập, kiểm tra cuối kỳ:	4 tiết

MẠCH SỐ VÀ ĐẠI SỐ - XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ				MẠCH HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG			
Tuần	Tiết	Tên bài	Yêu cầu cần đạt	Tuần	Tiết	Tên bài	Yêu cầu cần đạt
19	37	Bài 21. Phân thức đại số	- Nhận biết phân thức đại số, tử thức và mẫu thức của một phân thức. Viết điều kiện xác định của phân thức và tính giá trị của phân thức tại giá trị của biến thỏa mãn điều kiện xác định, nhận biết hai phân thức bằng nhau	19	37,38	Bài 33. Hai tam giác đồng dạng	- Nhận biết hai tam giác đồng dạng và giải thích các tính chất của chúng - Giải thích định lý về trường hợp đồng dạng đặc biệt của hai tam giác
	38	Bài 22. Tính chất cơ bản của phân thức đại số (t1)	- Mô tả tính chất cơ bản của phân thức đại số, rút gọn phân thức đại số				
20	39,40	Bài 22. Tính chất cơ bản của phân thức đại số (t2,3)	- Biết quy đồng mẫu thức nhiều phân thức trong trường hợp thuận lợi	20	39,40	Bài 34. Ba trường hợp đồng dạng của hai tam giác (t1,2)	- Ba trường hợp đồng dạng của hai tam giác - Áp dụng các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vào các vấn đề thực tiễn
21	41	Luyện tập chung (t1)	- Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 21 đến bài 22 - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn	21	41	Bài 34. Ba trường hợp đồng dạng của hai tam giác (t3)	Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 33 đến bài 34
	42	Luyện tập chung (t2)			42	Luyện tập chung (t1)	
22	43,44	Bài 23. Phép cộng và phép trừ phân thức đại số (t1,2)	- Thực hiện phép cộng và phép trừ phân thức đại số - Vận dụng các tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng phân thức và quy tắc dấu ngoặc với phân thức trong tính toán	22	43	Luyện tập chung (t2)	- Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn
		Bài 23. Phép cộng và phép trừ phân thức đại số (t3)			44	Bài 35. Định lý Pythagore và ứng dụng (t1)	- Giải thích định lý Pythagore; tính độ dài cạnh trong tam giác vuông bằng cách sử dụng định lý Pythagore
23	45	Bài 23. Phép cộng và phép trừ phân thức đại số (t3)		23	45	Bài 35. Định lý Pythagore và ứng dụng (t2)	

	46	Bài 24. Phép nhân và phép chia phân thức đại số (t1)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện phép nhân và phép chia hai phân thức đại số</li> <li>- Vận dụng tính chất của phép nhân phân thức trong tính toán</li> </ul>		46	Bài 36. Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vuông. (t1)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích các trường hợp đồng dạng của tam giác vuông</li> <li>- Giải quyết vấn đề thực tiễn gắn với công việc vận dụng các tam giác vuông đồng dạng</li> </ul>
24	47	Bài 24. Phép nhân và phép chia phân thức đại số (t2)		24	47	Bài 36. Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vuông. (t2)	
	48	Luyện tập chung (t1)			48	Bài 37. Hình đồng dạng	
25	49	Luyện tập chung (t2)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <u>Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 23 đến bài 24</u></li> </ul>	25	49	Luyện tập chung	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <u>Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 35 đến bài 37</u></li> </ul>
	50	Bài tập cuối chương VI	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <u>Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương.</u></li> <li>- <u>Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn</u></li> </ul>		50	Bài tập cuối chương IX	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <u>Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương.</u></li> <li>- <u>Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn</u></li> </ul>
26	51,52	Bài 25. Phương trình bậc nhất một ẩn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu khái niệm phương trình bậc nhất một ẩn và cách giải.</li> <li>- Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình bậc nhất</li> </ul>	27	51,52	Bài 38. Hình chóp tam giác đều.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả đỉnh, cạnh bên, mặt bên, mặt đáy của hình chóp tam giác đều; tạo lập hình chóp tam giác đều.</li> <li>- Diện tích xung quanh và thể tích của hình chóp tam giác đều.</li> <li>- Giải quyết một số vấn đề thực tế gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình chóp tam giác đều.</li> </ul>
27	53	Ôn tập giữa kì 2	<ul style="list-style-type: none"> <li>Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong giữa học kỳ ii</li> <li>- Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn</li> </ul>	27	53	Ôn tập giữa kì 2	<ul style="list-style-type: none"> <li>Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong giữa học kỳ ii</li> <li>- Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn</li> </ul>
	54	<b>Kiểm tra giữa kì 2</b>	-Kiểm tra, đánh giá mức độ nhận thức về các kiến thức đã học trong chương Phân thức đại số		54	<b>Kiểm tra giữa kì 2</b>	-Kiểm tra, đánh giá mức độ nhận thức về các kiến thức đã học trong chương Tam giác đồng dạng

			– Thực hiện được các kỹ năng cơ bản trong chương Phân thức đại số				– Thực hiện được các kỹ năng cơ bản trong chương Tam giác đồng dạng
28	55,56	Bài 26. Giải bài toán bằng cách lập phương trình	- Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình bậc nhất	28	55,56	Bài 39. Hình chóp tứ giác đều.	- Mô tả đỉnh, mặt đáy, mặt bên, cạnh bên của hình chóp tứ giác đều, tạo lập hình chóp tứ giác đều. - Tính diện tích xung quanh và thể tích của hình chóp tứ giác đều, giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình chóp tứ giác đều.
29	57,58	Luyện tập chung	Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 25 đến bài 26 Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn	29	57	Luyện tập chung	- Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 38 đến bài 39 - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn
					58	Bài tập cuối chương X	Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn
				XÁC SUẤT THỐNG KÊ			
30	59,60	Bài 27. Khái niệm hàm số và đồ thị của hàm số	- Nhận biết khái niệm thực tế dẫn đến khái niệm hàm số; tính giá trị của hàm số đó xác định bởi công thức. - Xác định tọa độ của một điểm trên mặt phẳng tọa độ; xác định một điểm trên mặt phẳng tọa độ khi biết tọa độ của nó	30	59	Bài 30. Kết quả có thể và kết quả thuận lợi	- Xác định các kết quả có thể của hành động, thực nghiệm. - Xác định các kết quả thuận lợi cho một biến cố liên quan tới hành động, thực nghiệm.
					60	Bài 31. Cách tính xác suất của biến cố bằng tỉ số (t1)	- xác suất bằng tỉ số giữa số kết quả thuận lợi cho biến cố và số kết quả có thể trong trường hợp các kết quả có thể là đồng khả năng.
31	61,62	Bài 28. Hàm số bậc nhất và đồ thị của hàm số bậc nhất	- Thiết lập bảng giá trị của hàm số bậc nhất; vẽ đồ thị của hàm số bậc nhất. - Vận dụng hàm số bậc nhất và đồ thị của hàm số bậc nhất vào giải quyết một số bài toán thực tiễn.	31	61	Bài 31. Cách tính xác suất của biến cố bằng tỉ số (t2)	- Tính xác suất thực nghiệm trong một số ví dụ các tình huống thực tế. - Ước lượng xác suất của một biến cố bằng xác suất thực nghiệm; ứng dụng trong một số bài toán đơn giản.
					62	Bài 32. Mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm với xác suất và ứng dụng (t1)	
32	63,64	Bài 29. Hệ số góc	- Nhận biết khái niệm hệ số góc	32	63	Bài 32. Mối liên hệ	

		của đường thẳng	của đường thẳng $y=ax+b$ ( $a \neq 0$ ) - Sử dụng hệ số góc của đường thẳng để nhận biết và giải thích sự cắt nhau hoặc song song của hai đường thẳng cho trước.			giữa xác suất thực nghiệm với xác suất và ứng dụng (t2)	
	65	Luyện tập chung	Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 27 đến bài 29		64	Luyện tập chung	Luyện tập củng cố các kiến thức đã học từ bài 30 đến bài 32
33	66	Bài tập cuối chương VII	- Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn	33	65	Luyện tập chung	Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn
					66	Bài tập cuối chương VIII	- Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong chương. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn
<b>HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH TRẢI NGHIỆM</b>				<b>HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH TRẢI NGHIỆM</b>			
	67	Một vài ứng dụng của hàm số bậc nhất trong tài chính.	- Giới thiệu một vài ứng dụng đơn giản của hàm số bậc nhất trong tài chính		67	Thực hiện tính toán trên phân thức đại số và vẽ đồ thị với phần mềm GeoGebra	- Sử dụng phần mềm GeoGebra để tính toán các phép tính trên phân thức đại số, giải phương trình bậc nhất một ẩn và vẽ đồ thị của hàm số bậc nhất
34	68	Ứng dụng định lý Thalès, định lý Pythagore và tam giác đồng dạng để đo chiều cao, khoảng cách	- Ứng dụng định lý Thalès để đo chiều cao của ngọn cây (tòa nhà, tòa tháp) - Ứng dụng định lý Pythagore và tam giác đồng dạng để đo khoảng cách những điểm không tới được	34	68	Mô tả thí nghiệm ngẫu nhiên với phần mềm Excel	- Mô tả thí nghiệm ngẫu nhiên với phần mềm bảng tính Excel, sử dụng một số hàm cơ bản và tính xác suất thực nghiệm của biến cố để có thể thấy rằng khi số lần thực hiện thí nghiệm càng lớn thì xác suất thực nghiệm càng xấp xỉ tốt cho xác suất
	69	Ôn tập cuối Học kỳ 2	- Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong học kỳ 2 - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn		69	Ôn tập cuối Học kỳ 2	- Ôn tập củng cố các kiến thức đã học trong học kỳ 2 - Áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn
35	70	Kiểm tra cuối học kỳ II	- Kiểm tra kiến thức của học kỳ II	35	70	Kiểm tra cuối học kỳ II	Kiểm tra kiến thức của học kỳ II



## 2.2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	60'	Tuần 10	Căn cứ theo ma trận đề kiểm tra giữa HKI	TN+TL, làm trên giấy
Cuối Học kỳ 1	60'	Tuần 18	Căn cứ theo ma trận đề kiểm tra cuối HKI	TN+TL, làm trên giấy
Giữa Học kỳ 2	60'	Tuần 27	Căn cứ theo ma trận đề kiểm tra giữa HKII	TN+TL, làm trên giấy
Cuối Học kỳ 2	60'	Tuần 35	Căn cứ theo ma trận đề kiểm tra cuối HKII	TN+TL, làm trên giấy

## II. MÔN KHTN

### II.1. KHỐI 6

#### 1. Đặc điểm tình hình

1.1. Số lớp: 02; Số học sinh: 80.

1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 03; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 0; Đại học: 03; Trên đại học: 0

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: 03; Khá: 0; Đạt: 0; Chưa đạt: 0

#### 1.3. Thiết bị dạy học:

##### 1.3.1 Thiết bị dạy học phân môn hóa học:



STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
<b>Tranh ảnh</b>				
1	- Tranh/ảnh một số kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành - Tranh/ảnh một số qui định an toàn trong phòng thực hành - Tranh/ảnh một số kí hiệu cảnh báo nguy hiểm	01  01  01	Bài 2. An toàn trong phòng thực hành	
1	- Tranh/ảnh mô tả sự đa dạng của chất	01	Bài 9. Sự đa dạng của chất	
2	Tranh/ảnh về sơ đồ biểu diễn sự chuyển thể của chất	01	Bài 10. Các thể của chất và sự chuyển thể	
<b>Thiết bị thực hành</b>				
1	- Laptop, TV	02	Tất cả các bài	
2	Bảng phụ	08	Bài 14. Một số nhiên liệu Bài 16. Hỗn hợp các chất	
3	Cốc thủy tinh	20	Bài 9: Sự đa dạng của chất Bài 10. Các thể của chất và sự chuyển thể. Bài 16. Hỗn hợp các chất Bài 17. Tách chất ra khỏi hỗn hợp	
4	Cốc thủy tinh hình trụ có vạch chia	04	Bài 11. Oxygen. Không khí	
5	Nhiệt kế	07	Bài 9: Sự đa dạng của chất	

			Bài 10. Các thể của chất và sự chuyển thể	
6	Đũa thủy tinh	07	Bài 9: Sự đa dạng của chất	
7	Thìa thủy tinh	01	Bài 16. Hỗn hợp các chất Bài 17. Tách chất ra khỏi hỗn hợp	
8	Bát sứ	08	Bài 9: Sự đa dạng của chất Bài 12. Một số vật liệu	
9	Giá thí nghiệm	08	Bài 10. Các thể của chất và sự chuyển thể Bài 11. Oxygen. Không khí Bài 16. Hỗn hợp các chất	
10	Đèn cồn	08	Bài 9: Sự đa dạng của chất Bài 10. Các thể của chất và sự chuyển thể Bài 16. Hỗn hợp các chất Bài 17. Tách chất ra khỏi hỗn hợp	
11	Ống nghiệm	20	Bài 10. Các thể của chất và sự chuyển thể Bài 11. Oxygen. Không khí Bài 16. Hỗn hợp các chất	
12	Nút cao su đậy ống nghiệm	10	Bài 11. Oxygen. Không khí	
13	Bật lửa	01	Bài 9: Sự đa dạng của chất Bài 10. Các thể của chất và sự chuyển thể Bài 11. Oxygen. Không khí Bài 16. Hỗn hợp các chất Bài 17. Tách chất ra khỏi hỗn hợp	
14	Chậu thủy tinh	04	Bài 11. Oxygen. Không khí	
15	Cốc thủy tinh hình trụ có vạch chia	10	Bài 11. Oxygen. Không khí	
17	Các thìa bằng kim	08	Bài 12. Một số vật liệu	

	loại			
18	Ống hút	10	Bài 13. Một số nguyên liệu	
19	Phễu lọc	04	Bài 17. Tách chất ra khỏi hỗn hợp	
20	Phễu chiết	04	Bài 17. Tách chất ra khỏi hỗn hợp	
21	Giá sắt	04	Bài 17. Tách chất ra khỏi hỗn hợp	
22	Kẹp sắt	04	Bài 17. Tách chất ra khỏi hỗn hợp	
23	Giấy lọc	01	Bài 17. Tách chất ra khỏi hỗn hợp	
24	Đĩa thủy tinh	04	Bài 13. Một số nguyên liệu	
<b>Hóa chất</b>				
1	Muối	01	Bài 9: Sự đa dạng của chất Bài 16. Hỗn hợp các chất Bài 17. Tách chất ra khỏi hỗn hợp	
2	Nước cất	500ml	Bài 9: Sự đa dạng của chất Bài 10. Các thể của chất và sự chuyển thể Bài 16. Hỗn hợp các chất Bài 17. Tách chất ra khỏi hỗn hợp	
3	Đường	01	Bài 9: Sự đa dạng của chất Bài 16. Hỗn hợp các chất	
4	Dầu ăn	01	Bài 13. Một số nguyên liệu Bài 9: Sự đa dạng của chất Bài 17. Tách chất ra khỏi hỗn hợp	
5	Bột đá vôi	01	Bài 16. Hỗn hợp các chất	
6	Bột băng phiến		Bài 10. Các thể của chất và sự chuyển thể	
7	Cây nến	04	Bài 11. Oxygen. Không khí	
8	Nước vôi trong		Bài 11. Oxygen. Không khí	
9	dd hydrochloric acid,	500ml	Bài 13. Một số nguyên liệu	
10	Đinh sắt	05	Bài 13. Một số nguyên liệu	

### 1.3.2 Thiết bị dạy học phân môn vật lí:

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm - thực hành	Ghi chú
1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình ảnh hoặc 1 số loại thước đo chiều dài: thước dây, thước cuộn, thước mét, thước kẻ...</li> <li>- Chuẩn bị cho mỗi nhóm học sinh: thước các loại, nắp chai các cỡ, ...</li> </ul>	4 bộ	<b>Bài 5: Đo chiều dài</b>	Phòng TH Lý
2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình ảnh hoặc 1 số loại cân: cân Robecval, cân đòn, cân đồng hồ, cân điện tử...</li> <li>- Chuẩn bị cho mỗi nhóm học sinh: Cân đồng hồ, quất, đường, nước, bình chia độ, cốc, thìa, ống hút...</li> </ul>	4 bộ	<b>Bài 6: Đo khối lượng</b>	Phòng TH Lý
3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình ảnh về các dụng cụ sử dụng đo thời gian từ trước đến nay.</li> <li>- Đoạn video chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai về thời gian của một hoạt động: Brian Cox visits the world's biggest vacuum Human Universe - BBC - YouTube</li> <li>- Phiếu học tập KWL và phiếu học tập Bài 6: ĐO THỜI GIAN (đính kèm).</li> <li>- Chuẩn bị cho mỗi nhóm học sinh: 1 đồng hồ đeo tay (đồng hồ treo tường); 1 đồng hồ điện tử (đồng hồ trên điện thoại); 1 đồng hồ bấm giờ cơ học.</li> <li>- Đoạn video chế tạo đồng hồ mặt trời: Hướng dẫn làm đồng hồ mặt trời - Xchannel - YouTube</li> </ul>	4 bộ  1 bộ	<b>Bài 7: Đo thời gian</b>	Phòng TH Lý
4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình ảnh về các dụng cụ sử dụng đo nhiệt độ từ trước đến nay.</li> </ul>	4 bộ	<b>Bài 8: Đo nhiệt độ</b>	Phòng TH Lý

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình ảnh các loại nhiệt kế: Thủy ngân, nhiệt kế rượu, nhiệt kế điện tử...</li> <li>- 3 cốc nước có nhiệt độ khác nhau</li> <li>- Chuẩn bị của mỗi nhóm học sinh: 1 nhiệt kế rượu, 1 nhiệt kế dầu, 1 nhiệt kế y tế, 1 nhiệt kế điện tử, khăn khô.</li> </ul>			
5	-1 giá thí nghiệm, 1 lò xo lá tròn, 2 xe lăn, 1 sợi dây mảnh, nam châm thẳng, đinh ghim	4 bộ	<b>Bài 40. Lực là gì?</b>	Phòng TH Lý
6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lực kế lò xo, vật nặng, khối gỗ</li> <li>- Hình ảnh trong sách giáo khoa.</li> <li>- Phiếu học tập</li> </ul>	1 bộ	<b>Bài 41. Biểu diễn lực</b>	Phòng học
7	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình ảnh về các dụng cụ sử dụng tính chất biến dạng của lò xo trong thực tế đời sống và kỹ thuật.</li> <li>- Chuẩn bị cho mỗi nhóm học sinh: Một giá treo, một chiếc lò xo, một thước chia độ đến mm, một hộp 4 quả nặng giống nhau, mỗi quả 50g.</li> <li>- Đoạn video chế tạo cân lò xo</li> </ul>	4 bộ	<b>Bài 42: Biến dạng của lò xo - Thực hành: Sự biến dạng của lò xo</b>	Phòng TH Lý
8	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình ảnh về lực hấp dẫn, dây dọi.</li> <li>- Hình ảnh minh họa có liên quan đến bài học.</li> <li>- Chuẩn bị của mỗi nhóm học sinh: giá thí nghiệm, hộp quả nặng có các quả cân có khối lượng khác nhau, lò xo, viên phấn.</li> </ul>	5 bộ	<b>Bài 43: Trọng lượng và lực hấp dẫn - Luyện tập và hoạt động trải nghiệm</b>	Phòng TH Lý
9	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tranh vòng bi, lực kế 2N, miếng gỗ, quả cân, xe lăn</li> <li>- Tranh, ảnh liên quan tới lực ma sát.</li> </ul>	1 bộ	<b>Bài 44. Lực ma sát</b>	Phòng học

[illegible]

12	<p>Chuẩn bị cho mỗi nhóm học sinh: Hai con lắc (gồm hai quả cầu giống hệt nhau, treo bằng hai dây nhẹ dài bằng nhau), giá treo cố định, thước mét, tấm bìa đánh dấu hai điểm A, B có cùng độ cao; quả bóng tennis, sợi dây dù, 1 đèn pin, 1 máy sấy tóc.</p> <p>-Bảng phụ đã dán sẵn các quá trình chuyển hóa năng lượng (Bài 2_PBT)</p>	1 bộ	<b>Bài 48. Sự chuyển hoá năng lượng</b>	Phòng học
13	-Tranh về các thiết bị dùng điện	1 bộ	<b>Bài 49. Năng lượng hao phí</b>	Phòng học
14	<p>Giấy A0, hoặc A4, bút dạ để HS: lập sơ đồ tư duy, thảo luận, xác định chủ đề cần tìm hiểu, ghi kết quả thảo luận nhóm.</p> <p>-Các tài liệu cần thiết để giới thiệu cho HS.</p> <p>-Bảng lập kế hoạch thực hiện dự án</p> <p>-HS chuẩn bị sách, vở, đồ dùng học tập; các tư liệu cần tìm hiểu; chuẩn bị các hoạt động cần tiến hành và kết quả thu thập được; Sẵn sàng theo sự phân công của nhóm; chuẩn bị báo cáo kết quả được phân công ...</p>	1 bộ	<b>Bài 50: Năng lượng tái tạo</b>	Phòng học
15	<p>Hình ảnh về vũ trụ, Mặt Trời, Trái Đất và các thiên thể.</p> <p>-Hình ảnh về chuyển động của ô tô, xe máy, thuyền trên sông.</p>	1 bộ	<b>Bài 52. Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trời. Thiên thể</b>	Phòng học

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình ảnh, video về chuyển động của Mặt Trời và Trái Đất.</li> <li>- Hình ảnh đồng hồ Mặt Trời.</li> </ul>			
16	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy chiếu, laptop, bút chỉ.</li> <li>- Hình ảnh về Mặt Trăng, sự phản chiếu ánh sáng của Mặt Trăng từ Mặt Trời đến Trái Đất.</li> <li>- Hình ảnh về các hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng.</li> <li>- Hình ảnh, video về chuyển động của Mặt Trăng quanh Trái Đất.</li> <li>- Hình ảnh lịch Âm của Việt Nam.</li> <li>- Hình ảnh của người nông dân Việt Nam ứng dụng lịch Âm vào sản xuất nông nghiệp.</li> </ul>	1 bộ	<b>Bài 53: Mặt trăng</b>	Phòng TH Lý
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình ảnh các hành tinh của Hệ Mặt Trời tính từ trong ra ngoài.</li> <li>- Video bài hát về các hành tinh của Hệ Mặt Trời:</li> <li>- Chuẩn bị cho mỗi nhóm học sinh: một hộp các – tông kính cỡ khoảng 30cm x30cm x20cm, 1 cuộn băng dính, nửa cuộn giấy nến và 1 đinh ghim.</li> </ul>	1 bộ	<b>Bài 54: Hệ mặt trời</b>	Phòng TH Lý
17	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Hình ảnh chụp Ngân Hà khi nhìn từ Trái Đất.</li> <li>-Chuẩn bị cho mỗi nhóm học sinh: một tấm bìa màu xanh thẫm, kéo, bút màu và một đinh ghim để</li> </ul>	1 bộ	<b>Bài 55. Ngân Hà</b>	Phòng học



	làm chong chóng.			
	-			

### 1.3.3 Thiết bị dạy học phân môn sinh học:

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
<b>Tranh ảnh</b>				
1	- Tranh ảnh về các hiện tượng tự nhiên. - Tranh ảnh về những thành tựu của khoa học công nghệ	01	Bài 1. Giới thiệu về khoa học tự nhiên	
2	- Hình ảnh H18.1: Hình dạng một số loại tế bào - H18.2: Kích thước các bậc cấu trúc của thế giới sống.	01 01	Bài 18. Tế bào – đơn vị cơ bản của sự sống	
3	- Hình ảnh : Hình 19.1: Sơ đồ các thành phần chính của tế bào. - Hình 19.2: Cấu tạo tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực. - Hình 19.3: Tế bào động vật - Hình 19.4: Tế bào thực vật	01 01 01 01	Bài 19. Cấu tạo và chức năng các thành phần của tế bào	
4	- Hình ảnh, đoạn phim	01	Bài 20. Sự lớn lên và sinh sản của tế bào	

	về quá trình lớn lên và phân chia TB - Hình 20.4 Ý nghĩa quá trình sinh sản của tế bào	01		
5	- Hình ảnh các cơ thể sống khác nhau: gồm cả cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào.		Bài 22. Cơ thể sinh vật	
6	- Hình ảnh sơ đồ các cấp tổ chức sống của cơ thể - Hình ảnh một số mô và hệ cơ quan ở người - Hình ảnh các mô khác nhau của thực vật		Bài 23. Tổ chức cơ thể đa bào Bài 24. Thực hành: Quan sát và mô tả cơ thể đơn bào, cơ thể đa bào	
7	- Hình ảnh một số loài sinh vật. - Hình 25.2:Sơ đồ các đơn vị phân loại sinh vật. - Hình 25.3:Loài ong mật châu Á - Hình 25.4:Sơ đồ hệ thống phân loại năm giới - Hình 25.5: Một số loài sinh vật - Một số hình ảnh	03  01 01 01  01 01	Bài 25. Hệ thống phân loại sinh vật	

	khác:Hình ảnh một số loài sinh vật, hình ảnh đồ dùng học tập, hình ảnh giá sách gọn gàng, hình ảnh phân nhóm các động vật...			
8	- Hình ảnh một số loài động vật và sơ đồ khóa lưỡng phân		Bài 26. Khóa lưỡng phân	
9	- Hình ảnh về một số loại vi khuẩn, cấu tạo của vi khuẩn, vai trò của vi khuẩn. - Hình ảnh về một số bệnh do vi khuẩn gây ra		Bài 27. Vi khuẩn	
10	- Tranh, hình ảnh về virus và các bệnh do virus gây ra.		Bài 29. Virus	
11	- Hình ảnh về một số loại nấm, vai trò, các bệnh về nấm.		Bài 32. Nấm Bài 33. Thực hành: Quan sát các loại nấm	
12	- Hình ảnh một số loài thực vật - Mẫu vật các đại diện thuộc các nhóm thực vật: rêu tường, dương xỉ, thông,... thường gặp		Bài 34. Thực vật	
13	- Mẫu vật cây dương xỉ,		Bài 35. TH: Quan sát và phân biệt một số	

	nón thông, lá, hoa và hạt bí đỏ		nhóm thực vật	
14	- Hình ảnh, mẫu vật, mô hình các đại diện các loài thuộc các nhóm động vật.		Bài 36. Động vật	
15	- Hình ảnh các hệ sinh thái rừng, hệ sinh thái trên cạn, hệ sinh thái dưới nước - Hình ảnh các khu rừng phòng hộ, khu bảo tồn thiên nhiên. - Hình ảnh, video về lũ lụt, hạn hán		Bài 38. Đa dạng sinh học	
<b>Thiết bị thực hành</b>				
1	- Kính hiển vi, - Lam kính, lamên, đĩa petri, lọ đựng hóa chất, nước cất, kim mũi mác ... - .	05 bộ	Bài 4. Sử dụng kính hiển vi quang học Bài 21. Thực hành: Quan sát và phân biệt một số loại tế bào Bài 24. Thực hành: Quan sát và mô tả cơ thể đơn bào, cơ thể đa bào Bài 28. Thực hành: Làm sữa chua và quan sát vi khuẩn Bài 31. Thực hành: Quan sát nguyên sinh vật Bài 33. Thực hành: Quan sát các loại nấm Bài 35. Thực hành: Quan sát và phân biệt một số nhóm thực vật.	
2	- Kính lúp	5 cái	Bài 3. Sử dụng kính lúp	

			Bài 21. Thực hành : Quan sát và phân biệt một số loại tế bào Bài 35. Thực hành: Quan sát và phân biệt một số nhóm thực vật. Bài 34. Thực hành: Quan sát và nhận biết một số nhóm động vật ở ngoài thiên nhiên	
3	- Vợt bắt sinh vật, găng tay, lọ nhựa,...	04 cái	Bài 37. Thực hành : Quan sát và nhận biết một số nhóm động vật ngoài thiên nhiên	

#### 1.4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Thực hành Hóa	01	Diện tích: 60 m <sup>2</sup> Sử dụng dạy các bài thực hành môn Hóa học	Sử dụng cho toàn trường
2	Thực hành Vật lý	01	Diện tích: 60 m <sup>2</sup> Sử dụng dạy các bài thực hành môn Vật lý	Sử dụng cho toàn trường
3	Thực hành Sinh	01	Diện tích: 60 m <sup>2</sup> Sử dụng dạy các bài thực hành môn Sinh học	Sử dụng cho toàn trường
4	Vườn trường (Sân trường)	01		

## 2. Kế hoạch dạy học

### 2.1. Phân phối chương trình

STT	Chủ đề/ bài học	Thời lượng	Yêu cầu cần đạt	Học kỳ
<b>CHƯƠNG I: MỞ ĐẦU VỀ KHOA HỌC TỰ NHIÊN (17 tiết)</b>				

<b>S1</b>	<b>Giới thiệu về KHTN</b>	2	<p><b>a/ Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được hiện tượng tự nhiên.</li> <li>- Nêu được khái niệm khoa học tự nhiên (KHTN).</li> <li>- Trình bày được các lĩnh vực chủ yếu của KHTN: Sinh học, hóa học và vật lý học.</li> <li>- Hiểu được vai trò, ứng dụng của KHTN trong đời sống và sản xuất.</li> <li>- Phân biệt được các lĩnh vực của KHTN dựa vào đối tượng nghiên cứu.</li> </ul> <p><b>b/ Năng lực:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khám phá thiên nhiên, nhận biết được các hiện tượng tự nhiên xung quanh, giao tiếp và hợp tác</li> </ul> <p><b>c/ Phẩm chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân nhằm tìm hiểu về KHTN.</li> <li>- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ thí nghiệm, thảo luận khái niệm, vai trò, ứng dụng của KHTN.</li> <li>- Trung thực, cẩn thận trong thực hành, ghi chép kết quả thí nghiệm, kết quả tìm hiểu vai trò KHTN trong cuộc sống.</li> </ul>	HK 1
<b>H1</b>	<b>An toàn trong phòng thực hành</b>	2	<p><b>a/ Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được các quy định, quy tắc an toàn khi học trong phòng thực hành.</li> <li>- Phân biệt được các kí hiệu biển báo, cảnh báo trong phòng thực hành.</li> <li>- Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành.</li> </ul> <p><b>b/ Năng lực:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thành và phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm</li> </ul> <p><b>c/ Phẩm chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân nhằm tìm hiểu về các quy định, quy tắc an toàn trong phòng thực hành.</li> <li>- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ thí nghiệm, thảo luận về các biển báo an toàn, hình ảnh các quy tắc an toàn trong phòng thí nghiệm.</li> <li>- Trung thực: Báo cáo chính xác, nhận xét khách quan kết quả thực hiện.</li> <li>- Tôn trọng: Biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến của người khác.</li> </ul>	HK 1

S2	Sử dụng kính lúp	1	<p><b>a/ Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết cách sử dụng kính lúp ( Điều chỉnh: Trình bày được cách sử dụng kính lúp thông quan tìm hiểu sách giáo khoa hoặc video hướng dẫn).</li> <li>- Nêu được cấu tạo của kính lúp cầm tay.</li> <li>- Nêu được tên các loại kính lúp thông dụng.</li> <li>- HS nêu được cách bảo quản kính lúp.</li> </ul> <p><b>b/ Năng lực:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực tự học và tự chủ: Tự quyết định cách thức thực hiện</li> <li>- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong hoạt động nhóm</li> </ul> <p><b>c/ Phẩm chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ học tập.</li> <li>- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện tất cả các nhiệm vụ.</li> <li>- Trung thực, cẩn thận trong thực hành, ghi chép kết quả thí nghiệm và vẽ hình.</li> </ul>	HK 1
S3	Sử dụng kính hiển vi	2	<p><b>a/ Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được cấu tạo của kính hiển vi quang học gồm 4 hệ thống chính,.</li> <li>- HS nêu được cách sử dụng và bảo quản kính hiển vi quang học.</li> <li>- Biết cách sử dụng kính hiển vi quang học ( Điều chỉnh: Trình bày được cách sử dụng kính hiển vi quang học thông quan tìm hiểu sách giáo khoa hoặc video hướng dẫn).</li> </ul> <p><b>b/ Năng lực:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng sử dụng kính hiển vi quang học vào nghiên cứu để quan sát các vật có kích thước rất nhỏ.</li> <li>- Năng lực tự học và tự chủ trong tất cả các hoạt động học tập:</li> <li>- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong các hoạt động nhóm:</li> </ul> <p><b>c/ Phẩm chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ học tập.</li> <li>- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện tất cả các nhiệm vụ.</li> <li>- Trung thực, cẩn thận trong thực hành, ghi chép kết quả thí nghiệm và vẽ hình.</li> </ul>	HK 1

<b>L1</b>	<b>Đo chiều dài</b>	3	<b>a/ Kiến thức:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng</li> <li>- Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo chiều dài.</li> </ul> <b>b/ Năng lực:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng được một số loại thước đo chiều dài.</li> <li>- Dùng thước để chỉ ra một số thao tác sai khi đo chiều dài và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó.</li> </ul> <b>c/ Phẩm chất:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ học tập.</li> <li>- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện tất cả các nhiệm vụ.</li> </ul>	HK 1
<b>L2</b>	<b>Đo khối lượng</b>	2	<b>a/ Kiến thức:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo; ước lượng được chiều dài trong một số trường hợp đơn giản.</li> <li>- Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo khối lượng.</li> <li>- Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo khối lượng; ước lượng được khối lượng trong một số trường hợp đơn giản.</li> <li>- Sử dụng được một số loại dụng cụ đo khối lượng..</li> </ul> <b>b/ Năng lực:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng cân để chỉ ra một số thao tác sai khi đo khối lượng và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó</li> <li>- Nâng cao năng lực hoạt động nhóm, điều hành hoạt động của nhóm</li> </ul> <b>c/ Phẩm chất:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thật thà, trung thực, yêu thích môn học</li> </ul>	HK 1
<b>L3</b>	<b>Đo thời gian</b>	2	<b>a/ Kiến thức:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu đơn vị đo thời gian trong hệ SI và dụng cụ thường dùng để đo thời gian.</li> <li>- Trình bày được các bước sử dụng đồng hồ để đo thời gian một hoạt động và chỉ ra được cách khắc phục một số thao tác sai bằng đồng hồ khi đo thời gian.</li> <li>- Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo và ước lượng được thời gian trong một số trường hợp đơn giản.</li> </ul> <b>b/ Năng lực:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đo được thời gian bằng đồng hồ.</li> </ul>	HK 1



			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cao năng lực hoạt động nhóm, điều hành hoạt động của nhóm</li> </ul> <b>c/ Phẩm chất:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ học tập.</li> <li>- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện tất cả các nhiệm vụ.</li> </ul>	
<b>L4</b>	<b>Đo nhiệt độ</b>	3	<b>a/ Kiến thức:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai về nhiệt độ các vật.</li> <li>- Phát biểu được nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật.</li> <li>- Nêu đơn vị đo nhiệt độ (<math>^{\circ}\text{C}</math>, <math>^{\circ}\text{F}</math>) và dụng cụ thường dùng để đo nhiệt độ.</li> <li>- Kể tên được các loại nhiệt kế và công dụng của mỗi loại.</li> <li>- Trình bày được các bước sử dụng nhiệt kế y tế, nhiệt kế điện tử để đo nhiệt độ cơ thể.</li> </ul> <b>b/ Năng lực:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đo được nhiệt độ bằng nhiệt kế ( thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu sai số) (<b>Điều chỉnh: Đo được thân nhiệt bằng nhiệt kế y tế ( thực hiện đúng thao tác, không yêu cầu sai số)</b>)</li> <li>- Nâng cao năng lực giao tiếp và giải quyết vấn đề</li> </ul> <b>c/ Phẩm chất:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm học, ham học và nâng các tinh thần tự học</li> </ul>	HK 1
<b>CHƯƠNG II: CHẤT QUANH TA (7 TIẾT)</b>				
<b>H2</b>	<b>Sự đa dạng của chất</b>	2	<b>a/ Kiến thức:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được chất ở quanh ta vô cùng đa dạng chúng có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật sống, vật không sống</li> <li>- Nêu được một số tính chất của chất (tính chất vật lý, tính chất hoá học); mỗi chất có tính chất nhất định, dựa vào tính chất ta phân biệt chất này và chất khác</li> </ul> <b>b/ Năng lực:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm được ví dụ về vật thể quanh ta, nêu ví dụ về chất có trong vật thể</li> <li>- Tìm được ví dụ về tính chất vật lý và tính chất hóa học của chất</li> <li>- Rèn luyện năng lực tìm tòi quan sát.</li> <li>- Rèn luyện kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm.</li> </ul>	HK 1

			<b>c/ Phẩm chất:</b> - Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ học tập. - Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện tất cả các nhiệm vụ.	
<b>H3</b>	<b>Các thể của chất và sự chuyển thể</b>	2	<b>a/ Kiến thức:</b> - Trình bày được một số đặc điểm cơ bản ba thể (rắn, lỏng, khí) thông quan quansát - Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể củachất. - Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đôngđặc; - Trình bày được quá trình diễn ra sự chuyển thể (trạng thái): nóng chảy, đông đặc; bay hơi, ngưng tụ;sôi <b>b/ Năng lực:</b> - Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển thể (trạng thái) của chất; ( <b>Điều chỉnh: Tiến hành được sự nóng chảy của nước đá và sự bay hơi của nước ở nhiệt độ phòng</b> ) - Tìm được ví dụ về sự chuyển thể trong tự nhiên - Rèn luyện kỹ năng tìm tòi, quan sát, trình bày ý iến <b>c/ Phẩm chất:</b> - Chăm chỉ trong học tập, yêu thích bộ môn - Có trách nhiệm hơn trong các hoạt động tập thể.	HK 1
<b>H4</b>	<b>Oxygen, không khí</b>	3	<b>a/ Kiến thức:</b> - Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tínhtan,...). - Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu. - Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon dioxit), khí hiếm, hoinước). <b>b/ Năng lực:</b> - Tiênhànhđượcthí nghiệmđơngiảndễxácđịnhthànhphầnphântrămthểtíchcủa oxygen trong không khí. ( <b>Điều chỉnh: Xác định được thành phần phần trăm theo thể tích của oxygen trong không khí từ số liệu thí nghiệm được cung cấp</b> ) - Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên. - Trình bày được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm.	HK 1

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí.</li> <li>- Rèn luyện kỹ năng tìm tòi, quan sát, trình bày ý kiến</li> </ul> <p><b>c/ Phẩm chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ học tập.</li> <li>- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện tất cả các nhiệm vụ.</li> </ul>	
<b>CHƯƠNG III: MỘT SỐ VẬT LIỆU, NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM THÔNG DỤNG (8 TIẾT)</b>				
<b>H5</b>	<b>Một số vật liệu</b>	2	<p><b>a/ Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu cơ bản (kim loại, nhựa, gỗ, cao su, gốm, thủy tinh,...)</li> <li>- Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất (tính cứng, khả năng bị ăn mòn, bị gỉ, chịu nhiệt,...) của một vật liệu.</li> <li>- Biết cách lựa chọn, phân loại sử dụng một số vật liệu toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững.</li> <li>- Có thể học cách tái sử dụng một số vật liệu thông dụng trong gia đình</li> </ul> <p><b>b/ Năng lực:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu. ( <b>Điều chỉnh: Phân tích, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực-thực phẩm từ dữ liệu cho trước.</b></li> </ul> <p><b>c/ Phẩm chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm chỉ, nhiệt tình tham gia các hoạt động của tập thể và yêu quý thiên nhiên.</li> </ul>	HK 1
<b>H6</b>	<b>Một số nguyên liệu</b>	2	<p><b>a/ Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được nguyên liệu tự nhiên và nguyên liệu nhân tạo, một số tính chất thông thường của một số nguyên liệu tự nhiên (đá, vôi...)</li> <li>- Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nguyên liệu.</li> <li>- Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất của một số nguyên liệu.</li> <li>- Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số nguyên liệu. ( <b>Điều chỉnh: Phân tích, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực-thực phẩm từ dữ liệu</b></li> </ul>	HK 1

			<p>cho trước.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được cách sử dụng nguyên liệu hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững.</li> </ul> <p><b>b/ Năng lực:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải quyết vấn đề, hợp tác và giao tiếp.</li> </ul> <p><b>c/ Phẩm chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu thiên nhiên, nâng cao trách nhiệm trong học tập và cuộc sống</li> </ul>	
<b>H7</b>	<b>Một số nhiên liệu</b>	2	<p><b>a/ Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nhiên liệu (Than, gas, xăng, dầu,...), sơ lược về an ninh năng lượng.</li> <li>- Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất của một số nhiên liệu.</li> <li>- Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số nhiên liệu (Điều chỉnh: Phân tích, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực-thực phẩm từ dữ liệu cho trước.</li> <li>- Nêu được cách sử dụng một số nhiên liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững</li> </ul> <p><b>b/ Năng lực:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, tư duy.</li> </ul> <p><b>c/ Phẩm chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tự chủ và tự học, yêu quý thiên nhiên và con người.</li> </ul>	HK 1
<b>H8</b>	<b>Một số lương thực, thực phẩm</b>	2	<p><b>a/ Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu và phân biệt được các nhóm lương thực, thực phẩm, vai trò cung cấp chất dinh dưỡng của từng nhóm thức ăn</li> <li>- Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số loại lương thực, thực phẩm</li> <li>- Thu thập số liệu, thảo luận, so sánh để rút ra tính chất của một số lương thực, thực phẩm.</li> </ul> <p>(Điều chỉnh: Phân tích, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực-thực phẩm từ dữ liệu cho trước.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số thành phần và tính chất của một số lương thực, thực phẩm</li> <li>- Biết cách sử dụng các loại thực phẩm để có cơ thể khỏe mạnh, đủ năng lượng để học tập và vui chơi.</li> </ul>	HK 1

			<p>- Hiểu được tác hại của một số đồ ăn nhanh, ăn quá nhiều mà ít hoạt động sẽ dẫn đến cơ thể không cân đối, sức khỏe không tốt.</p> <p><b>b/ Năng lực:</b></p> <p>- Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác</p> <p><b>c/ Phẩm chất:</b></p> <p>- Có trách nhiệm trong công việc được phân công, trung thực, cẩn thận trong</p>	
<b>CHƯƠNG IV: HỖN HỢP, TÁCH CHẤT RA KHỎI HỖN HỢP (6 tiết)</b>				
<b>H9</b>	<b>Hỗn hợp các chất</b>	3	<p><b>a/ Kiến thức:</b></p> <p>- Nêu được khái niệm chất tinh khiết, hỗn hợp</p> <p>- Thực hiện được một số thí nghiệm để nhận ra dung môi, dung dịch, chất tan và chất không tan.</p> <p>- Phân biệt được hỗn hợp đồng nhất và hỗn hợp không đồng nhất</p> <p>- Nêu được khái niệm chất tan, dung môi, dung dịch.</p> <p>- Thực hiện thí nghiệm để biết dung môi, dung dịch là gì; phân biệt được dung môi và dung dịch ( <b>Điều chỉnh: Nhận biết được dung môi, dung dịch là gì; phân biệt được dung môi và dung dịch từ kết quả thí nghiệm được cung cấp</b>)</p> <p>- Quan sát một số hiện tượng trong thực tiễn để phân biệt được dung dịch với huyền phù, nhũ tương.</p> <p>- Nhận ra được một số khí cũng có thể hòa tan trong nước để tạo thành một dung dịch; các chất rắn cũng có thể hòa tan và không tan trong nước.</p> <p>- Nêu được các yếu tố ảnh hưởng đến lượng chất rắn hoà tan trong nước.</p> <p><b>b/ Năng lực:</b></p> <p>- Phát hiện ra vấn đề và sáng tạo trong việc đưa ra các giải pháp.</p> <p><b>c/ Phẩm chất:</b></p> <p>- Chăm chỉ và vượt khó trong học tập,</p>	HK 1
<b>H10</b>	<b>Tách chất ra khỏi hỗn hợp</b>	3	<p><b>a/ Kiến thức:</b></p> <p>- Phân biệt được các chất có trong hỗn hợp có sự khác nhau về tính chất, biết dựa trên sự khác nhau đó để tách chất ra khỏi hỗn hợp.</p> <p>- Trình bày được một số cách đơn giản để tách chất ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các cách tách đó.</p> <p>- Sử dụng được một số dụng cụ, thiết bị cơ bản để tách chất ra khỏi hỗn hợp bằng</p>	HK 1

			<p>cách lọc, cô cạn, chiết ( Điều chỉnh: Nêu được một số dụng cụ, thiết bị cơ bản để tách chất ra khỏi hỗn hợp bằng cách lọc, cô cạn, chiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ ra được mối liên hệ giữa tính chất vật lí của một số chất thông thường với phương pháp tách chúng ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các chất trong thực tiễn.</li> </ul> <p><b>b/ Năng lực:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cao tinh thần và thói quen hợp tác trong học tập</li> </ul> <p><b>c/ Phẩm chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm chỉ và nâng cao tinh thần học hỏi</li> </ul>	
<b>CHƯƠNG V: TẾ BÀO (8 tiết)</b>				
<b>S4</b>	<b>Tế bào – Đơn vị cơ bản của sự sống</b>	2	<p><b>a/ Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm và chức năng của tế bào,</li> <li>- Biết được chức năng của tế bào.</li> <li>- Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào, hiểu được hình dạng và kích thước của tế bào khác nhau giữa các nhóm sinh vật và giữa các cơ quan trong cùng một cơ thể.</li> <li>- Biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống.</li> <li>- Kể tên được một số loại tế bào có thể quan sát được bằng mắt thường, bằng kính lúp và kính hiển vi</li> </ul> <p><b>b/ Năng lực:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển năng lực tìm hiểu tự nhiên, năng lực hợp tác.</li> </ul> <p><b>c/ Phẩm chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu quý và bảo vệ bản thân, thiên nhiên và môi trường sống</li> <li>- Chăm chỉ và ham học hỏi</li> </ul>	HK 1
<b>S5</b>	<b>Cấu tạo và chức năng của các thành phần tế bào</b>	2	<p><b>a/ Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được cấu tạo tế bào và chức năng mỗi thành phần (ba thành phần chính: màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào);</li> <li>- Phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật;</li> <li>- Phân biệt được tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ thông qua quan sát hình ảnh</li> <li>- Vận dụng để giải thích được màu xanh lá do đâu? (lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh)</li> </ul> <p><b>b/ Năng lực:</b></p>	HK 1

			<p>- Tiềm hiểu tự nhiên, vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tiễn, tự học và hợp tác.</p> <p><b>c/ Phẩm chất:</b></p> <p>- Chăm chỉ, giúp đỡ các bạn trong học tập.</p>	
S6	Sự lớn lên và sinh sản của tế bào	2	<p><b>a/ Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được cơ chế giúp tế bào lớn lên</li> <li>- Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào (từ 1 tế bào → 2 tế bào → 4 tế bào... → n tế bào). chỉ ra được mối quan hệ giữa sự lớn lên và sinh sản của tế bào</li> <li>- Hiểu và nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào.</li> <li>- Vận dụng được ý nghĩa đó vào việc có một chế độ dinh dưỡng hợp lý để có được chiều cao tối ưu.</li> </ul> <p><b>b/ Năng lực:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển năng lực tính toán, giao tiếp và hợp tác</li> </ul> <p><b>c/ Phẩm chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ động trong học tập, quan tâm giúp đỡ các bạn.</li> </ul>	HK 1
S7	Thực hành: Quan sát và phân biệt một số loại tế bào	2	<p><b>a/ Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hành quan sát tế bào lớn bằng mắt thường và tế bào nhỏ dưới kính lúp và kính hiển vi quang học ( <b>Điều chỉnh: Mô tả được hình ảnh tế bào lớn và tế bào nhỏ thông qua quan sát tế bào lớn bằng mắt thường và quan sát hình ảnh chụp tế bào nhỏ qua kính lúp, kính hiển vi quang học</b>)</li> <li>- Tự soạn và chuẩn bị đầy đủ dụng cụ thực hành</li> <li>- Biết và thực hiện được các bước tiến hành làm tiêu bản và quan sát tiêu bản.</li> <li>- Quan sát và nhận biết được các thành phần cơ bản trong tế bào.</li> <li>- Viết được bài thu hoạch và vẽ hình đã quan sát được.</li> </ul> <p><b>b/ Năng lực:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển năng lực tự học, quan sát và tìm hiểu tự nhiên.</li> </ul> <p><b>c/ Phẩm chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu thích bộ môn và có trách nhiệm trong học tập.</li> </ul>	HK 1
<b>CHƯƠNG VI: TỪ TẾ BÀO ĐẾN CƠ THỂ (7 tiết)</b>				

<b>S8</b>	<b>Cơ thể sinh vật</b>	2	<b>a/ Kiến thức:</b> - Nêu được khái niệm cơ thể. Lấy được các ví dụ minh họa - Nhận biết được cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào thông qua hình ảnh. Lấy được ví dụ minh họa (cơ thể đơn bào: vi khuẩn, tảo đơn bào, ...; cơ thể đa bào: thực vật, động vật,...). - Vận dụng để phân biệt được vật sống và vật không sống: cho ví dụ <b>b/ Năng lực:</b> - Phát triển năng lực tìm hiểu tự nhiên, giải quyết vấn đề <b>c/ Phẩm chất:</b> - Có trách nhiệm cao trong học tập, thêm yêu thiên nhiên.	HK 1
<b>S9</b>	<b>Tổ chức của cơ thể đa bào</b>	3	<b>a/ Kiến thức:</b> - Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ quan và cơ thể (từ tế bào đến mô, từ mô đến cơ quan, từ cơ quan đến hệ cơ quan, từ hệ cơ quan đến cơ thể). - Kể và nêu được các khái niệm mô, cơ quan, hệ cơ quan. Lấy được các ví dụ minh họa. - Hiểu và vận dụng để giải thích được vì sao khi một cơ quan trong cơ thể bị bệnh thì cả cơ thể đều bị ảnh hưởng. <b>b/ Năng lực:</b> - Tự học và tự chủ, giao tiếp và hợp tác <b>c/ Phẩm chất:</b> - Nâng cao tinh thần trách nhiệm trong các học động học	HK 1
<b>S10</b>	<b>Thực hành quan sát cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào, cơ thể người</b>	2	<b>a/ Kiến thức:</b> - Tự soạn và chuẩn bị đầy đủ dụng cụ thực hành - Làm được tiêu bản và quan sát được cơ thể đơn bào trong nước ao (hồ). - Quan sát và mô tả được một số hệ cơ quan của cơ thể người. - Quan sát và mô tả được các cơ quan của thực vật. <b>Điều chỉnh: Quan sát hình ảnh để:</b> + Vẽ được hình ảnh cơ thể đơn bào ( tảo, trùng roi,...) + Mô tả được các cơ quan cấu tạo cây xanh;	HK 1



			<p>+ Mô tả được cấu tạo cơ thể người.</p> <p><b>b/ Năng lực:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rèn luyện năng lực tự học và sáng tạo, hợp tác.</li> <li>- Nâng cao kỹ năng thực hành.</li> </ul> <p><b>c/ Phẩm chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu thích bộ môn và có trách nhiệm trong học tập.</li> </ul>	
<b>CHƯƠNG VII: ĐA DẠNG THỂ GIỚI SỐNG (38 tiết)</b>				
<b>S11</b>	<b>Hệ thống phân loại sinh vật</b>	<b>2</b>	<p><b>a/ Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nêu được khái niệm và sự cần thiết của việc phân loại thể giới sống.</li> <li>– Dựa vào sơ đồ, nhận biết được năm giới sinh vật. Lấy được ví dụ minh họa cho mỗi giới.</li> <li>– Dựa vào sơ đồ, phân biệt được các nhóm phân loại từ nhỏ tới lớn theo trật tự: loài, chi, họ, bộ, lớp, ngành, giới.</li> <li>– Lấy được ví dụ chứng minh thể giới sống đa dạng về số lượng loài và đa dạng về môi trường sống.</li> <li>– Nhận biết được sinh vật có hai cách gọi tên: tên địa phương và tên khoa học.</li> </ul> <p><b>b/ Năng lực:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tếp tục hình thành và phát triển năng lực tìm hiểu tự nhiên.</li> </ul> <p><b>c/ Phẩm chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu thiên nhiên, nhân ái, có tinh thần trách nhiệm cao trong học tập</li> </ul>	<b>HK 1</b>
<b>S12</b>	<b>Khóa lưỡng phân</b>	<b>3</b>	<p><b>a/ Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua ví dụ nhận biết được cách xây dựng khoá lưỡng phân ; thực hành xây dựng được khoá lưỡng phân với đối tượng sinh vật- Từ hìn.( Điều chỉnh: Từ hình ảnh với các đặc điểm của sinh vật, hướng dẫn học sinh xây dựng khoá lưỡng phân).</li> <li>- Hiểu và trình bày được nguyên tắc xây dựng khoá lưỡng phân.</li> </ul> <p><b>b/ Năng lực:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tự chủ và giao tiếp</li> </ul> <p><b>c/ Phẩm chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm chỉ, nhân ái, trung thực, trách nhiệm</li> </ul>	<b>HK 1</b>

S13	<b>Vi khuẩn</b>	3	<p><b>a/ Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm vi khuẩn.</li> <li>- Quan sát hình ảnh và phân biệt được (3 dạng) hình dạng và cấu tạo vi khuẩn.</li> <li>- Dựa vào hình thái, nhận ra được sự đa dạng của vi khuẩn.</li> <li>- Nêu được một số bệnh do vi khuẩn gây ra. Trình bày được một số cách phòng và chống bệnh do vi khuẩn gây ra.</li> <li>- Nêu được một số vai trò và ứng dụng vi khuẩn trong thực tiễn.</li> <li>- Vận dụng được hiểu biết về vi khuẩn vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn (ví dụ: vì sao thức ăn để lâu bị ôi thiu và không nên ăn thức ăn ôi thiu, ...).</li> <li>- Phân biệt được virus và vi khuẩn (chưa có cấu tạo tế bào và đã có cấu tạo tế bào).</li> </ul> <p><b>b/ Năng lực:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cao năng lực tự học và hợp tác trong giao tiếp.</li> </ul> <p><b>c/ Phẩm chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu thiên nhiên, nhân ái, có tinh thần trách nhiệm cao trong học tập</li> </ul>	HK 1
S14	<b>Thực hành: Làm sữa chua và quan sát hình thái vi khuẩn</b>	2	<p><b>a/ Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Hiểu cách làm và làm được sữa chua</li> <li>– Thực hành làm được tiêu bản quan sát và vẽ được hình vi khuẩn quan sát được dưới kính hiển vi quang học.</li> </ul> <p><b>b/ Năng lực:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rèn luyện năng lực tự học và sáng tạo, hợp tác.</li> <li>- Nâng cao kỹ năng thực hành.</li> </ul> <p><b>c/ Phẩm chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu thích bộ môn và có trách nhiệm trong học tập.</li> </ul>	HK 1
S15	<b>Virus</b>	2	<p><b>a/ Kiến thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Quan sát hình ảnh và mô tả được hình dạng và cấu tạo đơn giản của virus (gồm vật chất di truyền và lớp vỏ protein). 69</li> <li>– Nêu được một số bệnh do virus gây ra. Trình bày được một số cách phòng và chống bệnh do virus.</li> <li>– Nêu được một số vai trò và ứng dụng virus trong thực tiễn.</li> </ul> <p><b>b/ Năng lực:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Vận dụng được hiểu biết về virus vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn, từ đó biết yêu quý và bảo vệ môi trường</li> </ul>	HK 1

			<b>c/ Phẩm chất:</b> - Yêu nước, đoàn kết cao trong học tập để bảo vệ bản thân, gia đình và xã hội .	
S16	Nguyên sinh vật	3	<b>a/ Kiến thức:</b> – Nhận biết được một số đối tượng nguyên sinh vật thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (ví dụ: trùng roi, trùng đế giày, trùng biến hình, tảo silic, tảo lục đơn bào,...). – Dựa vào hình thái, nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật. – Nêu được một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên. Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra. <b>b/ Năng lực:</b> - Rèn luyện năng lực tự học và sáng tạo, hợp tác. - Tự chủ và giao tiếp <b>c/ Phẩm chất:</b> - Tuyên truyền và thực hành được các hành động giữ gìn vệ sinh môi trường.	HK 2
S17	Thực hành: Quan sát nguyên sinh vật	1	<b>a/ Kiến thức:</b> - Làm được tiêu bản nguyên sinh vật - Thực hành quan sát và vẽ được hình nguyên sinh vật dưới kính lúp hoặc kính hiển vi. (Điều chỉnh: Vẽ được hình ảnh của vi khuẩn thông qua quan sát ảnh chụp vi khuẩn qua kính hiển vi quang học) <b>b/ Năng lực:</b> - Vẽ được hình nguyên sinh vật dưới kính lúp hoặc kính hiển vi <b>c/ Phẩm chất:</b> - Chăm chỉ, cần cù và sáng tạo trong học tập - Đoàn kết giúp đỡ nhau cùng tiến bộ	
S18	Nấm	3	<b>a/ Kiến thức:</b> – Nhận biết được một số đại diện nấm thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (nấm đơn bào, đa bào. Một số đại diện phổ biến: nấm đảm, nấm túi, ...). Dựa vào hình thái, trình bày được sự đa dạng của nấm. – Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn (nấm được trồng làm thức ăn, dùng làm thuốc, ...).	HK 2

			<p>– Nêu được một số bệnh do nấm gây ra. Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nấm gây ra.</p> <p><b>b/ Năng lực:</b></p> <p>– Vận dụng được hiểu biết về nấm vào giải thích một số hiện tượng trong đời sống như kĩ thuật trồng nấm, nấm ăn được, nấm độc, ...</p> <p>– Thông qua thực hành, quan sát và vẽ được hình nấm (quan sát bằng mắt thường hoặc kính lúp).</p> <p>( Điều chỉnh: Vẽ được hình nấm thông quan quan sát ảnh chụp ( quan sát bằng mắt thường hoặc qua kính lúp )</p> <p><b>c/ Phẩm chất:</b></p> <p>- Chăm chỉ, cần cù và sáng tạo trong học tập</p> <p>- Đoàn kết giúp đỡ nhau cùng tiến bộ</p>	
S19	Thực hành: Quan sát các loại nấm	2	<p><b>a/ Kiến thức:</b>– Thông qua thực hành, quan sát và vẽ được hình nấm (quan sát bằng mắt thường hoặc kính lúp)</p> <p><b>b/ Năng lực:</b></p> <p>- Vẽ được hình một số loại nấm đã quan sát</p> <p>- Rèn luyện và phát triển năng lực tự học và khám phá</p> <p><b>c/ Phẩm chất:</b></p> <p>- Chăm chỉ, cần cù và sáng tạo trong học tập</p>	HK 2
S20	Thực vật	3	<p><b>a/ Kiến thức:</b></p> <p>– Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín).</p> <p>– Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...).</p> <p><b>b/ Năng lực:</b></p> <p>- Rèn luyện năng lực quan sát, thu tập thông tin, khái quát vấn đề</p> <p>- Phát triển năng lực hợp tác và giao tiếp</p> <p>- Ứng dụng được những lợi ích của thực vật vào đời sống</p> <p><b>c/ Phẩm chất:</b></p> <p>- Yêu quý thiên nhiên đặc biệt là thực vật xung quanh em</p>	HK 2

			- Có ý thức bảo vệ thực vật nói riêng và môi trường sống nói chung.	
<b>S21</b>	<b>Thực hành: Quan sát và phân biệt một số nhóm thực vật</b>	2	<b>a/ Kiến thức:</b> – Quan sát hình ảnh, mẫu vật thực vật và phân chia được thành các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học. <b>b/ Năng lực:</b> - Phân chi được mẫu vật vào các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học. - Sử dụng được dụng cụ, thiết bị mẫu vật của bài thực hành - Phát triển được các kỹ năng quan sát, năng lực thực hành <b>c/ Phẩm chất:</b> - Đoàn kết giúp đỡ nhau trong học tập, hoạt động nhóm - Yêu quý và bảo vệ thực vật	HK 2
<b>S22</b>	<b>Động vật</b>	4	<b>a/ Kiến thức:</b> – Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh họa. – Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình. – Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình. – Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống. <b>b/ Năng lực:</b> - Phân biệt được các loài động vật vào các lớp/ ngành thuộc các nhóm động vật có xương và không có xương sống - Phát triển năng lực hợp tác và giao tiếp <b>c/ Phẩm chất:</b> - Biết yêu quý động vật và đặc biệt biết quan tâm và bảo vệ các loài động vật quý hiếm sắp bị tuyệt chủng	

S23	<b>Thực hành: Quan sát và nhận biết một số nhóm động vật ngoài thiên nhiên</b>	3	<b>a/ Kiến thức:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lấy được ví dụ minh họa cho từng lớp/ ngành</li> <li>- Nêu được tính đa dạng của động vật</li> <li>- Thực hành quan sát (hoặc chụp ảnh) và kể được tên một số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên ( <b>Điều chỉnh: Kể được tên một số động vật quan sát được qua ảnh chụp hoặc video</b>)</li> </ul> <b>b/ Năng lực:</b> Vận dụng kiến thức đã học để phòng tránh một số bệnh do động vật gây ra <b>c/ Phẩm chất:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhiệt tình tham gia các hoạt động của nhóm, biết quan tâm và giúp đỡ các bạn học</li> <li>- Yêu quý và bảo vệ động vật</li> </ul>	HK 2
S24	<b>Đa dạng sinh học</b>	3	<b>a/ Kiến thức:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường,...).</li> </ul> <b>b/ Năng lực:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu và giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học.</li> <li>- Trình bày được các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học.</li> </ul> <b>c/ Phẩm chất:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm chỉ, cần cù và sáng tạo trong học tập</li> </ul>	HK 2
S25	<b>Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên</b>	2	<b>a/ Kiến thức:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được một số biện pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên. ( <b>Điều chỉnh: Trình bày được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên: Quan sát bằng mắt thường, kính lúp, ống nhòm</b>)</li> <li>- Hiểu được vai trò của sinh vật trong thiên nhiên.</li> <li>- Quan sát và phân biệt được một số nhóm sinh vật ngoài thiên nhiên. ( <b>Điều chỉnh: Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật qua ảnh chụp hoặc video</b>)</li> </ul> <b>b/ Năng lực:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng khóa lưỡng phân để phân biệt một số nhóm sinh vật.</li> <li>- Làm và hoàn thành bộ sưu tập ảnh các sinh vật đã quan sát được ( <b>Điều chỉnh: Chọn ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các nhóm sinh vật ( thực vật, động vật có xương sống, động vật không có xương sống)</b>)</li> <li>- Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên</li> </ul>	HK 2

			nhiên ( Điều chỉnh: Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật qua ảnh chụp hoặc video). <b>c/ Phẩm chất:</b> - Chăm chỉ, cần cù và sáng tạo trong học tập - Yêu thích khoa học, đam mê khám phá và coi trọng thiên nhiên	
<b>CHƯƠNG VIII: LỰC TRONG ĐỜI SỐNG (15 TIẾT)</b>				
<b>L5</b>	<b>Lực là gì?</b>	2	<b>a/ Kiến thức:</b> - Nhận biết được sự đẩy, kéo của vật này lên vật khác là lực. - Nhận biết được lực có tác dụng làm thay đổi chuyển động, biến dạng vật. - Nhận biết được có hai loại lực là lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc. <b>b/ Năng lực:</b> - Mô tả được các hiện tượng trong đời sống có liên quan đến lực bằng các thuật ngữ vật lý. - Tìm được ví dụ về lực và tác dụng của lực trong đời sống. - Phân loại được các loại lực. - Nâng cao năng lực hợp tác trong học tập <b>c/ Phẩm chất:</b> - Ham học hỏi và yêu thích khoa học - Phát triển năng lực hoạt động nhóm	HK 2
<b>L6</b>	<b>Biểu diễn lực</b>	3	<b>a/ Kiến thức:</b> - Nhận biết được các đặc trưng của lực: điểm đặt, độ lớn, phương và chiều. - Kể tên được đơn vị lực: niuton (N). <b>b/ Năng lực:</b> - Mô tả được cấu tạo của lực kế lò xo và sử dụng được lực kế này để đo độ lớn của một số lực đơn giản. - Biểu diễn được lực bằng một mũi tên theo hướng của lực và mô tả được các đặc trưng của một lực dựa trên mũi tên biểu diễn lực này. - Rèn luyện năng lực tự học và sáng tạo, hợp tác. <b>c/ Phẩm chất:</b> - Chăm chỉ cần cù trong học tập - Yêu thích bộ môn	HK 2

L7	Biến dạng của lò xo	2	<b>a/ Kiến thức:</b> - Nhận biết được ứng dụng của lò xo và ứng dụng của nó trong một số thiết bị thường gặp <b>b/ Năng lực:</b> - Thực hiện được thí nghiệm chứng minh độ giãn của lò xo treo thẳng đứng tỉ lệ với khối lượng vật treo <b>c/ Phẩm chất:</b> - Cần cù, vượt khó trong học tập - Rèn năng lực trao đổi trong hoạt động nhóm	HK 2
L8	Trọng lượng, lực hấp dẫn	3	<b>a/ Kiến thức:</b> - Nêu được các khái niệm: khối lượng, lực hấp dẫn, trọng lượng của vật. - Phân biệt được trọng lượng và khối lượng. <b>b/ Năng lực:</b> - So sánh được các đặc điểm của trọng lượng và khối lượng của vật. - Rèn và phát triển năng lực tính toán <b>c/ Phẩm chất:</b> - Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ học tập. - Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện tất cả các nhiệm vụ.	HK 2
L9	Lực ma sát	3	<b>a/ Kiến thức:</b> - Nhận biết lực ma sát là lực tiếp xúc xuất hiện giữa bề mặt giữa hai vật. nguyên nhân gây ra là tương tác giữa hai bề mặt của hai vật; ảnh hưởng của lực ma sát trong an toàn giao thông đường bộ <b>b/ Năng lực:</b> - Phân biệt được lực ma sát trượt và lực ma sát nghỉ. - Vận dụng được kiến thức về lực ma sát để giải thích được một số hiện tượng đơn giản cũng như giải quyết được một số tình huống đơn giản thường gặp liên quan đến lực ma sát. <b>c/ Phẩm chất:</b> - Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ học tập. - Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện tất cả các nhiệm vụ.	HK 2
L10	Lực cản của nước	2	<b>a/ Kiến thức:</b> Nhận biết được lực cản của nước và sự phụ thuộc của nó vào diện tích bề mặt cản	HK 2



			<b>b/ Năng lực:</b> Giải thích được một số hiện tượng liên quan trong đời sống <b>c/ Phẩm chất:</b> Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ học tập. Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện tất cả các nhiệm vụ.	
<b>CHƯƠNG IX: NĂNG LƯỢNG ( 10TIẾT)</b>				
<b>L11</b>	<b>Năng lượng và sự truyền năng lượng</b>	2	<b>a/ Kiến thức:</b> Nhận biết được mọi sự biến đổi trong tự nhiên đều cần năng lượng. Lấy được ví dụ chứng tỏ năng lượng đặc trưng cho khả năng tác dụng lực Nhận biết được đơn vị của năng lượng là jun (J) Nhận biết được năng lượng có thể truyền từ vật này sang vật khác <b>b/ Năng lực:</b> - Phát triển óc phán đoán, tư duy trừu tượng <b>c/ Phẩm chất:</b> Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ học tập. Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện tất cả các nhiệm vụ	HK 2
<b>L12</b>	<b>Một số dạng năng lượng</b>	2	<b>a/ Kiến thức:</b> Nhận biết được một số dạng năng lượng Phân biệt được các dạng năng lượng theo tiêu chí (theo nguồn phát ra chúng) <b>b/ Năng lực:</b> Rèn năng lực quan sát và tư duy, qua đó có thể tự nhận thức được nội dung cần học <b>c/ Phẩm chất:</b> - Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ học tập. Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện tất cả các nhiệm vụ	HK 2
<b>L13</b>	<b>Sự chuyển hóa năng lượng</b>	2	<b>a/ Kiến thức:</b> - Lấy ví dụ chứng tỏ được: Năng lượng có thể chuyển hóa từ dạng này sang dạng khác, từ vật này sang vật khác. - Chỉ ra được sự chuyển hóa năng lượng trong một số hiện tượng đơn giản ( Sinh, lí,hóa) - Nêu được định luật bảo toàn năng lượng và lấy được ví dụ minh họa <b>b/ Năng lực:</b>	HK 2

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển năng lực tư duy, khám phá, tìm tòi</li> <li>- Rèn năng lực hoạt động nhóm, tương tác nhóm</li> </ul> <b>c/ Phẩm chất:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm học, ham học và nâng các tinh thần tự học</li> </ul>	
<b>L14</b>	<b>Năng lượng hao phí</b>	1	<b>a/ Kiến thức:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ ra được năng lượng nào là hữu ích, năng lượng nào là hao phí.</li> <li>- Nhận biết được năng lượng hao phí thường xuất hiện dưới dạng nhiệt năng.</li> <li>- Nêu được năng lượng hao phí luôn xuất hiện khi năng lượng được chuyển hóa từ dạng này sang dạng khác.</li> </ul> <b>b/ Năng lực:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển năng lực tư duy, khám phá, tìm tòi</li> <li>- Rèn năng lực hoạt động nhóm, tương tác nhóm</li> </ul> <b>c/ Phẩm chất:</b> <p>Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ học tập.          Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện tất cả các nhiệm vụ</p>	HK 2
<b>L15</b>	<b>Năng lượng tái tạo</b>	2	<b>a/ Kiến thức:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được các nguồn năng lượng trong tự nhiên.</li> <li>- Hiểu được ưu điểm, nhược điểm và sự cần thiết của việc sử dụng nguồn năng lượng tái tạo.</li> </ul> <b>b/ Năng lực:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng được kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề liên quan đến năng lượng sử dụng trong cuộc sống</li> <li>- Nâng cao năng lực hoạt động nhóm, báo cáo</li> </ul> <b>c/ Phẩm chất:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thêm yêu đất nước</li> <li>- Đoàn kết, tương trợ và tự lực</li> </ul>	HK 2
<b>L16</b>	<b>Tiết kiệm năng lượng</b>	1	<b>a/ Kiến thức:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được tại sao phải tiết kiệm năng lượng</li> <li>- Biết được một số biện pháp tiết kiệm năng lượng và ứng dụng các biện pháp đó vào cuộc sống</li> </ul> <b>b/ Năng lực:</b>	HK 2

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu và vận dụng tốt các biện pháp tiết kiệm năng lượng vào trong cuộc sống hằng ngày</li> <li>- Tuyên truyền để mọi người có ý thức hơn trong việc tiết kiệm năng lượng.</li> </ul> <b>c/ Phẩm chất:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thành và phát triển ý thức trách nhiệm của bản thân với gia đình, xã hội và đất nước</li> <li>- Có tinh thần vì cộng đồng , yêu thích bộ môn.</li> </ul>	
<b>CHƯƠNG X: TRÁI ĐẤT VÀ BẦU TRỜI (10 TIẾT)</b>				
<b>L17</b>	<b>Chuyển động nhìn thấy của hệ mặt trời. Thiên thể</b>	2	<b>a/ Kiến thức:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được một cách định tính và sơ lược: từ Trái Đất thấy Mặt Trời mọc và lặn hàng ngày.</li> <li>- Nêu được Mặt Trời và sao là các thiên thể phát sáng, còn Mặt Trăng, các hành tinh và sao chổi phản xạ ánh sáng Mặt Trời</li> </ul> <b>b/ Năng lực:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rèn năng lực quan sát, thu thập thông tin, tư duy và trình bày trước lớp</li> </ul> <b>c/ Phẩm chất:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu thích bộ môn, ham học hỏi và có tính cầu tiến</li> <li>- Biết chia sẻ và xây dựng để cùng nhau học tốt hơn</li> </ul>	HK 2
<b>L18</b>	<b>Mặt Trăng</b>	3	<b>a/ Kiến thức:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được: Mặt Trăng là một vệ tinh tự nhiên duy nhất của Trái Đất</li> </ul> <b>b/ Năng lực:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng được kiến thức vào đời sống thực tế (nhìn Trăng đoán ngày)</li> <li>- Giải thích được vì sao hình dạng của mặt trăng lại không giống nhau ở các ngày trong 1 tháng</li> </ul> <b>c/ Phẩm chất:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu thích thiên nhiên và cuộc sống xung quanh em</li> <li>- Thêm yêu thích môn học</li> </ul>	HK 2
<b>L19</b>	<b>Hệ Mặt Trời</b>	3	<b>a/ Kiến thức:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả được sơ lược cấu trúc hệ Mặt Trời.</li> <li>- Nêu được các hành tinh cách Mặt Trời các khoảng cách khác nhau và có chu kì quay khác nhau.</li> </ul>	HK 2

			<b>b/ Năng lực:</b> - Vận dụng được kiến thức vào đời sống thực tế (Chế tạo dụng cụ quan sát vết đen trên Mặt Trời) - Tăng cường kỹ năng hoạt động nhóm, trao đổi thông tin và linh hoạt trong giải quyết vấn đề phát sinh trong quá trình học. <b>c/ Phẩm chất:</b> - Yêu thích thiên nhiên và cuộc sống xung quanh em - Thêm yêu thích môn học	
L20	Ngân Hà	2	<b>a/ Kiến thức:</b> - Bằng việc tổ chức cho HS đọc theo các câu hỏi định hướng và hoạt động trải nghiệm làm một đồ chơi để hình dung được cấu trúc của Ngân Hà và vị trí của Trái Đất trong không gian vũ trụ <b>b/ Năng lực:</b> - Phát triển tư duy, óc sáng tạo và tính thẩm mỹ - Tăng cường kỹ năng hoạt động nhóm, trao đổi thông tin và linh hoạt trong giải quyết vấn đề phát sinh trong quá trình học. <b>c/ Phẩm chất:</b> - Yêu thích thiên nhiên và cuộc sống xung quanh em - Thêm yêu thích môn học	HK 2

## 2.2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	90 phút	Tuần 10	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học - Rèn kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để giải thích các hiện tượng trong thực tế. Kỹ năng phân tích tổng hợp, so sánh, kỹ năng làm bài. - Thật thà, trung thực trong quá trình làm bài	Kiểm tra viết trên giấy – TNTL và TNKQ
Cuối Học kỳ 1	90 phút	Tuần 18	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học - Rèn kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để giải thích	Kiểm tra viết trên giấy –

			các hiện tượng trong thực tế. Kỹ năng phân tích tổng hợp, so sánh, kỹ năng làm bài. Thật thà, trung thực trong quá trình làm bài	TNTL và TNKQ
Giữa Học kỳ 2	90 phút	Tuần 27	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học - Rèn kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để giải thích các hiện tượng trong thực tế. Kỹ năng phân tích tổng hợp, so sánh, kỹ năng làm bài. - Thật thà, trung thực trong quá trình làm bài	Kiểm tra viết trên giấy – TNTL và TNKQ
Cuối Học kỳ 2	90 phút	Tuần 35	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học - Rèn kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để giải thích các hiện tượng trong thực tế. Kỹ năng phân tích tổng hợp, so sánh, kỹ năng làm bài. - Thật thà, trung thực trong quá trình làm bài	Kiểm tra viết trên giấy – TNTL và TNKQ

### 3. Các nội dung khác (nếu có):

## II.2. KHỐI 7

### 1. Đặc điểm tình hình

**1.1. Số lớp: 03 ; Số học sinh: 92.**

**1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 03; Trình độ đào tạo:** Cao đẳng: 0 . Đại học: 03; Trên đại học: không

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên:** Tốt: 03; Khá: 0; Đạt: 0; Chưa đạt: 0.

### 1.3. Thiết bị dạy học:

#### 1.3.1 Thiết bị dạy học phân môn hóa học:

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	- Các dụng cụ đo lường đã học lớp 6. Tranh ảnh mô hình nguyên tử của nguyên tử carbon, nitrogen, oxygen. Bi nhựa to màu đỏ và viên bi nhỏ màu xanh	05 bộ	Chủ đề 1 :Nguyên tử. Nguyên tố hóa học	

	- Mô hình 4.4 SGK			
2	- Mô hình hạt của đồng, muối ăn ở thể rắn, khí oxygen, khí hiem, khí CO <sub>2</sub>	05 bộ	Chủ đề 3: Phân tử.	

### 1.3.2 Thiết bị dạy học phân môn vật lý:

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	- Các loại tốc kế	04	<b>Bài 8.</b> Tốc độ chuyển động	
2	- Dụng cụ đo độ dài và đo thời gian. - Đồng hồ đo thời gian hiện số và cổng quang điện. - Dụng cụ để học sinh xác định tốc độ của một ô tô đồ chơi.	04	<b>Bài 9.</b> Đo tốc độ	
3	- Dụng cụ để chiếu các hình vẽ.	02	<b>Bài 10.</b> Đồ thị quãng đường – thời gian	
	- Tư liệu quan đến ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông. - Một số hình ảnh, video về một số vụ tai nạn giao thông điển hình.		<b>Bài 11.</b> Thảo luận về ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông.	
4	- Các dụng cụ thí nghiệm về sóng âm như: Thanh thép đàn hồi, đinh có gắn quả cầu nhỏ, lò xo mềm... - Clip mô phỏng sự truyền sóng trên mặt nước, trong không khí.	01	<b>Bài 12.</b> Sóng âm	
5	- Một cây đàn ghita, một chiếc thước bằng thép dài 30cm, một âm thoa, một micro, một máy giao động kí ..		<b>Bài 13.</b> Độ to và độ cao của âm	
6	- Bộ thí nghiệm như H14.3 SGK cho các nhóm.	01	<b>Bài 14.</b> Phản xạ âm, chống ô nhiễm tiếng ồn	
7	- Một pin quang điện, một đèn pin gắn trên giá, một điện kế nhạy, dây nối. - Một miếng bìa cứng khoét lỗ kim nhỏ, màn chắn thẳng đứng. - Đèn led nhỏ dùng làm nguồn sáng hẹp, một quả bóng nhựa sẫm màu làm vật cản sáng. - Một pin quang điện, một nguồn sáng, vật cản sáng, màn hứng đều.		<b>Bài 15.</b> Năng lượng ánh sáng. Tia sáng, vùng tối	
8	- Bộ thí nghiệm HS khảo sát định luật phản xạ ánh sáng. - Hình vẽ động mô tả hiện tượng phản xạ ánh sáng.		<b>Bài 16.</b> Sự phản xạ ánh sáng	
9	- Một gương soi nhỏ (HS).		<b>Bài 17.</b> Ảnh của vật tạo bởi gương phẳng	

	- Một bộ thí nghiệm HS khảo sát ảnh của vật qua gương phẳng.			
10	- 2 nam châm phẳng; 1 nam châm chữ U; 1 kim nam châm; một số vật nhỏ làm bằng: Sắt, thép, nhôm, đồng, gỗ; giá thí nghiệm.		<b>Bài 18.</b> Nam châm	
11	- Thanh nam châm thẳng. - Tấm bìa, hộp mạt sắt, kim nam châm.		<b>Bài 19.</b> Từ trường	
12	- Nam châm điện, kim nam châm, kim sắt. - Mô hình chuông điện.		<b>Bài 20.</b> Chế tạo nam châm điện đơn giản	

### 1.3.3 Thiết bị dạy học phân môn sinh học:

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	- Dụng cụ : Giá thí nghiệm, bang giấy đen, bóng đèn 500W, cốc thủy tinh, nhiệt kế, panh, đèn cồn, đĩa petri, kẹp sắt, ống nghiệm - Hóa chất, mẫu vật : dung dịch iodine, chậu trồng cây khoai lang (hoặc đậu ), rong đuôi chó, nước ấm ( 40°C),	04	<b>Bài 24:</b> Thực hành chứng minh quang hợp ở cây xanh	
2	- Dụng cụ : 02 chuông thủy tinh, đĩa petri, cốc thủy tinh, - Hóa chất, mẫu vật : nước vôi trong, giấy thấm nước ( hoặc bông ẩm ), hạt đậu xanh, đậu đỏ, hạt cải, ....	04	<b>Bài 27:</b> Thực hành hô hấp ở thực vật	
3	- Dụng cụ : Cốc thủy tinh, dao mổ, kính lúp, túi nylon trong suốt - Hóa chất, mẫu vật : Cây cần tây ( hoặc cành hoa màu trắng : hoa hồng, hoa cúc, .. ), 02 cây trồng trong 02 chậu đất ẩm , nước pha màu ( mực đỏ, tím, xanh ).	04	<b>Bài 32:</b> Thực hành chứng minh thân vận chuyển nước và lá thoát hơi nước	
4	- Dụng cụ : Chậu trồng cây cảnh/ khay nhựa, đất trồng, que tre (hoặc que gỗ nhỏ ), chậu hoặc chai nhựa đục lỗ nhỏ, hộp carton. - Hóa chất, mẫu vật : Nước, hạt đậu (đỏ), hạt bí hoặc cây non.	04	<b>Bài 35:</b> Thực hành cảm ứng ở sinh vật	
5	- Dụng cụ : Chậu hoặc chai nhựa, đất trồng cây, bình tưới phun sương, nước ấm, dao hoặc kéo, thước chia đơn vị đến mm, nhiệt kế. + Các video hoặc tranh ảnh về quá trình sinh trưởng của 1 số loài ĐV : muỗi, bướm, ếch đồng, cá, gà, lợn, ... - Hóa chất, mẫu vật : Hạt đậu (xanh, đen, đậu tương), hạt ngô hoặc lạc,	04	<b>Bài 38:</b> Thực hành quan sát mô tả sự sinh trưởng và phát triển ở một số sinh vật	

	...			
--	-----	--	--	--

#### 1.4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Thực hành Hóa	01	Diện tích: 60 m <sup>2</sup> Sử dụng dạy các bài thực hành môn Hóa học	Sử dụng cho toàn trường
2	Thực hành Vật lý	01	Diện tích: 60 m <sup>2</sup> Sử dụng dạy các bài thực hành môn Vật lý	Sử dụng cho toàn trường
3	Thực hành Sinh	01	Diện tích: 60 m <sup>2</sup> Sử dụng dạy các bài thực hành môn Sinh học	Sử dụng cho toàn trường
4	Vườn trường (Sân trường)	01		
...				

## 2. Kế hoạch dạy học

### 2.1. Phân phối chương trình

#### 2.1.1. Phân phối chương trình phân môn Hóa học

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
1	1. Phương pháp và kĩ năng học tập môn KHTN	5	Trình bày và vận dụng được một số phương pháp và kĩ năng trong học tập môn Khoa học tự nhiên: + Phương pháp tìm hiểu tự nhiên; + Thực hiện được các kĩ năng tiến trình: quan sát, phân loại, liên kết, đo, dự báo; + Sử dụng được một số dụng cụ đo (trong nội dung môn Khoa học tự nhiên 7); + Làm được báo cáo, thuyết trình.
<b>Chương I. Nguyên tử - sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học</b>			
2	2. Nguyên tử.	5	– Trình bày được mô hình nguyên tử của Rutherford – Bohr (mô hình sắp xếp electron trong các lớp vỏ nguyên tử). – Nêu được khối lượng của một nguyên tử theo đơn vị quốc tế amu (đơn vị khối lượng nguyên tử).
3	3. Nguyên tố hoá học	3	– Phát biểu được khái niệm về nguyên tố hoá học và kí hiệu nguyên tố hoá học.



			– Viết được công thức hoá học và đọc được tên của 20 nguyên tố đầu tiên.
4	4. Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học	7	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nêu được các nguyên tắc xây dựng bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học.</li> <li>– Mô tả được cấu tạo bảng tuần hoàn gồm: ô, nhóm, chu kì.</li> <li>– Sử dụng được bảng tuần hoàn để chỉ ra các nhóm nguyên tố/nguyên tố kim loại, các nhóm nguyên tố/nguyên tố phi kim, nhóm nguyên tố khí hiếm trong bảng tuần hoàn.</li> </ul>
<b>Chương II. Phân tử - Liên kết hóa học</b>			
5	5. Phân tử - Đơn chất - Hợp chất	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nêu được khái niệm phân tử, đơn chất, hợp chất. Đưa ra được một số ví dụ về đơn chất và hợp chất.</li> <li>Tính được khối lượng phân tử theo đơn vị amu.</li> </ul>
6	6. Giới thiệu về liên kết hoá học	5	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nêu được mô hình sắp xếp electron trong vỏ nguyên tử của một số nguyên tố khí hiếm; sự hình thành liên kết cộng hoá trị theo nguyên tắc dùng chung electron để tạo ra lớp vỏ electron của nguyên tố khí hiếm (Áp dụng được cho các phân tử đơn giản như <math>H_2</math>, <math>Cl_2</math>, <math>NH_3</math>, <math>H_2O</math>, <math>CO_2</math>, <math>N_2</math>,...).</li> <li>– Nêu được được sự hình thành liên kết ion theo nguyên tắc cho và nhận electron để tạo ra ion có lớp vỏ electron của nguyên tố khí hiếm (Áp dụng cho phân tử đơn giản như <math>NaCl</math>, <math>MgO</math>,...).</li> <li>– Chỉ ra được sự khác nhau về một số tính chất của chất ion và chất cộng hoá trị.</li> </ul>
7	7. Hoá trị và công thức hoá học	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được khái niệm về hoá trị (cho chất cộng hoá trị). Cách viết công thức hoá học.</li> <li>– Viết được công thức hoá học của một số chất và hợp chất đơn giản thông dụng.</li> <li>– Nêu được mối liên hệ giữa hoá trị của nguyên tố với công thức hoá học. – Tính được phần trăm (%) nguyên tố trong hợp chất khi biết công thức hoá học của hợp chất.</li> <li>– Xác định được công thức hoá học của hợp chất dựa vào phần trăm (%) nguyên tố và khối lượng phân tử.</li> </ul>

### 2.1.2. Phân phối chương trình phân môn Vật lý

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
<b>Chương III. Tốc độ</b>			
1	8. Tốc độ chuyển động	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát biểu được khái niệm tốc độ chuyển động, nhớ công thức tính tốc độ.</li> <li>– Liệt kê được một số đơn vị đo tốc độ thường dùng.</li> <li>- Đổi được đơn vị tốc độ từ m/s sang km/h hoặc ngược lại.</li> <li>- Sử dụng được công thức tính tốc độ để giải các bài tập về chuyển động trong đó đã cho giá trị của hai trong ba đại lượng <math>v</math>, <math>s</math> và <math>t</math></li> </ul>

			Nêu được ý nghĩa vật lí của tốc độ
2	9. Đo tốc độ	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Mô tả được sơ lược cách đo tốc độ bằng đồng hồ bấm giây và cổng quang điện trong dụng cụ thực hành ở nhà trường; thiết bị “bắn tốc độ” trong kiểm tra tốc độ các phương tiện giao thông.</li> <li>- Xác định được tốc độ qua quãng đường vật đi được trong khoảng thời gian tương ứng, <math>\text{tốc độ} = \text{quãng đường vật đi} / \text{thời gian đi quãng đường đó}</math>.</li> </ul>
3	10. Đồ thị quãng đường – thời gian	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Vẽ được đồ thị quãng đường – thời gian cho chuyển động thẳng.</li> <li>– Từ đồ thị quãng đường – thời gian cho trước, tìm được quãng đường vật đi (hoặc tốc độ, hay thời gian chuyển động của vật).</li> </ul>
4	11. Thảo luận về ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông.	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Dựa vào tranh ảnh (hoặc học liệu điện tử) thảo luận để nêu được ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông.</li> <li>- Bước đầu biết cách sưu tầm tài liệu để tham gia thảo luận về một nội dung thực tế có liên quan đến những kiến thức đã học.</li> <li>- Thấy được ý nghĩa của tốc độ trong an toàn giao thông.</li> <li>- Thấy được để đảm bảo an toàn thì người tham gia giao thông vừa phải có ý thức tôn trọng các quy định về an toàn giao thông vừa phải có hiểu biết về ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông.</li> </ul>
<b>Chương IV. Âm thanh</b>			
5	12. Sóng âm	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Thực hiện thí nghiệm tạo sóng âm (như gảy đàn, gõ vào thanh kim loại,...) để chứng tỏ được sóng âm có thể truyền được trong chất rắn, lỏng, khí.</li> <li>– Giải thích được sự truyền sóng âm trong không khí.</li> </ul>
6	13. Độ to và độ cao của âm	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Từ hình ảnh hoặc đồ thị xác định được biên độ và tần số sóng âm.</li> <li>– Nêu được đơn vị của tần số là hertz (kí hiệu là Hz).</li> <li>– Nêu được sự liên quan của độ to của âm với biên độ âm.</li> <li>– Sử dụng nhạc cụ (hoặc học liệu điện tử, dao động kí) chứng tỏ được độ cao của âm có liên hệ với tần số âm.</li> </ul>
7	14. Phản xạ âm, chống ô nhiễm tiếng ồn	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Lấy được ví dụ về vật phản xạ âm tốt, vật phản xạ âm kém.</li> <li>– Giải thích được một số hiện tượng đơn giản thường gặp trong thực tế về sóng âm; đề xuất được phương án đơn giản để hạn chế tiếng ồn ảnh hưởng đến sức khỏe.</li> </ul>
<b>Chương V. Ánh sáng</b>			
8	15. Năng lượng ánh sáng. Tia sáng, vùng tối	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện thí nghiệm thu được năng lượng ánh sáng; từ đó, nêu được ánh sáng là một dạng của năng lượng.</li> <li>– Thực hiện thí nghiệm tạo ra được mô hình tia sáng bằng một chùm sáng hẹp song song.</li> <li>– Vẽ được hình biểu diễn vùng tối do nguồn sáng rộng và vùng tối do nguồn sáng hẹp.</li> </ul>

9	16. Sự phản xạ ánh sáng	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Phân biệt được phản xạ và phản xạ khuếch tán.</li> <li>– Vẽ được hình biểu diễn và nêu được các khái niệm: tia sáng tới, tia sáng phản xạ, pháp tuyến, góc tới, góc phản xạ, mặt phẳng tới, ảnh.</li> <li>– Thực hiện được thí nghiệm rút ra định luật và phát biểu được nội dung của định luật phản xạ ánh sáng.</li> </ul>
10	17. Ảnh của vật tạo bởi gương phẳng	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Vẽ được hình biểu diễn và nêu được các khái niệm: ảnh của vật qua gương phẳng.</li> <li>– Nêu được tính chất ảnh của vật qua gương phẳng và dựng được ảnh của một vật tạo bởi gương phẳng.</li> <li>– Vận dụng được định luật phản xạ ánh sáng trong một số trường hợp đơn giản.</li> </ul>
<b>Chương VI. Từ</b>			
11	18. Nam châm	3	Tiến hành thí nghiệm để nêu được: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tác dụng của nam châm đến các vật liệu khác nhau;</li> <li>+ Sự định hướng của thanh nam châm (kim nam châm).</li> <li>– Xác định được cực Bắc và cực Nam của một thanh nam châm.</li> </ul>
12	19. Từ trường	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nêu được vùng không gian bao quanh một nam châm (hoặc dây dẫn mang dòng điện), mà vật liệu có tính chất từ đặt trong nó chịu tác dụng lực từ, được gọi là từ trường.</li> <li>– Nêu được khái niệm từ phổ và tạo được từ phổ bằng mặt sắt và nam châm.</li> <li>– Nêu được khái niệm đường sức từ và vẽ được đường sức từ quanh một thanh nam châm.</li> <li>– Dựa vào ảnh (hoặc hình vẽ, đoạn phim khoa học) khẳng định được Trái Đất có từ trường.</li> <li>– Nêu được cực Bắc địa từ và cực Bắc địa lí không trùng nhau.</li> <li>– Sử dụng la bàn để tìm được hướng địa lí.</li> </ul>
13	20. Chế tạo nam châm điện đơn giản	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Chế tạo được nam châm điện đơn giản và làm thay đổi được từ trường của nó bằng thay đổi dòng điện.</li> </ul>

### 2.1.3. Phân phối chương trình phân môn Sinh học

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
<b>Chương VII. Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở sinh vật</b>			
1	21. Khái quát về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Phát biểu được khái niệm trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng.</li> <li>– Nêu được vai trò trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng trong cơ thể.</li> </ul>
2	22. Quang hợp ở thực vật	2	Trình bày được quá trình chuyển hoá năng lượng ở tế bào, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mô tả được một cách tổng quát quá trình quang hợp ở tế bào lá cây: Nêu được vai trò lá cây với chức năng quang hợp. Nêu được khái niệm, nguyên liệu, sản phẩm của quang hợp.</li> </ul>

			Viết được phương trình quang hợp (dạng chữ). Vẽ được sơ đồ diễn tả quang hợp diễn ra ở lá cây, qua đó nêu được quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng.
3	23. Một số yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp	2	+ Vận dụng hiểu biết về quang hợp để giải thích được ý nghĩa thực tiễn của việc trồng và bảo vệ cây xanh. + Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến quang hợp
4	24. Thực hành: Chứng minh quang hợp ở cây xanh	2	+ Tiến hành được thí nghiệm chứng minh quang hợp ở cây xanh.
5	25. Hô hấp tế bào	2	+ Mô tả được một cách tổng quát quá trình hô hấp ở tế bào (ở thực vật và động vật): Nêu được khái niệm; viết được phương trình hô hấp dạng chữ thể hiện hai chiều tổng hợp và phân giải.
6	26. Một số yếu tố ảnh hưởng đến hô hấp tế bào	2	+ Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến quang hợp, hô hấp tế bào. + Nêu được một số vận dụng hiểu biết về hô hấp tế bào trong thực tiễn (ví dụ: bảo quản hạt cần phơi khô,...).
7	27. Thực hành: Hô hấp ở thực vật	2	+ Tiến hành được thí nghiệm về hô hấp tế bào ở thực vật thông qua sự nảy mầm của hạt
8	28. Trao đổi khí ở sinh vật	3	– Nêu được khái niệm trao đổi khí ở sinh vật. – Sử dụng hình ảnh để mô tả được quá trình trao đổi khí qua khí khổng của lá. – Dựa vào hình vẽ mô tả được cấu tạo khí khổng, nêu được chức năng của khí khổng. – Dựa vào sơ đồ khái quát mô tả được con đường đi của khí qua các cơ quan của hệ hô hấp ở động vật (ví dụ ở người). – Vận dụng được những kiến thức về trao đổi khí ở thực vật, động vật và người trong trồng trọt, bảo vệ cơ thể và môi trường sống để có hệ hô hấp khỏe mạnh.
9	29. Vai trò của nước và chất dinh dưỡng đối với sinh vật.	3	– Nêu được vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật. – Dựa vào sơ đồ (hoặc mô hình) nêu được thành phần hoá học và cấu trúc, tính chất của nước.
10	30. Trao đổi nước và chất dinh dưỡng ở thực vật	4	– Mô tả được quá trình trao đổi nước và các chất dinh dưỡng, lấy được ví dụ ở thực vật, cụ thể: + Dựa vào sơ đồ đơn giản mô tả được con đường hấp thụ, vận chuyển nước và khoáng của cây từ môi trường ngoài vào miền lông hút, vào rễ, lên thân cây và lá cây; + Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, phân biệt được sự vận chuyển các chất trong mạch gỗ từ rễ lên lá cây (dòng đi lên) và từ lá xuống các cơ quan trong mạch rây (dòng đi xuống); + Nêu được vai trò thoát hơi nước ở lá và hoạt động đóng, mở khí khổng trong quá trình thoát hơi nước; + Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật;

			– Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở thực vật vào thực tiễn (ví dụ giải thích việc tưới nước và bón phân hợp lí cho cây).
11	31. Trao đổi nước và chất dinh dưỡng ở động vật	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Mô tả được quá trình trao đổi nước và các chất dinh dưỡng, lấy được ví dụ ở động vật, cụ thể:</li> <li>+ Trình bày được con đường trao đổi nước và nhu cầu sử dụng nước ở động vật (lấy ví dụ ở người);</li> <li>+ Dựa vào sơ đồ khái quát (hoặc mô hình, tranh ảnh, học liệu điện tử) mô tả được con đường thu nhận và tiêu hoá thức ăn trong ống tiêu hoá ở động vật (đại diện ở người);</li> <li>+ Mô tả được quá trình vận chuyển các chất ở động vật (thông qua quan sát tranh, ảnh, mô hình, học liệu điện tử), lấy ví dụ cụ thể ở hai vòng tuần hoàn ở người.</li> <li>– Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở động vật vào thực tiễn (ví dụ về dinh dưỡng và vệ sinh ăn uống, ...).</li> </ul>
12	32. Thực hành: Chứng minh thân vận chuyển nước và lá thoát hơi nước	2	+ Tiến hành được thí nghiệm chứng minh thân vận chuyển nước và lá thoát hơi nước;
<b>Chương VIII. Cảm ứng ở sinh vật</b>			
13	33. Cảm ứng ở sinh vật và tập tính ở động vật	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Phát biểu được khái niệm cảm ứng ở sinh vật. Lấy được ví dụ về các hiện tượng cảm ứng ở sinh vật (ở thực vật và động vật).</li> <li>– Nêu được vai trò cảm ứng đối với sinh vật.</li> <li>– Phát biểu được khái niệm tập tính ở động vật; lấy được ví dụ minh hoạ.</li> <li>– Nêu được vai trò của tập tính đối với động vật.</li> </ul>
14	34. Vận dụng hiện tượng cảm ứng ở sinh vật vào thực tiễn.	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Vận dụng được các kiến thức cảm ứng vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn (ví dụ trong học tập, chăn nuôi, trồng trọt).</li> <li>– Hình thành các tập tính tốt cho vật nuôi như ăn đúng giờ, đi vệ sinh đúng chỗ, ...</li> </ul>
15	35. Thực hành: Cảm ứng ở sinh vật	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được cách làm thí nghiệm chứng minh tính cảm ứng ở thực vật (ví dụ hướng sáng, hướng nước, hướng tiếp xúc).</li> <li>– Thực hành: quan sát, ghi chép và trình bày được kết quả quan sát một số tập tính của động vật.</li> </ul>
<b>Chương IX. Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật</b>			
16	36. Khái quát về sinh trưởng và phát triển ở sinh vật	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Phát biểu được khái niệm sinh trưởng và phát triển ở sinh vật. Nêu được mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển.</li> <li>– Chỉ ra được mô phân sinh trên sơ đồ cắt ngang thân cây Hai lá mầm và trình bày được chức năng của mô phân sinh làm cây lớn lên.</li> <li>– Dựa vào hình vẽ vòng đời của một sinh vật (một ví dụ về thực vật và một ví dụ về động vật), trình bày được các giai đoạn sinh trưởng và phát triển của sinh vật đó.</li> </ul>

17	37. Ứng dụng sinh trưởng và phát triển ở sinh vật và thực tiễn	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nêu được các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của sinh vật (nhân tố nhiệt độ, ánh sáng, nước, dinh dưỡng).</li> <li>– Trình bày được một số ứng dụng sinh trưởng và phát triển trong thực tiễn (ví dụ điều hoà sinh trưởng và phát triển ở sinh vật bằng sử dụng chất kích thích hoặc điều khiển yếu tố môi trường).</li> <li>– Vận dụng được những hiểu biết về sinh trưởng và phát triển sinh vật giải thích một số hiện tượng thực tiễn (tiêu diệt muỗi ở giai đoạn ấu trùng, phòng trừ sâu bệnh, chăn nuôi).</li> </ul>
18	38. Thực hành: Quan sát, mô tả sự sinh trưởng và phát triển ở một số sinh vật	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Tiến hành được thí nghiệm chứng minh cây có sự sinh trưởng.</li> <li>– Thực hành quan sát và mô tả được sự sinh trưởng, phát triển ở một số thực vật, động vật</li> </ul>
<b>Chương X. Sinh sản ở sinh vật</b>			
19	39. Sinh sản vô tính ở sinh vật	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Phát biểu được khái niệm sinh sản ở sinh vật.</li> <li>– Nêu được khái niệm sinh sản vô tính ở sinh vật.</li> <li>– Dựa vào hình ảnh hoặc mẫu vật, phân biệt được các hình thức sinh sản sinh dưỡng ở thực vật. Lấy được ví dụ minh hoạ.</li> <li>– Dựa vào hình ảnh, phân biệt được các hình thức sinh sản vô tính ở động vật. Lấy được ví dụ minh hoạ.</li> <li>– Nêu được vai trò của sinh sản vô tính trong thực tiễn.</li> <li>– Trình bày được các ứng dụng của sinh sản vô tính vào thực tiễn (nhân giống vô tính cây, nuôi cấy mô).</li> </ul>
20	40. Sinh sản hữu tính ở sinh vật	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nêu được khái niệm sinh sản hữu tính ở sinh vật. Phân biệt được sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính.</li> <li>– Dựa vào sơ đồ mô tả được quá trình sinh sản hữu tính ở thực vật: + Mô tả được các bộ phận của hoa lưỡng tính, phân biệt với hoa đơn tính. + Mô tả được thụ phấn; thụ tinh và lớn lên của quả.</li> <li>– Dựa vào sơ đồ (hoặc hình ảnh) mô tả được khái quát quá trình sinh sản hữu tính ở động vật (lấy ví dụ ở động vật đẻ con và đẻ trứng).</li> <li>– Nêu được vai trò của sinh sản hữu tính và một số ứng dụng trong thực tiễn.</li> </ul>
21	41. Một số yếu tố ảnh hưởng và điều hoà, điều khiển sinh sản ở sinh vật	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến sinh sản ở sinh vật và điều hoà, điều khiển sinh sản ở sinh vật.</li> <li>– Vận dụng được những hiểu biết về sinh sản hữu tính trong thực tiễn đời sống và chăn nuôi (thụ phấn nhân tạo, điều khiển số con, giới tính).</li> <li>- Giải thích được vì sao phải bảo vệ một số loài côn trùng thụ phấn cho cây.</li> </ul>

22	42. Cơ thể sinh vật là một thể thống nhất	1	– Dựa vào sơ đồ mối quan hệ giữa tế bào với cơ thể và môi trường (tế bào – cơ thể – môi trường và sơ đồ quan hệ giữa các hoạt động sống: trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng – sinh trưởng, phát triển – cảm ứng – sinh sản) chứng minh cơ thể sinh vật là một thể thống nhất.
----	---	---	---

## 2.2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	90 phút	Tuần 10	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học - Rèn kĩ năng vận dụng kiến thức đã học để giải thích các hiện tượng trong thực tế. Kĩ năng phân tích tổng hợp, so sánh, kĩ năng làm bài. - Thật thà, trung thực trong quá trình làm bài	Kiểm tra viết trên giấy
Cuối Học kỳ 1	90 phút	Tuần 18	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học - Rèn kĩ năng vận dụng kiến thức đã học để giải thích các hiện tượng trong thực tế. Kĩ năng phân tích tổng hợp, so sánh, kĩ năng làm bài. - Thật thà, trung thực trong quá trình làm bài	Kiểm tra viết trên giấy
Giữa Học kỳ 2	90 phút	Tuần 27	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học - Rèn kĩ năng vận dụng kiến thức đã học để giải thích các hiện tượng trong thực tế. Kĩ năng phân tích tổng hợp, so sánh, kĩ năng làm bài. - Thật thà, trung thực trong quá trình làm bài	Kiểm tra viết trên giấy
Cuối Học kỳ 2	90 phút	Tuần 35	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học - Rèn kĩ năng vận dụng kiến thức đã học để giải thích các hiện tượng trong thực tế. Kĩ năng phân tích tổng hợp, so sánh, kĩ năng làm bài. - Thật thà, trung thực trong quá trình làm bài	Kiểm tra viết trên giấy

## 3. Các nội dung khác (nếu có):

.....

## II.3. KHỐI 8

### 1. Đặc điểm tình hình

1.1. Số lớp: **02**; Số học sinh: **59**.

1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: **03**; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: **0**; Đại học: **03**; Trên đại học: **0**

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: **03**; Khá: **0**; Đạt: **0**; Chưa đạt: **0**

### 1.3. Thiết bị dạy học:

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	- Máy đo pH, bút đo pH. - Máy đo huyết áp. - Ampe kế, vôn kế, joulemeter	5	Bài 1: Sử dụng một số hoá chất, thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm.	
2	- Mô hình phân tử.	5	Bài 2: Phản ứng hoá học	
3	- Mô hình phân tử.	5	Bài 5: Định luật bảo toàn khối lượng và phương trình hoá học.	
4	- Bảng tính tan.	5	Bài 11: Muối.	
5	- Thỏi sắt	5	Bài 13: Khối lượng riêng	
6	- Khối gỗ hình hộp, cân điện tử, thước thẳng, ống đồng.	5	Bài 14: Thực hành xác định khối lượng riêng.	
7	- Khối sắt hình hộp, khay nhựa	5	Bài 15: Áp suất trên một bề mặt	
8	- Bình hình trụ, bình lớn chứa nước cao 50 cm, pit-tông, quả nặng	5	Bài 16: Áp suất chất lỏng. Áp suất khí quyển.	
9	- Lực kế 2N, cân điện tử, bình tràn, quả nặng bằng nhựa 130g, ống đồng, giá thí nghiệm.	5	Bài 17: Lực đẩy Archimedes	
10	- Thanh nhựa cứng có lỗ cách đều, giá thí nghiệm,	5	Bài 18: Tác dụng làm quay của lực.	



	quả nặng, móc treo, chìa khóa vặn ốc vít.		Moment lực.	
11	- Thanh nhựa cứng có lỗ cách đều, giá thí nghiệm, quả nặng, móc treo.	5	Bài 19: Đòn bẩy và ứng dụng	
12	- Chiếc đĩa nhựa, chiếc đĩa thủy tinh, mảnh vải len (dạ), mảnh vải lụa, giá thí nghiệm, dây treo. - Bộ thí nghiệm vật nhiễm điện.	5	Bài 20: Hiện tượng nhiễm điện do cọ xát.	
13	- Pin 3V, bóng đèn 2,5V, công tắc, kẹp nối, lá nhôm, đồng, nhựa, dây điện.	5	Bài 21: Dòng điện, nguồn điện.	
14	- Pin, bóng đèn, công tắc, kẹp nối, lá nhôm, đồng, nhựa, dây điện, cầu chì, cầu dao tự động, Role, chuông điện.	5	Bài 22: Mạch điện đơn giản	
15	- Nguồn điện 6V, bóng đèn pin, công tắc, dd $\text{CuSO}_4$ , hai thỏi than.	5	Bài 23: Tác dụng của dòng điện.	
16	- Nguồn điện (pin) 1,5V, 3V, 4,5V, bóng đèn 1,5V, công tắc, dây nối, biến trở, ampe kế.	5	Bài 24: Cường độ dòng điện và hiệu điện thế.	
17	- Nguồn điện (pin) 1,5V, 3V, 6V, bóng đèn 6V-0,5A, công tắc, dây nối, ampe kế 0,5A có độ chia nhỏ nhất 0,01A, vôn kế 6V có độ chia nhỏ nhất 0,1V.	5	Bài 25: Thực hành đo cường độ dòng điện và hiệu điện thế	
18	- Giá thí nghiệm, cốc thủy tinh, nhiệt kế, quả cầu kim loại, đèn cồn.	5	Bài 26: Năng lượng nhiệt và nội năng.	
19	- Bình lượng kế có dây đốt, que khuấy, nhiệt kế, dụng cụ đo năng lượng joulemeter, nguồn điện 12V, dây nối.	5	Bài 27: Thực hành đo năng lượng nhiệt bằng joulemeter.	
20	- Bộ thí nghiệm dẫn nhiệt, giá sắt, đèn cồn, cốc thủy tinh, bình thủy tinh, tấm gỗ.	5	Bài 28: Sự truyền nhiệt.	

21	- Giá sắt, ba thanh nhôm, đồng, sắt, đèn cồn, bình thủy tinh.	5	Bài 29: Sự nở vì nhiệt.	
22	- Tranh: khái quát cơ thể người.	5	Bài 30: Khái quát về cơ thể người.	
23	- Nẹp tre/ gỗ, bang y tế/ dây vải, bông/gạc.	5	Bài 31: Hệ vận động ở người.	
24	- Băng, gạc, bông y tế, dây cao su/ dây vải, huyết áp kế, ống nghe tim phổi.		Bài 33: Máu và hệ tuần hoàn của cơ thể người.	
25	- Tranh hô hấp nhân tạo.	5	Bài 34: Hệ hô hấp ở người.	
26	- Tranh: Hệ bài tiết ở người	5	Bài 35: Hệ bài tiết ở người.	
27	- Tranh: Môi trường trong cơ thể	5	Bài 36: Điều hoà môi trường trong của cơ thể người.	
28	- Tranh: Hệ thần kinh và các giác quan ở người.	5	Bài 37: Hệ thần kinh và các giác quan ở người.	
29	- Tranh: Cấu tạo da.	5	Bài 39: Da và điều hoà thân nhiệt ở người.	
30	- Tranh: Cơ quan sinh dục nam và nữ	5	Bài 40: Sinh sản ở người.	
31	- Tranh: Các kiểu tháp tuổi của quần thể	5	Bài 42: Quần thể sinh vật.	
32	- Tranh: Chuỗi thức ăn trong hệ sinh thái.	5	Bài 44: Hệ sinh thái	
33	- Tranh, ảnh	5	Bài 45: Sinh quyển.	
34	- Tranh, ảnh	5	Bài 46: Cân bằng tự nhiên.	

#### 1.4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Thực hành Hóa	01	Diện tích: 60 m <sup>2</sup> Sử dụng dạy các bài thực hành môn Hóa	Sử dụng cho toàn trường

			học	
2	Thực hành Vật lý	01	Diện tích: 60 m <sup>2</sup> Sử dụng dạy các bài thực hành môn Vật lý	Sử dụng cho toàn trường
3	Thực hành Sinh	01	Diện tích: 60 m <sup>2</sup> Sử dụng dạy các bài thực hành môn Sinh học	Sử dụng cho toàn trường
4	Vườn trường (Sân trường)	01		

## 2. Kế hoạch dạy học

### 2.1. Phân phối chương trình

#### 2.1.1. Phân phối chương trình phân môn Hóa học

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
	<b>HỌC KÌ I</b>		
1	<b>MỞ ĐẦU</b> Bài 1: Sử dụng một số hoá chất, thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm.	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được một số dụng cụ và hoá chất sử dụng trong môn Khoa học tự nhiên 8.</li> <li>- Nêu được quy tắc sử dụng hoá chất an toàn (chủ yếu những hoá chất trong môn Khoa học tự nhiên 8).</li> <li>- Nhận biết được các thiết bị điện trong môn Khoa học tự nhiên 8 và trình bày được cách sử dụng điện an toàn.</li> </ul>
	<b>CHƯƠNG I: PHẢN ỨNG HOÁ HỌC</b> Bài 2: Phản ứng hoá học	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm sự biến đổi vật lí, biến đổi hoá học.</li> <li>- Phân biệt được sự biến đổi vật lí, biến đổi hoá học. Đưa ra được ví dụ về sự biến đổi vật lí và sự biến đổi hoá học.</li> <li>- Tiến hành được một số thí nghiệm về sự biến đổi vật lí và biến đổi hoá học.</li> <li>- Nêu được khái niệm phản ứng hoá học, chất đầu và sản phẩm.</li> </ul>

2			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được sự sắp xếp khác nhau của các nguyên tử trong phân tử chất đầu và sản phẩm</li> <li>- Chỉ ra được một số dấu hiệu chứng tỏ có phản ứng hoá học xảy ra.</li> <li>- Nêu được khái niệm và đưa ra được ví dụ minh hoạ về phản ứng toả nhiệt, thu nhiệt.</li> <li>- Trình bày được các ứng dụng phổ biến của phản ứng toả nhiệt (đốt cháy than, xăng, dầu).</li> </ul>
3	Bài 3: Mol và tỉ khối chất khí	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm về mol (nguyên tử, phân tử).</li> <li>- Tính được khối lượng mol (M); Chuyển đổi được giữa số mol (n) và khối lượng (m)</li> <li>- Nêu được khái niệm tỉ khối, viết được công thức tính tỉ khối của chất khí.</li> <li>- So sánh được chất khí này nặng hay nhẹ hơn chất khí khác dựa vào công thức tính tỉ khối.</li> <li>- Nêu được khái niệm thể tích mol của chất khí ở áp suất 1 bar và 25 °C.</li> <li>- Sử dụng được công thức <math>n(\text{mol}) = \frac{V(L)}{24,79(L/\text{mol})}</math> để chuyển đổi giữa số mol và thể tích chất khí ở điều kiện chuẩn: áp suất 1 bar ở 25 °C.</li> </ul>
4	Bài 4: Dung dịch và nồng độ	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được dung dịch là hỗn hợp lỏng đồng nhất của các chất đã tan trong nhau.</li> <li>- Nêu được định nghĩa độ tan của một chất trong nước, nồng độ phần trăm, nồng độ mol.</li> <li>- Tính được độ tan, nồng độ phần trăm; nồng độ mol theo công thức.</li> <li>- Tiến hành được thí nghiệm pha một dung dịch theo một nồng độ cho trước.</li> </ul>
5	Bài 5: Định luật bảo toàn khối lượng và phương trình hoá học.	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiến hành được thí nghiệm để chứng minh: Trong phản ứng hoá học, khối lượng được bảo toàn.</li> <li>- Phát biểu được định luật bảo toàn khối lượng.</li> </ul>
6	Bài 6: Tính theo phương trình hoá học	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm phương trình hoá học và các bước lập phương trình hoá học.</li> <li>- Trình bày được ý nghĩa của phương trình hoá học.</li> <li>- Lập được sơ đồ phản ứng hoá học dạng chữ và phương trình hoá học (dùng công thức hoá học) của một số phản ứng hoá học cụ thể.</li> <li>- Tính được lượng chất trong phương trình hóa học theo số mol, khối lượng hoặc thể tích ở điều kiện 1 bar và 25 °C.</li> <li>- Nêu được khái niệm hiệu suất của phản ứng và tính được hiệu suất của một phản ứng dựa vào lượng sản phẩm thu được theo lí thuyết và lượng sản phẩm thu được theo thực tế.</li> </ul>
	Bài 7: Tốc độ phản ứng và chất xúc tác	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm về tốc độ phản ứng (chỉ mức độ nhanh hay chậm của phản ứng hoá học).</li> <li>- Trình bày được một số yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng và nêu được một số ứng</li> </ul>

7			<p>dụng thực tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiến hành được thí nghiệm và quan sát thực tiễn:</li> <li>+ So sánh được tốc độ một số phản ứng hoá học;</li> <li>+ Nêu được các yếu tố làm thay đổi tốc độ phản ứng;</li> <li>+ Nêu được khái niệm về chất xúc tác.</li> </ul>
8	<p><b>CHƯƠNG II: MỘT SỐ CHẤT THÔNG DỤNG</b></p> <p>Bài 8: Acid.</p>	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm acid (tạo ra ion <math>H^+</math>).</li> <li>- Tiến hành được thí nghiệm của hydrochloric acid (làm đổi màu chất chỉ thị; phản ứng với kim loại), nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất của acid.</li> <li>- Trình bày được một số ứng dụng của một số acid thông dụng (<math>HCl</math>, <math>H_2SO_4</math>, <math>CH_3COOH</math>).</li> </ul>
9	Bài 9: Base. Thang pH	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm base (tạo ra ion <math>OH^-</math>).</li> <li>- Nêu được kiềm là các hydroxide tan tốt trong nước.</li> <li>- Tiến hành được thí nghiệm base là làm đổi màu chất chỉ thị, phản ứng với acid tạo muối, nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất của base.</li> <li>- Tra được bảng tính tan để biết một hydroxide cụ thể thuộc loại kiềm hoặc base không tan.</li> <li>- Nêu được thang pH, sử dụng pH để đánh giá độ acid - base của dung dịch.</li> <li>- Tiến hành được một số thí nghiệm đo pH (bằng giấy chỉ thị) một số loại thực phẩm (đồ uống, hoa quả,...).</li> <li>- Liên hệ được pH trong dạ dày, trong máu, trong nước mưa, đất.</li> </ul>
10	Bài 10: Oxide.	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm oxide là hợp chất của oxygen với một nguyên tố khác.</li> <li>- Viết được phương trình hoá học tạo oxide từ kim loại/phi kim với oxygen.</li> <li>- Phân loại được các oxide theo khả năng phản ứng với acid/base (oxide acid, oxide base, oxide lưỡng tính, oxide trung tính).</li> <li>- Tiến hành được thí nghiệm oxide kim loại phản ứng với acid; oxide phi kim phản ứng với base; nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra nhận xét về tính chất hoá học của oxide.</li> </ul>
	Bài 11: Muối.	6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm về muối (các muối thông thường là hợp chất được hình thành từ sự thay thế ion <math>H^+</math> của acid bởi ion kim loại hoặc ion <math>NH_4^+</math>).</li> <li>- Chỉ ra được một số muối tan và muối không tan từ bảng tính tan.</li> </ul>

11			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được một số phương pháp điều chế muối.</li> <li>- Đọc được tên một số loại muối thông dụng.</li> <li>- Tiến hành được thí nghiệm muối phản ứng với kim loại, với acid, với base, với muối; nêu và giải thích được hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm (viết phương trình hoá học) và rút ra kết luận về tính chất hoá học của muối.</li> <li>- Trình bày được mối quan hệ giữa acid, base, oxide và muối; rút ra được kết luận về tính chất hoá học của acid, base, oxide.</li> </ul>
12	Bài 12: Phân bón hoá học	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được vai trò của phân bón (một trong những nguồn bổ sung một số nguyên tố: đa lượng, trung lượng, vi lượng dưới dạng vô cơ và hữu cơ) cho đất, cây trồng.</li> <li>- Nêu được thành phần và tác dụng cơ bản của một số loại phân bón hoá học đối với cây trồng (phân đạm, phân lân, phân kali, phân N–P–K).</li> <li>- Trình bày được ảnh hưởng của việc sử dụng phân bón hoá học (không đúng cách, không đúng liều lượng) đến môi trường của đất, nước và sức khoẻ của con người.</li> <li>- Đề xuất được biện pháp giảm thiểu ô nhiễm của phân bón.</li> </ul>

### 2.1.2. Phân phối chương trình phân môn Vật lí

13	<b>CHƯƠNG III: KHỐI LƯỢNG RIÊNG VÀ ÁP SUẤT</b> Bài 13: Khối lượng riêng	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được định nghĩa khối lượng riêng, xác định được khối lượng riêng qua khối lượng và thể tích tương ứng, <i>khối lượng riêng = khối lượng/thể tích</i>.</li> <li>- Liệt kê được một số đơn vị đo khối lượng riêng thường dùng.</li> </ul>
14	Bài 14: Thực hành xác định khối lượng riêng.	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện thí nghiệm để xác định được khối lượng riêng của một khối hộp chữ nhật, của một vật có hình dạng bất kì, của một lượng chất lỏng.</li> </ul>
15	Bài 15: Áp suất trên một bề mặt	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng dụng cụ thực hành, khẳng định được: áp suất sinh ra khi có áp lực tác dụng lên một diện tích bề mặt, <i>áp suất = áp lực/diện tích bề mặt</i>.</li> <li>- Liệt kê được một số đơn vị đo áp suất thông dụng.</li> <li>- Thảo luận được công dụng của việc tăng, giảm áp suất qua một số hiện tượng thực tế.</li> </ul>
	Bài 16: Áp suất chất lỏng. Áp suất khí	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện thí nghiệm khảo sát tác dụng của chất lỏng lên vật đặt trong chất lỏng.</li> <li>- Nêu được: Áp suất tác dụng vào chất lỏng sẽ được chất lỏng truyền đi nguyên vẹn theo</li> </ul>

16	quyển.		<p>mọi hướng; lấy được ví dụ minh họa.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được thí nghiệm để chứng tỏ tồn tại áp suất khí quyển và áp suất này tác dụng theo mọi phương.</li> <li>- Mô tả được sự tạo thành tiếng động trong tai khi tai chịu sự thay đổi áp suất đột ngột.</li> <li>- Giải thích được một số ứng dụng về áp suất không khí trong đời sống (ví dụ như: giác mút, bình xịt, tàu đệm khí).</li> </ul>
17	Bài 17: Lực đẩy Archimedes	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện thí nghiệm khảo sát tác dụng của chất lỏng lên vật đặt trong chất lỏng, rút ra được: Điều kiện định tính về vật nổi, vật chìm; định luật Archimedes (Acsimet).</li> </ul>
18	<p><b>CHƯƠNG IV: TÁC DỤNG LÀM QUAY CỦA LỰC</b></p> <p>Bài 18: Tác dụng làm quay của lực. Moment lực.</p>	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện thí nghiệm để mô tả được tác dụng làm quay của lực.</li> <li>- Nêu được: tác dụng làm quay của lực lên một vật quanh một điểm hoặc một trục được đặc trưng bằng moment lực.</li> </ul>
19	Bài 19: Đòn bẩy và ứng dụng	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng dụng cụ đơn giản, minh họa được đòn bẩy có thể làm thay đổi hướng tác dụng của lực.</li> <li>- Lấy được ví dụ về một số loại đòn bẩy khác nhau trong thực tiễn.</li> <li>- Sử dụng kiến thức, kỹ năng về đòn bẩy để giải quyết được một số vấn đề thực tiễn.</li> </ul>
20	<p><b>CHƯƠNG V: ĐIỆN</b></p> <p>Bài 20: Hiện tượng nhiễm điện do cọ xát.</p>	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được sơ lược nguyên nhân một vật cách điện nhiễm điện do cọ xát.</li> <li>- Giải thích được một vài hiện tượng thực tế liên quan đến sự nhiễm điện do cọ xát.</li> </ul>
21	Bài 21: Dòng điện, nguồn điện.	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Định nghĩa được dòng điện là dòng chuyển dời có hướng của các hạt mang điện.</li> <li>- Nêu được nguồn điện có khả năng cung cấp năng lượng điện và liệt kê được một số nguồn điện thông dụng trong đời sống.</li> <li>- Phân loại được vật dẫn điện, vật không dẫn điện.</li> </ul>
22	Bài 22: Mạch điện đơn giản	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vẽ được sơ đồ mạch điện với kí hiệu mô tả: điện trở, biến trở, chuông, ampe kế (ammeter), vôn kế (voltmeter), đi ốt (diode) và đi ốt phát quang.</li> <li>- Lắp được mạch điện đơn giản với: pin, công tắc, dây nối, bóng đèn.</li> <li>- Mô tả được sơ lược công dụng của cầu chì, rơ le (relay), cầu dao tự động, chuông điện.</li> </ul>
23	Bài 23: Tác dụng của	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện thí nghiệm để minh họa được các tác dụng cơ bản của dòng điện: nhiệt, phát</li> </ul>

	dòng điện.		sáng, hoá học, sinh lí.
24	Bài 24: Cường độ dòng điện và hiệu điện thế.	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện thí nghiệm để nêu được số chỉ của ampe kế là giá trị của cường độ dòng điện.</li> <li>- Thực hiện thí nghiệm để nêu được khả năng sinh ra dòng điện của pin (hay ắc quy) được đo bằng hiệu điện thế (còn gọi là điện áp) giữa hai cực của nó.</li> <li>- Nêu được đơn vị đo cường độ dòng điện và đơn vị đo hiệu điện thế.</li> </ul>
25	Bài 25: Thực hành đo cường độ dòng điện và hiệu điện thế	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đo được cường độ dòng điện và hiệu điện thế bằng dụng cụ thực hành.</li> <li>- Vẽ được sơ đồ mạch điện với kí hiệu mô tả: ampe kế (ammeter), vôn kế (voltmeter).</li> </ul>
26	<b>CHƯƠNG VI: NHIỆT</b> Bài 26: Năng lượng nhiệt và nội năng.	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm năng lượng nhiệt, khái niệm nội năng.</li> <li>- Nêu được: Khi một vật được làm nóng, các phân tử của vật chuyển động nhanh hơn và nội năng của vật tăng.</li> </ul>
27	Bài 27: Thực hành đo năng lượng nhiệt bằng joulemeter.	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đo được năng lượng nhiệt mà vật nhận được khi bị đun nóng (có thể sử dụng joulemeter hay oát kế (wattmeter).</li> </ul>
28	Bài 28: Sự truyền nhiệt.	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lấy được ví dụ về hiện tượng dẫn nhiệt, đối lưu, bức xạ nhiệt và mô tả sơ lược được sự truyền năng lượng trong mỗi hiện tượng đó.</li> <li>- Mô tả được sơ lược sự truyền năng lượng trong hiệu ứng nhà kính.</li> <li>- Phân tích được một số ví dụ về công dụng của vật dẫn nhiệt tốt, công dụng của vật cách nhiệt tốt.</li> <li>- Vận dụng kiến thức về sự truyền nhiệt giải thích được một số hiện tượng đơn giản thường gặp trong thực tế.</li> </ul>
29	Bài 29: Sự nở vì nhiệt.	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện thí nghiệm để chứng tỏ được các chất khác nhau nở vì nhiệt khác nhau.</li> <li>- Lấy được một số ví dụ về công dụng và tác hại của sự nở vì nhiệt.</li> <li>- Vận dụng kiến thức về sự nở vì nhiệt, giải thích được một số hiện tượng đơn giản thường gặp trong thực tế.</li> </ul>

### 2.1.3. Phân phối chương trình phân môn Sinh học

	<b>CHƯƠNG VII: SINH</b>	1	- Nêu được tên và vai trò chính của các cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể người.
--	-------------------------	---	---



30	<b>HỌC CƠ THỂ NGƯỜI</b> Bài 30: Khái quát về cơ thể người.		
31	Bài 31: Hệ vận động ở người.	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được chức năng của hệ vận động ở người.</li> <li>- Dựa vào sơ đồ (hoặc hình vẽ), mô tả được cấu tạo sơ lược các cơ quan của hệ vận động. Phân tích được sự phù hợp giữa cấu tạo với chức năng của hệ vận động. Liên hệ được kiến thức đòn bẩy vào hệ vận động.</li> <li>- Trình bày được một số bệnh, tật liên quan đến hệ vận động và một số bệnh về sức khỏe học đường liên quan hệ vận động (ví dụ: cong vẹo cột sống). Nêu được một số biện pháp bảo vệ các cơ quan của hệ vận động và cách phòng chống các bệnh, tật.</li> <li>- Nêu được ý nghĩa của tập thể dục, thể thao và chọn phương pháp luyện tập thể thao phù hợp (tự đề xuất được một chế độ luyện tập cho bản thân nhằm nâng cao thể lực và thể hình).</li> <li>- Vận dụng được hiểu biết về hệ vận động và các bệnh học đường để bảo vệ bản thân và tuyên truyền, giúp đỡ cho người khác.</li> <li>- Vận dụng được hiểu biết về lực và thành phần hoá học của xương để giải thích sự co cơ, khả năng chịu tải của xương.</li> <li>- Nêu được tác hại của bệnh loãng xương.</li> </ul> <p>- Thực hành: Thực hiện được sơ cứu và băng bó khi người khác bị gãy xương; tìm hiểu được tình hình mắc các bệnh về hệ vận động trong trường học và khu dân cư.</p>
32	Bài 32: Dinh dưỡng và tiêu hoá ở người.	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm dinh dưỡng, chất dinh dưỡng. Nêu được mối quan hệ giữa tiêu hoá và dinh dưỡng.</li> <li>- Trình bày được chức năng của hệ tiêu hoá.</li> <li>- Quan sát hình vẽ (hoặc mô hình, sơ đồ khái quát) hệ tiêu hoá ở người, kể tên được các cơ quan của hệ tiêu hoá. Nêu được chức năng của mỗi cơ quan và sự phối hợp các cơ quan thể hiện chức năng của cả hệ tiêu hoá.</li> <li>- Trình bày được chế độ dinh dưỡng của con người ở các độ tuổi.</li> <li>- Nêu được nguyên tắc lập khẩu phần thức ăn cho con người. Thực hành xây dựng chế độ dinh dưỡng cho bản thân và những người trong gia đình.</li> <li>- Nêu được một số bệnh về đường tiêu hoá và cách phòng và chống (bệnh răng, miệng; bệnh dạ dày; bệnh đường ruột, ...).</li> </ul>

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng được hiểu biết về dinh dưỡng và tiêu hoá để phòng và chống các bệnh về tiêu hoá cho bản thân và gia đình.</li> <li>- Trình bày được một số vấn đề về an toàn thực phẩm, cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nêu được khái niệm an toàn thực phẩm. Trình bày được một số điều cần biết về vệ sinh thực phẩm.</li> <li>+ Nêu được một số nguyên nhân chủ yếu gây ngộ độc thực phẩm. Lấy được ví dụ minh hoạ. Kể được tên một số loại thực phẩm dễ bị mất an toàn vệ sinh thực phẩm do sinh vật, hoá chất, bảo quản, chế biến.</li> <li>+ Kể được tên một số hoá chất (độc tố), cách chế biến, cách bảo quản gây mất an toàn vệ sinh thực phẩm.</li> <li>+ Trình bày được cách bảo quản, chế biến thực phẩm an toàn.</li> <li>+ Trình bày được một số bệnh do mất vệ sinh an toàn thực phẩm và cách phòng và chống các bệnh này.</li> </ul> </li> <li>- Vận dụng được hiểu biết về an toàn vệ sinh thực phẩm để đề xuất các biện pháp lựa chọn, bảo quản, chế biến, chế độ ăn uống an toàn cho bản thân và gia đình; đọc và hiểu được ý nghĩa của các thông tin ghi trên nhãn hiệu bao bì thực phẩm và biết cách sử dụng thực phẩm đó một cách phù hợp.</li> <li>- Thực hiện được dự án điều tra về vệ sinh an toàn thực phẩm tại địa phương; dự án điều tra một số bệnh đường tiêu hoá trong trường học hoặc tại địa phương (bệnh sâu răng, bệnh dạ dày,...).</li> </ul>
33	Bài 33: Máu và hệ tuần hoàn của cơ thể người.	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được chức năng của máu và hệ tuần hoàn.</li> <li>- Nêu được các thành phần của máu và chức năng của mỗi thành phần (hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu, huyết tương).</li> <li>- Nêu được khái niệm nhóm máu. Phân tích được vai trò của việc hiểu biết về nhóm máu trong thực tiễn (ví dụ trong cấp cứu phải truyền máu; ý nghĩa của truyền máu, cho máu và tuyên truyền cho người khác).</li> <li>- Quan sát mô hình (hoặc hình vẽ, sơ đồ khái quát) hệ tuần hoàn ở người, kể tên được các cơ quan của hệ tuần hoàn. Nêu được chức năng của mỗi cơ quan và sự phối hợp các cơ quan thể hiện chức năng của cả hệ tuần hoàn.</li> <li>- Nêu được khái niệm miễn dịch, kháng nguyên, kháng thể.</li> <li>- Nêu được vai trò vaccine (vacxin) và vai trò của tiêm vaccine trong việc phòng bệnh.</li> <li>- Dựa vào sơ đồ, trình bày được cơ chế miễn dịch trong cơ thể người. Giải thích được vì</li> </ul>

			<p>sao con người sống trong môi trường có nhiều vi khuẩn có hại nhưng vẫn có thể sống khỏe mạnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được một số bệnh về máu, tim mạch và cách phòng chống các bệnh đó.</li> <li>- Vận dụng được hiểu biết về máu và tuần hoàn để bảo vệ bản thân và gia đình.</li> <li>- Thực hành: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thực hiện được tình huống giả định cấp cứu người bị chảy máu, tai biến, đột quỵ; băng bó vết thương khi bị chảy nhiều máu;</li> <li>+ Thực hiện được các bước đo huyết áp.</li> </ul> </li> <li>- Thực hiện được dự án, bài tập: Điều tra bệnh cao huyết áp, tiểu đường tại địa phương.</li> </ul> <p>Tìm hiểu được phong trào hiến máu nhân đạo ở địa phương.</p>
34	Bài 34: Hệ hô hấp ở người.	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được chức năng của hệ hô hấp.</li> <li>- Quan sát mô hình (hoặc hình vẽ, sơ đồ khái quát) hệ hô hấp ở người, kể tên được các cơ quan của hệ hô hấp. Nêu được chức năng của mỗi cơ quan và sự phối hợp các cơ quan thể hiện chức năng của cả hệ hô hấp.</li> <li>- Nêu được một số bệnh về phổi, đường hô hấp và cách phòng chống.</li> <li>- Vận dụng được hiểu biết về hô hấp để bảo vệ bản thân và gia đình.</li> <li>- Trình bày được vai trò của việc chống ô nhiễm không khí liên quan đến các bệnh về hô hấp.</li> <li>- Điều tra được một số bệnh về đường hô hấp trong trường học hoặc tại địa phương, nêu được nguyên nhân và cách phòng tránh.</li> <li>- Tranh luận trong nhóm và đưa ra được quan điểm nên hay không nên hút thuốc lá và kinh doanh thuốc lá.</li> <li>- Thực hành: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thực hiện được tình huống giả định hô hấp nhân tạo, cấp cứu người đuối nước;</li> <li>+ Thiết kế được áp phích tuyên truyền không hút thuốc lá.</li> </ul> </li> </ul>
35	Bài 35: Hệ bài tiết ở người.	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được chức năng của hệ bài tiết.</li> <li>- Dựa vào hình ảnh hay mô hình, kể tên được các cơ quan của hệ bài tiết nước tiểu.</li> <li>- Dựa vào hình ảnh sơ lược, kể tên được các bộ phận chủ yếu của thận.</li> <li>- Trình bày được một số bệnh về hệ bài tiết và cách phòng chống các bệnh đó.</li> <li>- Vận dụng được hiểu biết về hệ bài tiết để bảo vệ sức khỏe.</li> <li>- Thực hiện được dự án, bài tập: Điều tra bệnh về thận như sỏi thận, viêm thận,... trong trường học hoặc tại địa phương.</li> <li>- Tìm hiểu được một số thành tựu ghép thận, chạy thận nhân tạo.</li> </ul>

36	Bài 36: Điều hoà môi trường trong của cơ thể người.	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm môi trường trong của cơ thể.</li> <li>- Nêu được khái niệm cân bằng môi trường trong và vai trò của sự duy trì ổn định môi trường trong của cơ thể (ví dụ nồng độ glucose, nồng độ muối trong máu, urea, uric acid, pH).</li> <li>- Đọc và hiểu được thông tin một ví dụ cụ thể về kết quả xét nghiệm nồng độ đường và uric acid trong máu.</li> </ul>
37	Bài 37: Hệ thần kinh và các giác quan ở người.	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được chức năng của hệ thần kinh và các giác quan.</li> <li>- Dựa vào hình ảnh kể tên được hai bộ phận của hệ thần kinh là bộ phận trung ương (não, tuỷ sống) và bộ phận ngoại biên (các dây thần kinh, hạch thần kinh).</li> <li>- Trình bày được một số bệnh về hệ thần kinh và cách phòng các bệnh đó.</li> <li>- Nêu được tác hại của các chất gây nghiện đối với hệ thần kinh. Không sử dụng các chất gây nghiện và tuyên truyền hiểu biết cho người khác.</li> <li>- Nêu được chức năng của các giác quan thị giác và thính giác.</li> <li>- Dựa vào hình ảnh hay sơ đồ, kể tên được các bộ phận của mắt và sơ đồ đơn giản quá trình thu nhận ánh sáng. Liên hệ được kiến thức truyền ánh sáng trong thu nhận ánh sáng ở mắt.</li> <li>- Dựa vào hình ảnh hay sơ đồ, kể tên được các bộ phận của tai ngoài, tai giữa, tai trong và sơ đồ đơn giản quá trình thu nhận âm thanh. Liên hệ được cơ chế truyền âm thanh trong thu nhận âm thanh ở tai.</li> <li>- Trình bày được một số bệnh về thị giác và thính giác và cách phòng và chống các bệnh đó (ví dụ: bệnh về mắt: bệnh đau mắt đỏ, ...; tật về mắt: cận thị, viễn thị, ...).</li> <li>- Vận dụng được hiểu biết về các giác quan để bảo vệ bản thân và người thân trong gia đình;</li> <li>- Tìm hiểu được các bệnh và tật về mắt trong trường học (cận thị, viễn thị,...), tuyên truyền chăm sóc và bảo vệ đôi mắt.</li> </ul>
38	Bài 38: Hệ nội tiết ở người.	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kể được tên và nêu được chức năng của các tuyến nội tiết.</li> <li>- Nêu được một số bệnh liên quan đến hệ nội tiết (tiểu đường, bướu cổ do thiếu iodine, ...)</li> <li>- Vận dụng được hiểu biết về các tuyến nội tiết để bảo vệ sức khoẻ bản thân và người thân trong gia đình.</li> <li>- Tìm hiểu được các bệnh nội tiết ở địa phương (ví dụ bệnh tiểu đường, bướu cổ).</li> </ul>
	Bài 39: Da và điều hoà thân nhiệt ở người.	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được cấu tạo sơ lược và chức năng của da. Trình bày được một số bệnh về da và các biện pháp chăm sóc, bảo vệ và làm đẹp da an toàn.</li> <li>- Nêu được khái niệm thân nhiệt. Thực hành được cách đo thân nhiệt và nêu được ý nghĩa</li> </ul>

39			<p>của việc đo thân nhiệt.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được vai trò và cơ chế duy trì thân nhiệt ổn định ở người.</li> <li>- Nêu được vai trò của da và hệ thần kinh trong điều hoà thân nhiệt.</li> <li>- Trình bày được một số phương pháp chống nóng, lạnh cho cơ thể. Nêu được một số biện pháp chống cảm lạnh, cảm nóng.</li> <li>- Vận dụng được hiểu biết về da để chăm sóc da, trang điểm an toàn cho da.</li> <li>- Thực hiện được tình huống giả định cấp cứu khi cảm nóng hoặc lạnh.</li> <li>- Tìm hiểu được các bệnh về da trong trường học hoặc trong khu dân cư.</li> <li>- Tìm hiểu được một số thành tựu ghép da trong y học.</li> </ul>
40	Bài 40: Sinh sản ở người.	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được chức năng của hệ sinh dục.</li> <li>- Kể tên được các cơ quan và trình bày được chức năng của các cơ quan sinh dục nam và nữ.</li> <li>- Nêu được khái niệm thụ tinh và thụ thai.</li> <li>- Nêu được hiện tượng kinh nguyệt và cách phòng tránh thai.</li> <li>- Kể tên được một số bệnh lây truyền qua đường sinh dục và trình bày được cách phòng chống các bệnh đó (bệnh HIV/AIDS, giang mai, lậu,...).</li> <li>- Nêu được ý nghĩa và các biện pháp bảo vệ sức khoẻ sinh sản vị thành niên. Vận dụng được hiểu biết về sinh sản để bảo vệ sức khoẻ bản thân.</li> <li>- Điều tra được sự hiểu biết của học sinh trong trường về sức khoẻ sinh sản vị thành niên (an toàn tình dục).</li> </ul>
41	<p><b>CHƯƠNG VIII: SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG</b></p> <p>Bài 41: Môi trường sống và các nhân tố sinh thái.</p>	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm môi trường sống của sinh vật, phân biệt được 4 môi trường sống chủ yếu: môi trường trên cạn, môi trường dưới nước, môi trường trong đất và môi trường sinh vật. Lấy được ví dụ minh hoạ các môi trường sống của sinh vật.</li> <li>- Nêu được khái niệm nhân tố sinh thái. Phân biệt được nhân tố sinh thái vô sinh và nhân tố hữu sinh (bao gồm cả nhân tố con người). Lấy được ví dụ minh hoạ các nhân tố sinh thái và ảnh hưởng của nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật.</li> <li>- Trình bày được sơ lược khái niệm về giới hạn sinh thái, lấy được ví dụ minh hoạ.</li> </ul>
42	Bài 42: Quần thể sinh vật.	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát biểu được khái niệm quần thể sinh vật. Nêu được các đặc trưng cơ bản của quần thể (đặc trưng về số lượng, giới tính, lứa tuổi, phân bố). Lấy được ví dụ minh hoạ.</li> <li>- Nêu được một số biện pháp bảo vệ quần thể.</li> </ul>
43	Bài 43: Quần xã sinh vật.	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát biểu được khái niệm quần xã sinh vật. Nêu được một số đặc điểm cơ bản của quần xã (Đặc điểm về độ đa dạng: số lượng loài và số cá thể của mỗi loài; đặc điểm về thành phần loài: loài ưu thế, loài đặc trưng). Lấy được ví dụ minh hoạ.</li> </ul>

			- Nêu được một số biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học trong quần xã.
44	Bài 44: Hệ sinh thái	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát biểu được khái niệm hệ sinh thái. Lấy được ví dụ về các kiểu hệ sinh thái (hệ sinh thái trên cạn, hệ sinh thái nước mặn, hệ sinh thái nước ngọt).</li> <li>- Nêu được khái niệm chuỗi, lưới thức ăn; sinh vật sản xuất, sinh vật tiêu thụ, sinh vật phân giải, tháp sinh thái. Lấy được ví dụ chuỗi thức ăn, lưới thức ăn trong quần xã.</li> <li>- Quan sát sơ đồ vòng tuần hoàn của các chất trong hệ sinh thái, trình bày được khái quát quá trình trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng trong hệ sinh thái.</li> <li>- Nêu được tầm quan trọng của bảo vệ một số hệ sinh thái điển hình của Việt Nam: các hệ sinh thái rừng, hệ sinh thái biển và ven biển, các hệ sinh thái nông nghiệp.</li> <li>- Thực hành: điều tra được thành phần quần xã sinh vật trong một hệ sinh thái.</li> </ul>
45	Bài 45: Sinh quyển.	3	- Nêu được khái niệm sinh quyển.
46	Bài 46: Cân bằng tự nhiên.	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm cân bằng tự nhiên. Trình bày được các nguyên nhân gây mất cân bằng tự nhiên.</li> <li>- Phân tích được một số biện pháp bảo vệ, duy trì cân bằng tự nhiên.</li> </ul>
47	Bài 47: Bảo vệ môi trường	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được tác động của con người đối với môi trường qua các thời kì phát triển xã hội; tác động của con người làm suy thoái môi trường tự nhiên; vai trò của con người trong bảo vệ và cải tạo môi trường tự nhiên.</li> <li>- Nêu được khái niệm ô nhiễm môi trường. Trình bày được sơ lược về một số nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường (ô nhiễm do chất thải sinh hoạt và công nghiệp, ô nhiễm hoá chất bảo vệ thực vật, ô nhiễm phóng xạ, ô nhiễm do sinh vật gây bệnh) và biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường.</li> <li>- Trình bày được sự cần thiết phải bảo vệ động vật hoang dã, nhất là những loài có nguy cơ bị tuyệt chủng cần được bảo vệ theo Công ước quốc tế về buôn bán các loài động, thực vật hoang dã (CITES) (ví dụ như các loài voi, tê giác, hổ, sếu đầu đỏ và các loài linh trưởng,...).</li> <li>- Nêu được khái niệm khái quát về biến đổi khí hậu và một số biện pháp chủ yếu nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu.</li> <li>- Điều tra được hiện trạng ô nhiễm môi trường ở địa phương.</li> </ul>

## 2.2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	90 phút	Tuần 9	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học - Rèn kĩ năng vận dụng kiến thức đã học để giải thích các hiện tượng trong thực tế. Kĩ năng phân tích tổng hợp, so sánh, kĩ năng làm bài.  Thật thà, trung thực trong quá trình làm bài	Kiểm tra viết trên giấy – TNTL và TNKQ
Cuối Học kỳ 1	90 phút	Tuần 18	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học - Rèn kĩ năng vận dụng kiến thức đã học để giải thích các hiện tượng trong thực tế. Kĩ năng phân tích tổng hợp, so sánh, kĩ năng làm bài.  Thật thà, trung thực trong quá trình làm bài	Kiểm tra viết trên giấy – TNTL và TNKQ
Giữa Học kỳ 2	90 phút	Tuần 27	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học - Rèn kĩ năng vận dụng kiến thức đã học để giải thích các hiện tượng trong thực tế. Kĩ năng phân tích tổng hợp, so sánh, kĩ năng làm bài.  Thật thà, trung thực trong quá trình làm bài	Kiểm tra viết trên giấy – TNTL và TNKQ
Cuối Học kỳ 2	90 phút	Tuần 35	- Đảm bảo nội dung kiến thức đã học - Rèn kĩ năng vận dụng kiến thức đã học để giải thích các hiện tượng trong thực tế. Kĩ năng phân tích tổng hợp, so sánh, kĩ năng làm bài.  Thật thà, trung thực trong quá trình làm bài	Kiểm tra viết trên giấy – TNTL và TNKQ

## 3. Các nội dung khác (nếu có):

.....

### III. MÔN TIN

#### III.1. KHỐI 6

##### 1. Đặc điểm tình hình

1.1. Số lớp: **02**; Số học sinh: **80**.

1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: **01**; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: **0**; Đại học: **01**; Trên đại học: **0**

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: **01**; Khá: **0**; Đạt: **0**; Chưa đạt: **0**

##### 1.3. Thiết bị dạy học:

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Vở, SGK, ...	1 quyển/HS	Phòng học	
2	Máy tính, máy chiếu, các thiết bị nhớ thông dụng như đĩa cứng, USB... Máy tính có kết nối mạng LAN, mạng Internet	1 máy/2 HS	Bài 1. Thông tin và dữ liệu Bài 2. Xử lý thông tin Bài 3. Thông tin trong máy tính Bài 4. Mạng máy tính Bài 5. Internet	
3	Máy tính, máy chiếu, ứng dụng web, các trình duyệt ,... phần mềm ứng dụng được cài đặt sơ đồ tư duy, phần mềm soạn thảo..	1 máy/2HS	Bài 6. Mạng thông tin toàn cầu Bài 7. Tìm kiếm thông tin trên Internet Bài 8. Thư điện tử Bài 9. An toàn thông tin trên Internet Bài 10. Sơ đồ tư duy Bài 11. Định dạng văn bản Bài 12: Trình bày thông tin ở dạng bảng Bài 13. Thực hành: Tìm kiếm và thay thế Bài 14. Hoàn thành sổ lưu niệm.	
4	Máy tính, máy chiếu, giấy khổ rộng, tờ giấy hình vuông để gấp trò chơi, bút chì, bút màu, máy tính cầm tay.	1 máy tính + máy chiếu	Bài 15. Thuật toán	
5	Máy tính, máy chiếu, phiếu trả lời câu hỏi,	1 máy tính	Bài 16. Các cấu trúc điều khiển	



	mạng Internet, giấy, bút, thước kẻ.	+ máy chiếu		
6	Máy tính, máy chiếu, một số bức tranh đơn giản về đồ họa, phần mềm lập trình trực quan Scratch	1 máy/2HS	Bài 17. Chương trình máy tính	

**1.4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng bộ môn Tin học	01	Thực hành gửi thư bằng email	
2	Phòng bộ môn tin học	01	Vẽ sơ đồ tư duy	
3	Phòng bộ môn tin học	01	Giải thuật toán	

## 2. Kế hoạch dạy học

### 2.1. Phân phối chương trình

**Cả năm:** 35 tuần x 1 tiết = 35 tiết.

**HK1:** 18 tuần x 1 tiết = 18 tiết; **HK2:** 17 tuần x 1 tiết = 17 tiết

Tuần n	Tiết	Chủ đề/bài học	Yêu cầu cần đạt
		<b>Chủ đề 1. Máy tính và cộng đồng</b>	
1	1	Bài 1. Thông tin và dữ liệu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu dữ liệu, thông tin và vật mang tin là gì?</li> <li>- Nhận biết được sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu.</li> <li>- Phân biệt được thông tin và vật mang tin.</li> <li>- Nêu được ví dụ minh họa mối quan hệ giữa thông tin và dữ liệu.</li> <li>- Nêu được ví dụ minh họa tầm quan trọng của thông tin.</li> </ul>
2	2	Bài 2. Xử lý thông tin	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được các hoạt động cơ bản trong xử lý thông tin.</li> <li>- Giải thích được máy tính là công cụ hiệu quả để xử lý thông tin. Nêu được ví dụ minh họa cụ thể.</li> </ul>

3	3	Bài 3. Thông tin trong máy tính	- Giải thích được việc có thể biểu diễn thông tin chỉ với hai kí hiệu 0 và 1.
4	4	Bài 3. Thông tin trong máy tính	- Biết được bit là đơn vị nhỏ nhất trong lưu trữ thông tin. - Nêu được tên và độ lớn của các đơn vị cơ bản đo dung lượng thông tin. - Ước lượng được khả năng lưu trữ của các thiết bị nhớ thông dụng như đĩa quang, đĩa từ, thẻ nhớ...
		<b>Chủ đề 2. Mạng máy tính và Internet</b>	
5	5	Bài 4. Mạng máy tính	- Nêu được mạng máy tính là gì và lợi ích của nó trong cuộc sống.
6	6	Bài 4. Mạng máy tính	- Kể được các thành phần chính của một mạng máy tính. - Nêu được một số cách kết nối không dây mà em biết. - Nêu được ví dụ cụ thể về trường hợp mạng không dây tiện dụng hơn mạng có dây.
7	7	Bài 5. Internet	- Biết Internet là gì. - Nêu được một số đặc điểm chính của Internet. - Nêu được một số lợi ích chính của Internet.
8	8	Ôn tập giữa học kỳ 1	
9	9	Kiểm tra giữa kì 1	
		<b>Chủ đề 3. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin</b>	
10	10	Bài 6. Mạng thông tin toàn cầu	- Trình bày sơ lược được các khái niệm World Wide Web, website, địa chỉ của website, trình duyệt.
11	11	Bài 6. Mạng thông tin toàn cầu (tt)	- Xem và nêu được các thông tin chính trên trang web cho trước. - Khai thác được thông tin trên một số trang web thông dụng: tra từ điển, xem tin thời tiết, thời sự, ...
12	12	Bài 7. Tìm kiếm thông tin trên Internet	- Nêu được công dụng của máy tìm kiếm. - Xác định được từ khóa ứng với mục đích tìm kiếm cho trước. - Thực hiện được việc tìm kiếm và khai thác thông tin trên Internet.

13	13	Bài 8. Thư điện tử	- Biết thư điện tử là gì; biết ưu điểm và nhược điểm cơ bản của dịch vụ thư điện tử so với các phương thức liên lạc khác.
14	14	Bài 8. Thư điện tử (tt)	- Biết tài khoản thư điện tử, hộp thư điện tử, thành phần của địa chỉ thư điện tử và cách đăng kí tài khoản thư điện tử. - Thực hiện đăng kí tài khoản thư điện tử, đăng nhập, soạn, gửi, đăng xuất hộp thư điện tử.
		<b>Chủ đề 4. Đạo đức, pháp luật và văn hóa trong môi trường số</b>	
15	15	Bài 9. An toàn thông tin trên Internet	- Biết một số tác hại và nguy cơ khi sử dụng Internet. Nêu và thực hiện được một số biện pháp phòng ngừa.
16	16	Bài 9. An toàn thông tin trên Internet (tt)	- Trình bày được tầm quan trọng của sự an toàn và hợp pháp của thông tin cá nhân cả tập thể. - Bảo vệ được thông tin và tài khoản cá nhân với sự hỗ trợ của người lớn. - Nêu được một vài cách thông dụng để chia sẻ thông tin của bản thân và tập thể sao cho an toàn và hợp pháp. - Nhận diện được một số thông điệp lừa đảo hoặc mang nội dung xấu. - Bảo vệ được thông tin và tài khoản cá nhân với sự hỗ trợ của người lớn. - Nêu được một vài cách thông dụng để chia sẻ thông tin của bản thân và tập thể sao cho an toàn và hợp pháp. - Nhận diện được một số thông điệp lừa đảo hoặc mang nội dung xấu.
17	17	Ôn tập cuối học kỳ 1	
18	18	Kiểm tra cuối học kỳ I	
		<b>Chủ đề 5. Ứng dụng tin học</b>	
19	19	Bài 10. Sơ đồ tư duy ( <i>Giao nhiệm vụ BT dự án. Sổ lưu niệm</i> )	- Sắp xếp được một cách logic và trình bày được dưới dạng sơ đồ tư duy các ý tưởng, khái niệm.
20	20	Bài 10. Sơ đồ tư duy (tt)	- Giải thích được lợi ích của sơ đồ tư duy, nêu được nhu cầu sử dụng phần mềm sơ đồ tư duy trong học tập và trao đổi thông

			tin. - Tạo được sơ đồ tư duy đơn giản bằng phần mềm.
21	21	Bài 11. Định dạng văn bản	- Nêu được các chức năng đặc trưng của những phần mềm soạn thảo văn bản.
22	22	Bài 11. Định dạng văn bản (tt)	- Trình bày được tác dụng của công cụ căn lề, định dạng văn bản. - Thực hiện được việc định dạng văn bản, trình bày trang văn bản và in.
23	23	Bài 12. Trình bày thông tin ở dạng bảng	- Biết được ưu điểm của việc trình bày thông tin ở dạng bảng.
24	24	Bài 12. Trình bày thông tin ở dạng bảng(tt)	- Biết cách tạo và định dạng bảng. - Trình bày được thông tin ở dạng bảng bằng phần mềm soạn thảo văn bản.
25	25	Bài 13. Thực hành: Tìm kiếm và thay thế	- Trình bày được tác dụng của công cụ tìm kiếm, thay thế trong phần mềm soạn thảo văn bản. - Sử dụng được công cụ tìm kiếm và thay thế của phần mềm soạn thảo văn bản.
26	26	Bài 14. Thực hành tổng hợp: Hoàn thành sổ lưu niệm <i>(Báo cáo kết quả BT dự án)</i>	- Biết cách tổng hợp, sắp xếp các nội dung thành một nội dung hoàn chỉnh
27	27	Ôn tập giữa học kỳ 2	
28	28	Kiểm tra giữa học kỳ 2	
		<b>Chủ đề 6. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính</b>	
29	29	Bài 15. Thuật toán	- Diễn tả được sơ lược khái niệm thuật toán.
30	30	Bài 15. Thuật toán (tt)	- Nêu được một vài ví dụ minh họa về thuật toán - Biết thuật toán có thể được mô tả dưới dạng liệt kê hoặc sơ đồ khối. - Tạo được sơ đồ khối
31	31	Bài 16. Các cấu trúc điều khiển	- Biết các cấu trúc:
32	32	Bài 16. Các cấu trúc điều khiển (tt)	+ Cấu trúc tuần tự + Cấu trúc rẽ nhánh dạng thiếu và dạng đủ + Cấu trúc lặp

			- Mô tả được thuật toán đơn giản có cấu trúc tuần tự, rẽ nhánh (dạng thiếu và dạng đủ) và lặp dưới dạng liệt kê hoặc sơ đồ khối.
33	33	Bài 17. Chương trình máy tính	- Biết được chương trình là mô tả một thuật toán để máy tính "hiểu". - Thực hiện được chương trình trên máy tính
34	34	Ôn tập cuối học kỳ 2	
35	35	Kiểm tra cuối học kỳ 2	

## 2.2. Bảng chi tiết theo chủ đề/bài học

Stt	Tiết	Chủ đề/Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
		<b>Chủ đề 1: Máy tính và cộng đồng</b>	4	
1	1	Bài 1: Thông tin và dữ liệu	1	- Hiểu dữ liệu, thông tin và vật mang tin là gì? - Nhận biết được sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu. - Phân biệt được thông tin và vật mang tin. - Nêu được ví dụ minh họa mối quan hệ giữa thông tin và dữ liệu. - Nêu được ví dụ minh họa tầm quan trọng của thông tin.
2	2	Bài 2: Xử lý thông tin	1	- Nêu được các hoạt động cơ bản trong xử lý thông tin. - Giải thích được máy tính là công cụ hiệu quả để xử lý thông tin. Nêu được ví dụ minh họa cụ thể.
3 4	3 4	Bài 3: Thông tin trong máy tính	2	- Giải thích được việc có thể biểu diễn thông tin chỉ với hai kí hiệu 0 và 1. - Biết được bit là đơn vị nhỏ nhất trong lưu trữ thông tin.
		<b>Chủ đề 2: Mạng máy tính và Internet</b>	3	
5 6	5	Bài 4: mạng máy tính	2	- Nêu được mạng máy tính là gì và lợi ích của nó trong cuộc sống.

	6			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kể được các thành phần chính của một mạng máy tính.</li> <li>- Nêu được một số cách kết nối không dây mà em biết.</li> <li>- Nêu được ví dụ cụ thể về trường hợp mạng không dây tiện dụng hơn mạng có dây.</li> </ul>
7	7	Bài 5: Internet	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết Internet là gì.</li> <li>- Nêu được một số đặc điểm chính của Internet.</li> <li>- Nêu được một số lợi ích chính của Internet.</li> </ul>
8	8	Ôn tập giữa kỳ	1	
9	9	<b>Kiểm tra giữa kì 1</b>	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp.</li> <li>- Nội dung đánh giá có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi cho phép</li> <li>- GV quan sát và theo dõi, nhắc nhở HS làm bài</li> </ul>
		<b>Chủ đề 3: Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin</b>	5	
10 11	10 11	Bài 6: Mạng thông tin toàn cầu	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày sơ lược được các khái niệm World Wide Web, website, địa chỉ của website, trình duyệt.</li> <li>- Xem và nêu được các thông tin chính trên trang web cho trước.</li> <li>- Khai thác được thông tin trên một số trang web thông dụng: tra từ điển, xem tin thời tiết, thời sự, ...</li> </ul>
12	12	Bài 7: Tìm kiếm thông tin trên Internet	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được công dụng của máy tìm kiếm.</li> <li>- Xác định được từ khóa ứng với mục đích tìm kiếm cho trước.</li> <li>- Thực hiện được việc tìm kiếm và khai thác thông tin trên Internet.</li> </ul>
13 14	13 14	Bài 8: Thư điện tử	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết thư điện tử là gì; biết ưu điểm và nhược điểm cơ bản của dịch vụ thư điện tử so với các phương thức liên lạc khác.</li> <li>- Biết tài khoản thư điện tử, hộp thư điện tử, thành phần của địa chỉ thư điện tử và cách đăng kí tài khoản thư điện tử.</li> <li>- Thực hiện đăng kí tài khoản thư điện tử, đăng nhập, soạn,</li> </ul>

				gửi, đăng xuất hộp thư điện tử.
		<b>Chủ đề 4: Đạo đức, pháp luật và văn hóa trong môi trường số</b>	2	
15 16	15 16	Bài 9: An toàn thông tin trên Internet	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết một số tác hại và nguy cơ khi sử dụng Internet. Nêu và thực hiện được một số biện pháp phòng ngừa.</li> <li>- Trình bày được tầm quan trọng của sự an toàn và hợp pháp của thông tin cá nhân cả tập thể.</li> <li>- Bảo vệ được thông tin và tài khoản cá nhân với sự hỗ trợ của người lớn.</li> <li>- Nêu được một vài cách thông dụng để chia sẻ thông tin của bản thân và tập thể sao cho an toàn và hợp pháp.</li> <li>- Nhận diện được một số thông điệp lừa đảo hoặc mang nội dung xấu.</li> <li>- Bảo vệ được thông tin và tài khoản cá nhân với sự hỗ trợ của người lớn.</li> <li>- Nêu được một vài cách thông dụng để chia sẻ thông tin của bản thân và tập thể sao cho an toàn và hợp pháp.</li> <li>- Nhận diện được một số thông điệp lừa đảo hoặc mang nội dung xấu.</li> </ul>
17	17	Ôn tập cuối học kỳ 1	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nêu rõ hình thức kiểm tra (<i>hình thức kiểm tra trắc nghiệm và tự luận trên giấy, trên máy tính hoặc thực hành trên máy tính</i>), thời gian kiểm tra, thang điểm kiểm tra, các quy định trong quá trình kiểm tra, mức độ phân hóa trong bài kiểm tra.</li> <li>- GV hệ thống tất cả kiến thức đã học và mở rộng: bằng câu hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.</li> </ul>
18	18	<b>Kiểm tra cuối học kỳ I</b>	1	- GV sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp.

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nội dung đánh giá có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi HK1</li> <li>- GV quan sát và theo dõi, nhắc nhở HS làm bài</li> </ul>
		<b>Chủ đề 5: Ứng dụng tin học</b>	8	
19 20	19 20	Bài 10: Sơ đồ tư duy ( <i>Giao nhiệm vụ BT dự án. Sổ lưu niệm</i> )	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sắp xếp được một cách logic và trình bày được dưới dạng sơ đồ tư duy các ý tưởng, khái niệm.</li> <li>- Giải thích được lợi ích của sơ đồ tư duy, nêu được nhu cầu sử dụng phần mềm sơ đồ tư duy trong học tập và trao đổi thông tin.</li> <li>- Tạo được sơ đồ tư duy đơn giản bằng phần mềm.</li> </ul>
21 22	21 22	Bài 11: Định dạng văn bản	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được các chức năng đặc trưng của những phần mềm soạn thảo văn bản.</li> <li>- Trình bày được tác dụng của công cụ căn lề, định dạng văn bản.</li> <li>- Thực hiện được việc định dạng văn bản, trình bày trang văn bản và in.</li> </ul>
23 24	23 24	Bài 12: Trình bày thông tin ở dạng bảng	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết được ưu điểm của việc trình bày thông tin ở dạng bảng.</li> <li>- Biết cách tạo và định dạng bảng.</li> <li>- Trình bày được thông tin ở dạng bảng bằng phần mềm soạn thảo văn bản.</li> </ul>
25	25	Bài 13: Thực hành: Tìm kiếm và thay thế	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được tác dụng của công cụ tìm kiếm, thay thế trong phần mềm soạn thảo văn bản.</li> <li>- Sử dụng được công cụ tìm kiếm và thay thế của phần mềm soạn thảo văn bản.</li> </ul>
26	26	Bài 14. Thực hành tổng hợp: Hoàn thành sổ lưu niệm ( <i>Báo cáo kết quả BT dự án</i> )	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết cách tổng hợp, sắp xếp các nội dung thành một nội dung hoàn chỉnh</li> </ul>
27	27	Ôn tập giữa học kỳ 2	1	



28	28	<b>Kiểm tra giữa học kỳ 2</b>	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp.</li> <li>- Nội dung đánh giá có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi ở từ đầu đến giữa HK2.</li> <li>- GV quan sát và theo dõi, nhắc nhở HS làm bài</li> </ul>
		<b>Chủ đề 6: Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính</b>	5	
29 30	29 30	Bài 15: Thuật toán	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Diễn tả được sơ lược khái niệm thuật toán.</li> <li>- Nêu được một vài ví dụ minh họa về thuật toán</li> <li>- Biết thuật toán có thể được mô tả dưới dạng liệt kê hoặc sơ đồ khối.</li> <li>- Tạo được sơ đồ khối</li> </ul>
31 32	31 32	Bài 16: Các cấu trúc điều khiển	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết các cấu trúc: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cấu trúc tuần tự</li> <li>+ Cấu trúc rẽ nhánh dạng thiếu và dạng đủ</li> <li>+ Cấu trúc lặp</li> </ul> </li> <li>- Mô tả được thuật toán đơn giản có cấu trúc tuần tự, rẽ nhánh (dạng thiếu và dạng đủ) và lặp dưới dạng liệt kê hoặc sơ đồ khối.</li> </ul>
33	33	Bài 17: Chương trình máy tính	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết được chương trình là mô tả một thuật toán để máy tính "hiểu."</li> <li>- Thực hiện được chương trình trên máy tính</li> </ul>
34	34	<b>Ôn tập cuối học kỳ 2</b>	1	<p>GV nêu rõ hình thức kiểm tra (<i>hình thức kiểm tra trắc nghiệm và tự luận trên giấy, trên máy tính hoặc thực hành trên máy tính</i>), thời gian kiểm tra, thang điểm kiểm tra, các quy định trong quá trình kiểm tra, mức độ phân hóa trong bài kiểm tra.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV hệ thống tất cả kiến thức đã học: bằng câu hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.</li> </ul>
35	35	<b>Kiểm tra cuối học kỳ 2</b>	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp.</li> </ul>

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nội dung đánh giá có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi HK2</li> <li>- GV quan sát, theo dõi và nhắc nhở HS làm bài</li> </ul>
--	--	--	--	--

### 2.3. Ôn tập cuối học kỳ

Ôn tập	Số tiết (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
Cuối Học kỳ 1	1	Tuần 17	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nêu rõ hình thức kiểm tra (<i>hình thức kiểm tra trắc nghiệm và tự luận trên giấy, trên máy tính hoặc thực hành trên máy tính</i>), thời gian kiểm tra, thang điểm kiểm tra, các quy định trong quá trình kiểm tra, mức độ phân hóa trong bài kiểm tra.</li> <li>- GV hệ thống tất cả kiến thức đã học và mở rộng: bằng câu hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.</li> </ul>
Cuối Học kỳ 2	1	Tuần 34	<p>GV nêu rõ hình thức kiểm tra (<i>hình thức kiểm tra trắc nghiệm và tự luận trên giấy, trên máy tính hoặc thực hành trên máy tính</i>), thời gian kiểm tra, thang điểm kiểm tra, các quy định trong quá trình kiểm tra, mức độ phân hóa trong bài kiểm tra.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV hệ thống tất cả kiến thức đã học: bằng câu hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.</li> </ul>

### 2.4. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 9	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học trong học kỳ 1, được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	Viết (trên giấy) Hoặc thực hành trên máy
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 18	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh	Viết (trên giấy)

			theo chương trình môn học trong học kỳ 1, được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	Hoặc thực hành trên máy
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 28	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học đến giữa học kỳ 2, được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	Viết (trên giấy) Hoặc thực hành trên máy
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 35	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học trong học kỳ 2 và cả năm học, được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	Viết (trên giấy) Hoặc thực hành trên máy

### 3. Các nhiệm vụ khác (nếu có):

- Tham gia đầy đủ, tích cực các bồi sinh hoạt chuyên môn; các hoạt động, phong trào do nhà trường và đoàn thể tổ chức.

## III.2. KHỐI 7

### 1. Đặc điểm tình hình

**1.1. Số lớp: 03 ; Số học sinh: 92.**

**1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 01; Trình độ đào tạo:** Cao đẳng: 0 . Đại học: 01; Trên đại học: không

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên:** Tốt: 01 ; Khá: 0; Đạt: 0; Chưa đạt: 0.

### 1.3. Thiết bị dạy học:

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Vở, SGK, ...	1 quyển/HS	Phòng học	
2	Máy tính, máy chiếu, các thiết bị nhớ	1 máy/2	Bài 1: Thiết bị vào – ra	

	thông dụng như đĩa cứng, USB... Máy tính có kết nối mạng LAN, mạng Internet	HS	Bài 2: Phần mềm máy tính Bài 3: Quản lý dữ liệu trong máy tính Bài 4: Mạng xã hội và một số kênh trao đổi thông tin trên Internet Bài 5: Ứng xử trên mạng	
3	Máy tính, máy chiếu, ứng dụng web, các trình duyệt ,... phần mềm ứng dụng được cài đặt như: phần mềm bảng tính, phần mềm trình chiếu	1 máy/2HS	Bài 6: Làm quen với phần mềm bảng tính Bài 7: Tính toán tự động trên bảng tính Bài 8: Công cụ hỗ trợ tính toán Bài 9: Trình bày bảng tính Bài 10: Hoàn thiện bảng tính Bài 11: Tạo bài trình chiếu Bài 12: Định dạng đối tượng trên trang chiếu Bài 13: Thực hành tổng hợp	
4	Máy tính, máy chiếu, phiếu trả lời câu hỏi, mạng Internet, phần mềm mô phỏng thuật toán tìm kiếm tuần tự...	1 máy tính + máy chiếu	Bài 14: Thuật toán tìm kiếm tuần tự	
5	Máy tính, máy chiếu, phiếu trả lời câu hỏi, mạng Internet, tấm thẻ ghi con số dùng cho hoạt động mô phỏng thuật toán tìm kiếm nhị phân...	1 máy tính + máy chiếu	Bài 15: Thuật toán tìm kiếm nhị phân	
6	Máy tính, máy chiếu, giấy A4, bút dạ...	1 máy/2HS	Bài 16: Thuật toán sắp xếp	

#### 1.4. Phòng học bộ môn/ phòng thí nghiệm/ phòng đa năng/sân chơi, bãi tập

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng bộ môn Tin học	01	Thực hành gửi thư bằng email	
2	Phòng bộ môn tin học	01	Tính toán trên bảng tính và tạo phần mềm trình chiếu	
3	Phòng bộ môn tin học	01	Giải thuật toán	

## 2. Kế hoạch dạy học

### 2.1. Phân phối chương trình

**Cả năm:** 35 tuần x 1 tiết = 35 tiết.

**HK1:** 18 tuần x 1 tiết = 18 tiết; **HK2:** 17 tuần x 1 tiết = 17 tiết

Tuần	Tiết	Chủ đề/Bài học	Yêu cầu cần đạt
		<b>Chủ đề 1: Máy tính và cộng đồng</b>	
1	1	Bài 1: Thiết bị vào – ra	<ul style="list-style-type: none"><li>-Biết và nhận ra được các thiết bị vào- ra có nhiều loại, hình dáng khác nhau.</li><li>- Biết được chức năng của thiết bị vào – ra trong thu nhận,lưu trữ, xử lí và truyền thông tin.</li><li>- Hiểu đúng các thao tác với các thiết bị thông dụng của máy tính.</li><li>- Nêu được ví dụ cụ thể những thao tác không đúng cách sẽ gây ra lỗi cho thiết bị và hệ thống xử lí thông tin.</li></ul>
2	2	Bài 2: Phần mềm máy tính	<ul style="list-style-type: none"><li>- Giải thích được sơ lược chức năng điều khiển và quản lí hệ điều hành.</li><li>- Phân biệt được hệ điều hành với phần mềm ứng dụng.</li><li>- Nêu được tên một số phần mềm ứng dụng đã sử dụng.</li><li>- Giải thích được phần mở rộng của tên tệp, cho biết tệp thuộc loại gì, nêu được ví dụ minh họa.</li></ul>
3	3	Bài 3: Quản lý dữ liệu trong máy tính	<ul style="list-style-type: none"><li>- Biết được tệp chương trình cũng là dữ liệu, có thể được lưu trữ trong máy tính.</li><li>- Nêu được ví dụ về biện pháp bảo vệ dữ liệu như sao lưu, phòng chống virus...</li></ul>
4	4	Bài 3: Quản lý dữ liệu trong máy tính (TT)	<ul style="list-style-type: none"><li>-Thao tác thành thạo với tệp và thư mục: tạo mới, sao chép, di chuyển, đổi tên, xóa...</li></ul>
		<b>Chủ đề 2: Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin</b>	
5	5	Bài 4: Mạng xã hội và một số kênh trao đổi thông tin	<ul style="list-style-type: none"><li>-Nêu được tên một kênh trao đổi thông tin thông dụng trên internet và loại thông tin trao đổi trên kênh đó.</li></ul>

		trên Internet	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được một số chức năng cơ bản của mạng xã hội. Nhận biết được một số website là mạng xã hội.</li> <li>- Sử dụng được một số chức năng cơ bản của một mạng xã hội để giao lưu và chia sẻ thông tin.</li> <li>- Nêu được ví dụ cụ thể về hậu quả của việc sử dụng thông tin vào mục đích sai trái.</li> </ul>
6	6	Bài 4: Mạng xã hội và một số kênh trao đổi thông tin trên Internet (thực hành)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng được một số chức năng cơ bản của một mạng xã hội để giao lưu và chia sẻ thông tin.</li> <li>- Thao tác thành thạo tạo tài khoản trên mạng xã hội.</li> </ul>
<b>Chủ đề 3: Đạo đức, pháp luật và văn hóa trong môi trường số</b>			
7	7	Bài 5: Ứng xử trên mạng	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Thực hiện được giao tiếp qua mạng theo đúng quy tắc và bằng ngôn ngữ lịch sự, thể hiện ứng xử có văn hóa.</li> <li>- Nêu được ví dụ truy cập không hợp lệ vào các nguồn thông tin; biết cách ứng xử hợp lý khi gặp những thông tin trên mạng có nội dung xấu, không phù hợp lứa tuổi.</li> <li>- Biết được tác hại của bệnh nghiện Internet, từ đó có ý thức phòng tránh.</li> <li>- Biết nhờ người lớn giúp đỡ, tư vấn khi cần thiết trong quá trình ứng xử trên mạng.</li> </ul>
8	8	Ôn tập giữa học kỳ 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV hệ thống tất cả kiến thức đã học và mở rộng: bằng câu hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.</li> </ul>
<b>9</b>	<b>9</b>	<b>Kiểm tra giữa kì 1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp.</li> <li>- Nội dung đánh giá có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi cho phép</li> <li>- GV quan sát và theo dõi, nhắc nhở HS làm bài</li> </ul>
		<b>Chủ đề 4: : Ứng dụng tin học</b>	
10	10	Bài 6: Làm quen với phần mềm bảng tính (giao nhiệm vụ theo dự án)	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Nêu được một số chức năng cơ bản của phần mềm bảng tính.</li> <li>- Thực hiện được một số thao tác đơn giản: chọn phông chữ, căn chỉnh dữ liệu trong ô tính, thay đổi độ rộng cột.</li> </ul>

			- Thao tác thành thạo với việc nhập dữ liệu, chỉnh sửa dữ liệu và định dạng dữ liệu.
11	11	Bài 7: Tính toán tự động trên bảng tính	- Nhận biết được một số kiểu dữ liệu trên bảng tính. - Sử dụng được công thức và dùng được địa chỉ trong công thức, tạo được bảng tính đơn giản có số liệu tính toán bằng công thức. - Giải thích được việc đưa các công thức vào bảng tính là một cách điều tự động dữ liệu.
12	12	Bài 7: Tính toán tự động trên bảng tính (TT)	- Thao tác thành thạo với việc thực hiện công thức và sao chép ô tính có chứa công thức.
13	13	Bài 8: Công cụ hỗ trợ tính toán	- Thực hiện được một số phép toán thông dụng, sử dụng được một số hàm đơn giản như: MAX, MIN, SUM, AVERAGE, COUNT...
14	14	Bài 8: Công cụ hỗ trợ tính toán (TT)	- Thao tác thành thạo với các hàm trong bảng tính: MAX, MIN, SUM, AVERAGE, COUNT...
15	15	Bài 9: Trình bày bảng tính	- Biết và thực hiện được một số chức năng định dạng dạng dữ liệu số và trình bày bảng tính. - Áp dụng được một số hàm tính toán dữ liệu như: MAX, MIN, SUM, AVERAGE, COUNT vào dự án Trường học xanh.
16	16	Bài 10: Hoàn thiện bảng tính	- Thực hiện được các thao tác hoàn thiện bảng tính. - Thực hành hoàn thiện dự án. - Sử dụng được bảng tính điện tử để giải quyết một vài công việc cụ thể đơn giản.
17	17	Ôn tập cuối học kỳ 1	- GV nêu rõ hình thức kiểm tra ( <i>hình thức kiểm tra trắc nghiệm và tự luận trên giấy, trên máy tính hoặc thực hành trên máy tính</i> ), thời gian kiểm tra, thang điểm kiểm tra, các quy định trong quá trình kiểm tra, mức độ phân hóa trong bài kiểm tra. - GV hệ thống tất cả kiến thức đã học và mở rộng: bằng câu hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.
18	18	<b>Kiểm tra cuối học kỳ I</b>	- GV sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp. - Nội dung đánh giá có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi

			HK1 - GV quan sát và theo dõi, nhắc nhở HS làm bài
		<b>Chủ đề 4 : Ứng dụng tin học</b>	
19	19	Bài 11: Tạo bài trình chiếu	- Nêu được một số chức năng cơ bản của phần mềm trình chiếu.
20	20	Bài 11: Tạo bài trình chiếu (T/h)	-Tạo được một bài báo cáo có tiêu đề, cấu trúc phân cấp.
21	21	Bài 12: Định dạng đối tượng trên trang chiếu	-Sao chép được dữ liệu từ tệp văn bản sang trang trình chiếu. - Đưa được hình ảnh minh họa vào bài trình chiếu. - Biết sử dụng các định dạng cho văn bản,ảnh minh họa một cách hợp lí.
22	22	Bài 12: Định dạng đối tượng trên trang chiếu (T/h)	-Thao tác thành tạo việc sao chép được dữ liệu từ tệp văn bản sang trang trình chiếu. - Thao tác thành tạo việc chèn hình ảnh, định dạng cho văn bản và hình ảnh trong trang chiếu.
23	23	Bài 13: Thực hành tổng hợp	- Biết đưa hiệu ứng động vào bài trình chiếu và sử dụng hiệu ứng một cách hợp lí.
24	24	Bài 13: Thực hành tổng hợp: hoàn thiện bài trình chiếu (báo cáo theo dự án)	- Biết cách tổng hợp, sắp xếp các nội dung đã có thành một bài trình chiếu. - Thực hành hoàn thiện bài trình chiếu.
		<b>Chủ đề 5: Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính</b>	
25	25	Bài 14: Thuật toán tìm kiếm tuần tự	-Giải thích được thuật toán tìm kiếm tuần tự.
26	26	Bài 14: Thuật toán tìm kiếm tuần tự	-Biểu diễn và mô phỏng được hoạt động của thuật toán tìm kiếm tuần tự trên một bộ dữ liệu vào có kích thước nhỏ.
27	27	<b>Ôn tập giữa học kỳ 2</b>	- GV hệ thống tất cả kiến thức đã học và mở rộng: bằng câu hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.
28	28	<b>Kiểm tra giữa học kỳ 2</b>	- GV sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp.



			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nội dung đánh giá có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi ở từ đầu đến giữa HK2.</li> <li>- GV quan sát và theo dõi, nhắc nhở HS làm bài.</li> </ul>
		<b>Chủ đề 5: Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính</b>	
29	29	Bài 15: Thuật toán tìm kiếm nhị phân	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Giải thích được thuật toán tìm kiếm nhị phân.</li> <li>- Biểu diễn và mô phỏng được hoạt động của thuật toán tìm kiếm nhị phân trên một bộ dữ liệu vào có kích thước nhỏ.</li> </ul>
30	30	Bài 15: Thuật toán tìm kiếm nhị phân	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Giải thích được mối liên quan giữa sắp xếp và tìm kiếm, nêu được ví dụ minh họa.</li> </ul>
31	31	Bài 16: Thuật toán sắp xếp	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Giải thích được một vài thuật toán sắp xếp cơ bản.</li> <li>- Biểu diễn và mô phỏng được hoạt động của thuật toán sắp xếp với bộ dữ liệu đầu vào có kích thước nhỏ.</li> </ul>
32	32	Bài 16: Thuật toán sắp xếp	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Nêu được ý nghĩa của việc chia một bài toán thành những bài toán nhỏ hơn.</li> </ul>
33	33	Bài tập tổng hợp ôn tập chủ đề 5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV hệ thống tất cả kiến thức đã học và mở rộng: bằng câu hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.</li> </ul>
34	34	<b>Ôn tập cuối học kỳ 2</b>	<p>GV nêu rõ hình thức kiểm tra (<i>hình thức kiểm tra trắc nghiệm và tự luận trên giấy, trên máy tính hoặc thực hành trên máy tính</i>), thời gian kiểm tra, thang điểm kiểm tra, các quy định trong quá trình kiểm tra, mức độ phân hóa trong bài kiểm tra.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV hệ thống tất cả kiến thức đã học: bằng câu hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.</li> </ul>
35	35	<b>Kiểm tra cuối học kỳ 2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp.</li> <li>- Nội dung đánh giá có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi HK2</li> <li>- GV quan sát, theo dõi và nhắc nhở HS làm bài</li> </ul>

## 2.2. Bảng chi tiết theo chủ đề/bài học

STT	Tiết	Chủ đề/Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
		<b>Chủ đề 1: Máy tính và cộng đồng</b>	<b>4</b>	
1	1	Bài 1: Thiết bị vào – ra	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Biết và nhận ra được các thiết bị vào- ra có nhiều loại, hình dáng khác nhau.</li> <li>- Biết được chức năng của thiết bị vào – ra trong thu nhận,lưu trữ, xử lí và truyền thông tin.</li> <li>- Hiểu đúng các thao tác với các thiết bị thông dụng của máy tính.</li> <li>- Nêu được ví dụ cụ thể những thao tác không đúng cách sẽ gây ra lỗi cho thiết bị và hệ thống xử lí thông tin.</li> </ul>
2	2	Bài 2: Phần mềm máy tính	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được sơ lược chức năng điều khiển và quản lí hệ điều hành.</li> <li>- Phân biệt được hệ điều hành với phần mềm ứng dụng.</li> <li>- Nêu được tên một số phần mềm ứng dụng đã sử dụng.</li> <li>- Giải thích được phần mở rộng của tên tệp, cho biết tệp thuộc loại gì, nêu được ví dụ minh họa.</li> </ul>
3	3	Bài 3: Quản lý dữ liệu trong máy tính	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết được tệp chương trình cũng là dữ liệu, có thể được lưu trữ trong máy tính.</li> <li>- Nêu được ví dụ về biện pháp bảo vệ dữ liệu như sao lưu, phòng chống virus...</li> <li>-Thao tác thành thạo với tệp và thư mục: tạo mới, sao chép, di chuyển, đổi tên, xóa...</li> </ul>
4	4			
		<b>Chủ đề 2: Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin</b>	<b>2</b>	
5;6	5;6	Bài 4: Mạng xã hội và một số kênh trao đổi thông tin trên Internet	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Nêu được tên một kênh trao đổi thông tin thông dụng trên internet và loại thông tin trao đổi trên kênh đó.</li> <li>- Nêu được một số chức năng cơ bản của mạng xã hội. Nhận biết được một số website là mạng xã hội.</li> <li>- Sử dụng được một số chức năng cơ bản của một mạng xã hội để giao lưu và chia sẻ thông tin.</li> <li>- Nêu được ví dụ cụ thể về hậu quả của việc sử dụng thông tin vào</li> </ul>

				mục đích sai trái.
		<b>Chủ đề 3: Đạo đức, pháp luật và văn hóa trong môi trường số</b>	<b>3</b>	
7	7	Bài 5: Ứng xử trên mạng	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được giao tiếp qua mạng theo đúng quy tắc và bằng ngôn ngữ lịch sự, thể hiện ứng xử có văn hóa.</li> <li>- Nêu được ví dụ truy cập không hợp lệ vào các nguồn thông tin; biết cách ứng xử hợp lý khi gặp những thông tin trên mạng có nội dung xấu, không phù hợp lứa tuổi.</li> <li>- Biết được tác hại của bệnh nghiện Internet, từ đó có ý thức phòng tránh.</li> <li>- Biết nhờ người lớn giúp đỡ, tư vấn khi cần thiết trong quá trình ứng xử trên mạng.</li> </ul>
8	8	Ôn tập giữa học kỳ 1	1	
9	9	<b>Kiểm tra giữa kì 1</b>	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp.</li> <li>- Nội dung đánh giá có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi cho phép</li> <li>- GV quan sát và theo dõi, nhắc nhở HS làm bài</li> </ul>
		<b>Chủ đề 4: : Ứng dụng tin học</b>	<b>9</b>	
10	10	Bài 6: Làm quen với phần mềm bảng tính	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Nêu được một số chức năng cơ bản của phần mềm bảng tính.</li> <li>- Thực hiện được một số thao tác đơn giản: chọn phông chữ, căn chỉnh dữ liệu trong ô tính, thay đổi độ rộng cột.</li> <li>-Thao tác thành thạo với việc nhập dữ liệu, chỉnh sửa dữ liệu và định dạng dữ liệu.</li> </ul>
11	11	Bài 7: Tính toán tự động trên bảng tính	2	-Nhận biết được một số kiểu dữ liệu trên bảng tính.
12	12			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng được công thức và dùng được địa chỉ trong công thức, tạo được bảng tính đơn giản có số liệu tính toán bằng công thức.</li> <li>- Giải thích được việc đưa các công thức vào bảng tính là một cách</li> </ul>

				<p>điều tự động dữ liệu.</p> <p>-Thao tác thành thạo với việc thực hiện công thức và sao chép ô tính có chứa công thức.</p>
13	13	Bài 8: Công cụ hỗ trợ tính toán	2	<p>-Thực hiện được một số phép toán thông dụng, sử dụng được một số hàm đơn giản như:MAX, MIN,SUM, AVERAGE, COUNT...</p> <p>-Thao tác thành thạo với các hàm trong bảng tính: MAX, MIN, SUM, AVERAGE, COUNT...</p>
14	14			
15	15	Bài 9: Trình bày bảng tính	1	<p>-Biết và thực hiện được một số chức năng định dạng dạng dữ liệu số và trình bày bảng tính.</p> <p>- Áp dụng được một số hàm tính toán dữ liệu như: MAX, MIN, SUM, AVERAGE, COUNT vào dự án Trường học xanh.</p>
16	16	Bài 10: Hoàn thiện bảng tính	1	<p>-Thực hiện được các thao tác hoàn thiện bảng tính.</p> <p>- Thực hành hoàn thiện dự án.</p> <p>- Sử dụng được bảng tính điện tử để giải quyết một vài công việc cụ thể đơn giản.</p>
17	17	Ôn tập cuối học kỳ 1	1	<p>- GV nêu rõ hình thức kiểm tra (<i>hình thức kiểm tra trắc nghiệm và tự luận trên giấy, trên máy tính hoặc thực hành trên máy tính</i>), thời gian kiểm tra, thang điểm kiểm tra, các quy định trong quá trình kiểm tra, mức độ phân hóa trong bài kiểm tra.</p> <p>- GV hệ thống tất cả kiến thức đã học và mở rộng: bằng câu hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.</p>
18	18	<b>Kiểm tra cuối học kỳ I</b>	1	<p>- GV sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp.</p> <p>- Nội dung đánh giá có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi HK1</p> <p>- GV quan sát và theo dõi, nhắc nhở HS làm bài</p>
		<b>Chủ đề 4 : Ứng dụng tin học</b>	<b>6</b>	
19	19	Bài 11: Tạo bài trình chiếu	2	<p>- Nêu được một số chức năng cơ bản của phần mềm trình chiếu.</p>

20	20			-Tạo được một bài báo cáo có tiêu đề, cấu trúc phân cấp.
21	21	Bài 12: Định dạng đối tượng trên trang chiếu	2	-Sao chép được dữ liệu từ tệp văn bản sang trang trình chiếu. - Đưa được hình ảnh minh họa vào bài trình chiếu. - Biết sử dụng các định dạng cho văn bản,ảnh minh họa một cách hợp lí. -Thao tác thành tạo việc sao chép được dữ liệu từ tệp văn bản sang trang trình chiếu. - Thao tác thành tạo việc chèn hình ảnh, định dạng cho văn bản và hình ảnh trong trang chiếu.
22	22			
23	23	Bài 13: Thực hành tổng hợp	2	- Biết đưa hiệu ứng động vào bài trình chiếu và sử dụng hiệu ứng một cách hợp lí. - Biết cách tổng hợp, sắp xếp các nội dung đã có thành một bài trình chiếu. - Thực hành hoàn thiện bài trình chiếu.
24	24			
		<b>Chủ đề 5: Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính</b>	<b>4</b>	
25	25	Bài 14: Thuật toán tìm kiếm tuần tự	2	-Giải thích được thuật toán tìm kiếm tuần tự. -Biểu diễn và mô phỏng được hoạt động của thuật toán tìm kiếm tuần tự trên một bộ dữ liệu vào có kích thước nhỏ.
26	26			
27	27	<b>Ôn tập giữa học kỳ 2</b>	1	
28	28	<b>Kiểm tra giữa học kỳ 2</b>	1	- GV sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp. - Nội dung đánh giá có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi ở từ đầu đến giữa HK2. - GV quan sát và theo dõi, nhắc nhở HS làm bài.
		<b>Chủ đề 5: Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của</b>	<b>7</b>	

		<b>máy tính</b>		
29	29	Bài 15: Thuật toán tìm kiếm nhị phân	2	-Giải thích được thuật toán tìm kiếm nhị phân.
30	30			- Biểu diễn và mô phỏng được hoạt động của thuật toán tìm kiếm nhị phân trên một bộ dữ liệu vào có kích thước nhỏ. -Giải thích được mối liên quan giữa sắp xếp và tìm kiếm, nêu được ví dụ minh họa.
31	31	Bài 16: Thuật toán sắp xếp	2	-Giải thích được một vài thuật toán sắp xếp cơ bản.
32	32			- Biểu diễn và mô phỏng được hoạt động của thuật toán sắp xếp với bộ dữ liệu đầu vào có kích thước nhỏ. -Nêu được ý nghĩa của việc chia một bài toán thành những bài toán nhỏ hơn.
33	33	Bài tập tổng hợp ôn tập chủ đề 5	1	
34	34	<b>Ôn tập cuối học kỳ 2</b>	1	GV nêu rõ hình thức kiểm tra ( <i>hình thức kiểm tra trắc nghiệm và tự luận trên giấy, trên máy tính hoặc thực hành trên máy tính</i> ), thời gian kiểm tra, thang điểm kiểm tra, các quy định trong quá trình kiểm tra, mức độ phân hóa trong bài kiểm tra. - GV hệ thống tất cả kiến thức đã học: bằng câu hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.
35	35	<b>Kiểm tra cuối học kỳ 2</b>	1	- GV sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp. - Nội dung đánh giá có trong chương trình giảng dạy và mở rộng trong phạm vi HK2 - GV quan sát, theo dõi và nhắc nhở HS làm bài

### 2.3. Ôn tập cuối học kỳ

<b>Ôn tập</b>	<b>Số tiết (1)</b>	<b>Thời điểm (2)</b>	<b>Yêu cầu cần đạt (3)</b>
Cuối Học kỳ 1	1	Tuần 17	- GV nêu rõ hình thức kiểm tra ( <i>hình thức kiểm tra trắc nghiệm và tự luận trên giấy, trên máy tính hoặc thực hành trên máy tính</i> ), thời gian kiểm tra, thang điểm kiểm tra, các quy định trong quá trình kiểm tra, mức độ phân hóa trong bài kiểm

			tra. - GV hệ thống tất cả kiến thức đã học và mở rộng: bằng câu hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.
Cuối Học kỳ 2	1	Tuần 34	GV nêu rõ hình thức kiểm tra ( <i>hình thức kiểm tra trắc nghiệm và tự luận trên giấy, trên máy tính hoặc thực hành trên máy tính</i> ), thời gian kiểm tra, thang điểm kiểm tra, các quy định trong quá trình kiểm tra, mức độ phân hóa trong bài kiểm tra. - GV hệ thống tất cả kiến thức đã học: bằng câu hỏi trắc nghiệm hoặc những câu hỏi tự luận liên quan đến nội dung đã học.

#### 2.4. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 9	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học trong học kỳ 1, được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	Viết (trên giấy) Hoặc thực hành trên máy
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 18	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học trong học kỳ 1, được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	Viết (trên giấy) Hoặc thực hành trên máy
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 28	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học đến giữa học kỳ 2, được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	Viết (trên giấy) Hoặc thực hành trên máy
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 35	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học trong học kỳ 2 và cả năm học, được quy định trong Chương trình giáo dục phổ	Viết (trên giấy) Hoặc thực hành trên máy

			thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	
--	--	--	--	--

### 3. Các nhiệm vụ khác (nếu có):

- Tham gia đầy đủ, tích cực các bồi sinh hoạt chuyên môn; các hoạt động, phong trào do nhà trường và đoàn thể tổ chức.

## III.3. KHỐI 8

### 1. Đặc điểm tình hình

1.1. Số lớp: **02**; Số học sinh: **59**.

1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: **01**; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: **0**; Đại học: **01**; Trên đại học: **0**

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: **01**; Khá: **0**; Đạt: **0**; Chưa đạt: **0**

### 1.3. Thiết bị dạy học:

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy tính		Bài thực hành sgk	
2	Tivi		Bài lý thuyết, thực hành	
3	Sách giáo khoa Tin học 8		Bài lý thuyết, thực hành	
4	Sách giáo viên Tin học 8		Bài lý thuyết, thực hành	

### 1.4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
<b>Khối 8</b>				
1		02	Bài 3. Thực hành khai thác thông tin số	
2		01	Bài 5. Sử dụng bảng tính giải quyết bài toán thực tế	
3		01	Bài 6. Sắp xếp và lọc dữ liệu	
4		01	Bài 7. Trục quan hoá dữ liệu	
5		01	Bài 8a. Danh sách dạng liệt kê và hình ảnh trong văn bản	
6		01	Bài 9a. Tạo đầu trang, chân trang cho văn bản	
7		01	Bài 10a. Định dạng nâng cao cho trang chiếu	



8		01	Bài 11a. Sử dụng bản mẫu cho bài trình chiếu	
9		01	Bài 12. Từ thuật toán đến chương trình	
10		01	Bài 13. Biểu diễn dữ liệu	
11		01	Bài 14. Cấu trúc điều khiển	
12		01	Bài 15. Gỡ lỗi	

## 2. Kế hoạch dạy học

### 2.1. Phân phối chương trình

STT (1)	Bài học (2)	Tiết PPCT	Số tiết (3)	Yêu cầu cần đạt (4)
<b>HỌC KỲ 1</b>				
<b>CD 1. Máy tính và cộng đồng</b>				
1.	Bài 1. Lược sử công cụ tính toán	1	1 (1, 0)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được sơ lược lịch sử phát triển máy tính.</li> <li>- Nêu được ví dụ cho thấy sự phát triển máy tính đã đem đến những thay đổi lớn lao cho xã hội loài người.</li> </ul>
<b>CD 2. Tổ chức, lưu trữ và tìm kiếm và trao đổi thông tin</b>				
2.	Bài 2. Thông tin trong môi trường số	2, 3	2 (2, 0)	<ul style="list-style-type: none"> <li>–Nêu được các đặc điểm của thông tin số: đa dạng, được thu thập ngày càng nhanh và nhiều, được lưu trữ với dung lượng khổng lồ bởi nhiều tổ chức và cá nhân, có tính bản quyền, có độ tin cậy rất khác nhau, có các công cụ tìm kiếm, chuyển đổi, truyền và xử lý hiệu quả.</li> <li>–Trình bày được tầm quan trọng của việc khai thác các nguồn thông tin đáng tin cậy, nêu được ví dụ minh họa.</li> </ul>
3.	Bài 3. Thực hành khai thác thông tin số	4,5	2 (0, 2)	<ul style="list-style-type: none"> <li>–Sử dụng được công cụ tìm kiếm, xử lý và trao đổi thông tin trong môi trường số. Nêu được ví dụ minh họa.</li> <li>–Chủ động tìm kiếm được thông tin để thực hiện nhiệm vụ (thông qua bài tập cụ thể).</li> <li>–Đánh giá được lợi ích của thông tin tìm được trong giải</li> </ul>

				quyết vấn đề, nêu được ví dụ minh hoạ.
<b>CĐ 3. Đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường số hoá</b>				
4.	Bài 4. Đạo đức và văn hoá trong sử dụng công nghệ kỹ thuật số	6	1 (1, 0)	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết và giải thích được một số biểu hiện vi phạm đạo đức và pháp luật, biểu hiện thiếu văn hoá khi sử dụng công nghệ kỹ thuật số. Ví dụ: thu âm, quay phim, chụp ảnh khi không được phép, dùng các sản phẩm văn hoá vi phạm bản quyền,...</li> <li>– Bảo đảm được các sản phẩm số do bản thân tạo ra thể hiện được đạo đức, tính văn hoá và không vi phạm pháp luật.</li> </ul>
<b>CĐ 4. Ứng dụng Tin học. Xử lý và trực quan hoá dữ liệu bằng bảng tính điện tử</b>				
5.	Bài 5. Sử dụng bảng tính giải quyết bài toán thực tế	7, 8	2 (1, 1)	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Giải thích được sự khác nhau giữa địa chỉ tương đối và địa chỉ tuyệt đối của một ô tính.</li> <li>– Giải thích được sự thay đổi địa chỉ tương đối trong công thức khi sao chép công thức.</li> <li>– Sử dụng được phần mềm bảng tính trợ giúp giải quyết bài toán thực tế.</li> <li>– Sao chép được dữ liệu từ các tệp văn bản, trang trình chiếu sang trang tính.</li> </ul>
6.	Ôn tập GHK1	9	1 (1,0)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra lại kiến thức đã học đến thời điểm hiện tại.</li> <li>- Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống.</li> <li>- Góp phần rèn luyện sự chăm chỉ, kiên trì và cẩn thận trong quá trình học.</li> </ul>
7.	Kiểm tra giữa HK1	10	1 (1,0)	

8.	Bài 6. Sắp xếp và lọc dữ liệu	11, 12	2 (1, 1)	<ul style="list-style-type: none"><li>–Sử dụng được phần mềm bảng tính trợ giúp giải quyết bài toán thực tế.</li><li>–Nêu được một số tình huống thực tế cần sử dụng chức năng lọc và sắp xếp dữ liệu.</li><li>–Thực hiện được các thao tác lọc và sắp xếp dữ liệu.</li><li>–Nêu được một số tình huống thực tế cần sử dụng các chức năng đó của phần mềm bảng tính.</li></ul>
9.	Bài 7. Trình bày dữ liệu bằng biểu đồ	13, 14	2 (1, 1)	<ul style="list-style-type: none"><li>–Nêu được một số tình huống thực tế cần sử dụng chức năng tạo biểu đồ.</li><li>–Thực hiện được thao tác tạo biểu đồ của bảng tính.</li></ul>
<b>CĐ 4a) Chủ đề con (lựa chọn): Soạn thảo văn bản và phần mềm trình chiếu nâng cao</b>				
10.	Bài 8a. Làm việc với danh sách dạng liệt kê và hình ảnh trong văn bản	15, 16	2 (1, 1)	–Thực hiện được các thao tác: chèn thêm, xoá bỏ, co giãn hình ảnh, vẽ hình đồ hoạ trong văn bản, tạo danh sách dạng liệt kê.
11.	Ôn tập HK1	17	1 (1,0)	<ul style="list-style-type: none"><li>- Kiểm tra lại kiến thức của các em đã học ở học kì 1.</li><li>- Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống.</li><li>- Học sinh biết cách vận dụng kiến thức đã học vào để làm bài kiểm tra.</li></ul>
12.	<b>KT HK1</b>	18	1 (1,0)	
<b>HỌC KỲ 2</b>				
<b>CĐ 4a) Chủ đề con (lựa chọn): Soạn thảo văn bản và phần mềm trình chiếu nâng cao (tt)</b>				
13.	Bài 9a. Tạo đầu trang, chân trang cho văn bản	19	1 (1, 0)	–Thực hiện được thao tác đánh số trang, thêm đầu trang và chân trang cho văn bản.
14.	Bài 10a. Định dạng nâng cao cho trang chiếu	20, 21	2 (1, 1)	<ul style="list-style-type: none"><li>–Chọn / đặt được màu sắc, cỡ chữ hài hoà và hợp lí với nội dung.</li><li>–Thực hiện được thao tác đánh số trang, thêm đầu trang và chân trang.</li></ul>

15.	Bài 11a. Sử dụng bản mẫu cho bài trình chiếu	22, 23	2 (1, 1)	<ul style="list-style-type: none"> <li>–Sử dụng được các bản mẫu (template) tạo bài trình chiếu.</li> <li>–Nhúng được vào trang chiếu đường dẫn đến video hay tài liệu khác.</li> <li>–Tạo được một số sản phẩm là văn bản có tính thẩm mỹ phục vụ nhu cầu thực tế.</li> </ul>
<b>CĐ 5. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính</b>				
16.	Bài 12. Từ thuật toán đến chương trình	24, 25	2 (1, 1)	<ul style="list-style-type: none"> <li>–Mô tả được kịch bản đơn giản dưới dạng thuật toán và tạo được một chương trình đơn giản.</li> <li>–Hiểu được chương trình là dãy các lệnh điều khiển máy tính thực hiện một thuật toán.</li> </ul>
<b>CĐ 5. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính (tt)</b>				
17.	Bài 13. Biểu diễn dữ liệu	26	1 (1, 0)	–Nêu được khái niệm hằng, biến, kiểu dữ liệu, biểu thức và sử dụng được các khái niệm này ở các chương trình đơn giản trong môi trường lập trình trực quan.
18.	Ôn tập giữa HK2	27	1(1,0)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra lại kiến thức đã học ở đầu học kì 2 đến thời điểm hiện tại.</li> <li>- Góp phần rèn luyện sự chăm chỉ, kiên trì và cẩn thận trong quá trình học.</li> </ul>
19.	<b>KT giữa HK2</b>	<b>28</b>	<b>1 (1,0)</b>	
20.	Bài 13. Biểu diễn dữ liệu	29	1(1, 0)	–Nêu được khái niệm hằng, biến, kiểu dữ liệu, biểu thức và sử dụng được các khái niệm này ở các chương trình đơn giản trong môi trường lập trình trực quan.
21.	Bài 14. Cấu trúc điều khiển	30, 31	2 (1, 1)	Thể hiện được cấu trúc tuần tự, rẽ nhánh và lặp ở chương trình trong môi trường lập trình trực quan.
22.	Bài 15. Gỡ lỗi	32	1 (0, 1)	Chạy thử, tìm lỗi và sửa được lỗi cho chương trình.
<b>CĐ 6. Hướng nghiệp với Tin học</b>				

23.	Bài 16. Tin học với nghề nghiệp	33	1 (1, 0)	<ul style="list-style-type: none"> <li>–Nêu được một số nghề nghiệp mà ứng dụng tin học sẽ làm tăng hiệu quả công việc.</li> <li>–Nêu được tên một số nghề thuộc lĩnh vực tin học và một số nghề liên quan đến ứng dụng tin học.</li> <li>–Nhận thức và trình bày được vấn đề bình đẳng giới trong việc sử dụng máy tính và trong ứng dụng tin học, nêu được ví dụ minh họa.</li> </ul>
24.	Ôn tập HK2	34	1 (1, 0)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra lại kiến thức của các em đã học ở học kì 2.</li> <li>- Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống.</li> <li>- Hs biết cách vận dụng kiến thức đã học vào để làm bài kiểm tra.</li> </ul>
25.	<b>KT HK2</b>	<b>35</b>	<b>1 (1, 0)</b>	

## 2.2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
<b>KHỐI 8</b>				
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 10	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra lại kiến thức đã học đến thời điểm hiện tại.</li> <li>- Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống.</li> <li>- Góp phần rèn luyện sự chăm chỉ, kiên trì và cẩn thận trong quá trình học.</li> </ul>	Viết
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 18	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra lại kiến thức của các em đã học ở học kì 1.</li> <li>- Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống.</li> <li>- Học sinh biết cách vận dụng kiến thức đã học vào để làm bài kiểm tra.</li> </ul>	Viết
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 28	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra lại kiến thức đã học ở đầu học kì 2 đến thời điểm hiện tại.</li> <li>- Góp phần rèn luyện sự chăm chỉ, kiên trì và cẩn thận trong quá trình học.</li> </ul>	Viết
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 35	- Kiểm tra lại kiến thức của các em đã học ở học kì 2.	Viết

			- Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống. - Hs biết cách vận dụng kiến thức đã học vào để làm bài kiểm tra.	
--	--	--	--	--

## IV. MÔN CÔNG NGHỆ

### IV.1. KHỐI 6

#### 1. Đặc điểm tình hình

1.1. Số lớp: **02**; Số học sinh: **80**.

1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: **01**; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: **0**; Đại học: **01**; Trên đại học: **0**

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: **01**; Khá: **0**; Đạt: **0**; Chưa đạt: **0**

#### 1.3. Thiết bị dạy học:

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
<b>I. Tranh ảnh</b>				
1	Vai trò và đặc điểm chung của nhà ở	02	Bài 1. Khái quát về nhà ở	
2	Kiến trúc nhà ở Việt Nam	02		
3	Xây dựng nhà ở	02	Bài 2. Xây dựng nhà ở	
4	Ngôi nhà thông minh	02	Bài 3. Ngôi nhà thông minh	
5	Thực phẩm trong gia đình	02	Bài 4. Thực phẩm và dinh dưỡng	
6	Phương pháp bảo quản thực phẩm	02	Bài 5. Bảo quản và chế biến thực phẩm	
7	Phương pháp chế biến thực phẩm	02		
8	Trang phục và đời sống	02	Bài 7. Trang phục trong đời sống	
9	Thời trang trong cuộc sống	02	Bài 9. Thời trang	
10	Lựa chọn và sử dụng trang phục	02	Bài 8. Sử dụng và bảo quản trang phục	
11	Nồi cơm điện	02	Bài 12. Nồi cơm điện	
12	Bếp điện	02	Bài 13. Bếp hồng ngoại	

13	Đèn điện	02	Bài 11. Đèn điện	
<b>II. Video</b>				
1	Giới thiệu về bản chất, đặc điểm, một số hệ thống kỹ thuật công nghệ và tương lai của ngôi nhà thông minh.	01	Bài 3. Ngôi nhà thông minh	
2	Giới thiệu về sinh an toàn thực phẩm, những vấn đề cần quan tâm để đảm bảo an toàn thực phẩm trong gia đình	01	Bài 5. Bảo quản và chế biến thực phẩm	
3	Giới thiệu về trang phục, vai trò của trang phục, các loại trang phục, lựa chọn, sử dụng và bảo quản trang phục; thời trang trong cuộc sống.	01	Bài 7. Trang phục trong đời sống Bài 8. Sử dụng và bảo quản trang phục	
4	Giới thiệu về an toàn điện khi sử dụng đồ điện trong gia đình, cách sơ cứu khi người bị điện giật.	01	Bài 10. Khái quát về đồ dùng điện trong gia đình	
5	Giới thiệu về năng lượng, năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả.	01	Bài 14. Dự án An toàn và tiết kiệm điện năng trong gia đình	
<b>III. Thiết bị thực hành</b>				
1	Bộ dụng cụ sử dụng trong chế biến món ăn không sử dụng nhiệt.	02	Bài 5. Bảo quản và chế biến thực phẩm	
2	Bộ dụng cụ tía hoa, trang trí món ăn không sử dụng nhiệt.	02		
3	Hộp mẫu các loại vải	02	Bài 7. Trang phục trong đời sống	
4	Nồi cơm điện	02	Bài 12. Nồi cơm điện	
5	Bếp điện	02	Bài 13. Bếp hồng ngoại	
6	Bóng đèn các loại	02	Bài 11. Đèn điện	

#### 1.4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng thực hành Lí – Công nghệ	1	Dạy các bài thực hành môn Công nghệ 6	Phòng thực hành chung 2 môn: KHTN, Công nghệ

## 2. Kế hoạch dạy học

### 2.1. Phân phối chương trình

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
1	Khái quát về nhà ở	1	<p><b>1. Kiến thức</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được vai trò của nhà ở.</li> <li>- Nêu được đặc điểm chung của nhà ở.</li> <li>- Nhận biết được một số kiến trúc nhà ở đặc trưng của Việt Nam</li> </ul> <p><b>2. Năng lực</b></p> <p><b>2.1. Năng lực công nghệ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được vai trò của nhà ở. Nhận biết được đặc điểm chung của nhà ở.</li> </ul> <p>Nhận biết được một số kiến trúc nhà ở đặc trưng của Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng công nghệ: Phân biệt được các kiến trúc nhà ở đặc trưng của Việt Nam.</li> </ul> <p><b>2.2. Năng lực chung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực tự chủ, tự học.</li> <li>- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến khái quát về nhà ở, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm</li> <li>- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.</li> </ul> <p><b>3. Phẩm chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.</li> <li>- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.</li> </ul>
2	Xây dựng nhà ở	1	<p><b>1. Kiến thức</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kể được tên một số vật liệu</li> <li>- Mô tả các bước chính để xây dựng một ngôi nhà</li> </ul> <p><b>2. Năng lực:</b></p>



			<p><b>2.1. Năng lực công nghệ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được tên một số vật liệu phổ biến được sử dụng trong xây dựng nhà ở. Nhận biết được một số bước chính trong xây dựng nhà ở.</li> <li>- Sử dụng công nghệ: Lựa chọn được vật liệu trong xây dựng nhà ở.</li> </ul> <p><b>2.2. Năng lực chung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực tự chủ, tự học.</li> <li>- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến đèn điện, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm</li> <li>- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.</li> </ul> <p><b>3. Phẩm chất:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức về xây dựng nhà ở vào thực tiễn cuộc sống.</li> <li>- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.</li> </ul>
3	Ngôi nhà thông minh	2	<p><b>1. Kiến thức</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả, nhận diện được những đặc điểm của ngôi nhà thông minh.</li> <li>- Thực hiện được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả.</li> </ul> <p><b>2. Năng lực</b></p> <p><b>2.1. Năng lực công nghệ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được những đặc điểm cơ bản của ngôi nhà thông minh.</li> <li>+ Nhận biết được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình.</li> <li>- Sử dụng công nghệ: Sử dụng được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, có hiệu quả</li> </ul> <p><b>2.2. Năng lực chung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực tự chủ, tự học.</li> </ul>

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến ngôi nhà, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm</li> <li>- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.</li> </ul> <p><b>3. Phẩm chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.</li> <li>- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động</li> </ul>
4	Khái quát về đồ dùng điện trong gia đình	2	<p><b>1. Kiến thức</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kể được tên và công dụng một số đồ dùng điện trong gia đình</li> <li>- Nêu được cách lựa chọn và một số lưu ý khi sử dụng đồ dùng điện trong gia đình an toàn và tiết kiệm.</li> </ul> <p><b>2. Năng lực</b></p> <p><b>2.1. Năng lực công nghệ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận thức công nghệ: Nhận biết và nêu được chức năng của bộ phận chính của một số đồ dùng điện trong gia đình. Nhận biết được nguyên lý làm việc và công dụng của một số đồ dùng điện gia đình. Nhận biết được cách lựa chọn một số đồ dùng điện trong gia đình.</li> <li>- Giao tiếp công nghệ: Đọc và hiểu được ý nghĩa của thông số kỹ thuật của đồ dùng điện trong gia đình.</li> <li>- Sử dụng công nghệ: Lựa chọn được đồ dùng điện tiết kiệm năng lượng, phù hợp với điều kiện gia đình.</li> </ul> <p><b>2.2. Năng lực chung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực tự chủ, tự học.</li> <li>- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến khái quát về đồ dùng điện trong gia đình, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm</li> <li>- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.</li> </ul> <p><b>3. Phẩm chất</b></p>

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.</li> <li>- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.</li> </ul>
5	Đèn điện	2	<p><b>1. Kiến thức</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được các bộ phận chính của một số loại bóng đèn.</li> <li>- Mô tả được nguyên lí làm việc của một số loại bóng đèn.</li> <li>- Lựa chọn và sử dụng được các loại bóng đèn đúng cách, tiết kiệm và an toàn.</li> </ul> <p><b>2. Năng lực</b></p> <p><b>2.1. Năng lực công nghệ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được các bộ phận chính của đèn điện, nguyên lí làm việc của một số đèn điện, phân loại các loại bóng đèn.</li> </ul> <p>Nhận biết được chức năng các bộ phận chính của mỗi bóng đèn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giao tiếp công nghệ: Đọc được và giải thích các thông số kỹ thuật ghi trên các loại bóng đèn.</li> <li>- Sử dụng công nghệ: Quan sát và chỉ ra được chức năng của các bộ phận chính của mỗi bóng đèn. Lựa chọn và sử dụng được các loại bóng đèn đúng cách, tiết kiệm và an toàn.</li> <li>- Đánh giá công nghệ: Đánh giá được chất lượng của một số loại bóng đèn.</li> </ul> <p><b>2.2. Năng lực chung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực tự chủ, tự học.</li> <li>- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến đèn điện, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm</li> <li>- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.</li> </ul> <p><b>3. Phẩm chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.</li> </ul>

			- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.
6	Ôn tập giữa HKI	1	-HS củng cố kiến thức ở các chương I, IV - Vận dụng kiến thức và làm bài ôn tập
7	Kiểm tra Giữa HKI	1	- Vận dụng kiến thức làm bài kiểm tra - Đánh giá được kết quả học tập của HS
8	Nồi cơm điện	2	<p><b>1. Kiến thức</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết và nêu được chức năng các bộ phận chính của nồi cơm điện.</li> <li>- Vẽ được sơ đồ khối, mô tả được nguyên lí làm việc và công dụng của nồi cơm điện.</li> <li>- Lựa chọn và sử dụng được nồi cơm điện đúng cách, tiết kiệm và an toàn.</li> </ul> <p><b>2. Năng lực</b></p> <p><b>2.1. Năng lực công nghệ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận thức công nghệ: Nhận biết và nêu được chức năng của bộ phận chính của nồi cơm điện. Nhận biết được nguyên lí làm việc và công dụng của nồi cơm điện.</li> <li>- Giao tiếp công nghệ: Đọc và hiểu được ý nghĩa của thông số kĩ thuật nồi cơm điện.</li> <li>- Đánh giá công nghệ: Đánh giá được sản phẩm nồi cơm điện sau khi sử dụng.</li> <li>- Thiết kế kỹ thuật: Vẽ được sơ đồ khối của nồi cơm điện.</li> <li>- Sử dụng công nghệ: Lựa chọn và sử dụng được nồi cơm điện đúng cách, tiết kiệm và an toàn.</li> </ul> <p><b>2.2. Năng lực chung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực tự chủ, tự học.</li> <li>- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến nồi cơm điện, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm</li> <li>- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.</li> </ul>

			<b>3. Phẩm chất</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.</li> <li>- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.</li> </ul>
9	Bếp hồng ngoại	2	<b>1. Kiến thức</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết và nêu được chức năng các bộ phận chính của bếp hồng ngoại.</li> <li>- Vẽ được sơ đồ khối, mô tả được nguyên lý làm việc và công dụng của bếp hồng ngoại.</li> <li>- Lựa chọn và sử dụng được bếp hồng ngoại đúng cách, tiết kiệm và an toàn.</li> </ul> <b>2. Năng lực</b> <b>2.1. Năng lực công nghệ</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận thức công nghệ: Nhận biết và nêu được chức năng của bộ phận chính của bếp hồng ngoại. Nhận biết được nguyên lý làm việc và công dụng của bếp hồng ngoại.</li> <li>- Giao tiếp công nghệ: Đọc và hiểu được ý nghĩa của thông số kỹ thuật bếp hồng ngoại.</li> <li>- Đánh giá công nghệ: Đánh giá được sản phẩm bếp hồng ngoại sau khi sử dụng.</li> <li>- Thiết kế kỹ thuật: Vẽ được sơ đồ khối của bếp hồng ngoại.</li> <li>- Sử dụng công nghệ: Lựa chọn và sử dụng được bếp hồng ngoại đúng cách, tiết kiệm và an toàn.</li> </ul> <b>2.2. Năng lực chung</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực tự chủ, tự học.</li> <li>- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến bếp hồng ngoại, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm</li> <li>- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.</li> </ul> <b>3. Phẩm chất</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm chỉ vận dụng kiến thức đã học về hồng ngoại vào cuộc sống hằng ngày trong</li> </ul>

			gia đình. - Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.
10	Dự án: An toàn và tiết kiệm điện trong gia đình	2	<b>1. Kiến thức</b> - Đánh giá được thực trạng sử dụng điện năng trong gia đình. - Đề xuất việc làm cụ thể để sử dụng điện năng trong gia đình an toàn, tiết kiệm. <b>2. Năng lực</b> <b>2.1. Năng lực công nghệ</b> - Nhận thức công nghệ: Trình bày được thực trạng sử dụng điện năng trong gia đình. Trình bày được nguyên nhân gây lãng phí điện năng. Trình bày được các biện pháp sử dụng điện năng an toàn, tiết kiệm và hiệu quả. - Sử dụng công nghệ: Lựa chọn và sử dụng được một số đồ dùng điện trong gia đình an toàn và tiết kiệm. - Giao tiếp công nghệ: Đọc và hiểu được các kí hiệu an toàn điện trên các thiết bị điện. <b>2.2. Năng lực chung</b> - Năng lực tự chủ, tự học: HS tự sưu tầm, tìm kiếm thông tin trên Internet kết hợp kiến thức thực tế trong gia đình. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến an toàn và tiết kiệm điện trong gia đình, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm - Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống về an toàn điện trong gia đình. <b>3. Phẩm chất</b> - Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức an toàn và tiết kiệm điện vào thực tiễn cuộc sống. - Trách nhiệm: Có trách nhiệm sử dụng điện an toàn cho bản thân và tiết kiệm điện cho gia đình, xã hội.
11	Ôn tập	1	- HS củng cố kiến thức ở các chương I, IV - Vận dụng kiến thức và làm bài ôn tập

12	Kiểm tra cuối học kỳ 1	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng kiến thức làm bài kiểm tra</li> <li>- Đánh giá được kết quả học tập của HS</li> </ul>
13	Thực phẩm và dinh dưỡng	2	<p><b>1. Kiến thức</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được một số nhóm thực phẩm chính, dinh dưỡng từng loại, ý nghĩa đối với sức khỏe con người.</li> <li>- Hình thành thói quen ăn, uống khoa học.</li> </ul> <p><b>2. Năng lực</b></p> <p><b>2.1. Năng lực công nghệ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được một số nhóm thực phẩm chính. Nhận biết được giá trị dinh dưỡng, ý nghĩa của các nhóm thực phẩm đối với sức khỏe con người.</li> <li>- Sử dụng công nghệ: Lựa chọn được thực phẩm phù hợp với cơ thể.</li> <li>- Đánh giá công nghệ: Đưa ra nhận xét cho sự phù hợp về dinh dưỡng cho một thực đơn ăn uống.</li> </ul> <p><b>2.2. Năng lực chung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực tự chủ, tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.</li> <li>- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến thực phẩm và dinh dưỡng, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm</li> <li>- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.</li> </ul> <p><b>3. Phẩm chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học về thực phẩm và dinh dưỡng vào thực tiễn cuộc sống.</li> <li>- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.</li> </ul>
14	Phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm	3	<p><b>1. Kiến thức</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được vai trò, ý nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm.</li> <li>- Trình bày được một số phương pháp bảo quản, chế biến thực phẩm phổ biến.</li> <li>- Trình bày được một số biện pháp đảm bảo an toàn vệ sinh trong bảo</li> </ul>

			<p>quản và chế biến thực phẩm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lựa chọn và chế biến được món ăn đơn giản theo phương pháp không sử dụng nhiệt.</li> </ul> <p><b>2. Năng lực</b></p> <p><b>2.1. Năng lực công nghệ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được vai trò, ý nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm. Nhận biết được một số phương pháp bảo quản phổ biến. Nhận biết được những vấn đề cơ bản về vệ sinh an toàn thực phẩm.</li> <li>- Sử dụng công nghệ: Thực hiện các biện pháp giữ vệ sinh an toàn thực phẩm.</li> <li>- Đánh giá công nghệ: Đưa ra nhận xét cho sự phù hợp về dinh dưỡng cho một thực đơn ăn uống.</li> </ul> <p><b>2.2. Năng lực chung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực tự chủ, tự học.</li> <li>- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến bảo quản và chế biến thực phẩm, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm</li> <li>- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.</li> </ul> <p><b>3. Phẩm chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.</li> <li>- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.</li> </ul>
15	Dự án: Bữa ăn kết nối yêu thương	1	<p><b>1. Kiến thức</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế được thực đơn một bữa ăn hợp lý cho gia đình.</li> </ul> <p><b>2. Năng lực</b></p> <p><b>2.1. Năng lực công nghệ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được quá trình tính toán sơ bộ được dinh dưỡng, chi phí tài chính và nguyên tắc xây dựng thực đơn cho một bữa ăn gia đình.</li> <li>- Sử dụng công nghệ: Tính toán được nhu cầu năng lượng cần thiết trong một bữa ăn</li> </ul>



			<p>phù hợp với các thành viên trong gia đình.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá công nghệ: Đưa ra nhận xét cho sự phù hợp về dinh dưỡng cho một thực đơn ăn uống. Lựa chọn được các loại thực phẩm phù hợp với gia đình của mình.</li> </ul> <p><b>- Thiết kế kỹ thuật:</b></p> <p>+ Thiết kế được thực đơn một bữa ăn dành cho gia đình</p> <p><b>2.2. Năng lực chung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực tìm hiểu kiến thức, kỹ năng để thiết kế thực đơn một bữa ăn cho gia đình, từ đó tính toán được nhu cầu dinh dưỡng và chi phí tài chính cho một bữa ăn.</li> <li>- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến bữa ăn kết nối yêu thương, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm</li> <li>- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Xác định được các yêu cầu, biết tìm hiểu các thông tin liên quan và đề xuất được giải pháp giải quyết một số vấn đề liên quan đến việc thiết kế thực đơn, tính toán dinh dưỡng và chi phí tài chính của một bữa ăn gia đình.</li> </ul> <p><b>3. Phẩm chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm chỉ: Ham học hỏi, tìm tòi tài liệu để mở rộng hiểu biết về dinh dưỡng, thực phẩm, cách chế biến các món ăn; Có ý thức vận dụng kiến thức về dinh dưỡng và nấu ăn vào cuộc sống hằng ngày.</li> <li>- Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân và gia đình về việc lựa chọn, sử dụng, bảo quản và chế biến món ăn.</li> </ul>
16	Dự án: Bữa ăn kết nối	1	<b>1. Kiến thức</b>

	yêu thương (tt)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tính toán sơ bộ được dinh dưỡng , chi phí tài chính cho một bữa ăn gia đình.</li> </ul> <p><b>2. Năng lực</b></p> <p><b>2.1. Năng lực công nghệ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được quá trình tính toán sơ bộ được dinh dưỡng, chi phí tài chính và nguyên tắc xây dựng thực đơn cho một bữa ăn gia đình.</li> <li>- Sử dụng công nghệ: Tính toán được nhu cầu năng lượng cần thiết trong một bữa ăn phù hợp với các thành viên trong gia đình.</li> </ul> <p>+ Tính toán được chi phí dành cho một bữa ăn của gia đình.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá công nghệ: Đưa ra nhận xét cho sự phù hợp về dinh dưỡng cho một thực đơn ăn uống. Lựa chọn được các loại thực phẩm phù hợp với gia đình của mình.</li> </ul> <p><b>2.2. Năng lực chung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực tìm hiểu kiến thức, kĩ năng để thiết kế thực đơn một bữa ăn cho gia đình, từ đó tính toán được nhu cầu dinh dưỡng và chi phí tài chính cho một bữa ăn.</li> <li>- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến bữa ăn kết nối yêu thương, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm</li> <li>- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Xác định được các yêu cầu, biết tìm hiểu các thông tin liên quan và đề xuất được giải pháp giải quyết một số vấn đề liên quan đến việc thiết kế thực đơn, tính toán dinh dưỡng và chi phí tài chính của một bữa ăn gia đình.</li> </ul> <p><b>3. Phẩm chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm chỉ: Ham học hỏi, tìm tòi tài liệu để mở rộng hiểu biết về dinh dưỡng, thực</li> </ul>
--	-----------------	---

			<p>phẩm, cách chế biến các món ăn; Có ý thức vận dụng kiến thức về dinh dưỡng và nấu ăn vào cuộc sống hằng ngày.</p> <p>- Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân và gia đình về việc lựa chọn, sử dụng, bảo quản và chế biến món ăn.</p>
17	Ôn tập	<b>1</b>	<p>-HS củng cố kiến thức ở các chương II, III</p> <p>-Vận dụng kiến thức và làm bài ôn tập</p>
<b>18</b>	<b>Kiểm tra giữa học kỳ 2</b>	<b>1</b>	<p>-Vận dụng kiến thức làm bài kiểm tra</p> <p>-Đánh giá được kết quả học tập của HS</p>

19	Trang phục trong đời sống	2	<p><b>1. Kiến thức</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được vai trò, sự đa dạng của trang phục trong cuộc sống.</li> <li>- Nhận biết được một số loại vải thông dụng được dùng để may trang phục.</li> </ul> <p><b>2. Năng lực</b></p> <p><b>2.1. Năng lực công nghệ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được vai trò của trang phục trong đời sống và một số loại vải thông dụng được dùng để may trang phục.</li> <li>- Sử dụng công nghệ: Phân loại được một số trang phục cơ bản trong đời sống. Lựa chọn loại vải phù hợp để may mặc.</li> <li>- Đánh giá công nghệ: Nhận xét được chất liệu của một số loại vải trong trang phục.</li> </ul> <p><b>2.2. Năng lực chung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực tự chủ và tự học: Tự tin trong hoạt động, phát huy tính tích cực, chủ động trong học tập</li> <li>- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến trang phục trong đời sống, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm</li> <li>- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Giải quyết được các tình huống đặt ra.</li> </ul> <p><b>3. Phẩm chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.</li> <li>- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.</li> <li>- Trung thực: Trong báo cáo kết quả hoạt động nhóm</li> </ul>
----	---------------------------	---	--

20	Sử dụng và bảo quản trang phục	2	<p><b>1. Kiến thức</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình.</li> <li>- Sử dụng và bảo quản được một số loại hình trang phục thông dụng.</li> </ul> <p><b>2. Năng lực</b></p> <p><b>2.1. Năng lực công nghệ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được cách lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình.</li> <li>- Sử dụng công nghệ: Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình.</li> </ul> <p><b>2.2. Năng lực chung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực tự chủ, tự học.</li> <li>- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến sử dụng và bảo quản trang phục, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm</li> <li>- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.</li> </ul> <p><b>3. Phẩm chất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.</li> <li>- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.</li> </ul>
21	Sử dụng và bảo quản trang phục (tt)	1	<p><b>1. Kiến thức</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng và bảo quản được một số loại hình trang phục thông dụng.</li> </ul> <p><b>2. Năng lực</b></p> <p><b>2.1. Năng lực công nghệ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được các công việc của bảo quản trang phục</li> <li>- Sử dụng công nghệ: Thực hiện được các công việc bảo quản trang phục mặc thường ngày</li> </ul> <p><b>2.2. Năng lực chung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực tự chủ, tự học.</li> </ul>

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến sử dụng và bảo quản trang phục, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm</li> <li>- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.</li> </ul> <b>3. Phẩm chất</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.</li> <li>- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.</li> </ul>
22	Thời trang	1	<b>1. Kiến thức</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được những kiến thức cơ bản về thời trang.</li> <li>- Nhận ra và bước đầu hình thành phong cách thời trang của bản thân.</li> </ul> <b>2. Năng lực</b> <b>2.1. Năng lực công nghệ</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được những kiến thức cơ bản về thời trang. Nhận biết được phong cách thời trang. Nhận biết các yếu tố ảnh hưởng tới thời trang</li> <li>- Sử dụng công nghệ: Nhận ra và bước đầu hình thành phong cách thời trang của bản thân. <b>Chỉ ra những đặc điểm thể hiện sự thay đổi của thời trang</b></li> <li>- Đánh giá công nghệ: Đánh giá được xu hướng, phong cách thời trang. Mô tả được một số phong cách thời trang cơ bản.</li> </ul> <b>2.2. Năng lực chung</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năng lực tự chủ, tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.</li> <li>- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến thời trang, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm</li> <li>- Năng lực giải quyết vấn đề: Nhận ra và điều chỉnh các sai sót, hạn chế trong quá trình thực hiện nhiệm vụ</li> </ul> <b>3. Phẩm chất</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn sử dụng trang phục trong cuộc sống. Khiêm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm trong quá trình hoạt động nhóm.</li> </ul>

			- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.
23	Ôn tập HK2	1	-HS củng cố kiến thức ở các chương II, III - Vận dụng kiến thức và làm bài ôn tập
24	<b>Kiểm tra cuối học kỳ 2</b>	<b>1</b>	- Vận dụng kiến thức làm bài kiểm tra - Đánh giá được kết quả học tập của HS

## 2.2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 10	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được vai trò của nhà ở.</li> <li>- Nêu được đặc điểm chung của nhà ở.</li> <li>- Nhận biết và nêu được chức năng của các bộ phận chính của đèn điện.</li> <li>- Lựa chọn đèn điện tiết kiệm được năng lượng và hiệu quả</li> </ul>	Viết trên giấy
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 18	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được vai trò và đặc điểm của nhà ở</li> <li>- Nhận biết được kiến trúc nhà ở đặc trưng ở Việt Nam.</li> <li>- Mô tả được các bước chính để xây dựng ngôi nhà</li> <li>- Nhận biết và nêu được chức năng của các bộ phận chính, vẽ được sơ đồ khối, mô tả được nguyên lí làm việc và công dụng của một số đồ dùng điện trong gia đình.</li> <li>- Sử dụng được một số đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, tiết kiệm và an toàn...</li> </ul>	Viết trên giấy
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 27	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được một số nhóm thực phẩm chính, dinh dưỡng từng loại và ý nghĩa đối với sức khỏe con người.</li> <li>- Nêu được vai trò, ý nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm.</li> <li>- Trình bày được một số phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm...</li> </ul>	Viết trên giấy
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 35	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được vai trò, ý nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm.</li> <li>- Trình bày được một số phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm...</li> </ul>	Viết trên giấy

			-Nhận biết được vai trò của trang phục trong đời sống. - Phân loại, kể tên được một số trang phục cơ bản dùng trong đời sống. - Mô tả được một số đặc điểm cơ bản của trang phục làm cơ sở để lựa chọn trang phục. - Nhận biết được một số loại vải thông dụng được dùng để may	
--	--	--	--	--

### 3. Các nội dung khác (nếu có):

## IV.2. KHỐI 8

### 1. Đặc điểm tình hình

1.1. Số lớp: 02; Số học sinh: 59.

1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 01 ; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 0 ; Đại học: 01 ; Trên đại học: 0

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: 01 ; Khá: 0 ; Đạt: 0 ; Chưa đạt: 0

1.3. Thiết bị dạy học:(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
<b>I. Tranh ảnh</b>				
1	Hình chiếu vuông góc	01 tờ	Bài 2. Hình chiếu vuông góc	
2	Bản vẽ xây dựng	01 tờ	Bài 5. Bản vẽ nhà	
3	Tình huống mất an toàn điện	01 tờ	Bài 11. Tai nạn điện	
4	Sơ cứu người bị điện giật	01 tờ	Bài 13. Sơ cứu người bị tai nạn điện	
5	Cấu trúc chung của mạch điện	01 tờ	Bài 14. Khái quát về mạch điện	
6	Mạch điện điều khiển đơn giản	01 tờ	Bài 16. Mạch điện điều khiển sử dụng mô đun cảm ứng	



<b>II. Video</b>				
1	An toàn điện	01 cái	Bài 12. Biện pháp an toàn điện	
<b>III. Thiết bị thực hành</b>				
1	Bộ dụng cụ vẽ kỹ thuật	04 bộ	Bài 2. Hình chiếu vuông góc Bài 8. Gia công cơ khí bằng tay Bài 10. Dự án. Gia công chi tiết bằng tay	
2	Bộ dụng cụ thực hành cơ khí	04 bộ		
3	Bộ dụng cụ bảo vệ, an toàn điện	04 bộ	Bài 12. Biện pháp an toàn điện Bài 13. Sơ cứu người bị tai nạn điện.	
3	Cảm biến	04 bộ	Bài 15. Cảm biến và mô đun cảm biến Bài 16. Mạch điện điều khiển sử dụng mô đun cảm biến	
4	Bộ công cụ phát triển ứng dụng dựa trên vi điều khiển	04 bộ		
5	Bộ vật liệu điện	04 bộ		
6	Bộ dụng cụ điện	04 bộ		
<b>IV. Thiết bị và dụng cụ khác</b>				
1	Máy chiếu	1	Tất cả các bài	
2	Máy tính	1	Tất cả các bài	
3	Giấy A4	4 Gam	Tất cả các bài	
4	Bút	4 hộp	Tất cả các bài.	
5	Khối hình học cơ bản	04 bộ	Bài 2. Hình chiếu vuông góc	
6	Mẫu vật liệu cơ khí	04 bộ	Bài 6. Vật liệu cơ khí	
7	Cơ cấu truyền và biến đổi chuyển động	04 bộ	Bài 7. Truyền và biến đổi chuyển động	
8	Bộ dụng cụ cơ khí	04 bộ	Bài 6. Vật liệu cơ khí	
9	Bộ vật liệu cơ khí	04 bộ	Bài 8. Gia công cơ khí bằng tay	

#### 1.4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
-----	-----------	----------	-----------------------------	---------

1	Phòng học bộ môn Công nghệ	01	Bài 13. Sơ cứu người bị tai nạn điện Bài 16. Mạch điện điều khiển sử dụng mô đun cảm biến. Dự án 1. Gia công chi tiết bằng dụng cụ cầm tay đơn giản. Dự án 2. Thiết kế hệ thống tưới cây tự động	
---	----------------------------	----	---	--

## 2. Kế hoạch dạy học

### 2.1. Phân phối chương trình

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
1	Bài 1. Một số tiêu chuẩn trình bày bản vẽ kỹ thuật	1 (Tiết 1)	- Mô tả được tiêu chuẩn về khổ giấy, tỉ lệ, đường nét và ghi kích thước của bản vẽ kỹ thuật.
2	Bài 2. Hình chiếu vuông góc	3 (Tiết 2,3,4,5)	- Vẽ được hình chiếu vuông góc của một số khối đa diện, khối tròn xoay thường gặp theo phương pháp chiếu thứ nhất. - Vẽ và ghi được kích thước các hình chiếu vuông góc của vật thể đơn giản.
3	Bài 3. Bản vẽ chi tiết	2 (Tiết 6,7)	- Đọc được bản vẽ chi tiết đơn giản.
4	Bài 4. Bản vẽ lắp	2 (Tiết 8,9)	- Đọc được bản vẽ lắp đơn giản.
5	Bài 5. Bản vẽ nhà	2 (Tiết 10,11)	- Đọc được bản vẽ nhà đơn giản.
6	Bài 6. Vật liệu cơ khí	2 (Tiết 12,13)	- Nhận biết được một số vật liệu cơ khí thông dụng.
7	Bài 7. Truyền và biến đổi chuyển động	3 (Tiết 14,15,16)	- Trình bày được nội dung cơ bản của truyền và biến đổi chuyển động. - Mô tả được cấu tạo, nguyên lý làm việc của một số cơ cấu

			truyền và biến đổi chuyển động. - Tháo lắp và tính toán được tỉ số truyền của một số bộ truyền và biến đổi chuyển động.
8	Ôn tập giữa học kỳ I	1(Tiết 17)	Yêu cầu cần đạt từ bài 1 đến bài 7.
9	<b>Kiểm tra giữa học kỳ I</b>	1 (Tiết 18)	Đánh giá yêu cầu cần đạt về vẽ kỹ thuật và cơ khí
10	Bài 8. Gia công cơ khí bằng tay	3 (Tiết 19,20,21)	- Trình bày được một số phương pháp và quy trình một số phương pháp gia công cơ khí bằng tay bằng tay. - Thực hiện một số phương pháp gia công vật liệu bằng dụng cụ cầm tay.
11	Bài 9. Ngành nghề trong lĩnh vực cơ khí	2 (Tiết 22,23)	- Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề cơ khí phổ biến. - Nhận biết được sự phù hợp của bản thân đối với một số ngành nghề cơ khí phổ biến.
12	Bài 10. Dự án: Gia công chi tiết bằng dụng cụ cầm tay	2 (Tiết 24,25)	- Thực hiện được một số phương pháp gia công vật liệu bằng dụng cụ cầm tay
13	Ôn tập cuối học kỳ I	1 (Tiết 26)	Hệ thống kiến thức phần vẽ kỹ thuật, cơ khí, an toàn điện.
14	<b>Kiểm tra cuối kì 1</b>	1 (Tiết 27)	Đánh giá yêu cầu cần đạt về vẽ kỹ thuật, cơ khí, an toàn điện
11	Bài 11.Tai nạn điện	1 (Tiết 28)	- Nhận biết được một số nguyên nhân gây tai nạn điện.
12	Bài 12. Biện pháp an toàn điện	2 (Tiết 29,30)	- Trình bày được một số biện pháp an toàn điện. - Sử dụng được một số dụng cụ bảo vệ an toàn điện
13	Bài 13. Sơ cứu người bị tai nạn điện	2 (Tiết 31,32)	- Thực hiện được một số động tác cơ bản sơ cứu người bị tai nạn điện.
14	Bài 14. Khái quát về mạch điện	2	- Trình bày được khái quát về mạch điện.

		(Tiết 33,34)	- Trình bày được thành phần và chức năng của các bộ phận chính của mạch điện. - Vẽ và mô tả sơ đồ khối của mạch điện điều khiển.
15	Bài 15. Cảm biến và mô đun cảm biến	2 (Tiết 35,36)	- Phân loại và nêu được vai trò của một số modul cảm biến trong mạch điện điều khiển đơn giản.
16	Bài 16. Mạch điện điều khiển sử dụng mô đun cảm biến	4 (Tiết 37,38,39,40)	- Lắp ráp được mạch điều khiển đơn giản có sử dụng modul cảm biến: modul cảm biến ánh sáng, modul cảm biến ánh sáng, modul cảm biến độ ẩm.
17	Bài 17. Ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật điện	2 (Tiết 41,44)	- Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến trong lĩnh vực kỹ thuật điện. - Nhận biết được sự phù hợp của bản thân đối với một số ngành nghề phổ biến trong lĩnh vực kỹ thuật điện.
18	Ôn tập giữa kì II	1 (Tiết 42)	Hệ thống kiến thức từ bài 11 đến bài 17.
19	<b>Kiểm tra đánh giá giữa kì II</b>	1 (Tiết 43)	Đánh giá yêu cầu cần đạt phần kỹ thuật điện
20	Bài 18. Giới thiệu về thiết kế kỹ thuật	2 (Tiết 45,46)	- Trình bày được mục đích và vai trò của thiết kế kỹ thuật. - Kể tên được một số ngành nghề chính liên quan đến thiết kế.
21	Bài 19. Các bước cơ bản trong thiết kế kỹ thuật	2 (Tiết 47,48)	- Mô tả được các bước cơ bản trong thiết kế kỹ thuật
22	Ôn tập cuối kì II	1 (Tiết 49)	- Hệ thống kiến thức phần kỹ thuật điện, thiết kế kỹ thuật.
23	<b>Kiểm tra đánh giá cuối kì II</b>	1 (Tiết 50)	Đánh giá yêu cầu cần đạt về phần kỹ thuật điện, thiết kế kỹ thuật.
24	Bài 20. Dự án: Thiết kế hệ thống tưới cây tự động	2 (Tiết 51, 52)	- Thiết kế được một sản phẩm đơn giản theo gợi ý hướng dẫn

## 2.2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 9	Đánh giá yêu cầu cần đạt về vẽ kỹ thuật và cơ khí	Kiểm tra viết
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 18	Đánh giá yêu cầu cần đạt về vẽ kỹ thuật, cơ khí, an toàn điện	Kiểm tra viết
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 27	Đánh giá yêu cầu cần đạt kỹ thuật điện	Kiểm tra viết
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 35	Đánh giá yêu cầu cần đạt về kỹ thuật điện, thiết kế kỹ thuật.	Kiểm tra viết

### 3. Các nội dung khác (nếu có):

Tham gia sinh hoạt chuyên môn theo kế hoạch

## V. MÔN THỂ DỤC

### V.1. KHỐI 6

#### 1. Đặc điểm tình hình

**1.1. Số lớp: 02; Số học sinh: 80 em**

**1.2. Tình hình đội ngũ:** Số giáo viên: 01; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 0; Đại học: 1; Trên đại học: 0.

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên:** Tốt: 01; Khá: 0; Đạt: 0; Chưa đạt: 0

#### 1.3. Thiết bị dạy học:

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Còi	02 cái	Dùng cho dạy học	
2	Bộ tranh/ảnh về các kỹ thuật trong GDTC lớp 6	01 bộ	Quan sát đặc điểm cơ bản của thể loại tranh theo chủ đề	
3	Bộ tranh/ảnh về các loại thức ăn	01 bộ	Tìm hiểu về kiến thức thể thao và vệ sinh thể	

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
	và vệ sinh trong thể thao		thao.	
4	Giày, đồng phục	02 bộ	Dùng cho dạy học	
5	Bộ dụng cụ dành cho môn chạy cự li ngắn.	2 bộ	Chạy cự li ngắn	
6	Bộ dụng cụ dành cho môn chạy cự li trung bình	2 bộ	Chạy cự li trung bình	
7	Bộ dụng cụ dành cho môn ném bóng	2 bộ	Ném bóng	
8	Bộ dụng cụ dành cho môn TTTC	1 bộ	TTTC	

#### 1.4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Sân trường, nhà tập thể dục	01	Dùng học các môn thực hành thể thao	

## 2. Kế hoạch dạy học

### 2.1. Phân phối chương trình

Cả năm	35 tuần (70 tiết)
Học kỳ I	18 tuần (36 tiết)
Học kỳ II	17 tuần (34 tiết)

TT	Phần	Chủ Đề		Số tiết
		Tên chủ đề	Số bài	
1	Kiến Thức Chung	Chế độ dinh dưỡng trong luyện tập TDTT	0	0 (Lồng ghép vào các tiết học)
2	Vận Động Cơ Bản	Chủ đề 1: Chạy cự ly ngắn (60m) (CCLN)	4	10
		Chủ đề 2: Ném bóng	3	14
		Chủ đề 3: Chạy cự ly trung bình (CCLTB)	3	8
		Chủ đề 4: Bài Tập Thể Dục (BT TD)	3	7
3	Thể Thao Tự Chọn (TTTC)	Chủ đề : Võ cổ truyền	3	24
Kiểm tra đánh giá				7
Tổng cộng				70

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<b>HỌC KỲ 1</b>					
<b>1</b>	<b>1</b>	<b>Ném Bóng</b>	<b><i>Các động tác hỗ trợ kỹ thuật ném bóng</i></b>	Cách cầm bóng, tung và bắt bóng bằng một tay, hai tay.	Nhận biết được các động tác hỗ trợ và cách luyện tập: cầm bóng và bắt bóng bằng hai tay. Biết cách giữ an toàn trong luyện tập.
	<b>2</b>	<b>Chạy cự li trung bình</b>	<b><i>Các động tác hỗ trợ kỹ thuật chạy cự li trung bình</i></b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các động tác hỗ trợ: Đi, chạy thở sâu theo nhịp đơn, nhịp kép; chạy theo đường hình số tám.</li> <li>- Trò chơi phát triển sức bền (do GV chọn)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được các động tác hỗ trợ và biết cách luyện tập: Đi, chạy thở sâu theo nhịp đơn, nhịp kép; chạy theo đường hình số tám.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
<b>2</b>	<b>3</b>	<b>Ném Bóng</b>	<b><i>Các động tác hỗ trợ kỹ thuật ném bóng</i></b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hai tay phối hợp tung và bắt bóng.</li> <li>- Ôn tung và bắt bóng bằng một tay, hai tay</li> <li>- Trò chơi phát triển sức mạnh tay-ngực.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được các động tác KT hỗ trợ và cách luyện tập: Hai tay phối hợp tung và bắt bóng.</li> <li>- Thực hiện được động tác tung và bắt bóng bằng một tay, hai tay.</li> <li>- Nghiêm túc, tự giác, an toàn trong luyện tập.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên.</li> </ul>



Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	4	Chạy cự li trung bình	<i>Các động tác bổ trợ kỹ thuật chạy cự li trung bình</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các động tác bổ trợ: Chạy theo đường đích dắc, chạy luân cộc.</li> <li>- Trò chơi chuyền bóng nhanh qua 2 chân.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được các động tác bổ trợ và biết cách luyện tập: Chạy theo đường đích dắc, chạy luân cộc.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
3	5	Ném Bóng	<i>Các động tác bổ trợ kỹ thuật ném bóng</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ném bóng bằng một tay trên cao.</li> <li>- Ôn động tác hai tay phối hợp tung và bắt bóng.</li> <li>- Trò chơi đội nào ném bóng xa hơn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được các động tác bổ trợ và biết cách luyện tập: Ném bóng bằng một tay trên cao.</li> <li>- Thực hiện được động tác hai tay phối hợp tung và bắt bóng.</li> <li>- Nghiêm túc, tự giác, an toàn trong luyện tập.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên.</li> </ul>
	6	Chạy cự li trung bình	<i>Chạy giữa quãng trên đường thẳng, đường vòng</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- KT chạy giữa quãng trên đường thẳng.</li> <li>- Trò chơi phát triển sức bền (do Gv chọn).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết và thực hiện được KT chạy giữa quãng trên đường thẳng.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
		Ném Bóng	<i>Ra sức cuối cùng và giữ thăng bằng</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ thuật ra sức cuối cùng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được KT và cách luyện tập ra sức cuối cùng, biết cách giữ an toàn cho bản thân và người tập.</li> </ul>

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
4	7			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn kĩ thuật ném bóng bằng một tay trên cao.</li> <li>- Trò chơi con sâu đo.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được kĩ thuật ném bóng bằng một tay trên cao.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên.</li> </ul>
	8	<b>Chạy cự li trung bình</b>	<i>Chạy giữa quãng trên đường thẳng, đường vòng</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- KT chạy giữa quãng trên đường vòng.</li> <li>- Ôn KT chạy giữa quãng trên đường thẳng.</li> <li>- Trò chơi ai nhảy dây nhiều hơn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết và thực hiện được KT chạy giữa quãng trên đường vòng.</li> <li>- Biết cách thực hiện KT chạy giữa quãng trên đường thẳng.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
5	9	<b>Ném Bóng</b>	<i>Ra sức cuối cùng và giữ thăng bằng</i>	Ôn kĩ thuật ra sức cuối cùng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được kĩ thuật ra sức cuối cùng</li> <li>- Nghiêm túc, tự giác, an toàn trong luyện tập.</li> </ul>
	10	<b>Chạy cự li trung bình</b>	<i>Chạy giữa quãng trên đường thẳng, đường vòng</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn KT chạy giữa quãng trên đường thẳng, vòng.</li> <li>- Một số điều luật cơ bản trong thi đấu Điền Kinh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được KT chạy giữa quãng trên đường thẳng, vòng.</li> <li>- Biết được một số điều luật cơ bản trong thi đấu Điền Kinh.</li> </ul>
	11	<b>Ném Bóng</b>	<i>Ra sức cuối cùng và giữ thăng bằng</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kĩ thuật giữ thăng bằng.</li> <li>- Ôn kĩ thuật ra sức cuối cùng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được KT và cách luyện tập KT giữ thăng bằng.</li> <li>- Thực hiện được kĩ thuật ra sức cuối cùng</li> <li>- Nghiêm túc, tự giác, an toàn trong luyện tập.</li> </ul>

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
6				- Trò chơi phát triển sức mạnh tay-ngực.	- Biết cách tham gia trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên.
	12	<b>Chạy cự li trung bình</b>	<i><b>Xuất phát, tăng tốc độ sau xuất phát và chạy về đích</b></i>	- KT xuất phát cao và chạy tăng tốc độ sau xuất phát.  - Trò chơi phát triển sức bền (do GV chọn)	- Có nhận biết ban đầu về hình thái, cách thực hiện KT xuất phát cao và chạy tăng tốc độ sau xuất phát.  - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
7	13	<b>Ném Bóng</b>	<i><b>Ra sức cuối cùng và giữ thăng bằng</b></i>	Ôn kĩ thuật ra sức cuối cùng và giữ thăng bằng.	Thực hiện được kĩ thuật ra sức cuối cùng và giữ thăng bằng. Biết cách giữ an toàn cho bản thân và người tập.
	14	<b>Chạy cự li trung bình</b>	<i><b>Xuất phát, tăng tốc độ sau xuất phát và chạy về đích</b></i>	- KT chạy về đích. - Phối hợp các giai đoạn trong chạy cự li trung bình. - Ôn KT xuất phát cao và chạy tăng tốc độ sau xuất phát. - Một số điều luật cơ bản trong thi đấu điền kinh.	- Nhận biết và thực hiện được KT chạy về đích. Biết cách phối hợp các giai đoạn trong chạy cự li trung bình. - Thực hiện được KT xuất phát cao và chạy tăng tốc độ sau xuất phát. - Biết được một số điều luật cơ bản trong thi đấu điền kinh.
	15	<b>Ném Bóng</b>	<i><b>Ra sức cuối cùng và giữ thăng bằng</b></i>	- Ôn kĩ thuật ra sức cuối cùng và giữ thăng bằng.	- Thực hiện được kĩ thuật ra sức cuối cùng và giữ thăng bằng. Biết cách giữ an toàn cho bản thân và người tập.

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
8				- Trò chơi phát triển sức mạnh tay-ngực.	- Biết cách tham gia trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên.
	16	<b>Chạy cự li trung bình</b>	<i>Xuất phát, tăng tốc độ sau xuất phát và chạy về đích</i>	- Ôn KT các giai đoạn chạy cự li trung bình. - Trò chơi nhảy bao bố.	- Thực hiện được KT cách phối hợp các giai đoạn chạy cự li trung bình. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
9	17	<b>Ném Bóng</b>	<i>Chuẩn bị chạy đà và chạy đà</i>	- Kỹ thuật tư thế chuẩn bị chạy và chạy đà. - Trò chơi đẩy gậy.	- Nhận biết được KT và biết cách luyện tập tư thế chuẩn bị chạy và chạy đà. - Biết cách tham gia trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên.
	18	<b>KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I (CCLTB)</b>			
10	19	<b>Ném Bóng</b>	<i>Chuẩn bị chạy đà và chạy đà</i>	- Ôn kỹ thuật bị chạy và chạy đà.	- Thực hiện được kỹ thuật tư thế chuẩn bị chạy và chạy đà - Nghiêm túc, tự giác, an toàn trong luyện tập.
	20	<b>Bài Tập Thể Dục</b>	<i>Bài thể dục liên hoàn</i>	Bài thể dục liên hoàn từ nhịp 1 đến nhịp 11.	Nhận biết được động tác và biết cách thực hiện từ nhịp 1-11.
11	21	<b>Ném Bóng</b>	<i>Chuẩn bị chạy đà và chạy đà</i>	- Ôn kỹ thuật chuẩn bị chạy đà và chạy đà. - Ôn các giai đoạn trong ném bóng	- Thực hiện được kỹ thuật chuẩn bị chạy đà và chạy đà. - Biết cách phối hợp các giai đoạn ném bóng. - Nghiêm túc, tự giác, an toàn trong luyện

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
					tập.
	22	<b>Bài Tập Thể Dục</b>	<i>Bài thể dục liên hoàn</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn bài thể dục liên hoàn từ nhịp 1 đến nhịp 11.</li> <li>- Trò chơi đi qua dây.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được các nhịp đúng trình tự và nhịp điệu. Biết tự sửa sai động tác thông qua quan sát bạn bè và tranh ảnh.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
12	23	<b>Ném Bóng</b>	<i>Chuẩn bị chạy đà và chạy đà</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn kĩ thuật chuẩn bị chạy đà và chạy đà.</li> <li>- Ôn các giai đoạn trong ném bóng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được kĩ thuật chuẩn bị chạy đà và chạy đà.</li> <li>- Phối hợp được các giai đoạn ném bóng.</li> <li>- Nghiêm túc, tự giác, an toàn trong luyện tập.</li> </ul>
	24	<b>Bài Tập Thể Dục</b>	<i>Bài thể dục liên hoàn</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài thể dục liên hoàn từ nhịp 12 đến nhịp 23.</li> <li>- Ôn bài thể dục liên hoàn các nhịp đã học.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được động tác từ nhịp 12- 23 và biết cách thực hiện từ nhịp 1- 23.</li> <li>- Thực hiện được các nhịp đúng trình tự và nhịp điệu</li> </ul>
13	25	<b>Ném Bóng</b>	<i>Chuẩn bị chạy đà và chạy đà</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn các giai đoạn ném bóng.</li> <li>- Một số luật cơ bản trong thi đấu ném bóng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phối hợp được các giai đoạn ném bóng.</li> <li>- Nghiêm túc, tự giác, an toàn trong luyện tập.</li> <li>- Biết được một số luật cơ bản trong thi đấu ném bóng.</li> </ul>
		<b>Bài Tập Thể Dục</b>	<i>Bài thể dục liên hoàn</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn bài thể dục liên hoàn từ nhịp 1 đến nhịp 23.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được các nhịp đúng trình tự và nhịp điệu từ nhịp 1- 23. Biết tự sửa sai</li> </ul>

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	26			- Trò chơi chuyển vòng.	động tác thông qua quan sát - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
14	27	Ném Bóng	<i>Chuẩn bị chạy đà và chạy đà</i>	Ôn các giai đoạn ném bóng	- Thực hiện được kĩ thuật các giai đoạn ném bóng. - Nghiêm túc, tự giác, an toàn trong luyện tập.
	28	Bài Tập Thể Dục	<i>Bài thể dục liên hoàn</i>	- Bài thể dục liên hoàn từ nhịp 24 đến nhịp 30. - Ôn BTĐ liên hoàn các nhịp đã học.	- Nhận biết được KT các động tác từ nhịp 24- 30 và cách thực hiện từ nhịp 1- 30. - Thực hiện được các nhịp đúng trình tự và nhịp điệu.
15	29	TTTC (Võ cổ truyền)	Tám thế tấn cơ bản	+ Lập tấn + Trung bình tấn + Đinh tấn trái + Đinh tấn phải + Trảo mã tấn trái + Trảo mã tấn phải + Xà tá + Tạ qui tấn	- Biết tên và thực hiện được động tác: + Lập tấn + Trung bình tấn + Đinh tấn trái + Đinh tấn phải + Trảo mã tấn trái + Trảo mã tấn phải + Xà tấn + Tạ qui tấn
	30	Bài Tập Thể Dục	<i>Bài thể dục liên hoàn</i>	Ôn bài thể dục liên hoàn từ nhịp 1 đến 30.	Thực hiện được các nhịp đúng trình tự và nhịp điệu từ nhịp 1- 30. Tích cực hợp tác, học hỏi trong học tập và rèn luyện hằng ngày.
	31	TTTC (Võ cổ truyền)	Tám thế tấn cơ bản	+ Lập tấn + Trung bình tấn	- Thực hiện thuần thục:

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
16				+ Đỉnh tấn trái + Đỉnh tấn phải + Trảo mã tấn trái + Trảo mã tấn phải + Xà tấn + Tạ qui tấn	+ Lập tấn + Trung bình tấn + Đỉnh tấn trái + Đỉnh tấn phải + Trảo mã tấn trái + Trảo mã tấn phải + Xà tấn + Tạ qui tấn
	32	<b>Bài Tập Thể Dục</b>	<i>Bài thể dục liên hoàn</i>	Hoàn thiện bài TD liên hoàn từ nhịp 1 đến nhịp 30.	Thực hiện các nhịp đúng trình tự và nhịp điệu từ nhịp 1- 30.
17	33	<b>TTTC (Võ cổ truyền)</b>	Tám thế tấn cơ bản	+ Lập tấn + Trung bình tấn + Đỉnh tấn trái + Đỉnh tấn phải + Trảo mã tấn trái + Trảo mã tấn phải + Xà tấn + Tạ qui tấn	- Thực hiện thuần thực: + Lập tấn + Trung bình tấn + Đỉnh tấn trái + Đỉnh tấn phải + Trảo mã tấn trái + Trảo mã tấn phải + Xà tấn + Tạ qui tấn
	34	<b>Chạy cự li ngắn (60m)</b>	<i>Các động tác bổ trợ kĩ thuật chạy cự li ngắn.</i>	Các động tác bổ trợ kĩ thuật chạy cự li ngắn: Chạy bước nhỏ, chạy nâng cao đùi.	Nhận biết được động tác bổ trợ và biết cách thực hiện KT chạy bước nhỏ, chạy nâng cao đùi và biết cách luyện tập.
18	35	<b>TTTC(Võ cổ truyền)</b>	Ôn: Tám thế tấn cơ bản Học: Từ động tác 1 đến động tác 8	1 Lập tấn; 2. Bái tổ; 3. Trung bình tấn - Tay phải đâm thẳng; 4. Trung bình tấn - Tay trái đâm thẳng; 5. Trảo mã tấn phải – Tay phải đâm mức lên; 6. Đỉnh tấn phải - Tay trái đâm thẳng; 7. Trảo mã tấn phải – Tay phải đập lưng nắm tay xuống đất; 8. Trung bình tấn – Tay trái	- Thực hiện thuần thực: Tám thế tấn cơ bản -Biết tên và thực hiện được: Từ động tác 1 đến động tác 8 bài võ cổ truyền

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
				đắm móc vòng vào trước ngực	
	36	KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I (Bài Thể Dục Liên Hoàn)			Thực hiện các nhịp đúng trình tự và nhịp độ.
HỌC KÌ II					
19	37	Chạy cự li ngắn (60m)	Các động tác hỗ trợ kỹ thuật chạy cự li ngắn.	- Kỹ thuật chạy đạp sau.  - Trò chơi chạy tiếp sức.	- Nhận biết được động tác hỗ trợ và biết cách thực hiện KT chạy đạp sau.  - Biết tham gia trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên.
	38	TTTC (Võ cổ truyền)	Ôn từ động tác 1 đến động tác 8  Học từ động tác 9 đến động tác 17	9. Trảo mã tấn trái – Tay tráiắm móc lên  10. Đinh tấn trái – tay phảiắm thẳng  11. Trảo mã tấn trái – Tay trái đập lưng nắm tay xuống đất  12. Trung bình tấn – Tay phảiắm móc vòng vào trước ngực  13. Đinh tấn phải – Tay phải đập lưng nắm tay phải về trước  14. Đinh tấn trái – Tay trái đập lưng nắm tay phải về trước  15. Xà tấn phải - Xoay thành trung bình tấn hai nắm tay kéo về hông	- Thực hiện thuần thực:  Từ động tác 1 đến động tác 8  -Biết tên và thực hiện được: Từ động tác 9 đến động tác 17 bài võ cổ truyền



Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
				<p>16. Trung bình tấn – Hai tay đâm thẳng về trước</p> <p>17. Trảo mã tấn phải – Chỏ phải đánh ngang, chỏ trái đánh ngang (từ ngoài vào trong)</p>	
20	39	<b>Chạy cự li ngắn (60m)</b>	<i>Chạy giữa quãng</i>	<p>- Kỹ thuật chạy giữa quãng, cách thở trong luyện tập chạy cự li ngắn.</p> <p>- Ôn KT chạy đạp sau</p>	<p>- Nhận thức được KT động tác và bước đầu biết cách luyện tập Kỹ thuật chạy giữa quãng, cách thở trong luyện tập.</p> <p>- Thực hiện được KT chạy đạp sau.</p>
	40	<b>TTTC(Võ cổ truyền)</b>	<p>Ôn từ động tác 9 đến động tác 17</p> <p>Học: từ động tác 18 đến động tác 24</p>	<p>18. Quy tấn trái – Chỏ phải cắm thẳng xuống</p> <p>19. Đinh tấn trái – Chỏ trái đánh lên</p> <p>20. Trảo mã tấn phải - Chỏ phải đánh ngược lên ra sau</p> <p>21. Xà tấn chỏ trái giạt ngang</p> <p>22. Trảo mã tấn phải – Chỏ phải đánh bạt vào (cẳng tay đứng)</p> <p>23. Đinh tấn phải – Chỏ trái đánh ngang vào</p> <p>24. Trảo mã tấn trái – Chỏ trái đánh vòng cầu xuống ra sau lưng</p>	<p>- Thực hiện thuần thục:</p> <p>Từ động tác 9 đến động tác 17</p> <p>-Biết tên và thực hiện được: Từ động tác 18 đến động tác 24 bài võ cổ truyền</p>

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
21	41	Chạy cự li ngắn (60m)	<i>Chạy giữa quãng</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn kĩ thuật chạy giữa quãng, cách thở trong luyện tập chạy cự li ngắn.</li> <li>- Trò chơi người thừa thứ ba.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được KT chạy giữa quãng, cách thở trong luyện tập chạy cự li ngắn.</li> <li>- Biết tham gia trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên.</li> </ul>
	42	TTTC(Võ cổ truyền)	Ôn từ động tác 18 đến động tác 24 Học từ động tác 25 đến động tác 30	25. Chân phải đá tổng về trước 26. Chân trái đá vòng cầu vào 27. Chân phải đá tổng ngang bằng cạnh bàn Chân thành 28. Đinh tấn phải – Tay phải chém cạnh bàn thẳng xuống 29. Trảo mã tấn trái – Tay trái chém cạnh bàn vào (cẳng tay t/ góc với mặt đất) 30. Trảo mã tấn phải- Hai tay chém cùng lúc từ trái qua phải (bàn tay phải úp, bàn tay trái ngửa, 2 tay song song mặt đất)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện thuần thực:                Từ động tác 18 đến động tác 24</li> <li>-Biết tên và thực hiện được: Từ động tác 25 đến động tác 30 bài võ cổ truyền</li> </ul>
22	43	Chạy cự li ngắn (60m)	Xuất phát và chạy lao sau xuất phát	Kĩ thuật xuất phát cao.	Nhận biết được khẩu lệnh xuất phát, thứ tự thực hiện thực hiện, biết cách luyện tập.
	44	TTTC(Võ cổ truyền)	Ôn từ động tác 25 đến động tác 30 Học từ động tác 31	31. Đinh tấn trái – Hai tay đâm thẳng tới trước bằng mũi bàn tay (bàn tay trái trên, bàn tay phải dưới cách nhau 20cm)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện thuần thực:                Từ động tác 25 đến động tác 30</li> <li>-Biết tên và thực hiện được động tác: Từ</li> </ul>

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
			đến động tác 36	<p>32. Đinh tấn phải – Hai cạnh bàn tay đỡ ngang cùng lúc ra 2 bên ngang mặt (2 lòng bàn tay xoay ra ngoài, 2 cẳng tay thẳng đứng)</p> <p>33. Đinh tấn trái – Hai cạnh bàn tay đánh ép cùng lúc ngang mặt ( Hai lòng bàn tay xoay vào trong, 2 cẳng tay thẳng đứng)</p> <p>34. Đinh tấn phải – Hai cạnh bàn tay đánh ép cùng lúc vào (trên đầu gối phải, lòng bàn tay ngửa, 2 cẳng tay song song nhau)</p> <p>35. Quy tấn trái – Tay phải chém bằng cạnh bàn tay vào trên đầu gối trái (bàn tay trái ngửa, cẳng tay song song mặt đất)</p> <p>36. Bái tổ lập tấn./.</p>	động tác 31 đến động tác 36 bài võ cổ truyền
23	45	<b>Chạy cự li ngắn (60m)</b>	Xuất phát và chạy lao sau xuất phát	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ thuật chạy lao sau xuất phát.</li> <li>- Ôn kỹ thuật xuất phát cao.</li> <li>- Trò chơi phát triển sức nhanh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được kỹ thuật và biết cách thực hiện giai đoạn chạy lao sau xuất phát.</li> <li>- Thực hiện được kỹ thuật xuất phát cao.</li> <li>- Tích cực tham gia trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên.</li> </ul>
	46	<b>TTTC(Võ cổ truyền)</b>	Ôn từ động tác 1 đến động tác 36	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn từ động tác 1 đến động tác 36</li> <li>- Trò chơi vận động (do GV chọn)</li> </ul>	- Thực hiện thuần thục động tác từ 1 đến động tác 36 bài võ cổ truyền; Trò chơi vận

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
					động (do GV chọn)
24	47	<b>Chạy cự li ngắn (60m)</b>	<i>Xuất phát và chạy lao sau xuất phát</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn KT xuất phát cao và chạy lao sau xuất phát.</li> <li>- Một số điều luật cơ bản trong thi đấu ĐK.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được KT xuất phát cao và chạy lao sau xuất phát.</li> <li>- Biết được một số điều luật cơ bản nhất trong thi đấu ĐK.</li> </ul>
	48	<b>TTTC(Võ cổ truyền)</b>	Ôn từ động tác 1 đến động tác 36	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn từ nhịp 1 đến nhịp 36</li> <li>- Trò chơi vận động (do GV chọn)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện thuần thục động tác từ 1 đến động tác 36 bài võ cổ truyền; Trò chơi vận động (do GV chọn)</li> </ul>
25	49	<b>Chạy cự li ngắn (60m)</b>	<i>Chạy về đích</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ thuật chạy về đích (chạy băng qua đích).</li> <li>- Trò chơi phát triển sức nhanh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được kỹ thuật của giai đoạn chạy về đích và biết cách luyện tập.</li> <li>- Tích cực tham gia trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên.</li> </ul>
	50	<b>Chạy cự li ngắn (60m)</b>	<i>Chạy về đích</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phối hợp các giai đoạn chạy cự li ngắn.</li> <li>- Trò chơi đổi bóng nhanh trên đường đích dắc.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết cách phối hợp các giai đoạn trong chạy cự li ngắn theo hướng dẫn.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
26	51	<b>Chạy cự li ngắn (60m)</b>	<i>Chạy về đích</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn phối hợp các giai đoạn chạy cự li ngắn.</li> <li>- Một số điều luật cơ bản trong thi đấu ĐK.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được phối hợp các giai đoạn trong chạy cự li ngắn nâng cao thành tích.</li> <li>- Biết được một số điều luật cơ bản nhất trong thi đấu ĐK.</li> </ul>
	52	<b>TTTC(Võ cổ truyền)</b>	Ôn từ động tác 1 đến động tác 36	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn từ nhịp 1 đến nhịp 36</li> <li>- Trò chơi vận động (do GV chọn)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện thuần thục động tác từ 1 đến động tác 36 bài võ cổ truyền; Trò chơi vận</li> </ul>

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
					động (do GV chọn)
27	53	<b>TTTC(Võ cổ truyền)</b>	Ôn từ động tác 1 đến động tác 36	- Hoàn thiện bài võ cổ truyền từ động tác 1 đến động tác 36 - Trò chơi vận động (do GV chọn)	- Thực hiện thuần thục động tác từ 1 đến động tác 36 bài võ cổ truyền; Trò chơi vận động (do GV chọn)
	54	<b>KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II (NỘI DUNG CCLN 60m)</b>			
28	55	<b>TTTC(Võ cổ truyền)</b>	Ôn từ động tác 1 đến động tác 36	- Hoàn thiện bài võ cổ truyền từ động tác 1 đến động tác 36 - Trò chơi vận động (do GV chọn)	- Thực hiện thuần thục động tác từ 1 đến động tác 36 bài võ cổ truyền; Trò chơi vận động (do GV chọn)
	56	<b>TTTC(Võ cổ truyền)</b>	Ôn từ động tác 1 đến động tác 36	- Hoàn thiện bài võ cổ truyền từ động tác 1 đến động tác 36 - Trò chơi vận động (do GV chọn)	- Thực hiện thuần thục động tác từ 1 đến động tác 36 bài võ cổ truyền; Trò chơi vận động (do GV chọn)
29	57	<b>TTTC(Võ cổ truyền)</b>	Ôn từ động tác 1 đến động tác 36	- Hoàn thiện bài võ cổ truyền từ động tác 1 đến động tác 36 - Trò chơi vận động (do GV chọn)	- Thực hiện thuần thục động tác từ 1 đến động tác 36 bài võ cổ truyền; Trò chơi vận động (do GV chọn)
	58	<b>TTTC(Võ cổ truyền)</b>	Ôn từ động tác 1 đến động tác 36	- Hoàn thiện bài võ cổ truyền từ động tác 1 đến động tác 36 - Trò chơi vận động (do GV chọn)	- Thực hiện thuần thục động tác từ 1 đến động tác 36 bài võ cổ truyền; Trò chơi vận động (do GV chọn)
	59	<b>TTTC(Võ cổ truyền)</b>	Ôn từ động tác 1 đến động tác 36	- Hoàn thiện bài võ cổ truyền từ động tác 1 đến động tác 36 - Trò chơi vận động (do GV chọn)	- Thực hiện thuần thục động tác từ 1 đến động tác 36 bài võ cổ truyền; Trò chơi vận động (do GV chọn)

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
30	60	<b>TTTC(Võ cổ truyền)</b>	Ôn từ động tác 1 đến động tác 36	- Hoàn thiện bài võ cổ truyền từ động tác 1 đến động tác 36 - Trò chơi vận động (do GV chọn	- Thực hiện thuần thục toàn bài võ cổ truyền 36 động tác. - Trò chơi vận động (do GV chọn )
31	61	<b>TTTC(Võ cổ truyền)</b>	Ôn từ động tác 1 đến động tác 36	- Hoàn thiện bài võ cổ truyền từ động tác 1 đến động tác 36 - Trò chơi vận động (do GV chọn	- Thực hiện thuần thục toàn bài võ cổ truyền 36 động tác. - Trò chơi vận động (do GV chọn )
	62	<b>TTTC(Võ cổ truyền)</b>	Ôn từ động tác 1 đến động tác 36	- Hoàn thiện bài võ cổ truyền từ động tác 1 đến động tác 36 - Trò chơi vận động (do GV chọn	- Thực hiện thuần thục toàn bài võ cổ truyền 36 động tác. - Trò chơi vận động (do GV chọn )
32	63	<b>TTTC(Võ cổ truyền)</b>	Ôn từ động tác 1 đến động tác 36	- Hoàn thiện bài võ cổ truyền từ động tác 1 đến động tác 36 - Trò chơi vận động (do GV chọn	- Thực hiện thuần thục toàn bài võ cổ truyền 36 động tác. - Trò chơi vận động (do GV chọn )
	64	<b>TTTC(Võ cổ truyền)</b>	Ôn từ động tác 1 đến động tác 36	- Hoàn thiện bài võ cổ truyền từ động tác 1 đến động tác 36 - Trò chơi vận động (do GV chọn	- Thực hiện thuần thục toàn bài võ cổ truyền 36 động tác. - Trò chơi vận động (do GV chọn )
33	65	<b>TTTC(Võ cổ truyền)</b>	Ôn từ động tác 1 đến động tác 36	- Hoàn thiện bài võ cổ truyền từ động tác 1 đến động tác 36 - Trò chơi vận động (do GV chọn	- Thực hiện thuần thục toàn bài võ cổ truyền 36 động tác. - Trò chơi vận động (do GV chọn )
	66	<b>TTTC(Võ cổ truyền)</b>	Ôn từ động tác 1 đến động tác 36	- Hoàn thiện bài võ cổ truyền từ động tác 1 đến động tác 36	- Thực hiện thuần thục toàn bài võ cổ truyền 36 động tác.

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
				- Trò chơi vận động (do GV chọn	- Trò chơi vận động (do GV chọn )
34	67	<b>KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II (TTTC VĨ CỐ TRUYỀN)</b>			
	68	Kiểm tra (TLCN)	Nội dung 1&2	- Bật xa tại chỗ - Nằm ngửa gập bụng	Thực hiện Theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008
35	69	Kiểm tra (TLCN)	Nội dung 3	Chạy 30m xuất phát cao	Thực hiện Theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008
	70	Kiểm tra (TLCN)	Nội dung 4	Chạy tùy sức 5 phút	Thực hiện Theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008

**2.2. Các nội dung khác (nếu có):**.....

## V.2. KHỐI 7

### 1. Đặc điểm tình hình

**1.1. Số lớp: 3; Số học sinh: 92;**

**1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 01; Trình độ đào tạo:** Cao đẳng: 0; Đại học: 01; Trên đại học: 0.

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên:** Tốt: 01; Khá: 0; Đạt: 0; Chưa đạt: 0

### 1.3. Thiết bị dạy học:

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Còi	02 cái	Dùng cho dạy học	
2	Bộ tranh/ảnh về các kỹ thuật trong GDTC lớp 7	02 bộ	Quan sát đặc điểm cơ bản của thể loại tranh theo chủ đề	
3	Bộ tranh/ảnh về các loại thức ăn và vệ sinh trong thể thao	02 bộ	Tìm hiểu về kiến thức thể thao và vệ sinh thể thao.	
4	Giày, đồng phục	04 bộ	Dùng cho dạy học	
5	Bộ dụng cụ dành cho nội dung	2 bộ	Chạy cự li ngắn	

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
	chạy cự li ngắn.			
6	Bộ dụng cụ dành cho nội dung chạy cự li trung bình	2 bộ	Chạy cự li trung bình	
7	Bộ tranh, dụng cụ dành cho nội dung nhảy xa	2 bộ	Nhảy xa	
8	Bộ dụng cụ dành cho nội dung TTTC	2 bộ	TTTC	

#### 1.4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Sân trường, nhà đa năng	01	Dùng học các môn thực hành thể thao	

## 2. Kế hoạch dạy học

### 2.1. Phân phối chương trình

Cả năm	35 tuần (70 tiết)
Học kỳ I	18 tuần (36 tiết)
Học kỳ II	17 tuần (34 tiết)



Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<b>HỌC KỲ 1</b>					
<b>1</b>	<b>1</b>	<b>Chạy cự li trung bình</b>	<b><i>Phối hợp trong giai đoạn chạy giữa quãng</i></b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phối hợp trong giai đoạn chạy giữa quãng.</li> <li>- Trò chơi phát triển sức bền</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được nội dung, yêu cầu trong phối hợp các hoạt động chạy giữa quãng trên đường thẳng, đường vòng.</li> <li>- Phối hợp được các hoạt động chạy giữa quãng trên đường thẳng, đường vòng</li> <li>- Biết cách và tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
	<b>2</b>	<b>Nhảy xa kiểu ngồi</b>	<b><i>Kỹ thuật giậm nhảy và bước bộ.</i></b>	Giậm nhảy và bước bộ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được mục đích, nội dung, yêu cầu và cách luyện tập kỹ thuật giậm nhảy và bước bộ.</li> <li>- Tích cực, chủ động trong luyện tập và giúp đỡ bạn.</li> </ul>
<b>2</b>	<b>3</b>	<b>Chạy cự li trung bình</b>	<b><i>Phối hợp trong giai đoạn chạy giữa quãng</i></b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiện tượng “cực điểm” trong chạy cự ly trung bình và cách khắc phục.</li> <li>- Trò chơi phát triển sức bền.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được hiện tượng “cực điểm” trong chạy cự ly trung bình và cách khắc phục.</li> <li>- Phối hợp được các hoạt động chạy giữa quãng trên đường thẳng, đường vòng và cách khắc phục hiện tượng “cực điểm” xảy ra khi chạy CLTB.</li> <li>- Biết cách và tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
	<b>4</b>	<b>Nhảy xa kiểu ngồi</b>	<b><i>Kỹ thuật giậm nhảy và bước bộ.</i></b>	- Ôn kỹ thuật giậm nhảy và bước bộ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được kỹ thuật giậm nhảy và bước bộ.</li> <li>- Tích cực, chủ động trong luyện tập và giúp đỡ bạn.</li> </ul>

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
				- Trò chơi phát triển sức mạnh.	- Biết cách và tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
3	5	Chạy cự li trung bình	<i>Phối hợp trong giai đoạn xuất phát và tăng tốc sau xuất phát</i>	- Phối hợp trong xuất phát và tăng tốc sau xuất phát.  - Trò chơi phát triển sức bền.	- Nhận biết được nội dung, yêu cầu phối hợp trong xuất phát và tăng tốc sau xuất phát; biết cách luyện tập. - Phối hợp được giai đoạn xuất phát và tăng tốc sau xuất phát. - Biết cách và tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	6	Nhảy xa kiểu ngồi	<i>Kỹ thuật giậm nhảy và bước bộ</i>	- Ôn kỹ thuật giậm nhảy và bước bộ  - Một số điều luật trong thi đấu điền kinh.	- Thực hiện được kỹ thuật giậm nhảy và bước bộ. - Biết được số điều luật trong thi đấu điền kinh.
4	7	Chạy cự li trung bình	<i>Phối hợp trong giai đoạn xuất phát và tăng tốc sau xuất phát</i>	Phối hợp trong xuất phát và tăng tốc sau xuất phát.	- Phối hợp được giai đoạn xuất phát và tăng tốc sau xuất phát. - Chủ động lựa chọn các bài tập phù hợp với bản thân để RLTT.
	8	Nhảy xa kiểu ngồi	<i>Kỹ thuật chạy đà và giậm nhảy.</i>	- Cách đo đà và chạy đà  - Trò chơi phát triển sức mạnh.	- Nhận biết được cách đo, chạy đà trong nhảy xa kiểu ngồi. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
5	9	Chạy cự li trung bình	<i>Phối hợp trong giai đoạn xuất phát và tăng tốc sau xuất phát</i>	- Ôn phối hợp trong xuất phát và tăng tốc sau xuất phát. - Một số điều luật trong thi đấu điền kinh.	- Phối hợp được giai đoạn xuất phát và tăng tốc sau xuất phát. - Biết được một số điều luật trong thi đấu điền kinh.
		Nhảy xa	<i>Kỹ thuật chạy đà và</i>	- Ôn cách đo đà và chạy đà	- Biết cách thực hiện kỹ thuật đo và chạy

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	10	kiểu ngồi	<i>giậm nhảy.</i>	- Trò chơi phát triển sức mạnh.	đà trong nhảy xa kiểu ngồi. Nỗ lực hoàn thành các bài tập vận động, tích cực hợp tác trong luyện tập. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
6	11	Chạy cự li trung bình	<i>Phối hợp các giai đoạn trong chạy cự li trung bình.</i>	- Phối hợp chạy giữa quãng và chạy về đích. - Trò chơi phát triển sức bền.	- Nhận biết được nội dung, yêu cầu về phối hợp chạy giữa quãng và chạy về đích. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	12	Nhảy xa kiểu ngồi	<i>Kỹ thuật chạy đà và giậm nhảy.</i>	Ôn cách đo đà và chạy đà.	- Thực hiện được kỹ thuật đo đà chạy đà, phối hợp giậm nhảy và bước bộ. - Tích cực, tự giác trong luyện tập.
7	13	Chạy cự li trung bình	<i>Phối hợp các giai đoạn trong chạy cự li trung bình.</i>	- Phối hợp các giai đoạn trong chạy cự ly trung bình.	- Thực hiện được các yêu cầu về phối hợp chạy giữa quãng và chạy về đích; phối hợp được các giai đoạn chạy cự li trung bình. - Chủ động, kiên trì, tích cực, tự giác trong luyện tập.
	14	Nhảy xa kiểu ngồi	<i>Kỹ thuật bay trên không và rơi xuống cát.</i>	- Kỹ thuật bay trên không. - Trò chơi phát triển sức mạnh.	- Nhận biết được kỹ thuật và cách luyện tập giai đoạn bay trên không. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
8	15	Chạy cự li trung bình	<i>Phối hợp các giai đoạn trong chạy cự li trung bình.</i>	- Ôn phối hợp các giai đoạn trong chạy cự ly trung bình. - Trò chơi phát triển sức bền.	- Phối hợp được các giai đoạn trong chạy cự ly trung bình - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	16	Nhảy xa kiểu ngồi	<i>Kỹ thuật bay trên không và rơi xuống cát.</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn kỹ thuật bay trên không.</li> <li>- Kỹ thuật rơi xuống cát.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện và phối hợp được kỹ thuật giai đoạn bay trên không và rơi xuống đất.</li> <li>- Tích cực, chủ động trong luyện tập.</li> <li>- Chủ động, nghiêm túc giữ gìn an toàn trong luyện tập.</li> </ul>
9	17	Chạy cự li trung bình	<i>Phối hợp các giai đoạn trong chạy cự li trung bình.</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn phối hợp các giai đoạn trong chạy cự li trung bình.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được các yêu cầu về phối hợp chạy giữa quãng và chạy về đích; phối hợp được các giai đoạn chạy cự li trung bình.</li> <li>- Chủ động, kiên trì, tích cực, tự giác trong luyện tập.</li> </ul>
	18	Nhảy xa kiểu ngồi	<i>Kỹ thuật bay trên không và rơi xuống cát.</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn kỹ thuật rơi xuống cát.</li> <li>- Trò chơi phát triển sức mạnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện và phối hợp được kỹ thuật giai đoạn bay trên không và rơi xuống đất.</li> <li>- Chủ động, nghiêm túc giữ gìn an toàn trong luyện tập.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
10	19	Nhảy xa kiểu ngồi	<i>Kỹ thuật bay trên không và rơi xuống cát.</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn kỹ thuật bay trên không và rơi xuống cát.</li> <li>- Trò chơi phát triển sức mạnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện và phối hợp được kỹ thuật giai đoạn bay trên không và rơi xuống đất.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
	20	<b>KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I (CCLTB)</b>			
11	21	Nhảy xa kiểu ngồi	<i>Phối hợp các giai đoạn kỹ thuật nhảy xa kiểu ngồi</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phối hợp các giai đoạn kỹ thuật nhảy xa kiểu ngồi.</li> <li>- Trò chơi phát triển sức mạnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được nội dung và cách luyện tập phối hợp các giai đoạn của kỹ thuật nhảy xa kiểu ngồi.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu</li> </ul>

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
					của giáo viên.
	22	<b>Bài Tập Thể Dục</b>	<i>Bài thể dục liên hoàn (từ nhịp 1 đến nhịp 10)</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài thể dục liên hoàn từ nhịp 1 đến nhịp 10.</li> <li>- Trò chơi phát triển khéo léo.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được động tác và biết cách thực hiện từ nhịp 1- 10.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
<b>12</b>	23	<b>Nhảy xa kiểu ngồi</b>	<i>Phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy xa kiểu ngồi</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy xa kiểu ngồi.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết cách phối hợp các giai đoạn của kĩ thuật nhảy xa kiểu ngồi.</li> <li>- Tích cực, chủ động trong luyện tập</li> </ul>
	24	<b>Bài Tập Thể Dục</b>	<i>Bài thể dục liên hoàn (từ nhịp 1 đến nhịp 10)</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn bài thể dục liên hoàn từ nhịp 1 đến nhịp 10.</li> <li>- Trò chơi phát triển khéo léo.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được các nhịp đúng trình tự và nhịp điệu. Biết tự sửa sai động tác thông qua quan sát bạn bè và tranh ảnh.</li> <li>- Chủ động, tích cực phối hợp nhóm trong luyện tập.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
<b>13</b>	25	<b>Nhảy xa kiểu ngồi</b>	<i>Phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy xa kiểu ngồi.</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy xa kiểu ngồi.</li> <li>- Trò chơi phát triển sức mạnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phối hợp được các giai đoạn của kĩ thuật nhảy xa kiểu ngồi.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
	26	<b>Bài Tập Thể Dục</b>	<i>Bài thể dục liên hoàn (từ nhịp 11 đến nhịp 20)</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài thể dục liên hoàn từ nhịp 11 đến nhịp 20.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được động tác và biết cách thực hiện từ nhịp 11- 20.</li> <li>- Tích cực, tự giác trong luyện tập.</li> </ul>
<b>14</b>	27	<b>Nhảy xa kiểu ngồi</b>	<i>Phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy xa kiểu ngồi.</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy xa kiểu ngồi.</li> <li>- Một số điều luật trong thi đấu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phối hợp được các giai đoạn của kĩ thuật nhảy xa kiểu ngồi.</li> <li>- Tích cực, chủ động trong luyện tập</li> <li>- Biết được một số điều luật trong thi đấu</li> </ul>

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
				điền kinh.	điền kinh.
	28	<b>Bài Tập Thể Dục</b>	<b><i>Bài thể dục liên hoàn (từ nhịp 11 đến nhịp 20).</i></b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn bài thể dục liên hoàn từ nhịp 1 đến nhịp 20.</li> <li>- Trò chơi phát triển khéo léo.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được các nhịp đúng trình tự và nhịp điệu. Biết tự sửa sai động tác thông qua quan sát bạn bè và tranh ảnh.</li> <li>- Chủ động, tích cực phối hợp nhóm trong luyện tập.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
<b>15</b>	29	<b>TTTC (Bóng chuyền)</b>	<b><i>Kĩ thuật đệm bóng bằng hai tay</i></b>	Đệm bóng bằng hai tay( Một người tung – một người đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân	Thực hiện được đệm bóng bằng hai tay( Một người tung – một người đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân
	30	<b>Bài Tập Thể Dục</b>	<b><i>Bài thể dục liên hoàn (từ nhịp 21 đến nhịp 30).</i></b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài thể dục liên hoàn từ nhịp 21 đến nhịp 30.</li> <li>- Trò chơi phát triển khéo léo.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được động tác và biết cách thực hiện từ nhịp 21- 30.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
<b>16</b>	31	<b>TTTC (Bóng chuyền)</b>	<b><i>Kĩ thuật đệm bóng bằng hai tay</i></b>	Đệm bóng bằng hai tay( Một người tung – một người đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân	Thực hiện được đệm bóng bằng hai tay( Một người tung – một người đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân
	32	<b>Bài Tập Thể Dục</b>	<b><i>Bài thể dục liên hoàn (từ nhịp 21 đến nhịp 30).</i></b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn bài thể dục liên hoàn từ nhịp 1 đến nhịp 30.</li> <li>- Trò chơi phát triển khéo léo.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được các nhịp đúng trình tự và nhịp điệu. Biết tự sửa sai động tác thông qua quan sát bạn bè và tranh ảnh.</li> <li>- Chủ động, tích cực phối hợp nhóm trong luyện tập.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
		<b>TTTC</b>	<b><i>Kĩ thuật đệm bóng</i></b>	Đệm bóng bằng hai tay( Một người	Thực hiện được đệm bóng bằng hai tay(

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
17	33	(Bóng chuyền)	<i>bằng hai tay</i>	tung – một người đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân	Một người tung – một người đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân
	34	<b>Bài Tập Thể Dục</b>	<i>Bài thể dục liên hoàn (từ nhịp 1 đến nhịp 30).</i>	- Ôn bài thể dục liên hoàn từ nhịp 1 đến nhịp 30.  - Trò chơi phát triển khéo léo.	- Thực hiện được các nhịp đúng trình tự và nhịp điệu từ nhịp 1 đến 30. Biết tự sửa sai động tác thông qua quan sát bạn bè và tranh ảnh. - Chủ động, tích cực phối hợp nhóm trong luyện tập. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
18	35	<b>TTTC (Bóng chuyền)</b>	<i>Kỹ thuật đệm bóng bằng hai tay . Phát bóng thấp tay chính diện</i>	- Đệm bóng bằng hai tay( Một người tung – một người đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân) - Phát bóng thấp tay chính diện: Động tác tay không:Tung bóng, vung tay, chuyển trọng tâm; Đứng đối diện thành từng cặp cách 6-8m phát bóng cho nhau; đứng hai bên lưới cách lưới 5-6m phát bóng cho nhau	Thực hiện được - Đệm bóng bằng hai tay( Một người tung – một người đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân) - Phát bóng thấp tay chính diện: Động tác tay không:Tung bóng, vung tay, chuyển trọng tâm; Đứng đối diện thành từng cặp cách 6-8m phát bóng cho nhau; đứng hai bên lưới cách lưới 5-6m phát bóng cho nhau
	36	<b>KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I</b> <i>(Bài Thể Dục Liên Hoàn)</i>			<b>Thực hiện các nhịp đúng trình tự và nhịp độ.</b>
19	37	<b>Chạy cự ly ngắn</b>	<i>Phối hợp trong giai đoạn xuất phát cao và chạy lao sau xuất phát.</i>	- Phối hợp trong giai đoạn xuất phát cao và chạy lao sau xuất phát.  - Trò chơi phát triển sức mạnh.	- Nhận biết được nội dung, yêu cầu hợp trong giai đoạn xuất phát cao và chạy lao sau xuất phát. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu



Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
					của giáo viên.
	38	<b>TTTC (Bóng chuyên)</b>	<i>Kỹ thuật đệm bóng bằng hai tay . Phát bóng thấp tay chính diện</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đệm bóng bằng hai tay( Một người tung – một người đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân)</li> <li>- Phát bóng thấp tay chính diện: Động tác tay không:Tung bóng, vung tay, chuyển trọng tâm; Đứng đối diện thành từng cặp cách 6-8m phát bóng cho nhau; đứng hai bên lưới cách lưới 5-6m phát bóng cho nhau</li> </ul>	Thực hiện được <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đệm bóng bằng hai tay( Một người tung – một người đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân)</li> <li>- Phát bóng thấp tay chính diện: Động tác tay không:Tung bóng, vung tay, chuyển trọng tâm; Đứng đối diện thành từng cặp cách 6-8m phát bóng cho nhau; đứng hai bên lưới cách lưới 5-6m phát bóng cho nhau</li> </ul>
20	39	<b>Chạy cự ly ngắn</b>	<i>Phối hợp trong giai đoạn xuất phát cao và chạy lao sau xuất phát.</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số điểm lưu ý về kỹ thuật trong xuất phát cao và chạy lao sau xuất phát.</li> <li>- Trò chơi phát triển sức mạnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được nội dung và biết cách thực hiện về kỹ thuật trong xuất phát cao và chạy lao sau xuất phát.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
	40	<b>TTTC (Bóng chuyên)</b>	<i>Kỹ thuật đệm bóng bằng hai tay . Phát bóng thấp tay chính diện</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đệm bóng bằng hai tay( Một người tung – một người đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân)</li> <li>- Phát bóng thấp tay chính diện: Động tác tay không:Tung bóng, vung tay, chuyển trọng tâm; Đứng đối diện thành từng cặp cách 6-8m phát bóng cho nhau; đứng hai bên lưới cách lưới 5-6m phát bóng cho nhau</li> </ul>	Thực hiện được <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đệm bóng bằng hai tay( Một người tung – một người đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân)</li> <li>- Phát bóng thấp tay chính diện: Động tác tay không:Tung bóng, vung tay, chuyển trọng tâm; Đứng đối diện thành từng cặp cách 6-8m phát bóng cho nhau; đứng hai bên lưới cách lưới 5-6m phát bóng cho nhau</li> </ul>
		<b>Chạy cự ly</b>	<i>Phối hợp trong giai</i>	- Phối hợp chạy lao sau xuất phát	- Nhận biết được nội dung yêu cầu phối



Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
21	41	<b>ngắn</b>	<i>đoạn chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng.</i>	và chạy giữa quãng. - Trò chơi phát triển sức mạnh.	hợp giai đoạn chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	42	<b>TTTC (Bóng chuyền)</b>	<i>Kỹ thuật đệm bóng bằng hai tay . Phát bóng thấp tay chính diện</i>	- Đệm bóng bằng hai tay( Một người tung – một người đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân) - Phát bóng thấp tay chính diện: Động tác tay không:Tung bóng, vung tay, chuyển trọng tâm; Đứng đối diện thành từng cặp cách 6-8m phát bóng cho nhau; đứng hai bên lưới cách lưới 5-6m phát bóng cho nhau	Thực hiện được - Đệm bóng bằng hai tay( Một người tung – một người đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân) - Phát bóng thấp tay chính diện: Động tác tay không:Tung bóng, vung tay, chuyển trọng tâm; Đứng đối diện thành từng cặp cách 6-8m phát bóng cho nhau; đứng hai bên lưới cách lưới 5-6m phát bóng cho nhau
22	43	<b>Chạy cự ly ngắn</b>	<i>Phối hợp trong giai đoạn chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng.</i>	- Một số điểm lưu ý về kỹ thuật trong phối hợp chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng. - Trò chơi phát triển sức mạnh.	- Biết cách thực hiện kỹ thuật trong phối hợp chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	44	<b>TTTC (Bóng chuyền)</b>	<i>Kỹ thuật đệm bóng bằng hai tay . Phát bóng thấp tay chính diện</i>	- Đệm bóng bằng hai tay( Một người tung – một người đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân) - Phát bóng thấp tay chính diện: Động tác tay không:Tung bóng, vung tay, chuyển trọng tâm; Đứng đối diện thành từng cặp cách 6-8m phát bóng cho nhau; đứng hai bên	Thực hiện được - Đệm bóng bằng hai tay( Một người tung – một người đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân) - Phát bóng thấp tay chính diện: Động tác tay không:Tung bóng, vung tay, chuyển trọng tâm; Đứng đối diện thành từng cặp cách 6-8m phát bóng cho nhau; đứng hai

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
				lưới cách lưới 5-6m phát bóng cho nhau	bên lưới cách lưới 5-6m phát bóng cho nhau
23	45	Chạy cự ly ngắn	<i>Phối hợp trong giai đoạn chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng.</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn phối hợp trong giai đoạn chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng.</li> <li>- Một số điều luật trong thi đấu điền kinh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết cách phối hợp trong giai đoạn chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng.</li> <li>- Biết được số điều luật trong thi đấu điền kinh.</li> </ul>
	46	TTTC (Bóng chuyền)	<i>Kỹ thuật đệm bóng bằng hai tay . Phát bóng thấp tay chính diện</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đệm bóng bằng hai tay( Một người tung – một người đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân)</li> <li>- Phát bóng thấp tay chính diện: Động tác tay không:Tung bóng, vung tay, chuyển trọng tâm; Đứng đối diện thành từng cặp cách 6-8m phát bóng cho nhau; đứng hai bên lưới cách lưới 5-6m phát bóng cho nhau</li> </ul>	Thực hiện được <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đệm bóng bằng hai tay( Một người tung – một người đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân)</li> <li>- Phát bóng thấp tay chính diện: Động tác tay không:Tung bóng, vung tay, chuyển trọng tâm; Đứng đối diện thành từng cặp cách 6-8m phát bóng cho nhau; đứng hai bên lưới cách lưới 5-6m phát bóng cho nhau</li> </ul>
24	47	Chạy cự ly ngắn	<i>Phối hợp các giai đoạn chạy cự li ngắn (60m)</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phối hợp chạy giữa quãng và về đích.</li> <li>- Trò chơi phát triển sức mạnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được nội dung, yêu cầu luyện tập phối hợp các giai đoạn chạy cự li ngắn.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
	48	TTTC (Bóng chuyền)	<i>Kỹ thuật đệm bóng bằng hai tay . Phát bóng thấp tay chính diện</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đệm bóng bằng hai tay( Một người tung – một người đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân)</li> <li>- Phát bóng thấp tay chính diện: Động tác tay không:Tung bóng,</li> </ul>	Thực hiện được <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đệm bóng bằng hai tay( Một người tung – một người đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân)</li> <li>- Phát bóng thấp tay chính diện: Động tác</li> </ul>

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
				vung tay, chuyển trọng tâm; Đứng đối diện thành từng cặp cách 6-8m phát bóng cho nhau; đứng hai bên lưới cách lưới 5-6m phát bóng cho nhau	tay không:Tung bóng, vung tay, chuyển trọng tâm; Đứng đối diện thành từng cặp cách 6-8m phát bóng cho nhau; đứng hai bên lưới cách lưới 5-6m phát bóng cho nhau
25	49	Chạy cự ly ngắn	<i>Phối hợp các giai đoạn chạy cự li ngắn (60m)</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phối hợp các giai đoạn chạy cự ly ngắn (60m).</li> <li>- Trò chơi phát triển sức mạnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện và phối hợp được các giai đoạn của chạy cự li ngắn (60m).</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
	50	TTTC (Bóng chuyền)	<i>Kỹ thuật đệm bóng bằng hai tay . Phát bóng thấp tay chính diện</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đệm bóng bằng hai tay( Một người tung – một người đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân)</li> <li>- Phát bóng thấp tay chính diện: Động tác tay không:Tung bóng, vung tay, chuyển trọng tâm; Đứng đối diện thành từng cặp cách 6-8m phát bóng cho nhau; đứng hai bên lưới cách lưới 5-6m phát bóng cho nhau</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện được</li> <li>- Đệm bóng bằng hai tay( Một người tung – một người đệm; Từng người thực hiện đệm bóng cá nhân)</li> <li>- Phát bóng thấp tay chính diện: Động tác tay không:Tung bóng, vung tay, chuyển trọng tâm; Đứng đối diện thành từng cặp cách 6-8m phát bóng cho nhau; đứng hai bên lưới cách lưới 5-6m phát bóng cho nhau</li> </ul>
26	51	Chạy cự ly ngắn	<i>Phối hợp các giai đoạn chạy cự li ngắn (60m)</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số điểm lưu ý về kỹ thuật trong phối hợp các giai đoạn chạy cự ly ngắn.</li> <li>- Trò chơi phát triển sức mạnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết cách duy trì tốc độ cao nhất bằng cách duy trì tần số và độ dài bước chạy...</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
	52	TTTC (Bóng chuyền)	<i>Ôn kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng cao tay</i>	Kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng cao tay bằng hai tay.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được và thuần thục: Kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng cao tay bằng hai tay.</li> </ul>

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
			<i>bằng hai tay.</i>		
27	53	<b>Chạy cự ly ngắn</b>	<i>Phối hợp các giai đoạn chạy cự li ngắn (60m)</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn phối hợp các giai đoạn chạy cự li ngắn (60m)</li> <li>- Trò chơi phát triển sức mạnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết cách phối hợp được các giai đoạn trong chạy cự li ngắn (60m).</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
	54	<b>TTTC (Bóng chuyền)</b>	<i>Ôn kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng cao tay bằng hai tay.</i>	Kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng cao tay bằng hai tay.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được và thuần thục: Kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng cao tay bằng hai tay.</li> </ul>
28	55	<b>KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II (NỘI DUNG CCLN 60m)</b>			
	56	<b>TTTC (Bóng chuyền)</b>	<i>Ôn kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng cao tay bằng hai tay.</i>	Kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng cao tay bằng hai tay.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được và thuần thục: Kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng cao tay bằng hai tay.</li> </ul>
29	57	<b>TTTC (Bóng chuyền)</b>	<i>Ôn kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng cao tay bằng hai tay.</i>	Kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng cao tay bằng hai tay.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được và thuần thục: Kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng cao tay bằng hai tay.</li> </ul>
	58	<b>TTTC (Bóng chuyền)</b>	<i>Ôn kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng cao tay bằng hai tay.</i>	Kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng cao tay bằng hai tay.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được và thuần thục: Kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng cao tay bằng hai tay.</li> </ul>
		<b>TTTC</b>	<i>Chuyền bóng. Đệm bóng, Phát bóng thấp</i>	Chuyền bóng cao tay bằng hai tay. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay	Thực hiện được và thuần thục:

<b>Tuần</b>	<b>Tiết</b>	<b>Chủ đề</b>	<b>Tên bài</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Yêu cầu cần đạt</b>
<b>30</b>	59	<b>(Bóng chuyền)</b>	<i>tay nghiêng mình.</i>	nghiêng mình.	-Chuyền bóng cao tay bằng hai tay. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.
	60	<b>TTTC (Bóng chuyền)</b>	<b><i>Chuyền bóng. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.</i></b>	Chuyền bóng cao tay bằng hai tay. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.	Thực hiện được và thuần thục: -Chuyền bóng cao tay bằng hai tay. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.
<b>31</b>	61	<b>TTTC (Bóng chuyền)</b>	<b><i>Chuyền bóng. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.</i></b>	Chuyền bóng cao tay bằng hai tay. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.	Thực hiện được và thuần thục: -Chuyền bóng cao tay bằng hai tay. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.
	62	<b>TTTC (Bóng chuyền)</b>	<b><i>Chuyền bóng. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.</i></b>	Chuyền bóng cao tay bằng hai tay. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.	Thực hiện được và thuần thục: -Chuyền bóng cao tay bằng hai tay. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.
<b>32</b>	63	<b>TTTC (Bóng chuyền)</b>	<b><i>Chuyền bóng. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.</i></b>	Chuyền bóng cao tay bằng hai tay. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.	Thực hiện được và thuần thục: -Chuyền bóng cao tay bằng hai tay. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.
	64	<b>TTTC (Bóng chuyền)</b>	<b><i>Chuyền bóng. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.</i></b>	Chuyền bóng cao tay bằng hai tay. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.	Thực hiện được và thuần thục: -Chuyền bóng cao tay bằng hai tay. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.
	65	<b>TTTC (Bóng chuyền)</b>	<b><i>Chuyền bóng. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.</i></b>	Chuyền bóng cao tay bằng hai tay. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.	Thực hiện được và thuần thục: -Chuyền bóng cao tay bằng hai tay. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
33					
	66	<b>TTTC (Bóng chuyền)</b>	<i>Chuyên bóng. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.</i>	Chuyên bóng cao tay bằng hai tay. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.	Thực hiện được và thuần thục: -Chuyên bóng cao tay bằng hai tay. Đệm bóng, Phát bóng thấp tay nghiêng mình.
34	67	<b>KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II (TTTC Bóng Chuyền)</b>			
	68	<b>Kiểm tra (TLCN)</b>	<i>Nội dung 1&amp;2</i>	- Bật xa tại chỗ - Nằm ngửa gập bụng	Thực hiện Theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008
35	69	<b>Kiểm tra (TLCN)</b>	<i>Nội dung 3</i>	Chạy 30m xuất phát cao	Thực hiện Theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008
	70	<b>Kiểm tra (TLCN)</b>	<i>Nội dung 4</i>	Chạy tùy sức 5 phút	Thực hiện Theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008

## 2.2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 10	Chạy cự li trung bình	Thực hành
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 18	Bài thể dục liên hoàn	Thực hành
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 28	Chạy cự li ngắn (60m)	Thực hành
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 35	Thể Thao Tự Chọn (Bồng rổ)	Thực hành

## 3. Các nhiệm vụ khác

### Bồi dưỡng học sinh năng khiếu

STT (1)	Nội dung (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Yêu cầu cần đạt (5)	Thiết bị dạy học (6)	Địa điểm dạy học (7)
1	Cầu lông	20	Từ tuần 2	- Nhận biết được KT	- Vợt, cầu	- Nhà đa

				phát cầu cao tay, thấp tay - Biết cách thực hiện KT lớp cầu thuận tay sau...		năng.
--	--	--	--	---	--	-------

### V.3. KHỐI 8

#### 1. Đặc điểm tình hình

1.1. Số lớp: 2; Số học sinh: 59;

1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 01; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 0; Đại học: 01; Trên đại học: 0.

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: 01; Khá: 0; Đạt: 0; Chưa đạt: 0

#### 1.3. Thiết bị dạy học:

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Còi	02 cái	Dùng cho dạy học	
2	Bộ tranh/ảnh về các kỹ thuật trong GDTC lớp 8	02 bộ	Quan sát đặc điểm cơ bản của thể loại tranh theo chủ đề	
3	Bộ tranh/ảnh về các loại thức ăn và vệ sinh trong thể thao	02 bộ	Tìm hiểu về kiến thức thể thao và vệ sinh thể thao.	
4	Giày, đồng phục	04 bộ	Dùng cho dạy học	
5	Bộ dụng cụ dành cho nội dung chạy cự li ngắn.	2 bộ	Chạy cự li ngắn	
6	Bộ dụng cụ dành cho nội dung chạy cự li trung bình	2 bộ	Chạy cự li trung bình	
7	Bộ tranh, dụng cụ dành cho nội dung nhảy cao	2 bộ	Nhảy cao	
8	Bộ dụng cụ dành cho nội dung TTTC	2 bộ	TTTC	

#### 1.4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Sân trường, nhà đa năng	01	Dùng học các môn thực hành thể thao	

## 2. Kế hoạch dạy học

### 2.1. Phân phối chương trình

<b>Cả năm</b>	<b>35 tuần (70 tiết)</b>
<b>Học kỳ I</b>	<b>18 tuần (36 tiết)</b>
<b>Học kỳ II</b>	<b>17 tuần (34 tiết)</b>



Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<b>HỌC KỲ 1</b>					
<b>1</b>	<b>1</b>	<b>Chạy cự li trung bình</b>	<b><i>Bài tập bổ trợ trong chạy giữa quãng.</i></b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài tập bổ trợ trong chạy giữa quãng.</li> <li>- Trò chơi phát triển sức bền</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được mục đích, tác dụng và thực hiện được các bài tập bổ trợ trong chạy giữa quãng và cách tập luyện.</li> <li>- Biết cách và tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
	<b>2</b>	<b>Nhảy cao kiểu bước qua.</b>	<b><i>Kỹ thuật giậm nhảy đá lăng.</i></b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giậm nhảy đá lăng.</li> <li>- Một số động tác bổ trợ giậm nhảy đá lăng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được mục đích, nội dung, yêu cầu trong luyện tập kỹ thuật giậm nhảy đá lăng.</li> <li>- Thực hiện được các động tác bổ trợ giậm nhảy đá lăng.</li> </ul>
<b>2</b>	<b>3</b>	<b>Chạy cự li trung bình</b>	<b><i>Bài tập bổ trợ trong chạy giữa quãng.</i></b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khắc phục hiện tượng “cực điểm” trong chạy cự ly trung bình.</li> <li>- Trò chơi phát triển sức bền.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết cách khắc phục hiện tượng “cực điểm” trong chạy cự ly trung bình.</li> <li>- Kiên trì, nỗ lực khắc phục mệt mỏi trong luyện tập.</li> <li>- Biết cách và tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
	<b>4</b>	<b>Nhảy cao kiểu bước qua.</b>	<b><i>Kỹ thuật giậm nhảy đá lăng.</i></b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn kỹ thuật giậm nhảy đá lăng.</li> <li>- Trò chơi phát triển sức mạnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được kỹ thuật giậm nhảy đá lăng.</li> <li>- Chủ động trong học tập và đảm bảo an toàn luyện tập.</li> <li>- Biết cách và tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
<b>3</b>	<b>5</b>	<b>Chạy cự li trung bình</b>	<b><i>Bài tập bổ trợ trong xuất phát và tăng tốc độ sau xuất phát.</i></b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài tập bổ trợ trong xuất phát và tăng tốc độ sau xuất phát.</li> <li>- Trò chơi phát triển sức bền.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được mục đích, tác dụng của bài tập bổ trợ xuất phát và tăng tốc độ sau xuất phát.</li> <li>- Biết cách và tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	6	Nhảy cao kiểu bước qua.	<i>Kĩ thuật giậm nhảy đá lăng.</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn kĩ thuật giậm nhảy đá lăng.</li> <li>- Một số điều luật trong thi đấu nhảy cao.</li> <li>- Trò chơi phát triển sức mạnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết tự sửa sai cho nhau khi thực hiện kĩ thuật giậm nhảy đá lăng.</li> <li>- Biết được số điều luật trong thi đấu nhảy cao.</li> <li>- Biết cách và tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
4	7	Chạy cự li trung bình	<i>Bài tập bổ trợ trong xuất phát và tăng tốc độ sau xuất phát.</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài tập bổ trợ trong xuất phát và tăng tốc độ sau xuất phát.</li> <li>- Trò chơi phát triển sức bền.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết cách luyện tập các bài tập bổ trợ xuất phát và tăng tốc độ sau xuất phát.</li> <li>- Biết cách và tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
	8	Nhảy cao kiểu bước qua.	<i>Kĩ thuật chạy đà kết hợp với giậm nhảy.</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cách xác định hướng chạy đà, điểm giậm nhảy và cách đo đà.</li> <li>- Trò chơi phát triển sức mạnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được hướng chạy đà, điểm giậm nhảy và cách đo đà.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
5	9	Chạy cự li trung bình	<i>Bài tập bổ trợ trong xuất phát và tăng tốc độ sau xuất phát.</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số điều luật thi đấu chạy cự ly trung bình.</li> <li>- Trò chơi phát triển sức bền</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết một số điều luật thi đấu chạy cự ly trung bình, vận dụng trong luyện tập và thi đấu. Chủ động học hỏi và giúp đỡ bạn.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
	10	Nhảy cao kiểu bước qua.	<i>Kĩ thuật chạy đà kết hợp với giậm nhảy.</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn hướng chạy đà, điểm giậm nhảy và cách đo đà.</li> <li>- Kĩ thuật chạy đà và kết hợp với giậm nhảy.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết cách luyện tập chạy đà, điểm giậm nhảy và cách đo đà.</li> <li>- Nhận biết kĩ thuật chạy đà và kết hợp với giậm nhảy.</li> </ul>
6	11	Chạy cự li trung bình	<i>Phối hợp các giai đoạn chạy cự li trung bình.</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phối hợp chạy giữa quãng và chạy về đích.</li> <li>- Trò chơi phát triển sức bền.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết cách luyện tập và tổ chức luyện tập các bài tập phối hợp chạy giữa quãng và chạy về đích.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	12	Nhảy cao kiểu bước qua.	<i>Kỹ thuật chạy đà kết hợp với giậm nhảy.</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn kỹ thuật chạy đà kết hợp với giậm nhảy.</li> <li>- Trò chơi phát triển sức mạnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được kỹ thuật chạy đà, kết hợp giậm nhảy. Hoàn thành LVĐ</li> <li>- Sẵn sàng giúp đỡ và chia sẻ kinh nghiệm học tập với các bạn.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
7	13	Chạy cự li trung bình	<i>Phối hợp các giai đoạn chạy cự li trung bình.</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phối hợp các giai đoạn của kỹ thuật chạy cự ly trung bình.</li> <li>- Trò chơi phát triển sức bền.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết cách luyện tập và tổ chức luyện tập các bài tập phối hợp các giai đoạn chạy cự ly trung bình.</li> <li>- Hoàn thành được LVĐ của các bài tập trong quá trình luyện tập.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
	14	Nhảy cao kiểu bước qua.	<i>Kỹ thuật trên không và rơi xuống cát (đệm).</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ thuật trên không.</li> <li>- Trò chơi phát triển sức mạnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được kỹ thuật trên không trong nhảy cao kiểu bước qua.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
8	15	Chạy cự li trung bình	<i>Phối hợp các giai đoạn chạy cự li trung bình.</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn phối hợp các giai đoạn chạy cự ly trung bình.</li> <li>- Trò chơi phát triển sức bền.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phối hợp được các giai đoạn trong chạy cự ly trung bình.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
	16	Nhảy cao kiểu bước qua.	<i>Kỹ thuật trên không và rơi xuống cát (đệm).</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn kỹ thuật trên không. Kỹ thuật rơi xuống cát (đệm).</li> <li>- Trò chơi phát triển sức mạnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được kỹ thuật rơi xuống cát (đệm). Biết cách phối hợp kỹ thuật trên không và rơi xuống cát (đệm).</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
	17	Chạy cự li trung bình	<i>Phối hợp các giai đoạn chạy cự li trung bình.</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn phối hợp các giai đoạn trong chạy cự ly trung bình.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết cách phối hợp các giai đoạn trong chạy cự ly trung bình.</li> </ul>

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
9			<i>bình.</i>	- Trò chơi phát triển sức bền.	- Chủ động, tích cực, rèn luyện sức bền để nâng cao sức khoẻ. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	18	<b>Nhảy cao kiểu bước qua.</b>	<i>Kỹ thuật trên không và rơi xuống cát (đệm).</i>	- Ôn kỹ thuật trên không và rơi xuống cát (đệm).  - Trò chơi phát triển sức mạnh.	- Thực hiện và phối hợp được kỹ thuật giai đoạn trên không và rơi xuống cát (đệm). - Có sự phát triển về năng lực phối hợp vận động và nhịp điệu. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
10	19	<b>Nhảy cao kiểu bước qua.</b>	<i>Kỹ thuật trên không và rơi xuống cát (đệm).</i>	- Ôn kỹ thuật trên không và rơi xuống cát (đệm).  - Trò chơi phát triển sức mạnh.	- Thực hiện và phối hợp được kỹ thuật giai đoạn trên không và rơi xuống cát (đệm). Thường xuyên tự học và RLTT. - Tích cực, chủ động trong luyện tập. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	20	<b>KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I (CCLTB)</b>			
11	21	<b>Nhảy cao kiểu bước qua.</b>	<i>Phối hợp các giai đoạn kỹ thuật nhảy cao kiểu bước qua.</i>	- Phối hợp các giai đoạn kỹ thuật nhảy cao kiểu bước qua.  - Trò chơi phát triển sức mạnh.	- Nhận biết được nội dung và cách luyện tập phối hợp các giai đoạn của kỹ thuật nhảy cao kiểu bước qua. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	22	<b>Bài Tập Thể Dục</b>	<i>Bài thể dục nhịp điệu (động tác chạy tại chỗ, tay ngực. vươn người, bật tách chụm chân).</i>	- Động tác chạy tại chỗ - Động tác tay ngực - Trò chơi phát triển khéo léo.	- Nhận biết được động tác và biết cách thực hiện động tác chạy tại chỗ và tay ngực. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
		<b>Nhảy cao</b>	<i>Phối hợp các giai</i>	- Ôn phối hợp các giai đoạn kỹ thuật	- Biết cách tự luyện tập phối hợp các giai

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
12	23	kiểu bước qua.	<i>đoạn kĩ thuật nhảy cao kiểu bước qua.</i>	nhảy cao kiểu bước qua.  - Trò chơi phát triển sức mạnh.	đoạn của kĩ thuật nhảy cao kiểu bước qua. - Tích cực, chủ động trong luyện tập. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	24	Bài Tập Thể Dục	<i>Bài thể dục nhịp điệu (động tác chạy tại chỗ, tay ngực. vươn người, bật tách chụm chân).</i>	- Ôn động tác chạy tại chỗ và tay ngực. - Động tác vươn người, động tác bật tách chụm chân.  - Trò chơi phát triển khéo léo.	- Thực hiện được các nhịp đúng trình tự và nhịp điệu. - Nhận biết được động tác và cách tập luyện động tác vươn người, động tác bật tách chụm chân. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
13	25	Nhảy cao kiểu bước qua.	<i>Phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy cao kiểu bước qua.</i>	- Ôn phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy cao kiểu bước qua.  - Trò chơi phát triển sức mạnh.	- Biết cách tự luyện tập phối hợp các giai đoạn của kĩ thuật nhảy cao kiểu bước qua. Có sự phát triển về sức mạnh bật phát, năng lực phối hợp vận động và nhịp điệu. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	26	Bài Tập Thể Dục	<i>Bài thể dục nhịp điệu (động tác chạy tại chỗ, tay ngực. vươn người, bật tách chụm chân).</i>	- Ôn động tác chạy tại chỗ và tay ngực, vươn người và động tác bật tách chụm chân.  - Trò chơi phát triển khéo léo.	- Thực hiện được động tác chạy tại chỗ và tay ngực, vươn người và động tác bật tách chụm chân. Biết điều khiển và nhận xét được kết quả luyện tập của các nhóm. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	27	Nhảy cao kiểu bước qua.	<i>Phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy cao kiểu bước qua.</i>	- Ôn phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy cao kiểu bước qua.  - Một số điều luật trong thi đấu	- Biết cách tự luyện tập phối hợp các giai đoạn kĩ thuật nhảy cao kiểu bước qua. - Chủ động tìm kiếm, tra cứu thông tin môn học. - Biết được một số điều luật trong nhảy

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
14				nhảy cao.	cao để luyện tập và thi đấu.
	28	Bài Tập Thể Dục	<i>Bài thể dục nhịp điệu (động tác lườn, bật nhảy co gối, di chuyển chéo, bật nhảy-tay cao).</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Động tác lườn, bật nhảy co gối</li> <li>- Trò chơi phát triển khéo léo.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được động tác và cách tập luyện động tác lườn, bật nhảy co gối. Chủ động, tích cực phối hợp nhóm trong luyện tập.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
15	29	TTTC (Bóng chuyền)	<i>Kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng cao tay bằng hai tay.</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện theo nhóm di chuyển, chuyền bóng cao tay bằng hai tay.</li> <li>- Trò chơi vận động</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết được mục đích, tác dụng và cách luyện tập các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng cao tay bằng hai tay.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
	30	Bài Tập Thể Dục	<i>Bài thể dục nhịp điệu (động tác lườn, bật nhảy co gối, di chuyển chéo, bật nhảy-tay cao).</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn động tác đã học</li> <li>- Động tác di chuyển chéo, bật nhảy- tay cao.</li> <li>- Trò chơi phát triển khéo léo.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện động tác đã học. Biết điều khiển và nhận xét được kết quả luyện tập của các nhóm.</li> <li>- Nhận biết được động tác và cách tập luyện động tác di chuyển chéo, bật nhảy-tay cao.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
16	31	TTTC (Bóng chuyền)	<i>Kỹ thuật chuyền bóng cao tay bằng hai tay, phát bóng thấp tay nghiêng mình.</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện theo nhóm chuyền bóng cao tay bằng hai tay, phát bóng thấp tay nghiêng mình.</li> <li>- Trò chơi vận động</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết cách thực hiện Kỹ thuật chuyền bóng cao tay bằng hai tay, phát bóng thấp tay nghiêng mình.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
	32	Bài Tập Thể Dục	<i>Bài thể dục nhịp điệu (động tác lườn, bật nhảy co gối, di</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn các động tác đã học</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được các động tác đã học. Chủ động, tích cực phối hợp nhóm trong luyện tập.</li> </ul>

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
			<i>chuyển chéo, bật nhảy-tay cao).</i>	- Trò chơi phát triển khéo léo.	- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
17	33	TTTC (Bóng chuyền)	<i>Kĩ thuật chuyển bóng cao tay bằng hai tay, phát bóng thấp tay nghiêng mình.</i>	- Thực hiện theo nhóm chuyển bóng cao tay bằng hai tay, phát bóng thấp tay nghiêng mình. - Trò chơi vận động	- Biết cách thực hiện Kĩ thuật chuyển bóng cao tay bằng hai tay, phát bóng thấp tay nghiêng mình. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	34	Bài Tập Thể Dục	<i>Bài thể dục nhịp điệu (động tác lườn, bật nhảy co gối, di chuyển chéo, bật nhảy-tay cao).</i>	- Ôn các động tác đã học  - Trò chơi phát triển khéo léo.	- Thực hiện được các động tác đã học. Có sự phát triển về năng lực liên kết vận động, năng lực nhịp điệu - Chủ động, tích cực sử dụng Bài tập thể dục nhịp điệu để RLSK. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
18	35	TTTC (Bóng chuyền)	<i>Kĩ thuật chuyển bóng cao tay bằng hai tay, phát bóng thấp tay nghiêng mình, đệm bóng.</i>	- chuyển bóng cao tay bằng hai tay, phát bóng thấp tay nghiêng mình, đệm bóng. - Trò chơi vận động	- Biết cách thực hiện kĩ thuật chuyển bóng cao tay bằng hai tay, phát bóng thấp tay nghiêng mình, đệm bóng. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	36	KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I (Bài Thể Dục nhịp điệu)			Thực hiện các nhịp đúng trình tự và nhịp độ.
	37	Chạy cự ly ngắn (100m)	<i>Xuất phát thấp và chạy lao sau xuất phát.</i>	- Bố trí bàn đạp và cách đóng bàn đạp. - Trò chơi phát triển sức mạnh.	- Nhận biết được, yêu cầu vị trí và cách đóng bàn đạp. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
19	38	TTTC (Bóng	<i>Kĩ thuật chuyển bóng cao tay bằng hai tay,</i>	- chuyển bóng cao tay bằng hai tay, phát bóng thấp tay nghiêng mình,	- Biết cách thực hiện kĩ thuật chuyển bóng cao tay bằng hai tay, phát bóng thấp tay



Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
		chuyên)	<i>phát bóng thấp tay nghiêng mình, đệm bóng.</i>	đệm bóng. - Trò chơi vận động	nghiêng mình, đệm bóng. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
20	39	Chạy cự ly ngắn (100m)	<i>Xuất phát thấp và chạy lao sau xuất phát.</i>	- Kỹ thuật xuất phát thấp. - Trò chơi phát triển sức nhanh.	- Nhận biết được nội dung và biết cách luyện tập kỹ thuật xuất phát thấp. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	40	TTTC (Bóng chuyên)	<i>Kỹ thuật đệm bóng, phát bóng thấp tay nghiêng mình, biết được một số điểm trong luật bóng chuyền, vận dụng vào đấu tập.</i>	Kỹ thuật đệm bóng, phát bóng thấp tay nghiêng mình, biết được một số điểm trong luật bóng chuyền, vận dụng vào đấu tập. - Trò chơi vận động	- Biết cách thực hiện kỹ thuật đệm bóng, phát bóng thấp tay nghiêng mình, biết được một số điểm trong luật bóng chuyền, vận dụng vào đấu tập. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
21	41	Chạy cự ly ngắn (100m)	<i>Xuất phát thấp và chạy lao sau xuất phát.</i>	- Kỹ thuật chạy lao sau xuất phát. -- Trò chơi phát triển sức nhanh.	- Nhận biết được nội dung và biết cách luyện tập kỹ thuật chạy lao sau xuất phát. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	42	TTTC (Bóng chuyên)	<i>Kỹ thuật đệm bóng, phát bóng thấp tay nghiêng mình, biết được một số điểm trong luật bóng chuyền, vận dụng vào đấu tập.</i>	Kỹ thuật đệm bóng, phát bóng thấp tay nghiêng mình, biết được một số điểm trong luật bóng chuyền, vận dụng vào đấu tập. - Trò chơi vận động	- Biết cách thực hiện kỹ thuật đệm bóng, phát bóng thấp tay nghiêng mình, biết được một số điểm trong luật bóng chuyền, vận dụng vào đấu tập. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
22	43	Chạy cự ly ngắn (100m)	<i>Phối hợp chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng.</i>	- Phối hợp chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng.	- Biết cách phối kỹ thuật chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng. Có sự phát triển về sức mạnh tốc độ.



Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
				- Trò chơi phát triển sức nhanh	- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	44	<b>TTTC (Bóng chuyền)</b>	<i>Thực hiện được bài tập phối hợp, vận dụng vào đấu tập.</i>	Bài tập phối hợp, vận dụng vào đấu tập.	- Thực hiện được bài tập phối hợp, vận dụng vào đấu tập.
23	45	<b>Chạy cự ly ngắn (100m)</b>	<i>Phối hợp chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng.</i>	- Ôn phối hợp chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng.  - Trò chơi phát triển sức nhanh	- Thực hiện được kỹ thuật phối hợp chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng. Có sự phát triển về sức mạnh tốc độ và năng lực phối hợp vận động. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	46	<b>TTTC (Bóng chuyền)</b>	<i>Bài tập phối hợp (bài 1), thực hiện được bài tập phối hợp (bài tập 2), vận dụng vào đấu tập.</i>	- Bài tập phối hợp (bài 1), thực hiện được bài tập phối hợp (bài tập 2), vận dụng vào đấu tập. - Trò chơi vận động.	- Thực hiện được bài tập phối hợp (bài 1), thực hiện được bài tập phối hợp (bài tập 2), vận dụng vào đấu tập. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
24	47	<b>Chạy cự ly ngắn (100m)</b>	<i>Phối hợp chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng.</i>	- Ôn phối hợp xuất phát, chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng.  - Một số điều luật trong thi đấu chạy cự li ngắn. - Trò chơi phát triển sức nhanh	- Thực hiện được kỹ thuật phối hợp chạy lao sau xuất phát và chạy giữa quãng. Chủ động và nỗ lực hoàn thành nội dung học tập. - Biết được số điều luật trong thi đấu chạy cự li ngắn. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	48	<b>TTTC (Bóng chuyền)</b>	<i>Bài tập phối hợp (bài tập 2), vận dụng vào đấu tập.</i>	- Bài tập phối hợp (bài tập 2), vận dụng vào đấu tập.  - Trò chơi vận động	- Thực hiện được bài tập phối hợp (bài tập 2), vận dụng vào đấu tập. - Tích cực, chủ động hợp tác với bạn bè. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
					của giáo viên.
25	49	Chạy cự ly ngắn (100m)	<i>Phối hợp các giai đoạn chạy cự li ngắn.</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phối hợp giữa chạy giữa quãng và chạy về đích.</li> <li>- Trò chơi phát triển sức nhanh</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết cách luyện tập phối hợp giữa chạy giữa quãng và chạy về đích.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
	50	TTTC (Bóng chuyền)	<i>Bài tập phối hợp (bài tập 3), vận dụng vào đấu tập.</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài tập phối hợp (bài tập 3), vận dụng vào đấu tập.</li> <li>- Trò chơi vận động</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được bài tập phối hợp (bài tập 3), vận dụng vào đấu tập.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
26	51	Chạy cự ly ngắn (100m)	<i>Phối hợp các giai đoạn chạy cự li ngắn.</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phối hợp các giai đoạn chạy cự ly ngắn.</li> <li>- Trò chơi phát triển sức nhanh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết cách luyện tập phối hợp các giai đoạn cự ly ngắn. Biết điều khiển tổ, nhóm luyện tập và nhận xét kết quả.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
	52	TTTC (Bóng chuyền)	<i>Bài tập phối hợp (bài tập 3), vận dụng vào đấu tập.</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài tập phối hợp (bài tập 3), vận dụng vào đấu tập.</li> <li>- Trò chơi vận động</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được bài tập phối hợp (bài tập 3), vận dụng vào đấu tập.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
27	53	Chạy cự ly ngắn (100m)	<i>Phối hợp các giai đoạn chạy cự li ngắn.</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn phối hợp các giai đoạn chạy cự li ngắn (100m)</li> <li>- Trò chơi phát triển sức nhanh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phối hợp được các giai đoạn trong chạy cự li ngắn. Có sự phát triển về thể lực, sức mạnh tốc độ, khả năng duy trì các bước chạy.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
	54	TTTC (Bóng chuyền)	<i>Bài tập phối hợp, vận dụng vào đấu tập.</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn bài tập phối hợp, vận dụng vào đấu tập.</li> <li>- Trò chơi vận động</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được bài tập phối hợp, vận dụng vào đấu tập.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
28	55	<b>KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II (NỘI DUNG CCLN 100m)</b>			
	56	TTTC (Bóng chuyền)	<i>Bài tập phối hợp, vận dụng vào đấu tập.</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn bài tập phối hợp, vận dụng vào đấu tập.</li> <li>- Trò chơi vận động</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được bài tập phối hợp, vận dụng vào đấu tập.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
29	57	TTTC (Bóng chuyền)	<i>Bài tập phối hợp, vận dụng vào đấu tập.</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn bài tập phối hợp, vận dụng vào đấu tập.</li> <li>- Trò chơi vận động</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được bài tập phối hợp, vận dụng vào đấu tập.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
	58	TTTC (Bóng chuyền)	<i>Bài tập phối hợp, vận dụng vào đấu tập.</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn bài tập phối hợp, vận dụng vào đấu tập.</li> <li>- Trò chơi vận động</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện được bài tập phối hợp, vận dụng vào đấu tập.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
30	59	TTTC (Bóng chuyền)	<i>Kỹ thuật phát bóng thấp tay nghiêng mình.</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ thuật phát bóng thấp tay nghiêng mình.</li> <li>- Trò chơi vận động</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết cách thực hiện kỹ phát bóng thấp tay nghiêng mình.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
	60	TTTC (Bóng chuyền)	<i>Kỹ thuật phát bóng thấp tay nghiêng mình.</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ thuật phát bóng thấp tay nghiêng mình.</li> <li>- Trò chơi vận động</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết cách thực hiện kỹ phát bóng thấp tay nghiêng mình.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
31	61	TTTC (Bóng chuyền)	<i>Kỹ thuật phát bóng thấp tay nghiêng mình.</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ thuật phát bóng thấp tay nghiêng mình.</li> <li>- Trò chơi vận động</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết cách thực hiện kỹ phát bóng thấp tay nghiêng mình.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>
	62	TTTC (Bóng chuyền)	<i>Kỹ thuật phát bóng thấp tay nghiêng mình.</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ thuật phát bóng thấp tay nghiêng mình.</li> <li>- Trò chơi vận động</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết cách thực hiện kỹ phát bóng thấp tay nghiêng mình.</li> <li>- Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.</li> </ul>

Tuần	Tiết	Chủ đề	Tên bài	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
					của giáo viên.
32	63	TTTC (Bóng chuyền)	<i>Kỹ thuật phát bóng thấp tay nghiêng mình.</i>	- Kỹ thuật phát bóng thấp tay nghiêng mình. - Trò chơi vận động	- Biết cách thực hiện kỹ phát bóng thấp tay nghiêng mình. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	64	TTTC (Bóng chuyền)	<i>Kỹ thuật phát bóng thấp tay nghiêng mình.</i>	- Kỹ thuật phát bóng thấp tay nghiêng mình. - Trò chơi vận động	- Biết cách thực hiện kỹ phát bóng thấp tay nghiêng mình. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
33	65	TTTC (Bóng chuyền)	<i>Kỹ thuật phát bóng thấp tay nghiêng mình.</i>	- Kỹ thuật phát bóng thấp tay nghiêng mình. - Trò chơi vận động	- Biết cách thực hiện kỹ phát bóng thấp tay nghiêng mình. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
	66	TTTC (Bóng chuyền)	<i>Kỹ thuật phát bóng thấp tay nghiêng mình.</i>	- Kỹ thuật phát bóng thấp tay nghiêng mình. - Trò chơi vận động	- Biết cách thực hiện kỹ phát bóng thấp tay nghiêng mình. - Biết cách tham gia trò chơi theo yêu cầu của giáo viên.
34	67	<b>KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II (TTTC Bóng Rổ)</b>			
	68	Kiểm tra (TLCN)	<i>Nội dung 1&amp;2</i>	- Bật xa tại chỗ - Nằm ngửa gập bụng	Thực hiện Theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008
35	69	Kiểm tra (TLCN)	<i>Nội dung 3</i>	Chạy 30m xuất phát cao	Thực hiện Theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008
	70	Kiểm tra (TLCN)	<i>Nội dung 4</i>	Chạy tùy sức 5 phút	Thực hiện Theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008

## 2.2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
------------------------	------------------	------------------	------------------------	------------------

Giữa Học kỳ 1	45 phút	Tuần 10	Chạy cự li trung bình	Thực hành
Cuối Học kỳ 1	45 phút	Tuần 18	Bài thể dục liên hoàn	Thực hành
Giữa Học kỳ 2	45 phút	Tuần 28	Chạy cự li ngắn (60m)	Thực hành
Cuối Học kỳ 2	45 phút	Tuần 35	Thể Thao Tự Chọn (Bồng rổ)	Thực hành

3. Các nhiệm vụ khác:

Bồi dưỡng học sinh tham gia các nội dung thi đấu TDTT cấp huyện do PGD tổ chức

VI. MÔN HĐTN

VI.1. KHỐI 6

1. Đặc điểm tình hình

1.1. Số lớp: 02; Số học sinh: 80.

1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 01; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 0; Đại học: 01; Trên đại học: 0

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: 01; Khá: 0; Đạt: 0; Chưa đạt: 0

1.3. Thiết bị dạy học:

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy chiếu, Loa, Ti vi	01 máy/lớp	Sử dụng trong hầu hết các tiết dạy	
2	Giấy A0; Giấy A4	35 tờ/lớp	Chủ đề 2, 3	
3	Bộ tranh thiên nhiên Việt Nam	01/khối	Chủ đề 8	

1.4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Nhà đa năng	01	Sử dụng khi tổ chức các hoạt động vận động	
2	Sân trường	01	Sử dụng khi tổ chức các hoạt động cần không gian rộng	

2. Kế hoạch dạy học

## 2.1. Phân phối chương trình

STT	Chủ đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Loại hình tổ chức (4)		
				SHDC	HDGD theo chủ đề	SHL
1	<b>Chủ đề 1: Khám phá lứa tuổi và môi trường học tập mới</b>	12	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhận ra được sự thay đổi tích cực của bản thân, giới thiệu được đức tính đặc trưng của bản thân.</li> <li>Phát hiện được sở thích, khả năng và những giá trị khác của bản thân; tự tin với sở thích, khả năng của mình.</li> </ul>	Chào mừng năm học mới	NV1: Khám phá trường THCS của em NV2: Tìm hiểu bản thân	Xây dựng tổ chức lớp
				Tìm hiểu về truyền thống nhà trường	NV3: Điều chỉnh thái độ, cảm xúc của bản thân NV4: Rèn luyện để tự tin bước vào tuổi mới lớn NV5: Rèn luyện sự tập trung trong học tập	Tìm hiểu nhiệm vụ chính của năm học
				Tham gia xây dựng văn hoá trường học	NV6: Dành thời gian cho sở thích của em NV7: Rèn luyện để thích ứng với sự thay đổi NV8: Giúp bạn hòa đồng với môi trường học tập mới	Thực hiện nội quy học tập lớp học.
				Hát những bài hát truyền thống về nhà trường	NV9: Tự tin vào bản thân NV10: Thể hiện hình ảnh của bản thân NV11: Đánh giá	Thực hiện nội quy trường, lớp
2	<b>Chủ đề 2: Chăm sóc cuộc sống cá nhân</b>	12	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sắp xếp được góc học tập, nơi sinh hoạt cá nhân gọn gàng, ngăn nắp.</li> <li>Xác định được những khoản chi ưu tiên khi số tiền của mình hạn chế.</li> <li>Biết chăm sóc bản thân</li> </ul>	Tìm hiểu phương pháp học tập hiệu quả	NV1: Chăm sóc sức khỏe qua việc thực hiện chế độ sinh hoạt hàng ngày NV2: Tìm hiểu tư thế đi, đứng, ngồi đúng NV3: Sắp xếp không gian học tập, sinh hoạt	Vệ sinh, sắp xếp các góc của lớp học
				Lan toả giá trị yêu thương	NV4: Kiểm soát nóng giận NV5: Tạo niềm vui và sự thư giãn NV6: Kiểm soát lo lắng	Hát ca ngợi Phụ nữ

			<p>và điều chỉnh bản thân phù hợp môi trường học tập mới, phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.</p> <p>- Nhận biết được những dấu hiệu của thiên tai và biết cách tự bảo vệ trong một số tình huống thiên tai cụ thể.</p>	<p>Ca ngợi người phụ nữ Việt Nam</p>	<p>NV7: Suy nghĩ tích cực để kiểm soát cảm xúc</p> <p>NV8: Sáng tạo chiếc lọ thần kì</p> <p>NV9: Chiến thắng bản thân</p>	<p>Làm quà tặng mẹ tặng cô</p>
				<p>Tổ chức diễn đàn phòng chống tai nạn thương tích trong trường học</p>	<p>NV10: Xử lí tình huống kiểm soát nóng giận và lo lắng</p> <p>NV11: Tự đánh giá</p>	<p>Thực hành phòng chống tai nạn thương tích trong trường học</p>
3	<p><b>Chủ đề 3: Xây dựng tình bạn, tình thầy trò</b></p>	9	<p>- Thiết lập được các mối quan hệ với bạn, thầy cô và biết gìn giữ tình bạn, tình thầy trò.</p> <p>- Xác định và giải quyết được một số vấn đề nảy sinh trong quan hệ bạn bè.</p> <p>- Giới thiệu được những nét nổi bật của nhà trường và chủ động, tự giác tham gia xây dựng truyền thống nhà trường.</p> <p>- Tham gia hoạt động giáo dục theo chủ đề của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, của nhà trường.</p>	<p>Thi đua “Dạy tốt, học tốt”</p>	<p>NV1: Khám phá cách thiết lập và mở rộng quan hệ bạn bè</p> <p>NV2: Tìm hiểu các cách thiết lập mối quan hệ với thầy cô</p> <p>NV3: Tìm hiểu các bước giải quyết vấn đề trong mối quan hệ với bạn bè</p>	<p><b>KIỂM TRA GIỮA KÌ I</b></p>
				<p>Kỉ niệm ngày Pháp Luật Việt Nam</p>	<p>NV4: Giữ gìn mối quan hệ với bạn bè, thầy cô</p> <p>NV5: Phát triển kĩ năng tạo thiện cảm trong giao tiếp</p>	<p>Thảo luận: Sống có đạo đức và sống theo pháp luật</p>
				<p>Kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam</p>	<p>NV6: Xác định một số vấn đề thường xảy ra trong mối quan hệ của em ở trường</p> <p>NV7: Giải quyết vấn đề nảy sinh trong mối quan hệ bạn bè</p> <p>NV8: Ứng xử đúng mực với thầy cô</p>	<p>Tri ân thầy cô</p>

4	<b>Chủ đề 4: Nuôi dưỡng quan hệ gia đình</b>	15	<p>Thể hiện được sự động viên, chăm sóc người thân trong gia đình bằng lời nói và hành động cụ thể.</p> <p>- Thể hiện được sự chủ động, tự giác thực hiện một số công việc trong gia đình.</p> <p>- Biết tham gia giải quyết một số vấn đề nảy sinh trong quan hệ gia đình.</p>	Phòng chống dịch bệnh, tệ nạn xã hội	NV9: Suu tầm danh ngôn về tình bạn, tình thầy trò NV10: Xây dựng sở tay giao tiếp của lớp NV11: Tự đánh giá	Chung tay đẩy lùi tệ nạn XH
				Giáo dục truyền thống gia đình	NV1: Giới thiệu gia đình em NV2: Tìm hiểu cách nuôi dưỡng các mối quan hệ trong gia đình	Yêu gia đình của em
				Bảo vệ chủ quyền biên giới biển đảo	NV3: Thực hiện những việc làm chăm sóc gia đình thường xuyên NV4: Chia sẻ khó khăn cùng bố mẹ, người thân NV5: Quan tâm đến sở thích của người thân	Quan tâm đến “chủ bộ đội” của gia đình
				Giữ gìn truyền thống văn hoá địa phương	NV6: Xác định vấn đề nảy sinh trong quan hệ gia đình và cách giải quyết NV7: Tạo bầu không khí gia đình vui vẻ	Xây dựng gia đình văn hóa
				Tự hào về quân đội nhân dân Việt Nam	NV8: Vẽ gia đình mơ ước của em NV9: Tự đánh giá	Tự hào về gia đình của em
5	<b>Chủ đề 5: Kiểm soát chi tiêu</b>	6		Vui xuân ấm no	NV1: Xác định các khoản tiền của em NV2: Chỉ ra những lí do xác định khoản chi ưu tiên của em NV3: Xác định cái mình cần và cái mình muốn	<b>Ôn tập HKI</b>
				Sơ kết hoạt động học kì I	NV4: Xác định khoản chi ưu tiên NV5: Quyết định khoản chi ưu tiên NV6: Tự đánh giá	<b>KIỂM TRA CUỐI KÌ I</b>



6	<b>Chủ đề 6: Xây dựng cộng đồng văn minh, thân thiện</b>	12	- Thiết lập được các mối quan hệ với cộng đồng, thể hiện được sự sẵn sàng giúp đỡ, chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn. - Thể hiện được hành vi văn hoá nơi công cộng.	Tổ chức hoạt động tập thể	NV1: Xác định không gian công cộng NV2: Tìm hiểu quy tắc ứng xử nơi công cộng	Sơ kết tuần
			- Lập và thực hiện được kế hoạch hoạt động thiện nguyện tại địa phương; biết vận động người thân và bạn bè tham gia các hoạt động thiện nguyện ở nơi cư trú.	Chào năm mới	NV3: Thực hành nói, cười đủ nghe nơi công cộng NV4: Xếp hàng trật tự nơi công cộng NV5: Lựa chọn trang phục phù hợp nơi công cộng	Ứng xử văn minh khi tham gia lễ hội
				Văn nghệ Mừng Đảng, mừng xuân	NV6: Giữ gìn cảnh quan thiên nhiên NV7: Giúp đỡ và chia sẻ với mọi người NV8: Ứng xử trước hành vi thiếu văn minh	Hát mừng Đảng, mừng xuân
				Thực hiện tuần lễ xanh-sạch-đẹp	NV 9: Thể hiện thái độ trước hành vi thiếu văn minh NV 10: Tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè ứng xử văn minh nơi công cộng.	Vẽ tranh chủ đề: Mừng Đảng, mừng Xuân.
7	<b>Chủ đề 7: Tìm hiểu nghề truyền thống Việt Nam</b>	12	- Giới thiệu được một số truyền thống của địa phương. - Tìm hiểu được một số nghề truyền thống ở Việt Nam. - Nêu được hoạt động đặc trưng, những yêu cầu cơ bản, trang thiết bị, dụng cụ lao động của các nghề truyền thống.	Tham gia lao động vệ sinh trường, lớp	NV1: Kể tên các làng nghề truyền thống ở Việt Nam và sản phẩm tiêu biểu NV2: Tìm hiểu hoạt động đặc trưng và lưu ý an toàn khi làm nghề truyền thống	Sắp xếp lớp học gọn gàng
				Phát triển nghề truyền thống trong Hội nhập quốc tế.	NV3: Phỏng vấn nghệ nhân NV4: Rèn luyện những phẩm chất năng lực của người làm	Hạnh phúc được làm nghề truyền thống
				Tôn vinh vẻ đẹp người phụ nữ	NV5: Thực hiện trách nhiệm giữ gìn các làng nghề truyền thống NV6: Sáng tạo sản phẩm	<b>KIỂM TRA GIỮA KÌ II</b>

			- Nhận biết được một số đặc điểm của bản thân phù hợp hoặc chưa phù hợp với công việc của nghề truyền thống.	Tiến bước lên Đoàn	NV7: Tuyên truyền quảng bá nghề truyền thống NV8: Tự đánh giá	Chia sẻ trách nhiệm
8	<b>Chủ đề 8: Phòng tránh thiên tai và giảm thiểu biến đổi khí hậu</b>	12	<p>- Chỉ ra được những tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe con người.</p> <p>- Tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè có ý thức thực hiện các việc làm giảm thiểu biến đổi khí hậu.</p> <p>- Vận động người thân, bạn bè không sử dụng các đồ dùng có nguồn gốc từ những động vật quý hiếm.</p>	Hát về hòa bình thế giới	NV1: Tìm hiểu về một số thiên tai NV2: Tìm hiểu tác động của biến đổi khí hậu	Thảo luận: cuộc sống quanh ta
				Hưởng ứng phong trào bảo vệ môi trường	NV3: Tự bảo vệ khi có bão NV4: Tự bảo vệ trước lũ lụt NV5: Tự bảo vệ khi sạt lở đất	Nâng cao ý thức tự bảo vệ
				Tổng vệ sinh toàn trường	NV6: Phòng chống dịch bệnh sau thiên tai NV7: Thực hiện những việc làm giảm thiểu biến đổi khí hậu	Sắp xếp lại lớp học
				Tuyên truyền giảm thiểu biến đổi khí hậu	NV8: Tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè “Phòng tránh thiên tai và giảm thiểu biến đổi khí hậu”. NV9: Tự đánh giá	Chăm sóc vườn trường
9	<b>Chủ đề 9: Tôn trọng người lao động</b>	15	<p>- Nhận biết được về an toàn sử dụng công cụ lao động trong các nghề truyền thống.</p> <p>- Nhận diện được giá trị của các nghề trong xã hội và có thái độ tôn trọng đối với lao động nghề nghiệp khác nhau.</p>	Nói chuyện về vẻ đẹp người lao động	NV1: Kể tên một số nghề NV2: Khám phá giá trị của nghề	Khám phá bản thân
				Mừng ngày thống nhất đất nước 30/4 và Quốc tế Lao động 1/5	NV3: Khám phá một số yếu tố ở người lao động tạo nên giá trị của nghề NV4: Thể hiện thái độ tôn trọng người lao động	Hát ca ngợi đất nước
				Mừng ngày	NV5: Trân quý nghề của bố mẹ	Tự hào là đội viên

				thành lập Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh		
				Nhớ về Bác	NV6: Tự đánh giá	<b>KIỂM TRA CUỐI KÌ II</b>
				<b>TỔNG KẾT NĂM HỌC</b>	<b>TỔNG KẾT NĂM HỌC</b>	<b>TỔNG KẾT NĂM HỌC</b>

## 2.2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	90 phút	Tuần 9	Đáp ứng YCCĐ của chủ đề	Trình bày sản phẩm
Cuối Học kỳ 1	90 phút	Tuần 18	Đáp ứng YCCĐ của chủ đề	Trình bày sản phẩm
Giữa Học kỳ 2	90 phút	Tuần 27	Đáp ứng YCCĐ của chủ đề	Trình bày sản phẩm
Cuối Học kỳ 2	90 phút	Tuần 34	Đáp ứng YCCĐ của chủ đề	Trình bày sản phẩm

## 3. Các nội dung khác (nếu có):.....

## VI.2. KHỐI 8

### 1. Đặc điểm tình hình

1.1. Số lớp: 02; Số học sinh: 59.

1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 01 ; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 0 ; Đại học: 01 ; Trên đại học: 0

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: 01 ; Khá: 0 ; Đạt: 0 ; Chưa đạt: 0

1.3. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Màn hình máy tính	02	Trình chiếu bài giảng, tranh ảnh, video clip, sản phẩm học tập của HS	
2	Giấy A0, A4	30 tờ	Sản phẩm hoạt động thảo luận nhóm của HS	
3	Tăng âm loa đài	02 bộ	Phục vụ các HĐ SHDC, nghe nhạc, video...	

#### 1.4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng đa năng	01	Tổ chức các HĐTNHN tập trung (SHDC)	
2	Sân trường	01	Tổ chức các HĐTNHN không gian rộng ngoài trời	
3	Phòng học	02	Tổ chức các HĐGD theo chủ đề trong lớp học	

### 2. Kế hoạch dạy học

#### 2.1. Phân phối chương trình

STT	Chủ đề	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Loại hình tổ chức HĐTN, HN (105 tiết/năm)		
				SINH HOẠT DƯỚI CỜ	HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ	SINH HOẠT LỚP
<b>1</b>	<b>CHỦ ĐỀ 1. EM VỚI NHÀ TRƯỜNG</b> (3 tuần x 3 tiết/ tuần = 9 tiết)	<b>9 tiết</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Xây dựng được tình bạn và biết cách gìn giữ tình bạn.</li> <li>– Nhận diện được dấu hiệu bắt nạt học đường và có kỹ năng phòng, tránh bắt nạt học đường.</li> <li>– Thực hiện được các việc làm cụ thể góp phần xây dựng truyền thống nhà trường.</li> <li>– Tham gia hoạt động giáo dục theo chủ đề của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và nhà trường.</li> </ul>	<p><b>Tuần 1:</b>Khai giảng năm học mới.</p> <p><b>Tuần 2:</b>Tham gia các cuộc phát động, giao lưu do Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh tổ chức.</p> <p><b>Tuần 3:</b>Tham gia lễ phát động cuộc thi “Em yêu trường em”.</p>	<p><b>1.</b> Xây dựng và giữ gìn tình bạn (1 tiết).</p> <p><b>2.</b> Phòng tránh bắt nạt học đường (1 tiết).</p> <p><b>3.</b> Xây dựng truyền thống nhà trường (1 tiết).</p>	<p><b>Tuần 1:</b>Chia sẻ kết quả của hoạt động xây dựng và giữ gìn tình bạn.</p> <p><b>Tuần 2:</b> Triển lãm hình ảnh với khẩu hiệu“Lớp học không có bắt nạt”.</p> <p><b>Tuần 3:</b> Chia sẻ kết quả cuộc thi “Em yêu trường em”.</p> <p>–Chia sẻ kế hoạch về hoạt động xây dựng truyền thống nhà trường.</p> <p><b>Đánh giá chủ đề 1</b></p>
<b>2</b>	<b>CHỦ ĐỀ 2. KHÁM PHÁ BẢN THÂN</b>	<b>12 tiết</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận diện được những nét đặc trưng trong tính cách của bản thân.</li> <li>– Nhận diện được sự thay</li> </ul>	<b>Tuần 1:</b> Tham gia trò chơi “Rung chuông vàng” hoặc “Đuổi hình bắt chữ” với chủ	<b>1.</b> Tính cách và cảm xúc của tôi (2 tiết).	<b>Tuần 1:</b> Chia sẻ kết quả rèn luyện khả năng xác định nét đặc trưng trong tính cách của bản thân.

	(4 tuần x 3 tiết/ tuần= 12 tiết)		<p>đổi cảm xúc của bản thân và biết điều chỉnh theo hướng tích cực.</p> <p>– Nhận diện được khả năng tranh biện, thương thuyết của bản thân trong một số tình huống.</p>	<p>đề tính cách và các biểu hiện của tính cách.</p> <p><b>Tuần 2:</b> Tham gia cuộc thi “Nghệ sĩ kịch câm tài ba”.</p> <p><b>Tuần 3:</b> Nghe nói chuyện về một số nhà thương thuyết nổi tiếng của Việt Nam và trên thế giới.</p> <p><b>Tuần 4:</b> Tranh biện và thương thuyết về một số vấn đề mà HS THCS hiện nay đang quan tâm.</p>	<p><b>2.</b>Khả năng tranh biện, thương thuyết của tôi (2 tiết).</p>	<p><b>Tuần 2:</b> Chia sẻ kết quả rèn luyện khả năng nhận diện cảm xúc và điều chỉnh cảm xúc theo hướng tích cực.</p> <p><b>Tuần 3:</b> Chia sẻ kết quả tự đánh giá khả năng tranh biện, thương thuyết của bản thân.</p> <p><b>Tuần 4:</b> Chia sẻ kết quả rèn luyện khả năng tranh biện, thương thuyết để bảo vệ quan điểm của bản thân trong một số tình huống.</p> <p><b>Đánh giá chủ đề 2</b></p>
3	<p><b>CHỦ ĐỀ 3.</b></p> <p><b>TRÁCH NHIỆM VỚI BẢN THÂN</b></p> <p>(5 tuần x3 tiết/ tuần= 15 tiết)</p>	15 tiết	<p>– Xác định được trách nhiệm với bản thân và với mọi người xung quanh.</p> <p>– Thể hiện được trách nhiệm của bản thân trong các hoạt động, thực hiện được các cam kết đề ra.</p> <p>– Nhận biết được những tình huống cần từ chối và thực hiện được kỹ năng từ chối trong một số tình huống cụ thể.</p>	<p><b>Tuần 1:</b>Trách nhiệm của HS THCS.</p> <p><b>Tuần 2:</b> Kịch tương tác thể hiện trách nhiệm của học sinh.</p> <p><b>Tuần 3:</b> Cuộc thi “Ai nhanh trí hơn”.</p> <p><b>Tuần 4:</b> Diễn đàn về kỹ năng từ chối trong việc tự bảo vệ bản thân.</p> <p><b>Tuần 5:</b> Biểu diễn tiểu phẩm thể hiện kỹ năng từ chối.</p>	<p>1.Sống có trách nhiệm (2 tiết).</p> <p>2. Kỹ năng từ chối(2 tiết).</p> <p><b>Kiểm tra định kì giữa Học kì I: 1 tiết</b></p>	<p><b>Tuần 1:</b> Tranh biện về quan điểm “Chỉ khi hoàn thành được trách nhiệm học tập, học sinh mới có thể thực hiện các trách nhiệm khác”.</p> <p><b>Tuần 2:</b>Chia sẻ về tấm gương HS THCS thực hiện tốt trách nhiệm của bản thân.</p> <p><b>Tuần 3:</b>Chia sẻ kết quả rèn luyện kỹ năng nhận diện và thể hiện trách nhiệm của bản thân trong các hoạt động.</p> <p><b>Tuần 4:</b> Trò chơi “Tôi từ chối” hoặc chia sẻ kết quả sưu tầm các mẫu câu từ chối cụ thể ứng với mỗi hình thức từ chối.</p> <p><b>Tuần 5:</b>Chia sẻ kết quả rèn luyện và thực hiện kỹ năng từ</p>

						chối trong một số tình huống cụ thể. <b>Đánh giá chủ đề 3</b>
<b>4</b>	<b>CHỦ ĐỀ 4. RÈN LUYỆN BẢN THÂN</b> (5 tuần x 3 tiết/ tuần= 15 tiết)	<b>15 tiết</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhận ra ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài như tiếp thị, quảng cáo đến quyết định chi tiêu cá nhân để có quyết định phù hợp.</li> <li>Lập được kế hoạch kinh doanh của bản thân phù hợp với lứa tuổi.</li> <li>Thể hiện được sự tự chủ trong các mối quan hệ trong đời sống và quan hệ trên mạng xã hội.</li> </ul>	<p><b>Tuần 1:</b> Tọa đàm “Ảnh hưởng của tiếp thị, quảng cáo đối với việc mua sắm và tiêu dùng”.</p> <p><b>Tuần 2:</b> Biểu diễn tiểu phẩm về tiếp thị, quảng cáo và tiêu dùng.</p> <p><b>Tuần 3:</b> Giao lưu: Vấn đề kinh doanh đối với HS THCS.</p> <p><b>Tuần 4:</b> Diễn đàn: Tự chủ đối với HS THCS.</p> <p><b>Tuần 5:</b> Giao lưu: Những con người tự chủ.</p>	<p>1. Người tiêu dùng thông thái (1 tiết).</p> <p>2. Nhà kinh doanh nhỏ (1 tiết).</p> <p>3. Rèn luyện tính tự chủ (2 tiết).</p> <p><b>Kiểm tra đánh giá định kì cuối Học kì I: 1 tiết</b></p>	<p><b>Tuần 1:</b> Chia sẻ về việc rèn luyện kỹ năng ra quyết định chi tiêu của bản thân trước tác động của tiếp thị quảng cáo.</p> <p><b>Tuần 2:</b> Chia sẻ kết quả rèn luyện để trở thành người tiêu dùng thông thái.</p> <p><b>Tuần 3:</b> Chia sẻ về việc tìm hiểu kế hoạch kinh doanh ở địa phương.</p> <p><b>Tuần 4:</b> Chia sẻ về việc rèn luyện tính tự chủ của bản thân trong cuộc sống và trên mạng xã hội.</p> <p><b>Tuần 5:</b> Chia sẻ kết quả rèn luyện tính tự chủ trong cuộc sống và trên mạng xã hội.</p> <p><b>Đánh giá chủ đề 4</b></p>
<b>5</b>	<b>CHỦ ĐỀ 5. EM VỚI GIA ĐÌNH</b> (3 tuần x 3 tiết/ tuần= 9 tiết)	<b>9 tiết</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện được những việc làm và lời nói để người thân hài lòng.</li> <li>Thể hiện cách sống tiết kiệm trong sinh hoạt gia đình.</li> <li>Tôn trọng ý kiến khác nhau của các thành viên trong gia đình và thể hiện được khả năng thuyết</li> </ul>	<p><b>Tuần 1:</b> Giao lưu về chủ đề “Ứng xử khi có bất đồng ý kiến trong gia đình”.</p> <p><b>Tuần 2:</b> Giao lưu về chủ đề “Bạn cần làm gì để gia đình hài lòng”.</p> <p><b>Tuần 3:</b> Chia sẻ về cách sống tiết kiệm</p>	<p>1. Tôn trọng, thuyết phục và ứng xử làm người thân hài lòng (1 tiết).</p> <p>2. Tiết kiệm và thực hiện công việc gia đình (2 tiết).</p>	<p><b>Tuần 1:</b> Chia sẻ kết quả rèn luyện kỹ năng thuyết phục, thể hiện sự tôn trọng và ứng xử làm người thân hài lòng.</p> <p><b>Tuần 2:</b> Chia sẻ kết quả rèn luyện kỹ năng sống tiết kiệm trong sinh hoạt gia đình.</p> <p><b>Tuần 3:</b> Chia sẻ kết quả rèn luyện kỹ năng sắp xếp và hoàn thành các công việc trong gia</p>

			phục. – Biết sắp xếp công việc và hoàn thành các công việc trong gia đình.	trong sinh hoạt gia đình.		đình. <b>Đánh giá chủ đề 5</b>
<b>6</b>	<b>CHỦ ĐỀ 6. EM VỚI CỘNG ĐỒNG</b> (3 tuần x 3 tiết/ tuần = 9 tiết)	<b>9 tiết</b>	– Tham gia các hoạt động giáo dục truyền thống và phát triển cộng đồng ở địa phương. – Lập và thực hiện được kế hoạch hoạt động thiện nguyện. – Biết tìm sự hỗ trợ từ những người xung quanh khi gặp khó khăn trong giải quyết vấn đề.	<b>Tuần 1:</b> Tìm hiểu các hoạt động giáo dục truyền thống và phát triển cộng đồng ở địa phương. <b>Tuần 2:</b> Tham gia lễ phát động “Hoạt động thiện nguyện” của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. <b>Tuần 3:</b> Tìm hiểu về kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ khi gặp khó khăn.	<b>1.</b> Tham gia các hoạt động giáo dục truyền thống và phát triển cộng đồng ở địa phương (2 tiết). <b>2.</b> Lập và thực hiện kế hoạch hoạt động thiện nguyện (2 tiết).	<b>Tuần 1:</b> Chia sẻ kết quả tham gia hoạt động giáo dục truyền thống và phát triển cộng đồng ở địa phương. <b>Tuần 2:</b> Báo cáo kế hoạch hoạt động thiện nguyện. <b>Tuần 3:</b> Chia sẻ khó khăn và cách thức tìm kiếm sự hỗ trợ khi tham gia hoạt động thiện nguyện. <b>Đánh giá chủ đề 6</b>
<b>7</b>	<b>CHỦ ĐỀ 7. EM VỚI THIÊN NHIÊN VÀ MÔI TRƯỜNG</b> (5 tuần x 3 tiết/ tuần = 15 tiết)	<b>15 tiết</b>	– Thiết kế được sản phẩm thể hiện về đẹp danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên của địa phương. – Tổ chức được sự kiện giới thiệu về vẻ đẹp cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh của địa phương và cách bảo tồn. – Su tầm được tài liệu và viết được báo cáo về thiên tai và thiệt hại do thiên tai gây ra cho địa phương trong một số năm. – Xây dựng và thực hiện	<b>Tuần 1:</b> Biểu diễn Chương trình văn nghệ về chủ đề “Tự hào quê hương tôi”. <b>Tuần 2:</b> Giới thiệu các sản phẩm đã thiết kế để thể hiện về đẹp của các cảnh quan thiên nhiên của địa phương. <b>Tuần 3:</b> Giao lưu với chuyên gia môi trường ở địa phương về chủ đề “Thiên tai và ảnh hưởng tiêu cực	<b>1.</b> Cảnh quan thiên nhiên quê hương tôi (2 tiết). <b>2.</b> Truyền thông về biện pháp phòng và giảm nhẹ rủi ro thiên tai ở địa phương (2 tiết).  <b>Kiểm tra đánh giá định kì giữa Học kì II: 1 tiết</b>	<b>Tuần 1:</b> Trình bày, giới thiệu sản phẩm thể hiện về đẹp danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên của địa phương đã thiết kế được. <b>Tuần 2:</b> Báo cáo kết quả tổ chức sự kiện giới thiệu về vẻ đẹp cảnh quan thiên nhiên, danh lam thắng cảnh của địa phương và cách bảo tồn. <b>Tuần 3:</b> Trình bày báo cáo về thiên tai và thiệt hại do thiên tai gây ra cho địa phương trong một số năm. <b>Tuần 4:</b> Chia sẻ kế hoạch

			được kế hoạch truyền thông cho người dân địa phương về những biện pháp đề phòng thiên tai và giảm nhẹ rủi ro khi gặp thiên tai.	của thiên tai gây ra cho địa phương”. <b>Tuần 4:</b> Báo cáo kết quả tìm hiểu về thiên tai và thiệt hại do thiên tai gây ra cho địa phương trong một số năm trước toàn trường. <b>Tuần 5:</b> Truyền thông trước toàn trường về biện pháp đề phòng và giảm nhẹ rủi ro thiên tai.		truyền thông cho người dân địa phương về những biện pháp đề phòng thiên tai và giảm nhẹ rủi ro thiên tai. <b>Tuần 5:</b> Báo cáo kết quả truyền thông đã thực hiện. <b>Đánh giá chủ đề 7</b>
8	<b>CHỦ ĐỀ 8. KHÁM PHÁ THỂ GIỚI NGHỀ NGHIỆP</b> (2 tuần x 3 tiết/ tuần= 6 tiết)	6 tiết	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Lập được danh mục những nghề phổ biến trong xã hội hiện đại.</li> <li>– Nêu được việc làm đặc trưng, trang thiết bị, dụng cụ lao động cơ bản của những nghề phổ biến trong xã hội hiện đại.</li> <li>– Nêu được những thách thức đối với người làm nghề trong xã hội hiện đại.</li> </ul>	<b>Tuần 1:</b> Nghe nói chuyện về nghề nghiệp trong xã hội hiện đại. <b>Tuần 2:</b> Tọa đàm/ giao lưu “Tác động của cuộc cách mạng 4.0 đến hoạt động nghề nghiệp trong xã hội hiện đại”.	Nghề phổ biến trong xã hội hiện đại(2 tiết).	<b>Tuần 1:</b> Chia sẻ danh mục nghề phổ biến trong xã hội hiện đại. <b>Tuần 2:</b> Chia sẻ kết quả trải nghiệm một nghề phổ biến trong xã hội hiện đại.
9	<b>CHỦ ĐỀ 9. HIỂU BẢN THÂN– CHỌN ĐÚNG NGHỀ</b> (5 tuần x 3 tiết/ tuần= 15 tiết)	15 tiết	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Xây dựng và thực hiện được kế hoạch khảo sát hứng thú nghề nghiệp của học sinh trong trường.</li> <li>– Rèn luyện được sức khỏe, độ bền, tính kiên trì, sự chăm chỉ trong công việc và có thái độ tôn trọng đối với lao động</li> </ul>	<b>Tuần 1:</b> Nghe nói chuyện về môi trường quan giữa việc chọn nghề phù hợp với hứng thú nghề nghiệp và đặc điểm cá nhân với sự thành đạt trong nghề nghiệp. <b>Tuần 2:</b> Giao lưu với	1. Hứng thú nghề nghiệp (1 tiết). 2. Rèn luyện, học tập theo định hướng nghề nghiệp (3 tiết).  <b>Kiểm tra đánh giá định kì cuối</b>	<b>Tuần 1:</b> Chia sẻ kết quả khảo sát hứng thú nghề nghiệp của bản thân. <b>Tuần 2.</b> Chuẩn bị bài thuyết trình để tham gia diễn đàn “Nghề nào cũng đáng được tôn trọng” ở lớp <b>Tuần 3:</b> Chia sẻ kết quả rèn luyện tính kiên trì, sự chăm



		nghề nghiệp. – Nêu được phẩm chất và năng lực cần có của người làm nghề trong xã hội hiện đại. – Tự đánh giá được việc rèn luyện phẩm chất và năng lực của bản thân phù hợp với yêu cầu của người lao động trong xã hội hiện đại. – Định hướng được các nhóm môn học ở trung học phổ thông liên quan đến hướng nghiệp. – Xây dựng được kế hoạch học tập hướng nghiệp.	cựu HS thành đạt trong nghề nghiệp. <b>Tuần 3.</b> Tham gia diễn đàn “ Nghề nào cũng đáng được tôn trọng” <b>Tuần 4:</b> Ngày hội tư vấn hướng nghiệp. <b>Tuần 5:</b> Tổng kết năm học.	<b>học kì 2: 1 tiết</b>	chỉ trong công việc. <b>Tuần 4:</b> Chia sẻ kết quả rèn luyện, học tập theo định hướng nghề nghiệp. <b>Đánh giá chủ đề 9</b> <b>Tuần 5.</b> Tổng kết năm học tại lớp.
--	--	---	--	-------------------------	--

## 2.2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra	Thời gian làm bài	Thời điểm kiểm tra	Yêu cầu cần đạt (phạm vi kiểm tra)	Hình thức kiểm tra
Giữa học kì I	45 phút	Tuần 9	Đánh giá năng lực học tập rèn luyện của HS qua chủ đề 1 đến chủ đề 2	Sản phẩm học tập, phiếu đánh giá
Cuối học kì I	45 phút	Tuần 17	Đáp ứng yêu cầu cần đạt của chủ đề trong học kì I	Sản phẩm học tập, phiếu đánh giá
Giữa học kì II	45 phút	Tuần 27	Đánh giá năng lực học tập rèn luyện của HS qua chủ đề 5 đến chủ đề 7	Sản phẩm học tập, phiếu đánh giá

Cuối học kì II	45 phút	Tuần 34	Đáp ứng yêu cầu cần đạt của chủ đề trong học kì II	Sản phẩm học tập, phiếu đánh giá
-------------------	---------	---------	---	-------------------------------------

**3. Các nội dung khác (nếu có):**

.....

**TỔ TRƯỞNG**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Đỗ Hồng Bảo Thiên**

*Tam Mỹ Tây, ngày 15 tháng 9 năm 2023*  
**P. HIỆU TRƯỞNG**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Trần Minh Tú**